

NGŨN VINH

FULRO

TẬP ĐOÀN TỘI PHẠM

• (In lần thứ hai, có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
1983

Fulro - Tập đoàn tội phạm

Tác giả: Ngôn Vĩnh

NXB Công An Nhân Dân - 1983

Tác giả chân thành cảm ơn các đơn vị và các đồng chí đã cung cấp tài liệu và đóng góp ý kiến hoàn thành tập sách này.

Các đơn vị:

- Cục Bảo vệ chính Trị II – Bộ Nội vụ.*
- Đoàn chống FULRO, Bộ Nội vụ*
- Công an các tỉnh: Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai – Công Tum, Thuận Hải.*
- Các đồng chí công an làm nhiệm vụ quốc tế ở địa bàn K.*

LỜI GIỚI THIỆU

Khối thống nhất dân tộc là sức mạnh quyết định sự sống còn của một quốc gia, nên chia rẽ dân tộc luôn là chính sách lớn của bọn xâm lược.

Tám mươi năm đô hộ của thực dân Pháp cũng là tám mươi năm dân tộc Việt Nam chống lại mọi âm mưu chia rẽ thâm độc: Đất nước phân thành ba kỳ; chế độ cai trị phức tạp (thuộc địa ở Nam, bảo hộ có vua ở Trung, bảo hộ không vua ở Bắc, “Hoàng triều cương thổ” ở Tây Nguyên, nhượng địa ở Đà Nẵng, quân quản ở Hà Giang...); chưa kể hàng loạt chính sách khác nhằm tạo ra hố ngăn cách sâu sắc giữa người Kinh với người Thượng, người Thượng với người Thượng, lương với giáo, tỉnh này với tỉnh kia, làng này với làng khác.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã làm cách mạng giành lấy chính quyền và bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Chưa bao giờ khối thống nhất dân tộc được củng cố thành sức mạnh vô định và được toàn dân ý thức rõ ràng, khoa học như từ sau Cách mạng tháng Tám, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Vì vậy mà cũng chưa bao giờ bọn xâm lược phải chộp lấy “lá cờ dân tộc” vùng lên hùng hổ và loạn xạ như lúc này. Trong 8 năm chống Pháp đã diễn ra một loạt thủ đoạn chia rẽ xảo quyệt, rối rắm, thậm chí có khi liêu lĩnh, bất chấp mọi lô-gích: xứ Nam Kỳ tự trị, xứ Tây Nguyên tự trị, Liên bang Đại Thái, xứ Nùng tự trị, xứ Mường tự trị, v.v...

Để quốc Mỹ thay chân đế quốc Pháp vào lúc mà những thủ đoạn thực dân lỗi thời và bọn việt gian nhẵn mặt không còn lừa bịp được ai. Cũng là lúc mà tinh thần dân tộc ăn sâu thành niềm tin vào lòng dân vì đã tỏ rõ sức mạnh vĩ đại của nó qua thử thách của cuộc kháng chiến thắng lợi. Bắt buộc Mỹ phải phát lên “lá cờ dân tộc” dưới một hình thức mới: Trao nó vào những tay cầm cờ khác – và tung ra xung quanh một màn khói mù làm bằng trăm thứ thủ đoạn chính trị, kinh tế, văn hóa rắc rối.

Tây Nguyên, vùng sắc tộc phong phú và tập trung nhất của miền Nam, địa bàn chiến lược có lịch sử chống ngoại xâm kiên cường và bền bỉ, tất nhiên trở thành khu vực trọng yếu buộc đế quốc Mỹ và tay sai phải dồn sức thống trị bằng được.

Cái gọi là FULRO – Mặt trận thống nhất tranh đấu của các dân tộc bị áp bức – là lá cờ bịp mà đế quốc Mỹ và tay sai đã phát lên trước các sắc tộc Tây Nguyên suốt 20 năm chiếm đóng; và hiện nay không phải là không còn những thầy ma thổi thóp mượn tiếng nó, cố phe phẩy những mảnh vụn tả tơi của nó, để tiếp tục phỉnh phờ những người chưa hiểu, mong kéo dài thêm cơn hấp hối.

Tìm hiểu thực chất FULRO, vì vậy, không phải là điều vô ích. Vì nó còn để lại trong người dân Tây Nguyên không ít mặc cảm và vết thương tâm hồn. Vì nó còn để lại trên đất đai Tây Nguyên đói nghèo, lạc hậu và tàn phá. Vì nó còn để lại trong nhận thức một số người ngoài cuộc những hiểu biết mơ hồ về nội dung “dân tộc” và “tranh đấu” của nó, như một nhà tri thức tiến bộ nọ, ông Minami Yoslizawa đã tưởng tìm ra trong sự hình thành của nó, những “nhân tố của tinh thần dân tộc bài ngoại” nên dễ dàng khoác cho nó vai trò không hề có của “một tổ chức tập hợp các dân tộc miền núi nổi dậy phối hợp với Mặt trận giải phóng làm cho so sánh lực lượng dịch, ta ở vùng cao nguyên Trung Bộ thay đổi lớn, buộc quân đội Sài Gòn ở Buôn Mê Thuột, Plây Ku tan vỡ”.

Không! FULRO không có chút gì là nhân tố dân tộc bài ngoại. Không! FULRO không có một cái vỏ đạn nào góp vào cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Vậy thì FULRO là cái gì? Hãy xét nó qua lời nói và việc làm.

Dưới lá cờ mang màu đỏ chiến đấu và màu xanh núi rừng những kẻ cầm đầu FULRO (mà hầu hết vốn thuộc tầng lớp trên đây quyền thế từ thời đô hộ Pháp) lôi cuốn những người dân Thượng vào những cuộc phiêu lưu kỳ quặc.

Họ đánh Diêm, đánh Thiệu để rồi tham gia bộ máy đàn áp sắc tộc của ngụy quyền Sài Gòn ở những chức vụ chớp bu. Hết cầu cứu sự che chở của Mỹ, họ lại theo Pháp chống Mỹ, rồi theo Mỹ chống Pháp, hoặc có khi lơ lửng tìm đến những chiếc ô còn lơ lửng hơn: Xi-ha-núc, Liên hiệp quốc... Họ tự đánh lẫn nhau, bắt tay nhau, rồi trở mặt dìm nhau trong bể máu, tiếp tục thanh toán lẫn nhau đến đỗi kỳ được một bên ra khỏi Tây Nguyên màu mỡ... Họ như con rối mà đầu mối dây nằm trong tay những thế lực không bao giờ nhất trí về quyền lợi riêng: Mỹ, Pháp, ngụy quyền Sài Gòn và những kẻ theo đóm ăn tàn như Xi-ha-núc hay lớp chính khách cùng nhóm máu tương tự.

Những cuộc phiêu lưu mà chỉ có họ mới hiểu nguồn gốc sâu xa, còn người dân Thượng nghèo nàn lạc hậu chỉ cần trông vào “lá cờ dân tộc” đã được đế quốc Hoa Kỳ quét lên một lớp vàng chói lóa, giúp họ dù quay quắt hướng nào cũng dễ tìm ra lời biện hộ đầy sự thật mê hoặc.

Duy chỉ có sự thật họ không lần nào dám nói lên là: Họ chưa tiến hành một trận đánh nhỏ nào để đem lại hạnh phúc thực sự cho người dân Thượng, Chăm. Họ chưa có giây phút nào hết căm thù cách mạng để cộng tác chân thành với Mặt trận giải phóng. Đó lại là sự thật rõ nhất về họ, cũng là sự thật cơ bản của đế quốc Mỹ.

FULRO, chung quy chỉ là một trò bịp lớn. Những âm mưu thâm độc và những hoạt động cơ hội “kiểu áp phe Hoa Kỳ”, những âm mưu trong nội bộ tầng lớp cầm đầu, những mâu thuẫn toàn cuộc và cục bộ đã phủ lên nó một vẻ bề ngoài chỉ dễ nhìn đối với những ai đứng xa, ngoài cuộc. Nhưng đối với chúng ta, chỉ cần có thì giờ và hoàn cảnh đi vào thực chất những kẻ cầm đầu và lần lại đường dây những biến động lớn đã xảy ra trên núi rừng Tây Nguyên trong 18 năm gây rối, thì sẽ không khó khăn gì mà không nhận ra bộ mặt thật của cái gọi là FULRO.

Cuốn sách này mong cung cấp cho bạn đọc một số tài liệu bước đầu sưu tập được để giúp bạn đọc tự mình nhận ra điều đó.

*

* *

Tuy chưa đầy đủ chi tiết – thậm chí có chi tiết còn hơi hợt – cuốn sách này cũng giúp ta nhìn rõ được điều cơ bản nhất trong số những tên cầm đầu chủ yếu của FULRO.

Trong bọn chúng, Y Bھm có số phận chìm nổi kiêu chính khách dễ lừa đời hơn ai cả. Là một công chức được Pháp đào tạo từ “thời đô hộ”, sau Cách mạng tháng Tám, Y Bھm tham gia Việt Minh nên sống thoát cho đến ngày Pháp tái chiếm Tây Nguyên thì trở lại thân phận nguy quyền kéo dài đến thời Diệm. Được gián điệp Pháp tìm cách móc nối, Y Bھm theo lệnh Pháp tập hợp phe cánh xây dựng thanh thế riêng để hòng dựa vào Pháp mặc cả với Mỹ – Diệm, không ngờ bị Diệm thắng tay trừng trị, bỏ tù cùng với một loạt tên khác cho đến ngày Diệm đổ... Tung ra một lớp hào quang xung quanh 5 năm tù đầy ấy, đế quốc Mỹ đã biến Y Bھm thành một con cò mồi không bao giờ hoàn toàn mất tác dụng. Tuy nhiên thời thế, hoàn cảnh và kinh nghiệm thực tế của con mồi chỉ cho phép Mỹ sử dụng Y Bھm có mức độ. Khi nâng khi hạ, khi trực tiếp khi từ xa, khi tin, khi chán, nhưng chưa lần nào Y Bھm bị bỏ rơi hẳn vì Mỹ nắm được thực chất “sự nghiệp dân tộc” của Y Bھm không ngoài chuyện thay thầy đổi chủ.

Khác với Y Bھm, Y Bliêng – một trong những tên cầm đầu FULRO – lộ liễu hơn, trắng trợn hơn nên dễ cho ta thấy rõ bộ mặt bỉ ổi hơn.. Y làm tay sai đắc lực hết cho Pháp đến Mỹ, nhận việc với bất cứ tên bù nhìn nào miễn là được vinh thân phì gia: Diệm, Khánh, Thiệu... Y chuyên ăn hối lộ ở chức phó tỉnh trưởng. Vì tiền, xử án bất công, bất chấp thuận phong mỹ tục người thượng ở chức chánh án “Tòa án phong tục”: gả cả hai con gái cho Mỹ và chịu sự chỉ huy của chính tên con rể là người Mỹ làm CIA.

Một nhân vật chớp bu khác, Paul Nưr đã làm đến tổng trưởng “Bộ Phát triển sắc tộc” nguy, nhưng chuyên làm chuyện dâm ô, lợi dụng quyền thế che đậy hoan lạc nên được nhân dân đặt cho cái tên mỉa mai “tổng trưởng phát triển sắc đẹp”, cuối cùng bị đuổi về vườn, chuyển sang nghề buôn lậu và làm hàng giả.

Cũng có những tên không xuất thân từ tầng lớp trên nhưng khi tham gia phong trào FULRO thì đã bị thoái hóa. Đó là Nay Loét, xuất thân từ gia đình nghèo khổ, sau thời gian dài được tên quận trưởng Nay Mun nuôi ăn học, gả con gái và được đế quốc Mỹ đào tạo cất nhắc lên chức tổng trưởng, đã hoàn toàn biến chất. Đó là Huỳnh Ngọc Sáng, sinh ra trong gia đình trung lưu, nhưng sau khi được đào tạo trong chế độ thực dân mới, sau khi làm tay sai cho Pháp, Xi-ha-núc, Mỹ, đã sa đọa, hướng lòng hận thù dân tộc vào dân tộc Kinh, trở thành tên chỉ huy FULRO Chăm tàn ác, bất lương.

Có thể kể thêm nhiều tên nữa: Les Kossem, Đàng Năng Giáo, Y Bun... Những kẻ sáng lập ra FULRO, những kẻ làm nên linh hồn, máu thịt nó, đều như vậy. Họ đều thuộc tầng lớp trên hoặc gần bó chặt chẽ quyền lợi với tầng lớp trên. Cuộc đấu tranh của họ, về thực chất là một cuộc đấu tranh giai cấp, và trên nhiều mặt, nhiều lúc còn mang nặng màu sắc những vụ xâu xé tranh giành miếng ăn kiêu bộ lạc... Chung qui, họ chỉ là một tập đoàn tội phạm vùng lá cờ dân tộc lên để che đậy bản chất phản động và cơ hội.

Họ đã làm gì để “tranh đấu cho dân tộc”? Họ có một số vụ nổi dậy chống Diệm, chống Thiệu, nhưng không phải để đòi quyền sống cho dân tộc mà là để tranh giành quyền làm tay sai trực tiếp cho Mỹ. Ngược lại để quốc Mỹ vì muốn chia để trị, hoặc thâm hiểm hơn, muốn trực tiếp nắm lấy Tây Nguyên phục vụ âm mưu lâu dài, nên đã xảo quyệt đối lập FULRO với nguy quyền Sài Gòn. Trong các vụ “nổi dậy” ở các trại Sarpa, Buôn Briêng, Buprang...ta thấy bàn tay đạo diễn của Mỹ, trực tiếp là tên Đệ tam tham vụ tòa Đại sứ Mỹ Beachner và tên đại tá cố vấn tư lệnh vùng II chiến thuật Freund. Đến khi thấy FULRO có nguy cơ bị tiêu diệt, Mỹ lại đạo diễn cho FULRO chạy sang Cầm-pu-chia. Lá cờ FULRO bị Pháp, Xi-ha-núc, Mỹ chia nhau cấu xé. Cuộc bạo động và tàn sát đẫm máu trên toàn Cao Nguyên năm 1965 cũng là do âm mưu của Pháp – Mỹ. Pháp xúi Y Dhor chỉ huy FULRO nổi dậy bạo động. Mỹ ủng hộ Y Bham, để cho nguy quyền đàn áp. Khi đàn áp, chúng thống nhất với nhau trong âm mưu làm ngơ cho bọn chỉ huy cấp trên FULRO chạy thoát. Bọn cấp dưới thì bị trừng trị, trở thành vật hi sinh cho cuộc chém giết khốc liệt.

Hội nghị đàm phán ở Pa-ri sắp kết thúc, làm tướng sẽ có giải pháp thành lập Chính phủ liên hiệp, có cơ hội cho tay sai chiếm một số ghế trong chính phủ đó với tư cách “lực lượng thứ ba”, để quốc Mỹ chỉ huy FULRO vờ xin hợp nhất với Mặt trận dân tộc giải phóng. Bị thất bại, Mỹ lại cho FULRO tung tin “đã liên kết với Mặt trận” để hòng kiếm cái vốn chính trị trước quân chúng, để FULRO thay Thiệu nắm lấy Cao Nguyên, thực hiện kế hoạch hậu chiến của Mỹ.

*

* *

Từ ngày giải phóng miền Nam đến nay, để quét sạch tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ để lại, xây dựng Tây Nguyên thành vùng giàu có, vững mạnh, bảo vệ cuộc sống yên vui của nhân dân các dân tộc, chúng ta đã liên tục đặt ra và giải quyết vấn đề FULRO, đã trừng trị nhiều tên chỉ huy nguy hiểm, tàn ác, làm tan rã nhiều mảng FULRO còn sót lên lút hoạt động. Nhiều người dân tộc bị lôi kéo, kích động, lầm lạc theo FULRO đã trở về buôn làng làm ăn lương thiện.

Tuy nhiên, một số tên chỉ huy FULRO vẫn lẩn trốn trong rừng, liên lạc với bọn gián điệp và các thế lực phản động nước ngoài, đốc thúc chân tay hoạt động chống phá cách mạng, giết hại cán bộ và nhân dân ta. Công tác đấu tranh chống FULRO còn nhiều khó khăn phức tạp.

Điều khó khăn, phức tạp ở đây không phải vì tàn dư của FULRO còn nhiều và mạnh. Bản thân lịch sử FULRO đã đủ chứng tỏ rằng, ngay trong thời kỳ hoạt động hưng hăng nhất, bọn chúng cũng không phải là thế lực đáng gờm gì đối với nguy quyền Sài Gòn, càng không thể gây cản trở lớn cho sự phát triển của phong trào cách mạng. Tách khỏi mưu ma chước quỷ về sự giúp đỡ của đế quốc, tay sai, FULRO chỉ còn là một tổ chức tro bụi của bọn tầng lớp trên ngoan cố...Khó khăn phức tạp chính là vì chúng tồn tại ở bối cảnh đặc biệt của xã hội Tây Nguyên, vì thủ đoạn lừa bịp của chúng được che đậy dưới lá cờ dân tộc, còn mê hoặc được một số người lạc hậu về chính trị.

Cuộc đấu tranh quét sạch tàn dư FULRO là một cuộc cách mạng đưa xã hội Tây Nguyên lên một cách đồng bộ, nhằm giác ngộ quần chúng, cô lập, tiến tới tiêu diệt tàn dư phản cách mạng.

Để góp phần làm rõ vấn đề phản cách mạng ở Tây Nguyên mà nguồn tư liệu xưa nay ít được biên soạn thành hệ thống, nội dung cuốn sách này chỉ giới hạn trong phạm vi miêu tả phía địch chứ chưa đặt nhiệm vụ phản ánh phong trào quần chúng về cuộc vận động cách mạng nói chung trên Tây Nguyên. Vì mục đích chúng tôi là cung cấp những tài liệu chưa được biết rộng rãi để làm cơ sở cho cán bộ, chiến sĩ Công an và các ngành nghiên cứu, kết hợp với nhiều tài liệu khác, để hiểu vấn đề FULRO một cách trọn vẹn hơn.

Những sự kiện được miêu tả căn cứ vào sự phản ánh của một số cơ quan và cán bộ có trách nhiệm, căn cứ vào hồ sơ của công an các địa phương có FULRO hoạt động, căn cứ lời khai của một số tên cầm đầu còn bị giam giữ và lời thú nhận của một số nhân chứng theo FULRO lâu năm; dựa vào những điều tai nghe mắt thấy của người viết và có tham khảo tài liệu dịch để lại. Loại tư liệu này nếu có ưu điểm là sinh động, hấp dẫn, ít người biết tới, thì ngược lại, cũng có nhược điểm là dễ bỏ sót những nội dung hoạt động, những địa bàn, những bộ phận đôi khi còn khá quan trọng của thế lực FULRO vẫn tồn tại rải rác trên một số vùng khác của miền Nam. Vì vậy, rất mong được bạn đọc, nhất là những đồng chí, đồng bào am hiểu vấn đề, nhiệt tình giúp đỡ cho thêm ý kiến.

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

PHẦN THỨ NHẤT: NHỮNG KẺ LƯU VONG

1. THAM VỌNG

Les Kossem muốn làm lãnh tụ, điều đó ai cũng biết. Nhưng làm lãnh tụ như thế nào, lại là một bài tính lớn của riêng ông. Cháu chắt một người Chăm phiêu bạt từ Việt Nam sang, vào thế kỷ thứ XVI, sống trên đất Căm-bốt, ông sẽ làm lãnh tụ dân tộc nào trên mảnh đất này đây? Dân tộc Khơ-me Kăng-đăng đã có Xi-ha-núc, Lon-non...lãnh đạo. Dân tộc Khơ-me Krôm có Om Savuk, ông chỉ còn hy vọng chỉ huy dân tộc Khơ-me Islam và Khơ-me Leus.

Người Chăm ở Căm-bốt đâu có bộ phận nào còn hướng về cổ quốc Champa thì cũng chưa có người đứng đầu. Phải rồi, ông sẽ tập hợp họ, chỉ huy họ, lãnh đạo họ. Ông sẽ thành lãnh tụ của người Chăm, tức là lãnh tụ của dân tộc lớn Khơ-me Islam. Và như thế ông sẽ là một trong những người đứng đầu vương quốc Căm-bốt này. Với tham vọng đó, Les Kosem dành cả đời mình cho hoạt động chính trị.

Năm 1944 Nhật chiếm Đông Dương. Vốn thành thạo tiếng Nhật, ông xin làm thông dịch viên cho một võ quan cao cấp Phù-tang. Con đường tiến thân không lấy gì làm vinh dự cho một chính trị gia, ông biết thế, những vẫn là con đường dễ nhất. Quả nhiên, ngài võ quan hứa sẽ giúp ông thành lập lực lượng Chăm chống lại quân Pháp, lại còn giao ước sau này khi làm bá chủ Đông Nam Á rồi, chính phủ Nhật sẽ cho dân tộc Chăm được phục hồi cổ quốc Champa, được độc lập hoàn toàn. Vớ được cơ hội hiếm có này, Les Kossem liền tập hợp hơn 300 thanh niên Chăm, thành lập một đội quân, nhận vũ khí của Nhật, hoạt động chống quân Pháp đóng ở tỉnh Kông-pông-chàm – nơi ông sinh ra và cư trú (ông không gọi là quê hương).

Không may cho ông, Nhật thất bại, phải đầu hàng Đồng Minh. Phong trào cách mạng ở Đông Dương dâng lên như thác lũ. Ở Căm-bốt, nó làm rung động nền tảng chế độ phong kiến hàng nghìn năm lẫn chế độ thực dân hàng trăm năm. Tình thế này không dễ gì Pháp muốn trị tội ông, một người tuy theo Nhật, nhưng vẫn chống Cách mạng. Không sợ hãi, Les Kossem quay ngay 180 độ, chạy theo quân Pháp. Ông đoán không sai: Pháp giữ nguyên lực lượng của ông để chống lực lượng Cách mạng đang phát triển. Không chỉ thế, Pháp lấy ân trả oán phong Kossem từ trung sĩ lên chuẩn úy và cho vào làm việc luôn trong Phòng nhì quân đội Pháp. Năm năm sau, ông mang cấp bậc thiếu úy.

Hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết, ông được thăng trung úy và cải hoán sang quân đội Hoàng gia Căm-bốt. Một bước tiến gần hơn nữa đến cái vị trí tâm cỡ vương quốc mà ông hằng mơ ước.

Ông tỏ ra trung thành và táo bạo hẳn lên nên được Lon-non ưa chuộng, muốn biến thành tay chân tin cậy. Les được cử sang Pháp theo học khóa tu nghiệp về cải tổ quốc phòng và tổ chức quân đội. Ở Pháp, ông làm quen với một số chính khách. Thông minh, thủ đoạn và biết làm liều, ông tranh thủ được tình cảm của họ. Vài nhân vật quan trọng có thói thích phát minh đã hứa sẽ giúp ông trên con đường sự nghiệp và sẽ tạo ra một “hiện tượng Les Kossem”.

Tham vọng làm lãnh tụ càng sôi dậy trong lòng ông. Les Kossem dành nhiều thời giờ tìm tài liệu có liên quan đến lịch sử Vương quốc Champa ở thư viện ở Viện Hàn lâm Pháp. Ông quyền góp bạn bè, mua nhiều tài liệu giá trị mang về nước.

Năm 1957, sau khi mãn khóa, từ Pháp về Căm-bốt, Les Kossem tập hợp một số bạn bè thân thuộc người Chăm như Chek Ibrahim, El Ibrahim, Primê... trình bày những tài liệu thu thập được và thành lập một ban tuyên truyền. Ban này chuyên kích động tinh thần phục hồi cổ quốc ở những người Căm-bốt gốc Chăm: quyên góp tiền bạc gây quỹ hoạt động ngầm. Sự kiện này làm cho nhà nước và chính khách Căm-bốt bắt đầu chú ý đến Kossem.

Trong một đại hội sĩ quan toàn quân do Xi-ha-núc chủ tọa, khi vị đứng đầu Nhà nước này kêu gọi các sĩ quan gia nhập binh chủng dù, Kossem là người ghi tên đầu tiên.

Năm sau, khi học xong các khóa nhảy dù cơ bản, huấn luyện viên nhảy dù và nhảy dù điều khiển, Les Kossem được cử sang Pháp dự cuộc thi nhảy dù toàn thế giới. Kossem đã đoạt giải nhì sau một phi công Nga.

Với thành công rực rỡ trên đây, ông được Xi-ha-núc chú ý. Vợ hai ông lại là người Ấn Độ lai Kinh, đã đẹp lại lịch lãm sự đời nên trong các buổi khiêu vũ, Xi-ha-núc thích vờ vờ chồng Les Kossem đến. Les Kossem được hầu cận bên cạnh Quốc trưởng, còn vợ được hầu cận Hoàng hậu hoặc có khi ngược lại.

Tất nhiên là Les không bỏ lỡ cơ hội này. Ông trình bày hoài bão cải tổ và xây dựng binh chủng dù của quân lực Hoàng gia thành binh chủng hùng mạnh. Les nói khéo đến nỗi Xi-ha-núc thấy chỉ có Kossem mới là người duy nhất đảm đương được trọng trách ấy. Thế là Xi-ha-núc thành lập liên đoàn nhảy dù đầu tiên của quân đội Vương quốc, phong Les Kossem lên đại úy và giao luôn cho ông tổ chức và huấn luyện binh chủng này.

Năm 1959, Les Kossem lại được cử sang Pháp học khóa tham mưu, khi trở về, vẫn chỉ huy binh chủng cũ. Dù ân sủng dồi dào đến như vậy, trước sau, Les Kossem vẫn chỉ là tên lính đánh thuê cho Xi-ha-núc, chưa thể vươn tới cái vị trí lãnh tụ ước mơ được.

May sao, thời gian này, bang giao giữa Căm-bốt và Hoa Kỳ trở lại tốt đẹp, thân thiện. Les liền tìm gặp vị tướng hai sao, trưởng phái bộ Hoa Kỳ tại Căm-bốt, trình bày hoài bão của mình: lập một phong trào đấu tranh đòi phục hồi Vương quốc Champa hiện đang được ông hoàng Xi-ha-núc ủng hộ.

Nhưng khi trưởng phái bộ Hoa Kỳ hỏi về mục tiêu, đường lối, yếu tố phục hồi quốc gia Champa thì Les Kossem lúng túng, không biết trả lời. Vốn không lạ gì tính sớm nắng chiều mưa của Xi-ha-núc, mặt khác, ở Việt Nam, Ngô Đình Diệm đang tỏ ra là một tay chống Cộng đắc lực, lúc này Mỹ không dại gì mà làm mất lòng Diệm. Vì vậy Mỹ làm ngơ trước đề nghị của Les Kossem. Nhưng bước sang năm 1960 thì tình hình chính trị thay đổi một cách đáng lo ngại. Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam thành lập. Liền sau đó, Mặt trận Tây Nguyên tự trị ra đời, do cụ Y Bih làm Chủ tịch. Đoán ra một cơ hội chính trị thuận lợi để các nước ngoài can thiệp vào mà không sợ Ngô Đình Diệm chống đối mạnh, nhưng vẫn chưa dám mong nhiều vào người Mỹ qua kinh nghiệm năm trước, lần này Les Kossem vội vàng chạy sang toà Đại sứ Pháp ở Nam Vang cầu cứu.

Pháp vừa bị hất cẳng ở Đông Dương, đang rất cay cú nên đã chụp lấy cơ hội này, hết sức ủng hộ Kossem. Toà Đại sứ Pháp yêu cầu Xi-ha-núc ủng hộ “hiện tượng Les Kossem”, tạo mọi thuận lợi để Kossem lập mặt trận Chăm bên hông Việt Nam mà Xi-ha-núc vẫn còn nuôi nhiều điều hăm hực.

Một chuyện may mắn đã xảy ra đúng lúc, tạo thuận lợi cho vị lãnh chúa Chăm tương lai. Cuộc tranh chấp ngôi đền lịch sử Preah Vihaer ở biên giới Thái – Miên giữa hai Vương quốc bùng nổ. Les Kossem được lệnh đem lực lượng dù bảo vệ lãnh thổ. Les đã chỉ huy Liên đoàn dù đánh thắng quân Thái, giữ nguyên ngôi đền cho Vương quốc Căm-bốt. Sau chiến công hiển hách đó, tên tuổi của Les Kossem nổi như cồn. Người ta coi Les như anh hùng, Xi-ha-núc tin cậy cử Kossem làm sĩ quan cận vệ cho các quốc khách viếng thăm Căm-bốt. Les tha hồ tiếp cận các yếu nhân nước ngoài đến Nam Vang.

Năm 1962, Les Kossem cận vệ cho Chu Ân Lai. Lợi dụng cơ hội, Les mật đàm với Chu, trình bày về mặt trận phục quốc Chăm. Chu hứa sẽ ủng hộ Les. Sau đó hai vị lãnh tụ Hán – Chăm chụp hình chung làm kỷ niệm. Câu chuyện tưởng rất bí mật, chỉ hai người biết. Ấy thế mà đến nay nó vẫn được lưu trong hồ sơ của Hoàng Minh Mộ, nhân viên tình báo Phủ Đặc ủy Trung ương của Ngô Đình Diệm.

Cũng bằng con đường như vậy, Les Kossem đã mật đàm với nhiều chính khách khác và đều được các vị hứa giúp đỡ.

Như điều gặp gió, Les được phong hàng loạt chức vụ quan trọng: Tham mưu trưởng địa phận Nam Vang. Chủ tịch ban tham mưu phòng nhì quân đội Hoàng gia. Đề nghị phó Tổng tư lệnh tối cao quân đội Hoàng gia.

Với ba chức vụ ấy, Les Kossem thực sự có nhiều quyền lực. Đã đến lúc Les có thể bắt đầu phát động phong trào đấu tranh phục quốc Chăm. Ông được người Pháp yểm trợ tài chính và Xi-ha-núc ủng hộ dư luận, nhân lực. Quốc trưởng cho Les được toàn quyền huy động người Chăm ở Căm-bốt vào phong trào chống Việt Nam.

Bất ngờ – tất nhiên là chỉ đối với những ai chưa hiểu Xi-ha-núc – sau mấy lần bị Mỹ làm nhục, từ năm 1963, Xi-ha-núc nổ ra chữ Mỹ. Les Kossem cũng đành phải họa theo ngoài mặt, nhưng bên trong, ông đã cung cấp nhiều tài liệu cơ mật của Căm-bốt cho Mỹ. Les cử tay chân thân tín liên lạc với bọn sĩ quan CIA tại Sài Gòn. Tài liệu bí mật được chuyển từ Nam Vang sang Sài Gòn trao cho Đại sứ Mỹ ở Việt Nam. Có lần một nhân viên của Les đem tài liệu đi bị nhân viên an ninh biên giới Căm-bốt bắt được. Khi tài liệu gửi về Nam Vang cho cơ quan an ninh của Xi-ha-núc, thì Les đã khôn khéo cho người chặn đường thu hồi lại được.

Xi-ha-núc không phát hiện ra hoạt động ngầm của Les. Chek Ibrahim, một người bạn thân của Les khuyên Les không nên phản bội Xi-ha-núc, sợ có ngày mất cả chì lẫn chài. Les Kossem mỉm cười nhún vai, nhắc lại một câu của Na-pô-lê-ông mà ông đã lấy làm phương châm xử thế của đời mình: *“Mất tài sản là không mất gì hết. Mất danh dự là mất một nửa. Mất can đảm mất tất!”*.

Xi-ha-núc cắt quan hệ với Mỹ. Bang giao Mỹ – Căm-bốt bị gián đoạn. Cái mà Les Kossem cố gọi là “Phong trào phục quốc Champa” cũng phải tìm một chỗ dựng thân ổn định hơn. Nó nghiêng hẳn về phía người Pháp, người cha đỡ đầu từ thửa Les còn đi lính tây. Trong hơi ấm của bàn tay người Pháp, đến đầu năm 1963, Les Kossem hình thành được 2 nhóm trong cái gọi là “Phong trào” mơ ước của mình.

Một nhóm mang tạm tên “Mặt trận giải phóng Champa”, viết tắt là FLC, do Po Nagar (tên một vị thần Chăm bị Les Kossem lấy làm biệt danh của mình) làm chủ tịch. Nhóm thứ hai lấy tên “Mặt trận giải phóng Khơ-me Krôm” (còn gọi là Mặt trận giải phóng Miền Hạ), viết tắt là FLKK, do Châu Đê-ra (tên một anh hùng dân tộc bị Om Savuk – Tham mưu trưởng Quân đội hoàng gia Căm-bốt – lấy làm biệt danh) giữ chức chủ tịch.

Les Kossem thu hút một số sĩ quan, công chức, thương gia Chăm như Chek Ibrahim, El Ibrahim, Primê, Taekyđa, bác sĩ Jordo, Tôn Ái Liên... thành lập *“Ủy ban chấp hành Trung ương lâm thời Mặt trận phục quốc Champa”*. Ủy ban hoạt động tuyên truyền, quyên tiền người Chăm ở Căm-bốt và tìm cách liên lạc với người Chăm ở Việt Nam.

Châu Đê-ra cũng gom một số sĩ quan và công chức Khơ-me Krôm như: Thạch Bum, Thạch Chea, Thạch Chanh... thành lập *“Ban chỉ đạo Mặt trận giải phóng Khơ-me Krôm”*.

Vì bị Sơn Ngọc Thành chống ra mặt, hăm dọa dùng lực lượng “Khơ-me tự do” lật đổ nên Xi-ha-núc lệnh cho Les Kossem và Châu Đê-ra đẩy mạnh hoạt động của hai “phong trào” để làm hậu thuẫn cho Quốc trưởng chống lại Sơn Ngọc Thành.

Được vị lãnh đạo tối cao ủng hộ, Les và Châu lao vào hoạt động. Nhưng “phong trào” vẫn giậm chân tại chỗ vì thiếu lực lượng.

Giữa lúc đó, bên nước Việt Nam lảng giềng, tình hình bỗng trở nên lộn xộn. Những cuộc tranh chấp đổ máu để giành lấy quyền làm tay sai cho Mỹ đã tạo cơ hội cho những thế lực vốn bị chánh thể Sài Gòn áp bức vùng dậy. Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm. Nguyễn Khánh lật Dương Văn Minh. Phong trào đấu tranh của người Thượng và Chăm nổi lên. Thiên Sanh Thị, Đặng Văn Thủy, những người Chăm vốn bị chế độ Diệm khinh rẻ, liền từ Việt Nam chạy sang Căm-bốt gia nhập mặt trận của Les. Thấy đã có thời cơ thọc bàn tay về xứ sở cũ, Les liền cử Đặng Văn Thủy trở lại Việt Nam móc nối với bọn cầm đầu người Thượng ở Tây Nguyên và người Chăm ở cực Nam Trung Bộ.

2. KẼ CHẠY TRỐN

Tay cầm quyển sách dày cộp, Đảng Năng Giáo khập khiễng bước chân đi đến nhà Thuận Thị Trúc, mạnh dạn gọi cổng, biết chắc giờ này Trúc chỉ ở nhà một mình.

Một cô gái trạc 16, 17 tuổi, khuôn mặt trái xoan, nước da nâu, đôi hàng mi đen dài và cong, chạy ra nhoèn miệng cười rất duyên, giọng thanh thanh:

- Mời anh vào chơi!

Giáo theo Trúc vào nhà ngồi trước bàn, mặt buồn rười rượi. Trúc rót nước mời rồi bẽn lẽn cúi đầu.

Giáo nhìn Trúc qua đôi kính cận. Cả hai người đều im lặng.

Giáo là một học sinh giỏi và có chí, cả vùng biết tiếng. Anh lại thích dấn thân vào những cuộc xô xát chống bọn quan lại địa phương. Cử chỉ hào hiệp gần đây nhất của anh còn gây dư luận tốt trong vùng.

Chả là đội vũ Chăm áp Hữu Đức quê anh có cô Chính rất xinh. Một đêm trình diễn ở rạp Thanh Bình, đội vinh dự được ngài tỉnh trưởng Ninh Thuận tới xem và để ý đến Chính. Ngài liền lệnh cho ông Lưu Phụng Kinh, quận trưởng quận An Phước, bố trí cho Chính được ân sủng gặp riêng để ngài khen ngợi một tài năng trẻ xuất hiện trong dân dã Chăm. Ông Kinh đem ô-tô đưa Chính lên dinh tỉnh trưởng. Ở dinh, vị quan đầu tỉnh đã cưỡng hiếp cô gái.

Từ Sài Gòn về quê, được biết chuyện, Giáo tập hợp học sinh một số trường trong vùng, tung truyền đơn, biểu tình lên án ông Kinh và ngài tỉnh trưởng. Bực bội vì tên học sinh dám phạm thượng, ngài tỉnh trưởng lệnh cho ông quận trưởng trừng trị. Ông quận trưởng lệnh tiếp cho ông xã trưởng Đảng Năng Hương. Ông Hương là anh họ của Giáo nhưng vẫn phải đàn áp Giáo và học sinh, bắt giam một số người.

Sau vụ này, Giáo nổi lên như một người có nghĩa khí. Chuyện bay đến tai Trúc làm cô thần phục, gặp Giáo là cô mẩn ngay. Hai người thân nhau, Giáo ngỏ lời cầu hôn với Trúc. Cô yêu Giáo, nhưng còn e ngại một điều, anh đã một đời vợ. Giáo lý giải rất tài tình:

- Em xem, vợ anh mồ côi cha mẹ từ bé, sống với người bà nội mù lòa. Anh thương hại cô ta, nhận lời lấy làm vợ. Nhưng bà nội anh không nghe. Một, vì ông nội anh là thầy cả giàu có; hai, vì nhà cô ấy nghèo lấy gì cưới anh? Anh bất chấp ngăn cấm của gia đình, cứ lấy, tưởng rằng sẽ sống hạnh phúc. Ai ngờ, khi anh đi học ở Sài Gòn, cô ấy bắt bỏ với một tên “cán bộ bình định” và đã mang thai. Anh về, ai cũng tưởng anh sẽ đánh đập, nhưng anh nghĩ rằng tại anh ham mê học hành, ít gần gũi nên cô ấy mới tìm người khác.

Nghe xong, Trúc bỗng thấy Giáo cao thượng quá. Con người như thế ít có. Thế là cô càng mến anh. Một lần về nghỉ hè, Giáo đưa cho Trúc xem một quyển “Tập san phổ thông” của học sinh Sài Gòn, trong đó có đăng bài thơ của Giáo, ghi rõ ràng mấy chữ đề tặng Trúc lên đầu:

Ru hồn “vọng gác đêm sương”.

Bài ca mộng ước vẫn vương trong lòng...

Trúc mỉm cười sung sướng. Khắp vùng này, cô vốn nổi tiếng có giọng hát hay, nhất là qua bài “Vọng gác đêm sương” mà dân trong vùng không mấy ai là chưa được nghe.

Từ đó, tình cảm giữa hai người càng thêm thiết. Họ chờ đợi một ngày sum họp.

Trúc ngược nhìn Giáo:

- Sao hôm nay anh buồn thế? Có chuyện gì anh?

- Anh nói với em một tin buồn. Anh sắp phải xa em rồi...

- Sao?

- Tên tỉnh trưởng vẫn cho cảnh sát theo dõi anh, anh không thể ở đây được. Phải ra đi thôi!

Trúc rơm rớm nước mắt:

- Cho em đi theo anh. Em không thể sống thiếu anh!

Giáo lắc đầu:

- Không thể được. Anh còn phải tìm đường. Khi nào tìm ra nơi ở ổn định, anh sẽ đón em. Còn bây giờ, anh chưa biết đi đâu, trong nước hay là ngoại quốc.

Hai người buồn bã chia tay nhau.

Giáo về nhà, thăm dò tình hình, tìm cách thoát khỏi sự theo dõi của cảnh sát và bọn cai quản xã, ấp.

Giữa lúc đó, Huỳnh Ngọc Sáng quê ở Mỹ Nghiệp – cùng quê với Trúc – tìm gặp anh.

Sắng cũng là một học sinh Chăm. Học hết lớp thứ nhất, y đi lính cho Pháp, làm ở Sở thông tin quận Phan Rang. Thời gian làm ở Sở thông tin, Sắng học hỏi kỹ các ngón tâm lý chiến, tuyên truyền, quảng cáo của báo chí. Sắng tỏ ra có năng khiếu về tuyên truyền, được ông xếp Pháp mến chuộng.

Sau Giơ-ne-vơ, Pháp rút, Sắng thất nghiệp, về nhà một thời gian rồi vào Nha Trang theo học trung học đệ nhất cấp.

Vụ hè tới, Sắng về quê nghỉ ngơi. Lúc đó ở xã có tổ chức dân đắp đường làng. Con đường chạy qua ruộng nhà Sắng. Y tức chống gậy ra chửi, bị viên xã trưởng báo cảnh sát Diệm bắt trói, điệu về quận Thanh Hải. Đến quận, mấy tên cảnh sát đẩy Sắng xuống hầm giam. Đầu Sắng đập xuống nền xi măng, tóe máu. Sắng bị giam, bị đánh đập, xỉ vả tàn tệ. Sắng uất ức, căm thù chánh quyền Diệm. Lòng hận thù người Kinh âm ỉ trong lòng từ thuở còn đi lính Pháp bỗng bùng lên dữ dội. Nhờ thầy thợ đút lót, Sắng ra khỏi nhà giam và lặng lẽ tìm cách trả thù.

Năm 1957, phong trào BaJaRaKa ở Cao Nguyên nhen nhóm. Đang uất ức, thấy có một tổ chức chống Diệm, chống người Kinh, Sắng vội lên Buôn Mê Thuột, xin gia nhập. Sắng được Y Bẫm – chủ tịch BaJaRaKa – kết nạp vào tổ chức và phải trở về Ninh Thuận vận động người Chăm.

Về quê hương, Sắng lập “Hội bạn”. Bề ngoài, Hội lo tổ chức giúp đỡ lẫn nhau trong việc dựng vợ gả chồng, cưới xin, vui chơi... Nhưng bên trong là tuyên truyền chống Diệm, chống người Kinh.

BaJaRaKa bị Diệm đàn áp. Y Bẫm bị bắt giam. Sắng bỏ học về nhà, sống lang thang. Chán làm chính trị, y lao vào chơi bời, tìm thú vui xác thịt với nhiều cô gái.

Đầu tiên, y bao vây cô Chiêm. Thấy cô đẹp, y tìm cách gạ gẫm. Một đêm, cô Chiêm đang ngủ trong nhà, Sắng mò vào, không dè bị cô la lên, chửi rủa, Sắng phải nhảy rào chạy trốn.

Sau đó, y lấy cô Tím. Khi vợ có thai, y chán, chẳng ngó ngang gì đến, bỏ chạy theo các cô gái khác. Đến kỳ sinh nở, lúc cô Tím đang quần quai, thì y vẫn mãi theo các cô gái khác, người nhà đến báo cũng không về. Cô Tím uất, chết ngay khi đứa con trai vừa cất tiếng khóc chào đời. Bà ngoại phải nuôi cháu. Đứa bé được đặt tên là Y Trang. Sắng càng rảnh chân, bỏ nhà đi mở lớp dạy tư cho trẻ con ở ấp Tuấn Tú. Ở đây y mê cô Lỡ, một cô gái nghèo mồ côi cha, có mái tóc vàng ươm, da trắng mặt tròn. Sắng đã dùng đủ thủ đoạn, tán tỉnh, lừa lọc và cuối cùng cô Lỡ yêu y. Khi cô Lỡ có thai, y lại bỏ. Để xong đứa con gái, không ai giúp cả, cô Lỡ phải bế con đi ăn xin. Cô đặt tên đứa bé là Thị Thịnh.

Hết cô Lỡ, đến cô Dựng, một người đã có chồng và sau khi chán chê cô Dựng, Sắng cặp bồ với vợ một thầy Chang. Nhưng đi đêm lăm ắt có ngày gặp ma. Một đêm thầy Chang cùng với ba người em đã bắt được quả tang Sắng đang ăn nằm với vợ mình. Họ liền lấy thùng trói hai người đang lỏa lồ lại, dong đi khắp ấp để bêu riếu, dọa sẽ cắt tai nếu lần sau còn bắt được.

Biết không còn mặt mũi nào ở lại quê hương, Sắng tính toán tìm một nơi lẩn tránh. Nhưng với những lời bìa miệng không đẹp để gài dè nặng lên sổ phận, Sắng biết đi đâu bây giờ? Đang loay

hoay tìm kiếm thì Sáng sực nhớ tới Đặng Năng Giáo, người bạn học cũ, lúc này đã có ít nhiều danh tiếng trong vùng. Sáng liền tìm đến rủ Giáo:

- Lên Cao Nguyên đi! Đó là con đường tốt nhất đối với chúng ta. Ở đó đang chuẩn bị lập phong trào tranh đấu chống chánh quyền của bọn người Kinh.

- Liệu họ có kết nạp người Chăm ta không? – Giáo hỏi.

Sáng quả quyết:

- Hồi phong trào BaJaRaKa, họ đã chẳng kết nạp tôi là gì!

Đang không có lối thoát, nghe Sáng nói, Giáo bập luôn. Hai người lên Buôn Mê Thuật, lúc đó là mùa xuân năm 1964.

3. CHỌN KẺ PHÁT CỜ

Chiếc máy bay từ từ hạ cánh xuống phi trường Buôn Mê Thuật. Ngài Đệ tam tham vụ tòa đại sứ Mỹ Beachner đứng đặc bước xuống. Một chiếc xe bít mui kín lao ngay đến bên máy bay. Đại tá Freund – Cố vấn vùng II chiến thuật kiêm chỉ huy “lực lượng đặc biệt Mỹ” tại Cao Nguyên – vội vã đón ngài Tham vụ về trụ sở Bộ chỉ huy Sư đoàn 23 bộ binh.

Ngài Đệ tam tham vụ, với tư cách là biệt phái viên của ngài Đại sứ, cùng vị đại tá bí mật bàn luận.

Ngài Tham vụ chậm rãi:

- Ngài Đại sứ báo cho biết, Les Kossem đã cử liên lạc về miền cực Nam Trung phần và Cao Nguyên. Ta không thể để cho bọn Miên, bọn Khánh hay bất cứ bọn ngoại lai nào khác nắm Cao Nguyên được! Từ Cao Nguyên chúng sẽ lập hành lang với Căm-bốt, qua tên Xi-ha-núc, Les Kossem bắt tay với bọn Pháp. Như thế Cao Nguyên sẽ tuột khỏi tay ta! Điều đáng lo ngại nữa là hiện nay tên Y Bih, Phó chủ tịch Mặt trận giải phóng của Việt Cộng, kiêm Chủ tịch Phong trào tự trị Tây Nguyên có uy tín ghê gớm, đang đòi lôi kéo các sắc dân Thượng về phía chúng!... Ngô Đình Diệm trước kia cũng như Nguyễn Khánh hiện nay không đủ khả năng đánh bại uy tín của Y Bih!... Thế là đã có sức ép cả bên ngoài và bên trong của bọn Miên, bọn Pháp cũng như của Việt Cộng!... Cao Nguyên đặt chúng ta trước một tình huống báo động!

- Thưa ngài – Freund rụt rè – giải pháp hữu hiệu của ta cứu vãn Cao Nguyên là như thế nào?

- Giải pháp hữu hiệu nhất của ta, theo ngài Đại sứ là phải nắm lấy Cao Nguyên.

Ngài đại tá chưa hiểu, hỏi lại:

- Thừa ngài, từ trước đến nay, ta chẳng nắm Cao Nguyên là gì? Sự hiện diện của hàng ngàn chiến sĩ “lực lượng đặc biệt Mỹ”, của hàng ngàn cố vấn ở Cao Nguyên chẳng đã chứng minh điều đó hay sao?

- Đúng, ta đã có nắm Cao Nguyên bằng quân đội. Nhưng chưa đủ. Cần tạo một thế lực chánh trị cho người Thượng ở Cao Nguyên rồi ta sẽ nắm lấy thế lực đó “Cao Nguyên hóa chiến tranh” như “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Freund gật gù:

- Cao Nguyên hóa chiến tranh...

- Ông là người chỉ huy tối cao ở Cao Nguyên, ông thấy ta nên chọn ai làm thủ lĩnh ở đây?

Freund lim dim đôi mắt màu hạt dẻ rồi tỏ ra đặc ý:

- Nhân vật số một của Cao Nguyên hiện nay là Y Bliêng. Đó là thủ lĩnh có nhiều uy tín trong đồng bào Thượng. Hẳn khôn ngoan và trung thành với các bạn đồng minh. Và điều quan trọng, hẳn tỏ ra thức thời. Qua bao thăng trầm của lịch sử Cao Nguyên, hẳn vẫn đứng vững vững như cây cơ-nia.

Rồi không rõ là để khoe năng lực chánh trị của một quân nhân trước ngài Đệ tam tham vụ, hay là để quảng cáo cho con chủ bài mình tiến cử, mà đại tá Freund sôi nổi trình bày cả một lịch sử của Y Bliêng:

- Hẳn là người rất khôn khéo, gió chiều nào che chiều ấy, vì thế, qua bao chế độ thống trị, hẳn vẫn giữ cương vị cao trong ngạch chánh quyền của tỉnh Đắc Lắc này.

Thời Pháp, bọn Gò-loa cho hẳn học trường Trung học Qui Nhơn. Tốt nghiệp, hẳn được vào làm thư ký Tòa sứ Đắc Lắc. Hẳn là một viên chức mẫn cán, tận tụy hết mực với mẫu quốc Pháp.

Thời kỳ Cách mạng tháng Tám, hẳn cùng với các tên Y Bih Aliô, Y Ngông, Y Vang, Rmah Bai, Y Nuê... tham gia Việt Minh. Hẳn tỏ ra là một cán bộ cách mạng hăng hái tận tụy, nên được Việt Minh cho ra Hà Nội học lớp quân chính cấp tốc. Trở về, được cử làm Ủy viên quân sự kiêm Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn Cứu quốc quân Đắc Lắc.

Pháp tái chiếm Đắc Lắc, bắt hẳn bỏ tù. Không biết đút lót, chạy chọt thế nào, mà dùng một cái, hẳn thoát ra khỏi nhà tù chật chội, bần thiêu về làm quận trưởng Buôn Hồ, một quận giàu có. Dân ở đây đông, đồn điền cả phê, cao su bạt ngàn. Nhiều người đút lót tiền triệu cũng không được giữ cái chức béo bở này. Sau Giơ-ne-vơ, ta thay Pháp đưa Ngô Đình Diệm thay Bảo Đại, cứ tưởng hẳn bị Diệm thải về vườn, nhưng không, hẳn bước theo ngay Diệm và hăng hái xả thân xây dựng nên “Đệ nhất cộng hòa”. Hẳn dẫn linh mục Nguyễn Viết Khai đi tìm đất lập dinh điền cho đồng bào Công giáo vừa di cư vào. Hẳn còn đi khắp buôn làng, giải thích “chánh sách dân tộc vô cùng sáng suốt và đúng đắn” của Ngô tổng thống. Hẳn hăng hái thuyết trình, xin ứng cử đại biểu quốc hội, hứa sẽ không tiếc sức mình tranh đấu tiêu diệt ba kẻ thù: “Cộng sản, chậm tiến và chia

rề”. Vì vậy hắn được Tôn Thất Hội – đại biểu Chánh phủ ở Cao Nguyên Trung phần – đệ trình với Diệm ban cho “Đệ ngũ đẳng bảo quốc huân chương” và phong làm Phó tỉnh trưởng Thượng vụ. Hắn là người Thượng đầu tiên trên Cao Nguyên được giữ chức vụ cao như thế.

Chúng ta hạ thành Diệm, Y Bliêng lại cất lời lên án chế độ Ngô Đình Diệm độc tài, phát xít. Hắn một lòng một dạ ủng hộ “Cách mạng”. Dương Văn Minh cho hắn giữ chức vụ cũ. Hắn hăng hái theo Minh.

Ta cho Nguyễn Khánh thay Dương Văn Minh, Y Bliêng chạy ngay theo Khánh. Hắn lại được giữ nguyên chức Phó tỉnh trưởng Thượng vụ. Cho đến nay, Y Bliêng quả là một tên trung thành rất mực với ta.

Một tiểu sử như vậy tưởng đâu dễ làm cho Beachner xiêu lòng. Không ngờ ngài Đệ tam tham vụ nhún vai một cách chán chường:

- Đúng, Y Bliêng rất mực trung thành!... Nhưng trung thành quá! Trung thành một cách lộ liễu! Như thế, không phù hợp với xu hướng chọn người của ta hiện nay, nhất là đối với dân tộc Việt Nam này. Chúng ta phải chọn một tên nào đó có đôi chút son phấn về tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước, tinh thần đấu tranh chống sự thống trị của chánh quyền bọn Kinh. Phải tỏ ra có bản lĩnh một chút, đối lập với chánh quyền hiện hữu một chút. Một chút, dù một chút thôi nhưng rất cần để bọn dân nghèo theo hắn.

Freund ngã mình ra phía sau cười khùng khục trong cổ họng:

- Thưa ngài, tìm đâu ra loại người ấy? Ở cái đất này, trừ tên Y Bih theo Cộng sản ra, đốt đuốc bảy ngày cũng không tìm thấy một tên có tinh thần dân tộc. Có tên nào dám đứng ra đấu tranh chống lại cường quyền, bạo lực của bọn Kinh? Tên nào cũng an phận, giữ cái ghế và cái đầu, chức vị và đồng lương, không dám hó hé gì đâu.

Beachner mỉm cười chìa ra trước mặt Freund một tờ giấy, nét chữ đánh máy đen, sắc đậm. Ngài tham vụ có vẻ tự đắc:

- Ấy thế mà tôi đã tìm ra một tên như thế đó. Xin mời ngài bớt chút thì giờ đọc lá đơn này.

Freund rướn đôi lông mày rậm, cầm tờ giấy, chăm chú đọc

Kính thưa ông Đại sứ.

Chúng tôi là đại diện các sắc dân Thượng trên vùng Cao Nguyên và nhân danh dân tộc chúng tôi, đến kính khẩn thỉnh nguyện đặc ân sau đây:

Dưới thời Pháp thuộc, xứ chúng tôi vẫn được độc lập như chế độ phong kiến.

Khi còn là bá chủ, người Pháp đã bình định xứ sở, hủy diệt chế độ tôi mọi và thiết lập chế độ “Hoàng triều cương thổ”.

Trong trận chiến đấu vừa qua, chúng tôi đã chiến đấu với Nhật Bản rồi Việt Cộng để bảo vệ tự do và quyền lợi. Những sự tranh đấu ấy, chúng tôi phải trả một giá rất đắt về sanh mạng cũng như tài sản nhưng rồi thử hỏi chúng tôi đã gặt hái được gì sau hai trận chiến ấy?

Khi hòa bình trở lại, chúng tôi hy vọng có sự độc lập riêng biệt cho chúng tôi, những sắc dân Thượng. Nhưng trái lại, chúng tôi đã đổ máu cho người Việt Nam và chúng tôi vẫn bị họ cai trị nên chúng tôi cảm thấy thật là bất công theo định luật thiên nhiên.

...Kính thưa ông Đại sứ, từ trước tới nay, chúng tôi hằng mong ước ân huệ được cứu xét hay cho nghiên cứu về hoàn cảnh của nước chúng tôi nếu ông thấy là quan trọng và cần thiết để chúng tôi được độc lập hoàn toàn hay độc lập trong khối liên hiệp của một cường quốc khác như Mỹ hay Pháp chẳng hạn.

Mọi quốc gia đều có thể văn minh khi được độc lập và người ta có thể được độc lập trước khi văn minh. Nhất là lúc này nếu chúng tôi được có ở bên cạnh một sự dẫn dắt tốt và một hậu thuẫn chắc chắn. Mà hậu thuẫn nào ngoài nước Mỹ, một cường quốc lúc nào cũng thích giúp đỡ những quốc gia nghèo và yếu.

Trong trường hợp của nước chúng tôi, nếu có sự can thiệp của cường quốc như vậy, chúng tôi hy vọng rằng chúng tôi sẽ có một quốc gia và nền độc lập riêng của chúng tôi.

...Do đó chúng tôi coi việc này không phải là việc nội bộ giữa Việt Nam và Cao Nguyên nữa.

Trong khi chờ đợi những kết quả tốt đẹp cho nguyện vọng của chúng tôi, chúng tôi mong ông Đại sứ nhận nơi đây lòng thành kính của chúng tôi và phúc đáp cho chúng tôi nội trong năm nay.

Y Bham Enuol và 16 đại diện .

Đọc xong lá đơn, Freund ngẩng lên nhìn ngài Tham vụ, cười hóm hỉnh:

- Chắc ngài muốn chọn tác giả của lá đơn này?

Đến lượt ngài Tham vụ thao thao bênh vực con chủ bài của mình.

- Đúng! Những lập luận của hắn về quốc gia, dân tộc chứng tỏ hắn chẳng có kiến thức gì về công pháp quốc tế, nhưng chúng ta đâu cần bàn đến những điều rắc rối ấy?... Chúng ta chỉ cần một tên cầm cờ để Cao Nguyên hóa chiến tranh kia! Cần nhắc về mặt này, thì Y Bham không khác Y Bliêng gì mấy. Cũng thuộc sắc dân Ê Đê. Cũng được đào luyện trong lò của bọn Gò-loa (chắc ngài biết, Y Bham học trường Canh nông thực hành tại Tuyên Quang), năm 1945, cũng tham gia Việt Minh. Cũng bị Pháp bắt giam khi trở lại chiếm Cao Nguyên. Cũng được Pháp thả ra cho làm cán sự ở Ty Canh nông. Cũng được Diệm cho làm Phó ty Canh nông Plei Ku.

Nhưng Y Bham khác với Y Bliêng về tư cách cá nhân. Y Bliêng gả đứa con gái cả H' Lum cho tên chủ đồn điền Pháp, làm cho những người dân Thượng khinh ghét. Còn Y Bham có bộ mặt

tư cách khá sạch sẽ. Về quá trình hoạt động, Y Băm được khoác một ánh hào quang khá rực rỡ. Năm 1958, biết rõ bọn công chức tay chân còn luyến tiếc Pháp, ức với Diệm, bọn tình báo Pháp, thông qua các chủ đồn điền cao su, cà phê (trong đó có thằng chủ đồn điền Rossi và tên Pôn Séc – giám mục tòa thánh Công Tum) đã móc nối, kích động Y Băm dùng bọn viên chức lập tổ chức BaJaRaKa. Y Băm vốn là tên tham địa vị cá nhân, lại nóng tính, đang ức với ta và Diệm liền đứng ra lập BaJaRaKa đấu tranh với Diệm. Tòa Đại sứ ta đã cử sĩ quan CIA FranChis, nghỉ trang thành chuyên viên săn bắn, về Buôn Mê Thuật gặp Y Băm và đồng bọn để thăm dò. Ta đã biết rõ ý đồ của bọn Pháp là xúi giục số này chống Diệm. Lợi dụng sự can thiệp của ta để đòi tự trị, tách Cao Nguyên ra khỏi Việt Nam và chịu ảnh hưởng Pháp.

Lá đơn ông vừa đọc là của Y Băm gửi ta vào thời ấy. Chúng còn gửi đơn cho Liên hiệp quốc, Đại sứ Pháp, Anh... Ta biết rõ âm mưu thật sự của chúng nên đã ra lệnh cho Diệm bắt giam bọn cầm đầu, kể cả Y Băm. Sự kiện này đã làm cho Y Băm nổi lên như một lãnh tụ của đồng bào Thượng. Một điểm khá quan trọng. Y Băm là bạn cùng trong tổ chức BaJaRaKa với Y Bih. Chỉ có Y Băm mới hòng tranh giành ảnh hưởng với Y Bih, lôi kéo dân chúng Thượng về phía chúng ta.

Freund không nhún vai về khinh miệt kiểu Beachner. Viên đại tá cười lớn tiếng, lật tẩy luôn quân chủ bài.

- Tôi tưởng ngài Tham vụ chọn một con người có đầu óc độc lập dân tộc lớn lao gì kia chứ! Ai ngờ cũng chỉ là một kẻ sẵn sàng bán Tây Nguyên cho chủ mới miễn là ông chủ này giúp được mình độc chiếm quyền lợi Cao Nguyên không cho bọn Kinh chia sẻ!

Beachner chỉ đầu xỉ gà vào trán Freund cười dọa:

- Thế ông Tư lệnh muốn tìm một con người có đầu óc dân tộc thật sự à? Còn khỏi kẻ ra đây... Trong bọn Thượng Vixi!

Hai đứa cười xòa. Hồi lâu, Freund mới nghiêm chỉnh nói:

- Thưa ngài, nếu tôi không lầm thì Y Băm vẫn đang nằm trong nhà giam của Nguyễn Khánh?

- Đúng. Hắn ta đang bị Khánh giam, nhưng ngài Đại sứ đã quyết định thả ngay. Và đây mới là điều quan trọng, đưa hắn ta thay thế Y Bliêng làm Phó tỉnh trưởng Thượng vụ để tạo dân uy tín và thế lực... Dân chúng Thượng lạc hậu, sau này nghe nói có vị quan to ra lãnh đạo là họ theo ngay.

Freund không khỏi ngạc nhiên. Đưa một viên chức của Pháp đang ngồi tù ra thay một tên rất mực trung thành với mình, đang làm đến chức Phó tỉnh trưởng Thượng vụ, ngài Đại sứ và ngài Tham vụ này lẫn rồi sao?

- Thưa ngài, – Freund băn khoăn – tôi không tin là Y Băm sẽ trung thành với ta như đã trung thành với bọn Pháp.

Beachner cười, tỏ vẻ khinh miệt tên đại tá võ biên.

- Thừa đại tá – Beachner dịu giọng lý giải – Y Băm vốn là kẻ ham tiền và địa vị. Đã chịu làm tay sai thì Pháp hay ta không quan trọng. Cái quan trọng là chủ nào giàu có hơn!

Ngài Tham vụ cười khánh khách, tự nhăm nháp câu triết lý rồi tiếp:

- Đưa Y Băm thay Y Bliêng làm Phó tỉnh trưởng là việc làm bước đầu. Còn các bước sau, ngài Đại sứ sẽ có lệnh tiếp. Vì sự nghiệp của nước Mỹ, mong ông hoàn thành các công vụ một cách kín đáo, tốt đẹp. Bây giờ việc đầu tiên, ông hãy gặp Y Bliêng giải thích cho hắn ta hiểu, an ủi và khuyên bảo hắn hãy tin ở chúng ta. Chúng ta không bao giờ bỏ rơi bầu bạn!

*

* *

“Hãy đốt lửa lên! Hãy tập hợp mọi người lại! Hãy kêu gọi anh em “tlang”, dân chúng trong làng, những người cháu trai và cháu gái, những bà mẹ của những người này, những người cha của những người kia, những người ông và những người bà, những người góa phụ, những người con rể nghèo, tất cả những người mà cha mẹ đã qua đời. Hãy tập hợp tất cả họ lại ở giữa làng!

Ở dưới người ta hãy thảo luận đi! Ở trên người ta hãy thảo luận đi! Những người chị em gái, hãy thảo luận với những người anh em trai đi! Mọi người phải được hỏi ý kiến!

Người chúng ta thích nhất là đâu? Muốn ai sẽ là cây đa ở đầu mạch nước, là cây vả ở đầu làng, là người trông coi con cháu trong làng?

Mọi người hãy nói ra. Đừng có giấu cái muốn, đừng có giấu lời nói”.

Y Dhor Adrong, hiệu trưởng trường Tiểu học Lạc Thiên, đọc xong, ngẩng lên nhìn các đại biểu đang ngồi quây quanh những ché rượu trong căn nhà sàn dài, sâu hun hút. Đó là đại biểu của viên chức các công sở, của quân nhân các đồn biên giới, của các buôn. Họ mặc đủ kiểu. Các đại biểu viên chức thì com-lê, ca-vát, mũ phớt. Các đại biểu quân nhân thì quần áo rằn ri dày cộp, lấm lem đất đỏ. Đại biểu các buôn thì mình trần đen bóng, đóng khố màu sặc sỡ. Phần đông là viên chức. Ngồi quanh dãy ché rượu đầu là các ông: Y Dhé Adrong (nhân viên Hạt thủy lâm Buôn Mê Thuật), Y Nuin Hmok (giáo viên tiểu học buôn Kram), Ywik Buôn Yá (giám thị dân y viện Buôn Mê Thuật), Y Hét Kpor (giám thị trường trung học Cao Nguyên), Y Tluop Kpor (cán sự công chính Đắc Lắc)...Mặt người nào người nấy đỏ gay. Họ vừa uống xong một lượt rượu cần. Dãy ché rượu còn sức nức mùi men thơm thơm, say say. Họ vừa hút rượu, vừa bàn bạc như thói quen từ trước đến nay.

Ông Y Dhor đồng dạc:

- Xin mời các vị đại biểu cho ý kiến. Ta bầu ai đứng đầu làm chủ tịch phong trào?

Y Nuôn Hmok nhả rượu cần, đứng lên:

- Lãnh đạo cả một phong trào đấu tranh của các sắc dân trên toàn Cao Nguyên này phải là người có uy tín lớn lao, có nhỡn quang chánh trị sáng suốt, biết nhìn xa trông rộng... Người đó hiện nay, theo thiên kiến của tôi, không ai khác ông Y Băm Enuôl. Ông là chủ tịch của phong trào BaJaRaKa, dám đấu tranh với chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Ông đã được rèn luyện suốt 5 năm trong nhà tù khủng khiếp của họ Ngô. Ông xứng đáng là “cây đa ở đầu mạch nước, cây vả ở đầu làng!”. Ông sẽ là lãnh tụ tối cao, là vị cứu tinh của các sắc dân Thượng chúng ta!

- Y Băm! Y Băm! – Tiếng hô nổi lên rầm rầm. Những cánh tay đen bóng, gân guốc giơ lên trong ánh đuốc thấp bằng giẻ tẩm dầu.

Chờ tiếng hô ngớt, Y Dơn nói to:

- Ông Y Băm sẽ là lãnh tụ tối cao của chúng ta, là vị chỉ huy phong trào giải phóng dân tộc trên toàn cõi Cao Nguyên yêu quý của chúng ta. Xin mời ông ra mắt và phát biểu cảm tưởng trước các đại biểu!

Từ giữa căn nhà, một người chạc 50 tuổi, mặc một bộ com-lê màu nâu, mái tóc chải mượt, tươi cười đứng dậy và đi lên phía trước. Tiếng sần nửa rào rạo xen lẫn tiếng reo: “Ama Hni! Ama Hni!” .

Y Băm trình trọng gờ tay chào mọi người, đồng dục tuyên bố mấy lời bài bác người Kinh và hô hào tranh đấu.

Cả căn nhà vang lên tiếng hoan hô.

Y Băm cùng các đại biểu họp bàn, lấy danh xưng, tôn chỉ, mục đích và bầu ban chấp hành của mặt trận. Cái tên mặt trận gây nhiều rắc rối. Tây Nguyên có đến hàng chục sắc tộc. Biết dùng thứ tiếng gì để đặt tên, liệu ai biết đến? Thôi thì hãy đặt cho nó một cái tên Pháp. Thế là mặt trận khai sinh chính thức với cái tên Fa-lang-sa.

“Front de libération des Hauts Plateaux” (viết tắt là FLHP)

Ban chấp hành thì dễ thôi, vì đã được sắp đặt trước từ một cao ốc nào đó, dĩ nhiên vai cầm đầu là quan trọng: Y Băm làm chủ tịch, Y Dơn làm phó chủ tịch.

Các vị đại biểu đều tỏ ra hoan hỉ, hăng hái. Họ quây lại dây ché rượu. Bò đã giết xong. Những xảo thịt đầy ụ, lột lá chuối được bung lên. Họ hút rượu cần, nhắm thịt bò, cười nói râm ran. Khí thế hùng hực.

Bỗng có ba phát súng nổ phía đầu buôn báo hiệu có lính Sài Gòn tuần tra. Họ lặng lẽ tản khỏi căn nhà, biến vào cánh rừng bao quanh buôn. Đêm tối im lìm.

4. TRẬN ĐỔ MÁU NGÀY 20-9-1964

Tại biệt điện Bảo Đại ở Buôn Mê Thuột.

Nguyễn Khánh đi đi lại lại, mặt đỏ lựng lên vì tức giận. Trong phòng, Đặc ủy trưởng Phủ đặc ủy trung ương tình báo Đoàn Bá Nhiên và Chỉ huy trưởng tình báo Cao Nguyên Trung phân Lê Đình Chi mặt tái mét, lo sợ chờ đợi. Nguyễn Khánh gằn giọng:

- Các anh làm việc quá tồi. Một tổ chức nguy hiểm như thế lập ngay trước mũi mà không biết à?

Đoàn Bá Nhiên đánh bạo nói:

- Thưa Trung tướng, ông Lê Đình Chi đã cử Y Tím Mlô cùng đội công tác “T313-Đắc Lắc” theo dõi chúng. Y Tím cho biết chúng được ông Freund, Cố vấn tư lệnh vùng II chiến thuật, giúp đỡ. Ông Freund tìm mọi cách ngăn cản hoạt động của T313. Mặc dù gặp trở ngại như thế, nhưng Y Tím vẫn biết được hiện nay tổ chức của Y Bẫm hoạt động rất ráo riết, rải truyền đơn kêu gọi binh lính và dân chúng Thượng chống lại “thực dân Kinh”. Chúng đang chuẩn bị một cuộc nổi loạn để gây sức ép dư luận, hòng tách Cao Nguyên thành một quốc gia tự trị trực tiếp do Mỹ nắm. Vì vậy khó khăn lớn nhất của ta là sự can dự của người Mỹ, trực tiếp là ông Freund.

- Người Mỹ, người Mỹ là thế đó! Đúng là thời gian gần đây, họ đã nói gần nói xa, vừa gợi ý vừa dọa dẫm để buộc ta nhượng bộ giao Cao Nguyên cho bọn mọi! Không đời nào, không đời nào tôi giao! “Ai nắm được Cao Nguyên, người đó sẽ thắng ở Đông Dương”, người Pháp đã nói vậy. Giao Cao Nguyên cho chúng thì chỉ có là tự sát! Các ông cho biết âm mưu sắp tới của bọn chúng?

Lê Đình Chi thưa:

- Thưa Trung tướng, cuộc nổi loạn xem chừng khó tránh khỏi. Ngoài ra, theo nguồn tin của Y Tím, Y Bẫm còn ráo riết chuẩn bị quan hệ với bọn Căm-bốt, tìm đồng minh lâu dài hoặc làm chỗ dựa nếu cuộc nổi loạn thất bại!

Nguyễn Khánh giật mình lo ngại:

- Liên hệ được với bọn Căm-bốt thì chúng sẽ gây nhiều trở ngại lắm. Phải cử ngay người sang Căm-bốt, phá tan sự câu kết ấy đi!

Đoàn Bá Nhiên gọi Hoàng Minh Mộ – một nhân viên tình báo người Chăm – vào ngay. Hoàng Minh Mộ cúi chào Nguyễn Khánh, chờ đợi.

Đặc ủy trưởng tình báo hỏi Mộ:

- Anh biết Les Kossem không?

- Dạ, thưa Đặc ủy trưởng, tôi biết. Thiếu tá Les Kossem cũng là người gốc Chăm.

Đoàn Bá Nhiên gật đầu:

- Đúng, chính vì thế mà tôi gọi anh. Nghe đây, anh được Trung tướng cử sang Căm-bốt gặp hân.

Mộ quay sang Nguyễn Khánh cúi đầu:

- Tôi rất vinh hạnh được Trung tướng giao công vụ!

Nguyễn Khánh nhìn Mộ:

- Đây là một việc tối mật. Anh sang Căm-bốt gặp Les Kossem, thuyết phục hân lôi kéo Xi-ha-núc, làm thế nào để Xi-ha-núc bắt tay với chúng ta, không giúp đỡ Y Băm. Anh vạch cho chúng thấy rằng Y Băm và tổ chức FLHP là do Mỹ nặn ra. Xi-ha-núc đang oán Mỹ. Hân dễ chơi xỏ Mỹ một vỏ bằng cách không để cho chân tay của Mỹ ăn nên làm ra. Mặt khác anh tìm cách lọt vào hoạt động bí mật và lâu dài trong hàng ngũ Les Kossem. Anh là người Chăm, chắc dễ làm tốt việc đó.

- Xin tuân lệnh Trung tướng.

Hoàng Minh Mộ lui ra. Tìm người của Les Kossem phái về hoạt động ở cực Nam Trung Bộ, đối với Mộ không khó gì. Chỉ vài ngày sau, Mộ đã bắt liên lạc với Đặng Văn Thủy và được tên này dẫn sang Nam Vang.

Ngày 5 tháng 4 năm 1964, Mộ tới Nam Vang gặp Les Kossem. Không ngờ Les cao tay hơn – y đã khơi động tinh thần dân tộc hẹp hòi và lòng hận thù người Kinh của Mộ. Những món tiền lớn Kossem thưởng càng làm Mộ tối mắt thêm. Thế là, Mộ bí mật tham gia FLC của Les nhưng bề ngoài vẫn giữ vai một nhân viên Phủ đặc ủy trung ương tình báo của Khánh, tuy nhiên ý đồ của Khánh, Mộ vẫn bàn với Kossem thực hiện. Les trình yêu cầu của Nguyễn Khánh lên Xi-ha-núc. Vị đứng đầu nhà nước Căm-bốt phân vân. Cái thế của Việt Nam Cộng hòa mạnh hơn. Nhưng địa bàn Tây Nguyên đối với ông vua Căm-bốt nhiều tham vọng này thì rất hấp dẫn... Ông đang chưa biết ngã về bên nào, thì may mắn sao, chính họ lại tự dẫn thân đến. Phái đoàn của FLHP do Y Sênh Niê, Y Bun Sor dẫn đầu, sang Nam Vang vận động Căm-bốt giúp đỡ Cao Nguyên.

Les Kossem vẫn là người môi giới.

- Thừa Quốc trưởng, FLHP muốn làm loạn gây sức ép đòi tách Cao Nguyên ra khỏi Việt Nam, lập quốc gia tự trị. Nhưng họ biết không đủ sức chống lại Nguyễn Khánh nên yêu cầu ta trợ giúp.

- Ông thấy ta nên trả lời thế nào?

Chưa hiểu tim đen Quốc trưởng nên Les Kossem đành cứ thăm dò:

- Thừa Quốc trưởng, Nguyễn Khánh đường đường đại diện cho một Quốc gia tiên tiến, còn Y Băm chỉ là một người man rợ. Bắt tay Khánh ta được tiếng nhưng sợ hân ngoạm luôn cánh tay

ta. Bắt tay Y Băm ta mất tiếng nhưng hi vọng có cơ ngoạm được cánh tay hấn...Kẻ hạ thần hèn mọn này thật khó mà đệ trình một phương sách đắc dụng...

Xi-ha-núc cười rung chiếc cằm có ngấn:

- Cái gì lợi cho thanh danh dòng họ Nô-rô-đôm, cho sự phát triển của quốc gia Căm-bốt là ta làm, sách lược của ta là vậy.

Vị Quốc trưởng Căm-bốt bước đến bên tường, kéo bức màn che để lộ ra một tấm bản đồ, chỉ lên vùng biên giới Việt – Miên, nói với giọng âm ứ:

- Từ lâu, vấn đề biên giới giữa ta và Việt Nam thực là phức tạp và nan giải. Người Việt, dù Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Dương Văn Minh hay Nguyễn Khánh cầm đầu, cũng chỉ lăm le tranh giành đất đai với ta. Tạo ra một khu đệm, ngăn chặn sự xâm lấn của Việt Nam đối với ta là việc thiết yếu. Y Băm lập được một quốc gia hoặc vùng tự trị thì thật là thuận lợi cho ta. Với bọn người rừng ấy, thuyết phục bằng lời, cảm hóa bằng lợi hay hăm dọa bằng bạo lực đều dễ hơn đối với bọn người Kinh. Vì vậy ta quyết định hợp tác, giúp đỡ Y Băm! Tuy nhiên ta không được để cho bọn Khánh biết, mà vẫn trả lời rằng sẽ hợp tác thân thiện với hấn! Tay này nắm, tay kia tung hỏa mù là vậy!

Y Sênh, Y Bun trở về Buôn Mê Thuột, tường trình lại kết quả chuyến du thuyết với Y Băm, Y Dơn và Beachner.

Thật là một thành công trọn vẹn. Bây giờ thì trên đầu họ có người Mỹ, sau lưng họ có người Miên, những kẻ cầm đầu tầng lớp trên Tây Nguyên vui mừng. Đã đến lúc họ đủ sức tách khỏi cộng đồng dân tộc Việt Nam, bày vẽ ra một cái “Quốc gia Cao Nguyên” mà thâm tâm họ cũng tự nhận rằng từ đời cụ, kị cũng chưa hề nghe nói tới nhưng lại không thể thiếu được để họ có cơ vin lấy để độc chiếm quyền hành thống trị bóc lột hơn 30 sắc tộc, quyết không cho ai xí phần, sống cuộc đời lãnh chúa như đã từng sống bao đời trước đây trong bàn tay nâng đỡ của bà mẹ Pháp.

Họ bèn ráo riết chuẩn bị một cuộc bạo loạn mà người đạo diễn giấu mặt, người thầy tinh thần thủy chung, trước sau vẫn là vị Đệ tam tham vụ Beachner.

Ngày 13 tháng 9, Beachner, Y Băm, Y Dơn cùng những người lãnh đạo FLHP họp quyết định cuộc nổi dậy. Mọi chi tiết cụ thể đều được bí mật báo cho đại tá Freund.

Giờ phút của cuộc chuyển mình mới nhất, đẫm máu nhất, phức tạp và rối rắm nhất trong lịch sử Cao Nguyên đã điểm. Những nhà quan sát bấy giờ đều ghi nhận vị đệ tam tham vụ Beachner và vị tư lệnh Cao Nguyên Freund đều đến bàn doanh Bộ tư lệnh lực lượng đặc biệt Mỹ ở Buôn Mê Thuột.

Tối 19 tháng 9, đồn Bu-prang, một vị trí then chốt của quân đội Việt Nam Cộng hòa, một cửa ngõ bảo vệ Buôn Mê Thuột bị chiếm đột ngột bằng một cuộc nổi dậy. Người lập chiến công đó là Y Năm Eeban, thiếu úy Lực lượng đặc biệt. Ngay sau đó, không cần úp mở gì, Y Năm Eeban dẫn luôn hai trung đội Dân sự chiến đấu (cũng là lính thuộc Lực lượng đặc biệt người Thượng)

tiến thẳng về phía quận Tuyên Đức, một điểm trọng yếu khác của lính Việt Nam Cộng hòa trên đường về Buôn Mê Thuột. Y Năm Eeban cho lính đến lấy tình đồng nghiệp bảo tên lính gác người Kinh:

- Anh vào thưa với trưởng đồn rằng có thiếu úy Y Năm nhân hành quân đã chiến đi qua, xin vào ngủ nhờ một đêm!

Nhận ra người chiến hữu quen biết, cùng chỉ huy quân lính giữ một vùng biên giới chung, thiếu úy Nguyễn Xuân Đình vui vẻ nhận lời.

Y Năm dẫn lính vào đồn. Đình mỗ lộn, hạ bò thết bạn.

Nửa đêm, Y Năm cùng bọn Dân sự chiến đấu bất ngờ trở tay, giết hết vợ chồng con cái Đình cùng 15 lính người Kinh, chiếm đồn Tuyên Đức.

Hàng loạt truyền đơn tung ra khắp quận, kêu gọi đồng bào Thượng hãy vùng lên chống tư bản và thực dân Việt Nam, đòi *“Đất Cao Nguyên là của người Cao Nguyên!”*.

Dân sự chiến đấu phá đồn, rồi tiến về Buôn Mê Thuột – thủ phủ Cao Nguyên – ngay đêm ấy, để kịp phối hợp với các cánh quân khác như kế hoạch đã vạch ra.

Phía quận Đức Lập, sáng 20-9, tại đồn Sarpa, thiếu úy Y Bach Eeban, chỉ huy ba đại đội Dân sự chiến đấu bất ngờ nổi lên giết 35 sĩ quan và binh lính Lực lượng đặc biệt là người Kinh rồi tiến về quận Đức Lập trợ lực cho Y Blur. Ở quận, đại úy Y Blur chỉ huy đại đội 901/ĐFQ cũng đã nổi lên giết đại úy quận trưởng Nguyễn Văn Thanh, làm chủ quận rồi kéo về chiều cầu 14, mở đợt tấn công vào đài phát thanh Buôn Mê Thuột.

Phía trái Buôn Miga, hai đại đội Dân sự chiến đấu, dưới sự chỉ huy của Y Diao Niê, giết 19 sĩ quan và binh lính người Kinh, kéo về ngoại ô Buôn Mê Thuột.

Ở Bản Đôn, Y Băn Kpơ chỉ huy ba đại đội nổi lên giết hàng loạt sĩ quan và binh lính người Kinh, kéo về chiếm kho đạn Buôn Mê Thuột. Cùng thời gian này ở tất cả các trại dọc biên giới thuộc tỉnh Đắc Lắc, dân sự chiến đấu đều nổi lên, hướng thẳng về bao vây thủ phủ Cao Nguyên.

Cuộc nổi dậy bất ngờ, đẫm máu, dữ dội và đồng khắp với những sĩ quan ấy, binh lính ấy, với sự chỉ huy và thao túng ấy tưởng như sắp thành công; và hình thù một “Hoàng triều cương thổ” kiểu mới trong bàn tay của Mỹ có lẽ đã hiện rõ lên trong đầu óc những kẻ chủ mưu, nếu có sự phản ứng của ngụy quyền Sài Gòn đã không hung dữ đến thế, vượt xa khỏi sự kiềm chế của các ngài Mèo đang lúng túng với bao nhiêu chiếc áo khoác USAID, USOM, USIS, v.v...

Nhận được tin cấp báo, Chuẩn tướng Vĩnh Lộc, Tư lệnh vùng II chiến thuật triệu tập ngay các sĩ quan chỉ huy dưới quyền và mời thêm Đoàn Bá Nhiên. Vừa thấy Nhiên, Vĩnh Lộc hỏi mĩa:

- Đại tá Freund mấy hôm nay vắng mặt, ngài Đặc ủy trưởng có biết ông ta đi đâu không?

Đã một lần bị Nguyễn Khánh khiển trách về cái tội không theo sát hành tung bọn Y Băm nên lần này Đoàn Bá Nhiên tỏ ra chủ động hơn:

- Tôi định hỏi Chuẩn tướng câu ấy kia đấy. Ông Freund là cố vấn vùng II chiến thuật của Chuẩn tướng kia mà?...Nhưng thôi, Chuẩn tướng đã hỏi đến thì tôi xin thưa. Người của chúng tôi bắt gặp Đại tá Freund ở vùng biên giới, biết ngài đã chỉ huy bọn Thượng nổi dậy!

Vĩnh Lộc không kìm nổi cơn giận, nắm tay xuống bàn, chửi tục một câu:

- D.m, cố vấn thế có chết người ta không? Đích thân đi xúi giục bọn Mọi lật tôi, không chỉ là đầu mà còn là phản phúc. Thà không có hần còn hơn!

Các sĩ quan chỉ huy đã đến đông đủ. Vĩnh Lộc vẫn chưa nguôi cơn giận, ra lệnh:

- Dồn hết lực lượng quét sạch bọn Mọi đi! Bọn Cộng sản và Việt Thượng Cộng đang lần tới thì với bọn Mọi này, phải tiêu trừ nhanh chóng, không thương tiếc, mới mong rảnh tay đối phó với thời cuộc được.

Hai tiểu đoàn thám xích xa được tung đi chặn các ngã đường dẫn vào Buôn Mê Thuột.

Hai tiểu đoàn biệt động từ Dục Mỹ được điều lên.

Tất cả các lực lượng địa phương quân được huy động.

Một tiểu đoàn lính dù từ Sài Gòn ào lên tiếp ứng.

Hai bên bắn nhau kịch liệt. Tiếng đạn nổ âm âm. Khói phủ một vùng trời. Bụi đỏ cuộn mù sau xích xe tăng.

Bọn Dân sự chiến đấu tập trung lực lượng quyết chiếm đài phát thanh để có vốn ăn nói. Bọn lính bảo vệ và nhân viên kỹ thuật của ngụy quyền Sài Gòn không giữ nổi phải bỏ chạy. Phía quân nổi dậy chưa kịp mừng thì quân lính và xe tăng của Vĩnh Lộc ồ ồ kéo đến vây chặt chúng, trong tầm uy hiếp của đủ loại vũ khí hạng nặng.

Tình thế nguy khốn được cấp báo cho người Mỹ. Tại trụ sở Bộ tư lệnh Lực lượng đặc biệt Mỹ, Beachner lo lắng hỏi Freund:

- Thế nào, tình hình liệu có kết thúc được như ý không, đại tá?

Freund rời máy bộ đàm, đưa gậy chỉ trên tấm bản đồ chiến sự, tóm tắt kết quả mấy ngày đổ máu ở Tây Nguyên.

- Dân sự chiến đấu chiếm được kho đạn, cầu 14, đài phát thanh. Nhưng Vĩnh Lộc đã phản ứng quá mức ta dự phòng. Hần cho xuất hiện cả lính dù, thiết giáp! Đến hôm nay thì hần đã vây

hãm được phần chủ lực của bọn Dân sự chiến đấu Thượng trong hàng rào đài phát thanh. Binh lính Thượng khó mà chống cự nổi, điều đó đã quá rõ rồi. Nguy hơn nữa là họ đang lo sợ bị Vĩnh Lộc tiêu diệt sạch!

Beachner như người chơi bài lâm vào thế bí. Dấn thêm nữa thì chắc chắn sẽ cháy túi. Từ thời nào thời nào, bọn Kinh – Cộng sản hay Quốc gia – đều đặt vấn đề thống nhất Tây Nguyên như một điều kiện tiên quyết cho mọi cuộc thương lượng. Bọn Khánh, Lộc chắc chắn sẽ làm cỏ không góm tay; nhưng tháo lui hoàn toàn thì còn mặt mũi nào nhìn lũ Y Bẫm, Y Dơn?

Hai ngài cố vấn, một dân sự, một quân sự, chụm đầu vào nhau tìm cách gỡ thế cờ. Họ xét hết các mặt chính trị, ngoại giao, tài chính và cuối cùng tìm ra một giải pháp “quá độ”.

Ngay sau đó, ở Sài Gòn, Nguyễn Khánh nhận được của ngài Đại sứ Huê Kỳ một lời khuyên cáo yêu cầu Khánh ra lệnh cho Vĩnh Lộc ngừng bắn tức khắc để tạo không khí cho một cuộc hòa giải. Khánh điện tín trên cho Vĩnh Lộc. Lộc đành phải ngừng lệnh tấn công nhưng vẫn cho vây chặt lính Thượng đang khôn khổ, lo sợ trong đài phát thanh.

Một chiếc xe Jeep Mỹ từ Tòa thị chính Buôn Mê Thuật lao tới. Trên xe chở chính bản thân ngài Phó tỉnh trưởng Thượng vụ Y Bẫm mới lạ chứ!

Xe Y Bẫm dễ dàng rẽ vòng vây ngoan ngoãn của quân Vĩnh Lộc, đi vào bên trong đài. Lũ Dân sự chiến đấu chạy tới bao quanh Y Bẫm, mừng rỡ vì biết là thoát chết.

Y Bẫm đồng dục:

- Hỡi các chiến sĩ Thượng yêu quý, dừng cầm! Anh em đã chiến đấu anh dũng vì độc lập và tự do của dân tộc. Tôi thay mặt Ban lãnh đạo Mặt trận cách mạng biểu dương công trạng của anh em.

Đội xong tràng vỗ tay nghi thức, Y Bẫm tiếp:

- Hiện nay Vĩnh Lộc đã xin ngừng chiến với ta để hội đàm. Anh em hãy tạm trở về trại. Chúng tôi sẽ thay mặt anh em tranh đấu đến cùng giành thắng lợi, cho dân tộc chúng ta thoát khỏi xiềng xích của bọn thực dân Kinh xâm lăng...

Không kịp nghe hết lời kêu gọi, bọn Dân sự chiến đấu vội vã chen nhau rút ra ngoài vòng vây.

Nguyễn Khánh đáp máy bay đến Buôn Mê Thuật cùng Vĩnh Lộc, Đoàn Bá Nhiên, Lê Đình Chi, Y Tim họp tại biệt điện của Bảo Đại. Vĩnh Lộc bực ra mặt hỏi:

- Tại sao Trung tướng lại ra lệnh cho tôi ngừng chiến? Chúng tôi sắp tiêu diệt sạch bọn Mọi. Bây giờ thì mất thời cơ rồi!

Nguyễn Khánh uể oải nói:

- Ngài thông hiểu cho! Ông Đại sứ điện cho tôi trách móc và ép tôi ngừng chiến!

- Thừa Trung tướng, bây giờ nếu ta dung tha để tên Y Băm tự do thì nó sẽ còn tìm cách lật chúng ta.

- Phải làm gì bây giờ?

Vĩnh Lộc quả quyết:

- Thừa Trung tướng, phải bắt hắn ta, trừ hậu họa. Sau đó sẽ chặt đứt chân tay của hắn như Ngô Đình Diệm đã làm đối với hắn hồi năm tám!

- Được! – Nguyễn Khánh chấp thuận.

Cuộc bàn cãi không thoát được tai mắt người Mỹ.

Được tin cấp báo Vĩnh Lộc sẽ bắt Y Băm, Beachner liền đến ngay đài phát thanh. Y Băm được mời lên xe Mỹ do đích thân ngài Tham vụ đưa ra khỏi đài phát thanh. Nhưng đi đâu bây giờ? Còn trên đất Việt Nam này thì còn nguy cơ bị bọn Vĩnh Lộc tóm mà Mỹ không thể can thiệp...

Đến đây mới thấy nước cờ của người Mỹ và Y Băm là hiệu nghiệm.

Theo một kế hoạch đã định trước, từ Bộ chỉ huy Lực lượng đặc biệt hay từ tòa Đại sứ Mỹ không rõ, người ta thấy hôm ấy bỗng Les Kossem và Y Bun dẫn một tiểu đoàn quân Miên từ Nam Vang thẳng đến chờ sẵn ở biên giới. Tới 12 giờ trưa, những tên cầm đầu cuộc nổi loạn, những sĩ quan Thượng phản bội đã nổi dậy cướp đồn, giết chủ lực lính Kinh, như Y Dơn, Y Sênh, Y nuín, Y Bách, Y Năm, có cả đại úy Dornal (chỉ huy Lực lượng đặc biệt Mỹ tại Bản Đôn), lục tục dẫn các đơn vị Dân sự chiến đấu vừa thoát chết kéo đến gặp Les Kossem.

- Y Băm đâu? – Les Kossem lo lắng hỏi.

- Chủ tịch đến đài phát thanh rồi không biết đi đâu – Y Dơn trả lời, hơi xấu hổ vì lúc nước sôi lửa bỏng đã bỏ rơi mất lãnh tụ.

- Bọn Khánh sẽ lôi mất Y Băm hoặc sẽ thủ tiêu ông ta – Les Kossem tỏ ra có kinh nghiệm chính trị – Không có ông ta, chúng ta sẽ không đủ sức thu hút dân chúng. Không được, phải tìm ông ta cho kỳ được và đón đi.

Đại úy Dornal ghé tai Les thì thầm. Les Kossem bình tĩnh lại. Dornal cùng Y Sênh, Y Bách phóng ngay xe Jeep về nhà Y Băm, đón ông, đưa thẳng sang biên giới.

Les Kossem đưa Y Băm về Môn-dun-ki-ri, còn Y Dơn cùng các vị chỉ huy khác phải trở lại Đắc Lắc, nắm lại các tàn binh Thượng, củng cố tinh thần và đội ngũ cho họ giữ vững các vị trí hiện tại, đề phòng Khánh tấn công tiêu diệt hết trước khi có cách giải thoát họ lâu dài.

5. CON BÀI HAI MẶT

Tranh thủ lệnh ngừng chiến, những ngày sau, Dân sự chiến đấu ráo riết tăng cường bố phòng tại các đồn trại chiếm được, sẵn sàng đối phó với một cuộc tấn công lớn của lính Việt Nam Cộng hòa mà họ biết Vĩnh Lộc đang tích cực chuẩn bị.

Beachner lại vội vã họp với Freund.

- Cần phải có một ủy ban hòa giải đứng ra làm dịu tình hình giữa Khánh và Y Bẫm thôi!
– Ngài Tham vụ nói. Tình trạng này để kéo dài thì lực lượng Y Bẫm sẽ bị tổn thất nặng nề không còn cứu vãn nổi. Ngài cai quản vùng này, có thể tìm cho tôi một tên nào để điều hành ban hòa giải không? Phải là người Thượng thì mới dễ làm việc.

Nhớ đến người bạn Y Bliêng, cho rằng đây là thời cơ giúp bạn tiến thân, trở lại chiếm cái ghế Phó tỉnh trưởng Thượng vụ vừa mới mất vào tay Y Bẫm, hiện đang bỏ trống, Freund nói ngay:

- Thưa ngài, tôi thấy chỉ có Y Bliêng là đủ khả năng và uy tín đảm nhận công việc này. Chỉ có hấn ta mới làm cho quân nhân Thượng cũng như phía quân Vĩnh Lộc nghe theo.

Beachner chậm rãi:

- Thưa đại tá, nếu như chỉ đơn thuần cần đến một tên thuyết phục được binh lính Thượng hạ súng quy chánh theo Nguyễn Khánh, hoặc thuyết phục binh lính Kinh không tiến công người Thượng như các cuộc hòa giải thông thường khác, thì Y Bliêng thừa sức làm việc đó. Nhưng đây không phải là cuộc hòa giải bình thường! Đây thực chất là tìm một người để chỉ huy tiếp quân nhân Thượng trong hoàn cảnh éo le hiện nay, bảo toàn lực lượng và lần lượt tổ chức cho họ vượt biên giới sang Cầm-bốt xây dựng đội ngũ đấu tranh lâu dài với bọn Khánh! Vì thế phải chọn một tên tin cậy, người của ta mà chưa lộ mặt. Bọn Vĩnh Lộc, Nguyễn Khánh cũng tin cậy hấn ta. Nghĩ là tên đó phải có “vỏ bọc” rất kín để đánh lừa đối phương.

- Thưa ngài, thế thì khó quá, tôi không nắm được!

Beachner ghé sát tai Freund nói rất khẽ:

- Thưa đại tá, ngài không biết sao? Tên đó không ai khác là Y Chôn – Biệt phái viên của Nha đặc trách Thượng vụ – đang có mặt ở Đắc Lắc này.

- Đó là người quen của tôi khi hấn ta làm Tăng phái viên phòng 5 vùng II chiến thuật. Thế mà tôi không nhận ra.

Beachner mỉm cười, giờ tập hồ sơ Y Chôn đặt trước mặt, đưa cho Freund:

- Ngài có thấy không? Hấn ta cũng giống như Y Bliêng, Y Bẫm ở chỗ cũng từ lò đào tạo của Pháp ra; đều là những viên chức, trí thức kỳ cựu của Cao Nguyên, đều đã theo Việt Minh và bị Pháp bắt tù, rồi được Pháp đưa ra làm tay sai. Nhưng, trong khi Y Bliêng thích làm quan to,

trung thành một mực với chúng ta; trong khi Y Băm thích làm lãnh tụ hoạt động chính trị, đấu tranh “chống cường quyền, bạo lực”, “giải phóng dân tộc”, thì Y Chôn chọn chỗ đứng rất khôn. Hắn ta chọn chỗ mà, nếu phía “cách mạng” thành công thì hắn ta sẽ nhảy lên theo chỉ huy, lãnh đạo; nếu thất bại thì hắn ta vẫn thoát khỏi vòng đàn áp, tù đầy. Hắn ta chọn phía hậu trường, nói như người Việt “ném đá giấu tay”, vai trò rất quan trọng và có khi quyết định sự sống còn của cả một tổ chức, “có miếng không cần tiếng”. Ngài có biết đó là chỗ đứng mang danh gì không?

Freund lắc đầu. Ngài Tham vụ nhấn mạnh:

- Chúc cố vấn, cố vấn!

- À à! Cố vấn! Cái ghế ấy hay đấy!

- Ngài xem, năm 1958, Y Chôn làm cố vấn cho tổ chức BaJaRaKa. Bọn Diệm đàn áp phong trào này. Trong khi Chủ tịch Y Băm, Phó chủ tịch Paul Nur và trên 10 đại diện khác vào tù, đeo gông, ăn cơm hầm, cá thối, thì hắn ta chỉ bị điều nhẹ từ Đắc Lắc ra Quảng Trị làm ở Tòa hành chánh, để rồi mấy năm sau lại trở về làm trưởng toán Dân sự vụ tiểu khu Đắc Lắc. FLHP thành lập, hắn ta cũng đứng đằng sau điều hành làm cố vấn và vớ bẫm về cái ghế này nhiều lắm. Hiện nay Y Chôn đang làm Biệt phái viên của Nha đặc trách Thượng vụ. Bọn Khánh, Vĩnh Lộc hoàn toàn tin hắn. Đứng ra lập ban hòa giải, đi đến các trại công khai thuyết phục quân nhân Thượng “quy chánh” và bí mật truyền đạt ý đồ của ta thì tôi nghĩ rằng không ai làm tốt hơn Y Chôn.

Freund hết lời ca ngợi việc dùng người của Beachner, vai trò hai mặt của Y Chôn, rồi sang trụ sở Bộ tư lệnh sư đoàn 23 bộ binh lực Việt Nam Cộng hòa gặp Vĩnh Lộc.

Vừa trông thấy Freund, Vĩnh Lộc giơ tay chào, mĩa mai nói:

- Kính chào đại tá! Mấy hôm nay, sự biến xảy ra dồn dập quá, nghiêm trọng quá. Tôi cho người đi tìm ngài khắp nơi mà không gặp. Ngài vừa ở Sài Gòn về phải không? Không có ngài, tôi lúng túng quá! Trời ơi, nếu có ngài sự việc đâu đến nỗi rắc rối thế này.

Freund buồn bã thở dài, chỉ tay về phía biên giới:

- Tôi đi kiểm tra các đồn biên giới. Bọn Thượng nổi loạn. Sợ tôi chỉ huy lính Đặc biệt Mỹ đàn áp, chúng bắt cóc tôi giam trong rừng. Nhờ tinh thần dũng cảm và kiên quyết của đại úy Dornal, tôi mới thoát được khỏi nơi giam giữ, đáp máy bay trực thăng vừa về tới đây! Hú vía, hú vía!

Nói xong Freund cười nhạt, coi như chỉ cần thanh minh đến thế, còn Vĩnh Lộc tin hay không, mặc!

Ngày 23-9, tại hội trường Tòa hành chánh Đắc Lắc, đại biểu chánh quyền, các ngành, các giới, các nhân sĩ Thượng trong tỉnh tề tựu đông đủ để bầu “Ban đại diện lâm thời đồng bào Thượng” làm nhiệm vụ hòa giải đôi bên. Ngài thiếu tá Tỉnh trưởng đọc bản danh sách dự kiến có sẵn. Các đại biểu nhất trí vỗ tay. Một ban đại diện được thành lập gồm 8 vị do ông Y Char Hdok – Hiệu

trưởng trường Nguyễn Du – làm chủ tịch; ông Y Chôn – Biệt phái viên Nha đặc trách Thượng vụ làm cố vấn.

Ông Y Chôn vui mừng thấy đã đến lúc vùng vẫy, đoạt cái ghế phó tỉnh trưởng Thượng vụ. Cuộc xung đột hóa ra lợi cho ông! Chưa biết chừng, nhờ nó mà ông leo lên cương vị cao. Sau lời cảm ơn của ngài tỉnh trưởng, ông cố vấn Y Chôn, thay mặt ban đại diện lên phát biểu. Ông đọc một bài diễn văn dài, hùng hồn và lâm ly. Lúc thì ông lên án âm mưu chia rẽ của Việt Cộng và ngoại bang Căm-bốt; lúc thì ông trách hai dân tộc Kinh, Thượng đã mắc mưu Cộng sản, ngoại bang, hiểu lầm và bắn giết nhau. Cuối bài diễn văn, ông kêu gọi:

- Hiện nay, cuộc xung đột giữa anh em Dân sự chiến đấu và Quân lực Việt Nam Cộng hòa đang diễn ra ác liệt, có nguy cơ bùng nổ dữ dội hơn. Máu đang đổ trên xứ sở chúng ta. Những người Thượng yêu dân tộc, yêu hòa bình không thể nhìn anh em, con cái mình đổ máu vô ích vì những tội hiềm. Được các vị tín nhiệm, là những người yêu hòa bình, yêu xứ sở và dân tộc, chúng tôi sẽ đem hết sức lực, khả năng làm cho hai dân tộc anh em cảm thông nhau, ngừng những cuộc bắn giết, đoàn kết lại trong cộng đồng Việt Nam.

Tiếng hoan hô vang dậy hội trường. Các đại biểu nhiệt liệt hưởng ứng lời ông Cố vấn.

Những ngày sau, Y Chôn lao vào hoạt động hòa giải. Ông Cố vấn hăng hái như không hề biết mệt. Ngày 24-9, Y Chôn gặp Vĩnh Lộc. Vĩnh Lộc hết lời khen ngợi “sáng kiến của Y Chôn” cho thành lập Ban đại diện để giúp Chính phủ kêu gọi bọn Thượng phản loạn đầu hàng. Y Chôn thảo một tuyên ngôn trình Vĩnh Lộc thông qua.

Ngày 25-9, Y Chôn xin đi trại Sarpa, Vĩnh Lộc nhìn Y Chôn lo ngại:

- Ngài có thể bị hành hung. Bọn Dân sự chiến đấu hung hãn lắm.

Biết đích xác là các quân nhân Thượng không động đến lông chân mình, Y Chôn biểu thị lòng dũng cảm:

- Là một công dân Việt Nam, được hy sinh cho nền an ninh xứ sở và tình thân hữu Kinh Thượng, tôi cho là một vinh dự. Xin ngài cứ yên tâm! Dù có chết tôi cũng vui lòng.

Chiếc máy bay trực thăng chở Y Chôn hạ cánh xuống Sarpa. Y Bách đón ông vào trại. Một cuộc thương thuyết riêng giữa hai người kín đáo diễn ra.

- Vĩnh Lộc đang tung quân ra dữ lắm, các anh hãy chỉ huy binh lính và thân nhân của họ sang ngay Căm-bốt. Ở đây, lực lượng khó bảo toàn – Y Chôn nói rõ ý đồ của Mỹ.

Y Bách lo lắng:

- Lực lượng đang chờ sẵn ở đây. Chúng tôi có thể chạy sang Căm-bốt bất cứ lúc nào, ngay hôm nay cũng được.

- Không nên! Một mình đồn này chạy, bọn Khánh sẽ cho quân ngăn chặn các đồn khác. Phải chờ tôi thông báo cho tất cả các đồn. Phải tìm cách lôi kéo thêm thanh niên, đồng bào. Không phải chỉ có quân nhân, phải có dân chúng đi theo để còn cản dự trữ mai sau nữa.

- Trước mắt, chúng tôi phải làm gì?

- Tò ra quy chánh để đánh lừa bọn Vĩnh Lộc.

Y Chôn đi một lượt dọc biên giới. Hiệu quả chuyển đi trông thấy ngay.

Sáng 28-9, Dân sự chiến đấu ở các trại Enao, Buôn Briêng, Bản Đôn, Miga, Sarpa nhận đầu hàng quân chánh phủ.

Ngay trưa 28-9, trung tướng Thủ tướng Nguyễn Khánh cùng đoàn tùy tùng, có binh lính hộ vệ, đáp trực thăng xuống trại Sarpa. Cùng đi với Thủ tướng có trung tướng Tôn Thất Đình, thiếu tướng Nguyễn Hữu Có, ba chuẩn tướng: Hoàng Xuân Lâm, Nguyễn Đức Thắng, Vĩnh Lộc.

Một buổi lễ “thượng quốc kỳ” được tổ chức vội vã. Nguyễn Khánh cùng các tướng nhìn binh lính Thượng, trong lòng hết sức căm ghét, nhưng ngoài mặt tỏ ra ân cần, thân ái.

Một sĩ quan Thượng, đại diện cho toàn trại, quỳ xuống, hai tay nâng ngang khẩu súng trước mặt trao cho thủ tướng.

Nguyễn Khánh cầm khẩu súng trên tay, tần ngần giây lát, biết nói thế nào cho hả giận đây? Bọn tội phạm cuộc đổ máu vẫn sờ sờ ra kia, trên bực danh dự nữa là khác, nhưng ông không thể công khai lên án họ được! Thôi thì cứ ngậm bồ hòn làm ngọt, ăn nói như trong mọi kỳ diễn thuyết xã giao là khôn ngoan nhất. Mặc dầu ông cầm chắc trong đám quan khách, ít nhất cũng có trên một người Mỹ vừa nghe vừa cười thầm, ông vẫn đồng dục:

- Tôi rất lấy làm tiếc, các chiến sĩ đã mắc mưu Cộng sản và ngoại bang, hiểu lầm Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa, gây nên cảnh nổi da xáo thịt, làm sứt mẻ tình đoàn kết Kinh Thượng. Giờ đây, anh em đã biết ăn năn, quy chánh. Vậy anh em hãy biểu lộ tinh thần hối cải ấy bằng hành động. Hãy đoàn kết chặt chẽ hơn nữa quanh Chánh phủ, hướng thẳng mục tiêu vào bọn Việt Cộng xâm lăng đang đe dọa nền an ninh xứ sở. Tôi trao lại khẩu súng này để anh em chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Sau lễ “thượng quốc kỳ”, Nguyễn Khánh cùng các tướng đến bên dãy mộ chôn 35 sĩ quan, binh lính người Kinh vừa bị Y Bách Ế Ban giết sáng ngày 20-9.

Đoàn làm lễ mặc niệm. Những vòng hoa đặt trên các nấm mộ màu đất mới. Những nén hương tỏa khói nghi ngút.

Trưa ngày 29-9, lại thêm một lễ long trọng nữa. Nhiều binh lính Thượng đại biểu cho những người quy chánh về tập hợp ở vận động trường Buôn Mê Thuật. Người ta giết 5 con bò làm lễ tế Yang. Lính Thượng quý thành hàng thẳng tắp. Những chén rượu cần xếp thành dãy dài trước

mất họ. Họ chấp tay cầu khẩn, xin Yang tha thứ tội lỗi, dắt họ đi trên con đường ngay thẳng, an lành.

Chuẩn tướng Vĩnh Lộc, đại tá Freund, thiếu tá tỉnh trưởng có mặt trong đoàn đại biểu đón tiếp.

Chiều hôm ấy, lễ gắn huân chương cho các vị trong Ban đại diện đã có công lao đóng góp vào sự đoàn kết Kinh – Thượng được tổ chức long trọng tại Sở chỉ huy Bộ tư lệnh sư đoàn 23 bộ binh. Y Chôn được thưởng huân chương “Sắc tộc bội tinh”.

Những người hiểu Y Chôn đều xì xào bàn tán.

Y Bliêng hậm hực nói với Freund:

- Tôi bị mất chức, Y Băm lưu vong, hàng trăm quân nhân Kinh – Thượng bỏ mạng để cho ông Y Chôn được thưởng mè đay. Ông Beachner thật là công bằng (!)

6. NHỮNG MẢNH VÁ VUN

Không còn bị lính của Vĩnh Lộc theo dõi sau khi quy hàng, các đội Dân sự chiến đấu Thượng chuẩn bị cuộc trốn chạy sang Miên khá dễ dàng... Sau khi nối liền được mối liên lạc giữa những kẻ cần đầu chủ chốt, hầu như cùng một thời gian, theo một kế hoạch thống nhất, Y Dơn, Y Nuin, Y Bách, Y Năm, Huỳnh Ngọc Sáng... cầm đầu binh lính Thượng ở các trại đồng loạt vượt biên giới sang Căm-bốt.

Thấy Y Băm có vậy cánh đông, Xi-ha-núc đành phải lùi kéo con bài này. Y Băm được vị Quốc trưởng chào đón nồng nhiệt và thân mật tiếp chuyện.

Để tỏ thiện chí, Quốc trưởng dành hẳn vùng Camp le Rolland (người Miên quen gọi là Bốt Chá, thuộc tỉnh Môn-du-ki-ri) cho Mặt trận Cao Nguyên làm hậu cứ.

Đó là một trại lính của quân đội Pháp dựng lên “từ thời đô hộ”, có những ngôi nhà đá cũ kỹ, ẩm mốc, những lô cốt rêu phủ xanh rì, những vòng dây thép gai màu nâu xỉn, cỏ mọc lút đầu người.

Y Băm phải huy động binh sĩ dọn dẹp, sửa sang. Dọc theo con suối nhỏ, ông cho dựng lên một dãy nhà sàn để các vị lãnh đạo mặt trận làm tư thất. Nhà của vị chủ tịch ở chính giữa, to, làm bằng gỗ quý, được tu sửa cẩn thận. Có vườn hoa, có rào cao. Hằng ngày, ngoài tiểu đội binh sĩ bảo vệ, thường xuyên có lính hầu, có bồi phục vụ... đi lại tấp nập.

Hậu cứ nằm cách biên giới Việt – Miên 15 cây số. Từ đây có thể liên lạc với trong nước thuận tiện.

Hàng ngày, một đoàn xe quân sự chở gạo, cá, rau...từ Nam Vang đến tiếp tế cho hậu cứ. Công việc tiếp tế do ông Tôn Ái Liên – Trưởng ban kinh tài Mặt trận Chàm – chỉ huy và bà Kossem làm bao thầu.

Bà Kossem vốn là nhà kinh doanh thạo mảnh lối làm giàu. Bà đang phát to. Tiền đồng bào Chàm nộp cho mặt trận bà được chồng giao giữ, liền biến thành của riêng. Bà dùng tiền đó xây Building , làm cư xá và khách sạn cho thuê, thu về những món tiền lớn. Bà còn hùn vốn vào các nhà hàng, các rạp chiếu bóng. Bà mở các hồ nuôi cá, các lò sát sinh...Giờ đây, bà lại vớ thêm cơ hội làm giàu: Nhận bao thầu cho hậu cứ của Mặt trận Cao Nguyên. Tháng tháng bà thu về hàng chục triệu Riel . Những lúc hồ hởi, bà mỉm cười và mắng yêu chồng: *“Ma quỷ xui khiến thế nào mà ông kéo lũ Thượng ấy sang để tôi suốt ngày túi bụi... đếm tiền”*.

Ngoài việc cử vợ và Tôn Ái Liên nắm cổ họng Y Bẫm, ông Kossem vẫn không quên ước mơ làm thủ lĩnh. Ông tìm cách lôi kéo những người Chàm trong Mặt trận Cao Nguyên về phía mình.

Được tin Huỳnh Ngọc Sáng theo Y Bẫm sang hậu cứ, Les Kossem cho triệu ngay chàng trai Chàm này về Nam Vang. Buổi tiếp kiến diễn ra khá thân mật. Vị chủ tịch Mặt trận Chàm ở Căm-bốt đón “nhà cách mạng” Chàm ở Việt Nam như người cùng quê hương, lâu ngày mới gặp lại. Les hỏi thăm về cố quốc, về đồng bào và về đời tư của Sáng. Tất nhiên là Sáng đã biết tạo ra cho mình một bản lý lịch của nhà chí sĩ sục sôi hận thù và đầy lòng ái quốc. Với sức sáng tạo của một hồn thơ, việc đó đối với Sáng đâu có khó. Huống gì đời cũng lắm chuyện hấp dẫn, chỉ cần tô vẽ khác đi một chút là Les Kossem tin ngay. Chẳng hạn: Xin đi lính Pháp thì nói là bị bắt lính. Chửi nhau với cảnh sát Diêm vì ức ruộng nhà bị đường lộ choán thì biến thành chuyện đấu tranh chống cường quyền. Còn các chuyện về cô Chiêm, cô Tím, cô Lữ, cô Đựng hay cô vợ thầy Chang, bị trời tay chỉ mặt thì biến thành chuyện tình yêu đang dở, hạnh phúc nát tan vì nghèo hèn, vì phong kiến, vì cường quyền chiếm đoạt v.v... Với một cuộc đời cay đắng như vậy, Sáng đã dứt khoát chọn con đường duy nhất, đấy là gác bỏ cuộc sống riêng tư, đi theo Y Bẫm làm cách mạng (!)

Huỳnh Ngọc Sáng dừng lại, mặt bừng bừng như bốc lửa. Les Kossem càng tin hơn – Cuối cùng ông gật gù gợi ý:

- Anh đã chọn được đường. Nhưng đó mới là một nửa con đường. Anh theo Y Bẫm, theo Mặt trận Cao Nguyên, theo bọn Thượng. Bọn Thượng không bao giờ thật sự đoàn kết với người Chàm ta. Chúng chỉ muốn giành quyền kiểm soát Cao Nguyên của chúng thôi, còn cái quốc gia Chàm ở đồng bằng thì thầy kệ! Chỉ có người Chàm mới thiết tha với sự nghiệp phục quốc Champa. Vì vậy, anh phải là thành viên của Mặt trận Chàm.

Hai người chia tay nhau. Sáng hứa đem hết sức mình, hoạt động vì sự nghiệp của mặt trận Chàm. Từ đó, Sáng thành chân tay đắc lực và tin cậy của Les Kossem, hoạt động ngầm trong Mặt trận Cao Nguyên.

Ít lâu sau, ban chấp hành Mặt trận Cao Nguyên họp để bàn chương trình hoạt động mới. Y Bẫm nêu vấn đề:

- Muốn đặt chương trình thì trước tiên phải các định điều này đã: Chúng ta sẽ tiếp tục đấu tranh như thế nào đây? Đấu tranh bằng vũ lực hay thương thuyết với Nguyễn Khánh?

Y Dhor nói ngay:

- Phải dùng vũ lực. Chỉ súng đạn mới nói chuyện được với bọn chúng.

Y Bham lắc đầu:

- Theo tôi, ta phải theo đường lối ôn hòa, có người Mỹ giúp sức vào, chắc ta sẽ thắng chúng bằng hòa đàm.

Y Dhor giãn giọng:

- Từ năm 1958 đến ngày 20-9 vừa qua, chúng ta đã tranh đấu bằng đường lối hòa giải, nhưng có ích gì. Chúng ta chỉ có lời nói, giấy tờ, còn người ta thì dùng gậy, súng đạn, nhà lao! Dùng thương thuyết, theo tôi chỉ là tự sát.

Hai vị chủ tịch và phó chủ tịch cãi nhau, không ai chịu nghe ai. Huỳnh Ngọc Sảng được Les Kossem vạch đường trước, thấy đã đến lúc cần tham gia vào cuộc bàn luận. Sảng nói:

- Theo tôi, phải đấu tranh bằng súng đạn. Chỉ có súng đạn mới trả lời được bọn người Kinh. Máu phải trả máu!

Y Dhor gật gù tán thành. Y Bham nhìn Sảng:

- Nhưng chúng ta không đủ súng đạn, lực lượng lại quá mỏng manh. Cuộc nổi dậy vừa rồi rõ ràng là chúng ta còn yếu, chưa thể thắng bọn Khánh được.

Điều thắc mắc rơi đúng vào cái bẫy Sảng đặt sẵn. Y mỉm cười sung sướng:

- Nếu cần thêm súng đạn, ta nên báo cho ông Kossem biết. Ông Kossem đủ uy tín làm cho ngài Xi-ha-núc giúp chúng ta. Cả sứ quán Pháp nữa, họ cũng sẵn sàng yểm trợ thêm.

Y Bham đã bỏ Pháp, theo Mỹ. Bây giờ trở lại với người bạn cũ ư? Y Bham cũng chẳng lạ gì Xi-ha-núc tham lam, xưa nay vẫn nhìn về Cao Nguyên với đôi mắt thèm muốn và đang muốn biến Y Bham trở thành tên quân gia của hắn. Vị Chủ tịch từ tốn trả lời Sảng:

- Chúng ta cần tự lực cánh sinh. Nhờ họ, sẽ gặp nhiều điều bất lợi, sẽ bị phụ thuộc hoàn toàn. Chúng ta viết thư cho ông Beachner và đại tá Freund, nhờ các ông giúp sức thì hơn.

Thấy Y Bham từ chối, Sảng liền tiếp:

- Người Mỹ giúp cả Khánh lẫn ta. Thật khó hiểu. Tôi thấy người Pháp vô tư, ủng hộ các dân tộc nhược tiểu chúng ta hơn.

Nói rồi Sáng quay sang nhìn Y Dhon như nhắc nhở. Vị Phó chủ tịch vẫn giữ thái độ cứng rắn:

- Tôi hoàn toàn ủng hộ ý kiến ông Sáng: tự lực cánh sinh, trông chờ người Mỹ, thắng lợi sẽ tuột khỏi tầm tay ta.

Y Bھm thấy bị cô lập nhưng không hề nhàn nhượng, khẳng khái giữ quan điểm của mình.

Huỳnh Ngọc Sáng đến Nam Vang gặp Les Kossem và Châu Đêra. Les Kossem hé mở:

- Quốc trưởng vừa ra lệnh cho chúng ta phải tìm mọi cách nắm lấy Mặt trận Cao Nguyên. Phải tìm mọi cách nắm lấy người Thượng và người Chăm ở Việt Nam, biến họ thành người Thượng và người Chăm Căm-bốt. Vậy chúng ta phải bàn cách thực hiện lời dạy sáng suốt đó. Ông vừa ở Bốt-Chá về, xin cho biết ý kiến.

Huỳnh Ngọc Sáng hăm hở:

- Thừa hai vị, tôi vừa được chứng kiến cuộc tranh luận giữa Y Bھm và Y Dhon. Y Bھm chủ trương tranh đấu ôn hòa, dựa vào Mỹ đòi Khánh trả Cao Nguyên cho chúng. Y Dhon chủ trương tranh đấu bằng vũ lực. Vì thế, theo tôi, ta phải nắm lấy Y Dhon, cô lập Y Bھm, dùng Y Dhon lật đổ Y Bھm và nắm lấy bọn Thượng.

Les Kossem mỉm cười:

- Phế Y Bھm trong lúc này không có lợi. Y Bھm là phó tỉnh trưởng, có uy tín với dân chúng Thượng. Bọn Thượng lạc hậu, có biết gì. Cứ thấy Y Bھm làm quan to lại chống người Kinh là nghe theo. Vì vậy, phải lợi dụng uy tín của hă. Theo tôi, hiện giờ trên đất Căm-bốt này, về thực tế chúng ta đã có 3 mặt trận: Mặt trận Kơ-me Hạ do ngài Châu Đêra làm chủ tịch, Mặt trận Chăm do tôi lãnh đạo, còn Mặt trận Kơ-me Thượng chưa có ai làm chủ tịch. Giờ lại thêm Mặt trận của Y Bھm nữa là bốn, ta hãy nhập hai mặt trận Kơ-me Thượng của ta và Mặt trận Cao Nguyên của Y Bھm lại, cho Y Bھm làm luôn chủ tịch để dần dần biến tổ chức này thành của ta, và người Thượng Việt Nam sẽ đồng hóa thành người Thượng Căm-bốt. Như vậy, Cao Nguyên tự nhiên sẽ chuyển hóa về Căm-bốt.

Châu Đêra liên hệ luôn đến vị trí của mình và số người Việt gốc Miên ở Nam Bộ:

- Theo kế hoạch này thì ta cũng sẽ biến được người Kơ-me Việt Nam thành người Kơ-me Căm-bốt.

Les Kossem được vị Chủ tịch an ninh quân đội tán thưởng, tươi cười tiếp:

- Tuy nhiên, Y Bھm là tên xảo quyệt, lại được Mỹ đỡ đầu, nên ta phải hết sức tế nhị và thận trọng. Nếu ta để lộ ý đồ lâu dài ra hoặc làm căng quá, nó cùng bọn Thượng cháy hết về Việt Nam thì ta tay trắng.

Châu Đêra cười khùng khục:

- Y Băm đang lưu vong trên đất ta, nhận tiếp tể lương thực, vũ khí của ta, đâu dám cứng cổ chống lại. Theo tôi, nếu hấn nhận nhập bọn Thượng Việt Nam vào Mặt trận Khor-me Thượng của ta thì ta tiến lên một bước cao hơn: lấy lý do là cả ba mặt trận đều chiến đấu cho mục tiêu chung, ta sát nhập quách ba mặt trận lại. Ta nắm lấy quyền lãnh đạo, biến hấn thành tay sai, không có quyền hạn gì.

Huỳnh Ngọc Sáng e dè:

- Thừa hai vị chủ tịch, tôi rất biết Y Băm. Già néo đứt dây, sợ rằng hấn sẽ tìm cách chống lại ta! Thằng già ấy khôn lắm!

Vị Chủ tịch Mặt trận Khor-me nhún vai khinh bỉ:

- Nếu thằng già ấy không chịu nghe, ta sẽ kiếm một tên Thượng khác thay hấn làm chủ tịch, thiếu gì? Y Dhon, Y Năm hoặc tên nào đó!

Les Kossem không thích bọn này, Y Dhon, Y Năm, Y Nuin đều là những tên vừa lập chiến tích trong vụ binh biến 20-9 vừa qua, có vốn liếng để kèn cựa với mình khi được thay Y Băm. Cần chọn tên nào đó ở cương vị thấp hơn, chưa có chiến tích gì đáng kể, sẽ dễ bảo hơn. Vị lãnh tụ Chăm nhưn người trên ghế:

- Tôi cố giữ ấn tượng tốt về hai tên liên lạc viên của Y Băm. Xem ra chúng trung thành với ta lắm.

- Ngài muốn nhắc đến Y Bun Sor và Y Sênh Niê? – Sáng hỏi.

Les Kossem gật đầu:

- Đúng, đúng! Hai tên ấy. Ta sẽ chọn một trong hai tên ấy.

*

* *

Huỳnh Ngọc Sáng trở lại Bót Chá thông báo với Y Băm, Y Dhon về dự kiến của Les Kossem thực hiện ý đồ của Xi-ha-núc định tổ chức Đại hội thống nhất bốn mặt trận lại trên đất Căm-bốt. Y Băm hiểu ngay âm mưu người Miên, bực bội:

- Không được, không được. Mặt trận chúng ta riêng biệt, không có dính dáng gì đến bọn Miên cả! Chúng ta chỉ mượn đất của họ làm hậu cứ thôi! Sao họ lại bắt ta nhập Mặt trận Cao Nguyên vào mặt trận Miên Thượng? Rồi lại sát nhập ba mặt trận với nhau để họ chỉ huy, biến ta thành lính đánh thuê?

Mặc cho Huỳnh Ngọc Sảng khuyên giải thế nào, Y Bẫm cũng không thi hành thông báo của Châu Đêra và Les Kossem, không chịu về Nam Vang họp. Ông buồn bã:

- Tránh hồ gặp báo. Ở trong nước thì bị bọn thực dân Kinh chèn ép, sang đến đây lại bị bọn lân bang lợi dụng. Thà về đầu hàng bọn Khánh còn hơn làm nô lệ cho bọn Miên!

Được biết sự nghi ngờ của Y Bẫm, Châu Đêra và Les Kossem liền trình Xi-ha-núc. Xi-ha-núc khuyên hai lãnh tụ Miên, Chăm hãy bình tĩnh, để mặc Quốc trưởng có cách thu phục “tên người rừng khôn ngoan”.

Châu Đêra và Les Kossem chẳng phải chờ đợi lâu. Mùa xuân năm 1965, hai người được vời vào Hoàng cung họp bàn về một sự kiện trọng đại.

Theo sáng kiến của mấy nước lân bang và được người Pháp nhiệt liệt ủng hộ, thì thời gian tới, thủ đô Nam Vang được chọn làm nơi đăng cai cho một hội nghị quốc tế quan trọng: Hội nghị nhân dân Đông Dương. Thành phần hội nghị bao gồm các phái đoàn đại diện cho những quốc gia và những thế lực chánh trị có ảnh hưởng lớn ở vùng này. Vì lẽ đó, mà tổ chức nào được mời đến hội nghị sẽ mặc nhiên giành được cho mình vị trí khu vực và vị trí quốc tế không thể chối cãi. Là người đăng cai, Xi-ha-núc có nhiều quyền hạn trong việc cho các đoàn đại biểu đến nước mình. Ông sẽ triệt để lợi dụng lợi thế đó để nâng những mặt trận của Châu Đêra và Les Kossem lên ngang tầm vóc những phái đoàn khác. Ông ưu tiên đặc biệt cho Mặt trận Cao Nguyên của Y Bẫm và sẽ dành cho phái đoàn Y Bẫm những hoạt động chính thức như những phái đoàn khác kể cả quyền đọc diễn văn nêu lên yêu sách của mình. Nhưng vì ông là người đăng cai, có trách nhiệm đưa hội nghị đến thành công tốt đẹp nên ông yêu cầu bài diễn văn của Y Bẫm chỉ nên chú ý nêu bật một số vấn đề mà ông sẽ dặn dò kỹ lưỡng khi gặp riêng.

Cái tin được dự hội nghị nhân dân Đông Dương làm cho Y Bẫm sung sướng. Thế là tiếng nói của ông sẽ vang lên toàn Đông Dương và trên trường quốc tế. Ông dự định trong diễn văn sẽ lên án thực dân Việt Nam, đòi giải phóng Cao Nguyên... Ông sẽ đưa vào diễn văn. Mãi cho đến khi Les Kossem tế nhị cho biết, diễn văn đã được Đại sứ Pháp và chuyên viên Căm-bốt chuẩn bị rồi thì Y Bẫm thấy xấu hổ và nghèn nghẹn trong cổ.

Ngày hội nghị khai mạc, khi thấy Les Kossem dặt tay Y Bẫm thân mật đi vào, Xi-ha-núc cười rung cặp má phị:

- Xin chào vị lãnh tụ anh minh của dân tộc Thượng! Trong hội nghị này ngài sẽ gặt hái được nhiều kết quả. Mặt trận Thượng sẽ tồn tại ở Đông Dương. Tôi hy vọng một ngày gần đây, nước thứ tư ở Đông Dương sẽ ra đời – nước Cao Nguyên độc lập. Tôi chân thành giao Mặt trận Khơ-me Thượng cho ngài lãnh đạo.

Y Bẫm biết thừa là Xi-ha-núc chơi lại nước cờ mà ông đã một lần lật tẩy trước mặt Les Kossem, nước cờ biến mình thành tay sai, lãnh tụ hờ của Mặt trận Khơ-me Thượng. Nhưng việc được mời đi dự hội nghị quan trọng này là một đặc ân quá lớn làm Y Bẫm choáng ngợp, vì thế ông không thoát khỏi cái tình thế “ăn xôi chùa ngọng miệng” như người Kinh thường nói.

Ông đón bài diễn văn đã chuẩn bị sẵn trong tay Xi-ha-núc và cúi gập người nói bằng tiếng Pháp: “*Mọc-xi! Mọc-xi!*”.

Một buổi sáng ở hậu cứ Bốt Chá.

Như thường lệ, giờ làm lễ chào cờ đã đến. Mấy tiếng còi rúc lên. Các “chiến sĩ giải phóng Cao Nguyên” tập hợp trước sân theo từng khối. Khối “Dân sự chiến đấu” mặt mày hốc hác, tóc dài, râu rậm, quần áo rằn ri nhem nhuốc. Khối nông dân thì đóng khố, mình trần trụi, đen bóng.

Khối viên chức thì mặc com-lê. Có vị khoác Véc-stông, nhưng lại đóng khố, để lộ đôi chân mốc thối.

Một góc sân, đám đàn bà con gái mặc đủ kiểu. Người mặc váy áo ka-ki của nữ chiến sĩ Cộng hòa. Người thì mặc váy đen, mình trần, vú vê thõn thện. Người thì điệu trên lưng những đứa con nhỏ quặt quẹo.

Đoàn văn công với những bộ công, bộ chiêng to nhỏ. Một chiếc đàn tờ-rưng buộc những tua vải xanh đỏ, gió bay phơ phất.

Họ đứng ử rữ, buồn bã. Dường như ai cũng chán nản và mệt mỏi.

Lại một hồi còi lãnh lót. Đám đông nháo nhác chỉnh đốn đội ngũ. Sau một tiếng hô lớn, ban ca nhạc cử bài Quốc ca Ê-đê-ga. Tiếng chiêng sầm sập, tiếng trống âm âm, chen lẫn tiếng hát thanh thanh của tốp ca nữ.

“Nhân dân Ê-đê-ga cùng dấy cung tên, hy sinh cuộc đời. Một lòng tiêu diệt quân thù, giải phóng quê hương tươi đẹp rạng ngời.

Bọn xâm lược Kinh ta đánh tan. Bọn thực dân Kinh ta đánh gục.

Để cho nhân dân Ê-đê-ga vượt qua vòng nô lệ đến quang vinh.

Vì đất nước Ê-đê-ga, vì tự do, vì sự sống còn.

Đồng bào ơi hãy vùng lên, vùng lên, vùng lên...”

Trong tiếng hát gào to, lá cờ uể oải kéo lên, lộ rõ mảnh màu xanh lá cây tượng trưng cho núi rừng; mảnh màu đỏ tượng trưng cho chiến đấu; ngôi sao và mặt trăng tượng trưng cho lãnh tụ anh minh... Y Băm quen giải thích như vậy cho chiến hữu.

Lễ chào cờ kết thúc. Y Băm thông thả trở về ngôi nhà dành cho chủ tịch mặt trận. Xung quanh ông, cảnh huyên náo hằng ngày lại nổi lên. Tiếng máy bay trực thăng gào âm âm, tiếng súng bắn tập ở quân trường loạn xạ. Tiếng đoàn xe vận chuyển quân lương của nhà bao thầu Kossem phu nhân. Và cả tiếng người nữ. Thôi, thì đủ thứ ngôn ngữ sắc tộc khác nhau của Ê Ê,

Ba Na, Gia Rai, Ka Ho. Chỉ tiếng trẻ con khóc thét và tiếng đàn bà chửi nhau thì sắc tộc nào cũng giống nhau vậy...

Trong ngôi nhà chủ tịch, các vị lãnh đạo Mặt trận Cao Nguyên đã tề tựu. Hôm nay, họ có một cuộc hội ý để bàn chủ trương hoạt động. Từ sau Hội Nghị nhân dân Đông Dương, họ vẫn chưa có dịp bàn đến vấn đề quan trọng này. Dù không thống nhất với nhau về nhiều mặt, thì ít nhất họ cũng đánh giá như nhau về ý đồ của Xi-ha-núc và của người Pháp đối với họ đã bộc lộ khá rõ trong cuộc hội nghị. Tại cái hậu cứ mang tên Pháp trên mảnh đất Căm-bốt này, Mặt trận Cao Nguyên của họ chưa có vai trò nào hơn là góp thêm một cái cọc cho thể đứng của Xi-ha-núc và Pháp. Họ cảm thấy đang bị một sức đẩy đưa dẫn họ đến vị trí phụ thuộc. Vì vậy, họ cố thủ trong cái Camp le Rolland này, rèn luyện đội ngũ, mong tạo thực lực cơ hồ có thể xoay trở được trong vòng tay ôm ấp họ.

Cánh cửa lim nhà sàn hé mở. Một dân vệ gác cửa bước vào trình có ông Huỳnh Ngọc Sảng từ Nam Vang về cần gặp Y Băm, cùng các vị lãnh đạo khác. Y Dhon, Y nuin, Y Năm đều quay mặt lại chờ đợi.

- Thừa các vị – Sảng long trọng truyền đạt như Les Kossem đã dặn – Quốc trưởng triệu tập lãnh tụ của ba mặt trận về Nam Vang mở đại hội lập một mặt trận thống nhất bao gồm cả ba mặt trận hiện hữu. Hai phái đoàn Khor-me Hạ, Chăm đang có mặt ở Nam Vang, chỉ còn đợi đại biểu Mặt trận Cao Nguyên ta.

Ai nấy cố nén một tiếng thở dài. Nước cờ họ nom nớp chờ đợi có lẽ đã đến giờ ra mắt rồi.

Y Dhon nhìn vị chủ tịch thăm dò, rồi mới hỏi thẳng:

- Trước Hội nghị nhân dân Đông Dương, ông Les Kossem cũng đã yêu cầu ta hợp để thống nhất tổ chức, ta chưa tán thành. Bây giờ, ý ngài thế nào?

Hỏi mà đề hỏi thôi, chứ Y Dhon cũng như những nhà lãnh đạo khác đều đã đoán ra trước câu trả lời của chủ tịch Y Băm hay là của họ – cũng như thế, nếu họ ngồi vào ghế chủ tịch.

- Ta cứ đi dự xem họ tổ chức như thế nào. Điều quan trọng là có thực lực, còn thống nhất thành một hay vẫn để ba không quan trọng gì.

Đại hội thành lập “*Mặt trận thống nhất các dân tộc thiểu số Căm-bốt*” được tổ chức ở Nam Vang. Châu Đêra, Les Kossem, Y Băm dẫn đầu ba phái đoàn của ba mặt trận tham dự. Quốc trưởng Xi-ha-núc đến thăm và động viên. Ngài căn dặn những điều chung nhất như đoàn kết, thống nhất, chống chia rẽ và biết giữ kín những điều cụ thể chưa nên nói.

Đại biểu các mặt trận đọc diễn văn. Ai cũng hứa sẽ thực tâm đoàn kết. Về tên gọi thì họ nhất trí ngay. Mặt trận được mang tên bằng tiếng Pháp: Front Unifié de Lutte des Races Opprimées . Gọi tắt là FULRO. Nhưng khi bầu ban lãnh đạo thì họ cãi nhau nảy lửa. Mặt trận Khor-me Krôm đòi Châu Đêra làm chủ tịch. Mặt trận Chăm đòi Les Kossem làm chủ tịch. Mặt trận Cao Nguyên đòi Y Băm phải là người đứng đầu.

Cuộc thảo luận kéo dài hai ngày, không đi đến thống nhất. Các đại biểu dọa bỏ về. Châu Đêra phải trình Xi-ha-núc. Quốc trưởng khôn ngoan đề ra một phương án tổ chức: Làm thế nào để ai cũng có vị trí đứng đầu, nhưng thực lực vẫn nằm trong tay người Miên, Y Băm chỉ có danh nghĩa. Theo phương án này thì Mặt trận có ba cơ quan tối cao lãnh đạo. Thì Đức Chúa Trời chẳng phải có ba ngôi bằng nhau là gì? Chuyện khó hiểu thế mà hàng tỷ người theo đạo Thiên chúa vẫn công nhận thì sao? – Những người nghĩ ra phương án lập luận thế!

Ba cơ quan tối cao lãnh đạo đó là:

Hội đồng tối cao do:

CHÂU ĐÊRA làm chủ tịch

PÔNAGAR làm đệ nhất phó chủ tịch

Y BHĂM làm đệ nhị phó chủ tịch

Hội đồng bảo trợ do:

PÔNAGAR làm chủ tịch

CHÂU ĐÊRA làm đệ nhất phó chủ tịch

Y BHĂM làm đệ nhị phó chủ tịch

Ủy ban chấp hành Trung ương do:

Y BHĂM làm chủ tịch

CHÂU ĐÊRA làm đệ nhất phó chủ tịch

PÔNAGAR làm đệ nhị phó chủ tịch.

7. ĐẰNG SAU NHỮNG CUỘC THƯƠNG THUYẾT

Trở về Bốt Chá, Y Băm biết rằng mình chỉ là bù nhìn, còn thực lực thì do Châu Đêra và Les Kossem nắm. Để đối phó lại, ông đẩy mạnh hoạt động độc lập, cố tách khỏi trung ương. Ông cải tổ Mặt trận Cao Nguyên, lập ra Ban chấp hành mới có 7 Tổng ủy viên điều hành công việc như một chánh phủ, tuy vẫn giữ tên gọi mặt trận là FULRO.

Về phía mình Châu Đêra và Les Kossem cũng muốn gây thanh thế riêng.

Nhưng vì Châu Đêra bận vào nhiệm vụ tổ chức quân đội Hoàng gia nên Mặt trận Khơ-me Hạ hầu như không hoạt động. Công việc của FULRO do Les Kossem điều hành. Ông coi FULRO như tổ chức của Mặt trận Chăm.

Ông cải tổ “Hội đồng tối cao” thành “Ủy ban chấp hành tối cao” và nắm lấy quyền lãnh đạo.

Về đối nội, ông lập ra ba ban: tình báo, kinh tài và phát triển giáo dục.

Ban tình báo chuyên thu thập tin tức, tung người về Việt Nam phá hoại, móc nối cơ sở.

Ban kinh tài lo thu tiền đóng góp của nhân dân, tiếp tế cho hậu cứ của Y Bham, và mạnh dạn hơn, ông bao thầu việc cung cấp lương thực cho căn cứ Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam để kiếm lời. Ban kinh tài do vợ ông điều khiển.

Ban phát triển giáo dục lo tìm người đi học ngoại quốc, nghiên cứu về dân tộc Chăm.

Đối ngoại, ông mở chiến dịch ngoại giao vận động các nước ủng hộ FULRO, đặt các tổ chức hải ngoại yểm trợ FULRO. Nước đầu tiên ông vận động là Thái Lan.

Ông biết rõ có 40 vạn người Thái Lan gốc Chăm, và trong quân đội Hoàng gia Thái cũng có hai vị tướng người Chăm, một tướng không quân. Ông bay đi Vọng Các, gặp hai vị tướng và những kiều dân Chăm. Hai vị tướng vận động dân Chăm thành lập “Tổ chức người Chăm chính thống tiến bộ” để ủng hộ Les Kossem.

Tiếp theo ông đáp máy bay đi Gia-các-ta gặp tổng thống Xu-các-nô. Ông cho rằng ở Nam Dương có 2 triệu người Chăm chính thống. Họ dùng ghe thuyền di cư sang đây từ thế kỷ thứ 14 đến thế kỷ thứ 16, luôn luôn bị khinh rẻ, chèn ép trên đất khách quê người nên không khỏi mơ ước một cuộc sống tự do, độc lập.

Tổng thống Xu-các-nô cùng Les Kossem ký một mật ước “Nam Dương – FULRO”. Tổng thống rút ra 2 lữ đoàn Para-Com-măng-đô chừng 8000 người, trong số quân trừ bị đã từng anh dũng đánh tan quân Mã Lai, để làm quân yểm trợ cho công cuộc “phục quốc Champa” của Les Kossem. Về nước, Les Kossem kết bạn thêm với đại tá Su-sê-nô – tùy viên quân sự Đại sứ quán Nam Dương tại Nam Vang. Thông qua Su-sê-nô, Les Kossem nhận các khoản viện trợ của Nam Dương. Sau đó, ông dự định đi các nước Ả Rập và Pháp.

Được các thế lực trong nước và nước ngoài ủng hộ, Les Kossem phát huy thanh thế, tìm cách nắm Y Bham và những người Thượng, Chăm trong Mặt trận Cao Nguyên. Nếu như Y Bham không nghe, ông sẽ hất và đưa Y Dhom lên thay thế.

*

* *

Ở hậu cứ, Y Băm lo lắng vì Les Kossem ngày càng nắm hết quyền hành, biến ông thành tay sai. Y Băm bắt đầu tìm cách liên lạc với Mỹ, nhờ Mỹ ép Thiệu, Kỳ để cho FULRO về Việt Nam, thoát khỏi áp lực của Les Kossem.

Còn Y Dơn, Y Nuin, Y Năm, Y Băm Kpơ thì vẫn căm lỏi lật lọng của Mỹ, nên phản đối, đòi tấn công Thiệu, Kỳ đến cùng.

Hai vị Chủ tịch và Phó chủ tịch chẳng ai chịu nghe ai. Dần dà mặt trận hình thành hai nhóm lãnh đạo. Nhóm của Y Băm, gọi là nhóm “Dân sự”, có: Y Dhé, Y Prêh, Y Bling, Y Thih... Nhóm của Y Dơn gọi là nhóm “Quân sự”, có Tổng tham mưu trưởng Y Băm Kpơ, Tổng tham mưu phó Y Năm...

Thuyết phục Y Dơn không được, ngày 19-7-1965, Y Băm tự ý quyết định cử Y Ngo, Y Sênh, Y Nham do Tổng ủy viên Ngoại giao Y Prêh dẫn đầu về Buôn Mê Thuột tìm lối thoát.

Phái đoàn gặp đại tá cố vấn vùng II chiến thuật Kersting (người vừa thay đại tá Freund) xin một khu vực đóng quân, xin tiếp tế lương thực và vũ khí. Kersting nhận lời và lệnh cho Vĩnh Lộc bàn giao địa điểm.

Vĩnh Lộc tức điên lên. Khi gặp phái đoàn FULRO ở trụ sở Bộ tư lệnh sư đoàn 23 bộ binh, Vĩnh Lộc lạnh nhạt, nhùng nhằng không chịu thi hành các điều FULRO yêu cầu.

Y Dơn cùng phái quân sự càng có cơ sở để chế giễu đường lối thương thuyết của Y Băm. Để chứng minh cho đường lối cứng rắn của mình, họ ra lệnh cho Na Guh dẫn 200 FULRO về biên giới, tổ chức cướp trại Buôn Briêng, là một trại có nhiều lính Thượng, để lấy tiếng.

Được Dân sự chiến đấu làm nội ứng, FULRO vượt rào vào trại. Họ trói tất cả các quân nhân người Kinh, hạ cờ ngụy quyền Sài Gòn xuống, kéo cờ FULRO lên.

Trận đánh nổ ra vào một thời điểm chính trị lợi cho phái Y Dơn. Lúc này là lúc Mỹ thua đậm trong những trận Đồng Xoài, Ba Gia... Bị những cú choáng váng đầu tiên đó, cái chủ trương đổ bộ ồ ạt vào miền Nam Việt Nam bắt đầu gây nhiều dư luận sôi nổi khiến Nhà trắng đau đầu. Thiệu, Kỳ đã được đưa lên thay Khánh. Nhưng cái Ủy ban lãnh đạo quốc gia và cái Ủy ban hành pháp Trung ương với những cái tên rất tân kỳ và cách mạng của nó vẫn không đem lại chút ảnh hưởng chính trị gì. Tình hình này, mảnh đất Tây Nguyên dễ bị rơi vào ảnh hưởng Pháp và Xi-ha-núc lắm, mà Mỹ khó rảnh tay đối phó được. Phải tìm cách xoa dịu nó đã rồi thư thả sẽ tính sau.

Đại sứ Mỹ liền giao cho Phó đại sứ U. Alexis Johnson và đại tướng Morton, tổng chỉ huy quân đội Mỹ tại Việt Nam, giải quyết vấn đề FULRO. Ngài Phó đại sứ tìm mọi biện pháp lôi kéo FULRO về hợp tác với Thiệu, tập trung sức đối phó với Mặt trận Giải phóng và Mặt trận Tây Nguyên tự trị lúc đó đang mở các trận tấn công dữ dội hơn, nhất là ở Tây Nguyên, địa bàn chiến lược.

Một phái đoàn gồm đại tướng Morton, thiếu tướng Tổng ủy viên chiến tranh Nguyễn Hữu Cồ, chuẩn tướng Tư lệnh vùng II chiến thuật Vĩnh Lộc được thành lập để đón phái đoàn FULRO.

Hữu Có uất lên tận cổ, nói với Vĩnh Lộc:

- Ta đã khổ với bọn Mọi này mấy năm nay rồi. Tại sao người Mỹ nói ủng hộ chúng ta mà lại cho bọn Mọi trèo đầu trèo cổ ta thế?

Vĩnh Lộc thở dài không trả lời.

- Vào hội đàm ta nên có thái độ thế nào? Hữu Cơ lại hỏi.

- Thật là khó. Không nhượng bộ thì người Mỹ phật ý, gây khó dễ cho ta. Nhượng bộ thì bọn Mọi lên mặt, leo thang lấn ta. Theo tôi, kẻ hay nhất là “miệng gọi, tay đẩy”. Ta cứ hứa nhận mọi yêu sách của FULRO, nhưng ta không thực hiện.

Thế là, vào hội đàm, hai vị tướng tỏ ra nhũn nhặn, có thiện chí, thực hiện răm rắp ý kiến của đại tướng Morton và đệ lên Nguyễn Văn Thiệu.

Kết quả, một bản “Thông cáo của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa gửi FULRO được đưa ra ngày 2-8-1965. U. Alexis Johnson và Morton rất hài lòng, khi thấy có những câu:

“Chính phủ sẵn sàng dành cho anh em mọi địa vị xứng đáng trong cơ cấu quốc gia, tại trung ương cũng như địa phương để anh em có cơ hội cùng Chính phủ phục vụ đất nước và dân tộc

Trong giai đoạn khó khăn này chính phủ mong mọi anh em hãy đặt quyền lợi tối cao của tổ quốc trên hết và sớm trở về đoàn tụ cùng đại gia đình dân tộc”.

Johnson cũng ra “Thông cáo của Chính phủ Hoa Kỳ” gửi FULRO, tha thiết kêu gọi Y Bham:

“Chính phủ Hoa Kỳ thành thật mong rằng ông cùng các cộng sự viên sẽ đồng ý với chúng tôi và cố gắng hợp tác với Chính phủ Việt Nam để thanh trừ mối đe dọa Cộng sản và xây dựng xã hội kinh tế cũng như chính trị cho xứ sở theo ý muốn của toàn dân...Nếu Chính phủ Việt Nam và ông Y Bham mong muốn và yêu cầu, Chính phủ Hoa Kỳ sẽ sẵn sàng hiện diện làm quan sát viên trong bất cứ cuộc thảo luận nào giữa hai bên...”.

Bản thông cáo được chính Phó đại sứ U. Alexis Johnson ký tên.

Y Prêh và phái đoàn mang hai thông cáo về hậu cứ. Y Bham cùng ban chấp hành họp bàn.

Thấy đã đạt thắng lợi bước đầu, Y Dhor lệnh cho Nay Guh rút quân khỏi Buôn Briêng. Khi rút, Nay Guh kéo theo 181 Dân sự chiến đấu ở Buôn Briêng cùng tất cả vũ khí. Y Dhor và phái Quân sự càng coi thường Y Bham, càng liên minh chặt chẽ với Les Kossem tìm cách nắm lấy quyền lãnh đạo Mặt trận Cao Nguyên.

Tuy vậy, vấn đề trở về hay không trở về, vẫn còn là điều bất đồng giữa hai phái “Dân sự” và “Quân sự”.

Y Bấm lập luận:

- Phải coi hai văn bản Thông cáo là cơ sở pháp lý. Cần phải tập trung sức lực để chống Việt Cộng, Thượng Cộng. Bọn Cộng sản còn nguy hiểm gấp trăm lần bọn Thiệu – Kỳ. Phải hợp tác với Thiệu – Kỳ chống Cộng. Chiến thắng xong Cộng sản ta sẽ chống Thiệu – Kỳ, giành độc lập hoàn toàn cho Cao Nguyên.

Y Dzon không chịu, đập lại:

- Người Mỹ bảo chúng ta nổi lên, xui chúng ta sang đây, giờ lại bắt chúng ta về! Ta không thể mù quáng theo họ được. Phải đấu tranh đến cùng. Khi ra đi, ông chả hứa với chúng tôi như thế là gì?

Mặc cho Y Dzon cùng phái “Quân sự” phản đối, Y Bấm đơn phương cử một phái đoàn thương thuyết do một người thân tín là Y Dhé cầm đầu về hòa đàm lâu dài với Chính phủ Việt Nam. Đoàn được mang tên là “Ban đại diện Chính phủ lâm thời Cao Nguyên”.

Y Dhé cũng là một viên chức kỳ cựu của Pháp, người sắc tộc Ê Đê. Trước khi vào FULRO, ông làm huân sự thủy lâm ở Buôn Mê Thuật: Y Dhé được Y Bấm coi là một trong hai người có tài ngoại giao nhất của FULRO (người kia là Tổng ủy viên Ngoại giao Y Prêh) vì Y Dhé rất khôn ngoan và có tài xoay xở. Hồi còn làm huân sự thủy lâm, ông đã từng ăn những món tiền đút lót rất bầm của các chủ đồn điền cao su, cà phê và của các nhà có rầy cần dẫn nước vào tưới.

Được Y Bấm giao lập Ban đại diện, Y Dhé kéo luôn các chân tay thân tín cùng phe cánh vào chiếm những ghế quan trọng trong Ban. Vẫn chưa yên tâm và để tránh mọi điều bí mật khỏi lọt vào Y Dzon, y xin với Y Bấm cho con rể mình là trung tá FULRO Y Nham vào làm ủy viên liên lạc giữa hậu cứ vào “Ban đại diện”.

Thấy Y Bấm độc đoán lập phái đoàn thương thuyết, Y Dzon cùng phái Quân sự cũng không chịu bó tay, liền cử một trung đoàn FULRO, do trung tá Y Djao chỉ huy, về đóng ngay tại Buôn Buô, cạnh cầu 14, để khống chế và thăm dò Y Dhé. Y Djao được quyền báo cáo trực tiếp với Y Dzon không cần thông qua Ban đại diện. Y Djao còn liên hệ ngầm với lính Thượng các trại ở Đắc Lắc lấy vũ khí, lương thực, chuẩn bị lực lượng chống lại Y Bấm.

Y Bấm và Y Dhé coi trung đoàn này như một cái gai, nhưng vì phe “Quân sự” đang mạnh nên họ chưa làm gì được. Tốt hơn hết là cứ lờ đi, coi như không biết hành động ngầm ngầm của Y Djao.

Y Dhé cùng phái đoàn về Buôn Mê Thuật ngày 23-8-1965. Vừa đến nơi, trong khi các đoàn viên còn nghỉ ngơi, thăm hỏi gia đình thì Y Dhé, Y Nham cùng H'zap (vợ Y Dhé) bàn ngay cách lợi dụng danh nghĩa “Ban đại diện” để vơ vét làm giàu. Bà H'zap vốn là người tinh khôn, thạo buôn bán, liền làm “cố vấn” cho chồng trong việc “làm ăn” rất tinh vi, vừa được tiếng vừa được miếng. Để làm ăn trót lọt, bà kéo luôn Y Tang, ủy viên kinh tài Ban đại diện, vào “cánh” với chồng nhằm che mắt thiên hạ và bịt mồm vị ủy viên có thể biết mách khéo của vợ chồng bà.

Sau khi tính toán thật kỹ lưỡng, Y Dhé dùng ngay nhà mình ở buôn Alêa làm trụ sở “Ban đại diện”. Một tấm biển lớn đỏ chói, viết bằng chữ vàng tươi “Ban đại diện Chánh phủ Lâm thời Cao Nguyên” được treo ngay trước cổng ngôi nhà sàn dài.

Trụ sở Ban đại diện ngày ngày nườm nượp người ra vào. Người đến thăm hỏi sức khỏe Y Bhăm; người đến nhờ chuyển thư cho con cái. Cũng có người đến xin cho chồng, con về vì đã một năm nay, nghe nói chồng, con họ cực khổ. Và rất nhiều người mang quà, phần lớn là gà, gạo đến ủng hộ Ban đại diện, vì các vị trong Ban đại diện “làm việc không lương, chịu bao điều gian nan, nguy hiểm”. Về đây các vị phải sống thấp thỏm, nguy hiểm. Bọn cảnh sát Thiệu để chơi xỏ, bắt cóc hoặc thủ tiêu lắm chứ.

Ai gọi lời thăm hỏi vị chủ tịch vĩ đại và các lãnh tụ, chiến sĩ FULRO thì được ông Trưởng ban đại diện đón tiếp để chuyển lời sang hậu cứ. Ai gửi quà cáp ủng hộ FULRO thì Trưởng ban đại diện phu nhân nhận, chuyển vào trong buồng rồi cho ra chợ. Một tay bà lo liệu tất. Bà vừa là kế toán, vừa là thủ quỹ, thủ kho.

Cứ những kỳ tổ chức lễ kỷ niệm, ngày thành lập FULRO, ngày sinh Y Bhăm... vợ chồng ông trưởng ban lại vất vả tủi bụi vì nhận quà ủng hộ. Mỗi lần có người xin cho chồng, con đã đi theo FULRO về thăm nhà, hoặc xin đến hậu cứ thăm chồng, con; mỗi lần có người trốn lính Sài Gòn xin chạy theo FULRO...thì lại là một dịp vị Trưởng ban đại diện hốt bạc đứt lót.

Nhận thư của Y Dhé đề nghị gặp phái đoàn Chánh phủ để thương thuyết, Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ bên ngoài phải nghe lời vị Phó đại sứ Mỹ, nhưng bên trong tìm mọi cách trì hoãn và chửi rủa FULRO thậm tệ.

Ngày 25-8-1965, trong một cuộc họp báo, Tổng ủy viên Chiến tranh Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Hữu Cồ tuyên bố với các ký giả:

- Hội đồng nội các quyết định không gửi một đại diện nào lên Buôn Mê Thuột tiếp xúc với phản loạn Thượng FULRO. Họ gặp tình trạng là đủ rồi. Nếu sau một thời gian kêu gọi, họ không trở về, sẽ có những biện pháp mạnh mẽ tiêu diệt tổ chức đó.

Hai ngày sau, trong lễ trình diện 38 tên sĩ quan Thượng vừa mãn khóa võ bị ở Buôn Mê Thuột, Vĩnh Lộc khoác áo đen viền đỏ cổ truyền Ra-Đê lên phát biểu, cũng nhân cơ hội này mà công khai mạt sát FULRO. Sau khi ca ngợi Thiệu – Kỳ đã “quan tâm đào tạo một lớp sĩ quan Thượng đầy tài năng; thực thi một cách không ai chối cãi được quyền bình đẳng Kinh – Thượng trong công cuộc diệt trừ Cộng sản, bảo vệ quốc gia”, Vĩnh Lộc chĩa mũi nhọn vào FULRO:

- Ấy thế mà một nhóm người không nhận ra điều đó. Tôi không thấy có lý do nào mà không chấp nhận chiến đấu thêm để diệt trừ một nhóm người phản loạn, cố tâm phá vỡ tình đoàn kết Kinh Thượng và hủy hoại tiềm lực chiến đấu của quốc gia trong tình trạng chiến tranh...Nếu FULRO cố tình ngoan cố, quân lực Việt Nam Cộng hòa sẽ tiêu trừ thẳng tay!

Được các sĩ quan dự buổi lễ trình lại, Y Dhé báo ngay cho Y Bhăm, Y Bhăm lệnh cho Y Dhé phải cố gắng chịu đựng, khéo léo thuyết phục, nhũn nhặn giữ hòa khí với Vĩnh Lộc, không nên gây ra xô xát, trái với tinh thần bản thông cáo của Đại sứ Mỹ.

Y Djaol cũng báo tin cho Y Dhor. Phái “Quân sự” bí mật họp bàn, tìm cách đối phó.

Phó chủ tịch Y Dhor bức bối:

- Ông chủ tịch đã bị mua chuộc hoàn toàn, phản bội chúng ta, định bắt tay với Thiệu, Kỳ. Một vị chủ tịch đã mất sáng suốt lắm cảm, đường lối sai lầm, ta không thể cứ nhắm mắt mà đi theo, không thể hợp tác được nữa. Ta phải tổ chức bạo động. Hãy đứng lên. Tất cả các chiến sĩ chúng ta cùng tất cả những binh sĩ Thượng ta còn trong hàng ngũ quân Thiệu phải vùng lên tiêu diệt bọn Thiệu – Kỳ. Phải phát động một cuộc khởi nghĩa toàn Cao Nguyên!

Y Năm hỏi:

- Ta không theo lệnh người Mỹ, họ cắt hết viện trợ thì sao?

Huỳnh Ngọc Sáng trả lời ngay:

- Sẽ có Đại sứ Pháp ở đây và Chánh phủ Hoàng gia Miên ủng hộ.

Mọi người nhất trí kế hoạch: Khởi nghĩa toàn Cao Nguyên.

Y Năm bí mật đưa các sĩ quan FULRO về Đắc Lắc.

Ksor Đuốt dẫn một nhóm về PleiKu để phối hợp với Nay Fun, giám thị ký túc xá trường nam tiểu học PleiKu, một chỉ huy FULRO ở trong nước, hành động.

Lệnh bạo động được truyền khắp Cao Nguyên.

Ở Phú Bồn, 3 giờ sáng ngày 18-12-1965, đại đội 296 ĐFQ, trung đội I-503 và trung đội Nghĩa quân đồn trú tại quận lỵ Phú Thiện nổi dậy. Thượng sĩ Nay Rí chỉ huy lính Thượng giết 5 sĩ quan và lính người Kinh, chiếm quận lỵ.

Ở Đắc Lắc, Y Năm cùng Y Tam Uông, đại đội trưởng đại đội 281, chỉ huy lính Thượng, nổi dậy chiếm đồn Krông Pách, giết hết binh lính người Kinh.

Ngay đêm đó, tiểu đoàn 64 FULRO do đại úy Y Blăm chỉ huy đột nhập vào Tòa hành chánh và Tiểu khu Quảng Đức, giết hết nhân viên, quân nhân người Kinh, treo cờ FULRO lên.

Nhưng ở PleiKu thì FULRO không may mắn. Ksor Đuốt, Nay Fun cùng 67 người đang họp, chưa kịp triển khai lực lượng, thì bị cảnh sát nguy ập vào bắt. Ksor Đuốt chạy thoát khỏi biên giới.

Cả Cao Nguyên trong tình trạng hỗn loạn. Ở đâu các binh lính Thượng cũng nổi lên chiếm các đồn trại, hô khẩu hiệu, tung truyền đơn “Cao Nguyên là của người Cao Nguyên”, “Thực dân Kinh cút đi!”. Vĩnh Lộc huy động các đơn vị thuộc sư đoàn 23 bộ binh, tiểu khu Phú Bồn, Đắc Lắc, PleiKu cùng với một đơn vị Thủy quân lục chiến mở cuộc hành quân tảo thanh, cứu vãn các nơi bị mất, diệt và bắt một loạt FULRO từ Cầm-bốt về và bọn nổi loạn. Máu đổ khắp nơi.

Đại tá Kersting điện hỏi Y Dhé về sự kiện này. Y Dhé nhận lệnh Y Băm, trả lời: đó là hành động của nhóm “quá khích”. Y Dhon bị Pháp mua chuộc, chánh quyền cứ việc trừng trị.

Đại tá Kersting cho lập tòa án quân sự mặt trận Vùng II chiến thuật ở hội trường Diên Hồng (PleiKu) để trừng trị bọn phản loạn. Đại tá Kersting gợi ý chỉ trừng trị bọn bên dưới, còn để cho số sĩ quan chỉ huy FULRO chạy về Căm-bốt.

Mọi tội trạng đã được định đoạt. Các án đã được kết từ trước. Thiếu tướng Nguyễn Văn Mạnh ngồi trên ghế chánh thẩm, nét mặt hăm hăm, đọc lệnh tuyên phạt, gồm:

- 4 án tử hình: thượng sĩ Nay Rí, trung sĩ KSor Chame, trung sĩ Ksor Boh, trung sĩ Ksor Pieu.

- 1 án chung thân khổ sai: hạ sĩ Roc Dep.

- 3 án khổ sai 20 năm: Nay Fun, Y Bơ Ya, Nay Agui.

- Số còn lại bị khổ sai 10 năm...

Bản án được thi hành ngay. Phó tỉnh trưởng Thượng vụ Phú Bồn Nay Mun từ chối mãi không được, cuối cùng phải đau đớn đứng ra tổ chức cuộc xử tử 4 quân nhân Thượng.

Cao Nguyên chìm trong không khí hận thù, ghê rợn. Dân chúng các nơi như thấy đêm đêm có bóng ma lập lòe. Các oan hồn gào thét trong gió. Ở đâu người ta cũng nghe những lời rì rầm kêu gọi:

- Hồn ma những người bị giết đang hiện về kêu gọi chúng ta. Máu phải trả máu!

*

* *

Ở Camp le Rolland.

Y Băm cố nén cơn giận đang sôi sục trong lòng, quay lại nhìn con rể (trung tá Y Em – đặc trách bảo vệ an ninh hậu cứ) giọng trầm tư:

- Anh đã xem thư của ông Y Dhé viết cho chúng ta rồi chứ? Người Mỹ phản nộ vì hành động quá khích vừa qua như thế đó! Người ta đang muốn mình hợp tác với Thiệu thì mình lại đánh họ, giết hại binh lính họ. Tên Y Dhon và tay chân hắn coi thường chúng ta quá!

Y Em nói:

- Thừa ba, con cũng thấy thế!

Y Băm nắm tay như muốn bóp nát một vật gì:

- Phải triệt chúng đi!

Y Em bắn khoản:

- Thừa ba, lực lượng chúng khá mạnh, chúng nắm quân đội. Bọn Les Kossem ủng hộ chúng, con e ta khó thành công.

- Vì thế phải hết sức bí mật, chớp nhoáng.

Mọi kế hoạch được tính toán kỹ lưỡng giữa hai bố con.

Đêm 15-2-1966, Y Em huy động trung đoàn bảo vệ hậu cứ bí mật bao vây toàn khu vực. Lệnh giới nghiêm được ban ra. Y Em cùng đoàn tùy tùng ập vào tận nhà bắt Y Dhor, Y Nuin, H' Bi. Riêng mấy tên Y Bun, Y Năm cùng một số sĩ quan chạy thoát được về Nam Vang.

H' Bi (vợ Y Nuin) bị đưa đi hỏi cung trước tiên.

Vị chủ tịch hỏi bà hội trưởng phụ nữ:

- Cô có được tham dự cuộc họp giữa Y Dhor và chồng cô bàn việc làm đảo chánh tôi không?

H' Bi thành thật:

- Thừa chủ tịch, tôi không hay biết cuộc họp ấy.

Y Bham giận giọng:

- Chồng cô, Y Dhor và một số người khác, đã phản chúng tôi. Vừa qua, họ đã vượt quyền tôi ra lệnh cho FULRO bạo động. Hàng trăm chiến sĩ FULRO bị hy sinh. Hàng ngàn đồng bào bị giết. Cả Cao Nguyên náo động. Chồng cô còn họp bàn định đảo chánh, giết tôi. Chả lẽ chồng cô không bàn bạc với cô? Cô hãy khai thật đi!

- Thừa chủ tịch, tôi không hay biết gì cả.

- Cô muốn sống tiếp tục làm Hội trưởng phụ nữ FULRO hay muốn chết theo chồng? Muốn sống thì phải nhận tội của chồng trước tòa án. Tùy cô, cô suy nghĩ kỹ đi. Làm một người lãnh đạo phong trào cách mạng FULRO, lãnh tụ của chị em phụ nữ, cô phải dũng cảm nhận sự thật, phải thật thà với tổ chức, phải biết sẵn sàng hy sinh tình cảm riêng, cống hiến cho tổ chức.

H' Bi không đủ can đảm nhận cái chết. Chỉ còn con đường nhận lệnh của vị chủ tịch tối cao, nói là chồng và Y Dhor có họp bàn làm đảo chánh Y Bham.

Tòa án tối cao FULRO mở ngay ở hậu cứ để xử tội Y Dhor và Y Nuin.

Y Tôn Niê – phụ tá Tổng ủy viên Tư pháp, kiêm Chánh án tòa án tối cao FULRO – ngồi trên ghế chánh thẩm.

Trước toàn thể đoàn viên FULRO và thân nhân, H' Bi phải nhận có dự cuộc họp do Y Dhor và chồng cô chủ trì bàn việc đảo chánh Y Bham! “Vâng, vâng, chính tôi được dự cuộc họp, bàn định kế hoạch làm đảo chánh do ông Y Dhor và chồng tôi...”.

Vị Phó chủ tịch FULRO Y Dhor và Y Nuin – một trong những người sáng lập ra FULRO – bị kết án tử hình vì tội âm mưu lật đổ Y Bham. Ngày hành hình, H' Bi phải chứng kiến cảnh chồng bị giết. Người ta bịt mắt Y Nuin, dẫn ra trời vào một cây cột chôn sẵn. Một đoàn viên FULRO chĩa súng nổ một loạt vào ngực chồng cô, H' Bi ngã xuống và ngất đi.

Y Bham đưa Y Dur Eeban thay Y Dhor làm phó chủ tịch.

Sau ngày ấy, ở hậu cứ, các đoàn viên FULRO nom nớp lo sợ Y Bham sẽ thanh trừng hàng loạt.

Huỳnh Ngọc Sáng về Nam Vang gặp Les Kossem báo tin Y Dhor và phái “Quân sự” bị diệt. Les Kossem thấy lũ tay chân thân tín bị chặt, rất bức tức:

- Chẳng lẽ chịu bó tay trước tên Thượng già này ư?

Sáng trình bày:

- Thừa trung tá (Les Kossem đã thăng trung tá), hiện giờ Y Bun, Y Năm, Y Bham Kpor chạy về đây. Xin ngài nâng đỡ nuôi dưỡng bọn này, xây dựng một đội quân có đủ sức mạnh tấn công lại bọn Y Bham. Tôi tìm người khác tiếp tục gài vào nội bộ bọn Y Bham, khi nào có thời cơ, ta sẽ tìm cách lật hắn.

Les Kossem gật đầu, bàn với Sáng:

- Anh nên về Việt Nam để lo mọi công việc – Còn Y Bun tôi sẽ cho đi học để còn dùng lâu dài.

Y Bun được Les Kossem cho sang Pháp học khoa Chính trị xã hội học tại trường đại học Xoóc-bon.

8. NHỮNG THẾ LỰC MỚI

Huỳnh Ngọc Sáng về Sài Gòn. Ở đây Sáng gặp Hoàng Minh Mộ, Bá Trung Di – hai nhân viên Phủ đặc ủy Trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa nhưng làm việc ngầm cho Les Kossem. Bản bạc kế hoạch xong, Sáng về Ninh Thuận gặp Đảng Năng Giáo, Ngụy Văn Nhuận và những thanh niên Chăm khác.

Sau cuộc bạo động 20-9-1964 ở Cao Nguyên, bị Vĩnh Lộc đàn áp, Đảng Năng Giáo lại trốn về sống ẩn nấp ở quê. Mối tình giữa anh và Trúc ngày càng thắt chặt. Đã sẵn mien phục trí thông minh và học lực của Giáo, giờ đây thấy Giáo sống lén lút, trốn tránh chánh quyền, ẩn ẩn hiện hiện, Trúc càng say mê. Nếu không bị theo dõi, o ép, chắc Trúc đã cưới Giáo về làm chồng rồi.

Giữa lúc đó, Sáng tìm gặp Giáo. Sau khi nói về tình hình FULRO ở Căm-bốt, Sáng rủ:

- Mặc dù ông Les Kossem tìm mọi cách áp chế Y Băm, nhưng bọn Thượng đông người, có thực lực trong tay, lại được Mỹ giúp đỡ nên vẫn hoạt động mạnh. Ông Kossem nói cần phải có đông người Chàm về Căm-bốt tăng cường lực lượng cho Mặt trận Chàm thì mới địch nổi lực lượng bọn Thượng ở Cao Nguyên. Ông cử tôi về gọi anh và những người khác sang Nam Vang. Anh mà sang đó thì chắc sẽ được ông Kossem tin cậy giao cho trọng trách xứng đáng.

Đảng Năng Giáo tuy đang say mỗi tình dang dở nhưng vẫn tiếc chức vị mới đang chờ, phân vân:

- Nếu như có bỏ, đưa đi cùng, được không?

Sáng cười hóm hỉnh:

- Anh cứ sang ổn định công việc và cuộc sống trước. Sau này muốn đưa bỏ sang, ông Kossem chắc ủng hộ. Ông Y Băm, Thiên Sanh Thi...chẳng mang vợ sang cùng ở hậu cứ là gì?

Đảng Năng Giáo yên tâm từ biệt Trúc ra đi, hẹn sẽ nhanh chóng tìm cách đưa cô sang Căm-bốt.

Giáo lên Sài Gòn. Bọn Thủy, Mộ, Di đã móc nối được một loạt thanh niên Chàm khác. Giáo cùng bọn này qua đường Châu Đê-raốc, tìm sang Nam Vang.

Les Kossem vui mừng đưa họ ngay vào Mặt trận Chàm.

Có thêm người, Les Kossem cử tay chân Chàm về Bốt Chá kèm sát Y Băm, chỉ giữ lại một số thân tín.

Đảng Năng Giáo được giữ chức Đệ nhất bí thư Phủ chủ tịch, đặc trách chánh trị và kế hoạch. Giáo thường ký tên Chàm: Yang Neh.

Huỳnh Ngọc Sáng giữ chức Tổng ủy viên Nội vụ.

Thiên Sanh Thi giữ chức Tư lệnh quân khu 3 FULRO (gồm 2 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận), kiêm sư đoàn trưởng sư đoàn Pô-rô-mê.

Y Băm biết Les Kossem tăng lực lượng làm áp lực và sẵn sàng hết mình, liền đẩy mạnh chiến dịch ngoại giao với người Mỹ, với Nguyễn Văn Thiệu, tìm cách trở về Việt Nam như thế nào để vẫn có địa vị cao trong chánh quyền và vẫn có thể lực ở Cao Nguyên. Y đốc thúc “Ban đại

diện” ở Buôn Mê Thuật hoạt động. Cuộc bạo động cuối năm 1965 làm cho Đại sứ Mỹ và đại tướng Morton nổi xung, chửi Nguyễn Văn Thiệu và Vĩnh Lộc là dây dưa, không chịu làm theo kế hoạch của Mỹ. Ngài Phó đại sứ U. Alexis Johnson lệnh cho Nguyễn Văn Thiệu phải thực hiện những điều khoản đã vạch ra trong hai bản thông cáo.

Vĩnh Lộc phải cho Y Chôn và Nay Loét đặt “Văn phòng liên lạc” của “Nhà đặc trách Thượng vụ” ở Buôn Mê Thuật để hòa đàm với Y Dhé.

Y Dhé vui mừng vì thấy Y Chôn là người đã từng làm cố vấn cho BaJaRaKa, FULRO và “Ban hòa giải”. Thì cũng “anh em trong nhà cả”, việc gì mà chẳng dần xếp xong? Mà họ đối xử với nhau như “anh em trong nhà” thật. Khi nào có Vĩnh Lộc hoặc phái viên của Nha lên kiểm tra thì họ hợp hành, chửi nhau gay gắt. Nhưng khi vắng mặt phái viên, Y Dhé lại gọi Y Chôn “bí mật” đi uống rượu, thăm hỏi đồng bào. Y Dhé trích một số quà cáp của đồng bào ủng hộ FULRO chia cho Y Chôn.

Các nhân viên của “Ban đại diện” và “Văn phòng liên lạc” chơi dài, suốt ngày đi săn và nhậu nhẹt.

Thấy công việc tiến hành chậm chạp, Y Bẫm vẫn chưa nói gì đến việc trở về hợp tác, Anderson – cố vấn Nha đặc trách Thượng vụ – bàn với Vĩnh Lộc:

- Chúng tôi phải ghi nhận rằng, từ tháng 9 năm 1964 đến nay, các ngài đã có nhiều cố gắng trong việc giải quyết FULRO. Tuy nhiên, công việc tiến triển chậm chạp và ít hữu hiệu. Gần 2 năm trôi qua mà bọn Y Bẫm vẫn không chịu về hợp tác, vẫn lôi kéo dân chúng Thượng theo chúng nhiều. Vì thế, chúng tôi cùng Chánh phủ các ngài đã quyết định nâng “Nha đặc trách Thượng vụ” thuộc Bộ Quốc phòng lên thành “Phủ đặc ủy Thượng vụ” trực thuộc Chánh phủ. Hiện nay, một vấn đề đặt ra cho chúng ta là sẽ đưa ai lên làm Đặc ủy trưởng. Làm Đặc ủy trưởng phải có uy tín để tạo nên thế cân bằng với Y Bih, với Y Bẫm và phải có phẩm chất cá nhân tốt, có tài năng để điều hành công việc. Ngài thay mặt Chánh phủ điều hành công việc ở Cao Nguyên, lại là chỗ thâm tình nên tôi nói thật, đây cũng là một con “mồi” nhử con cá Y Bẫm và bọn FULRO về, đồng thời thu hút quần chúng Thượng về phía ta, để chúng khỏi chạy theo tên Y Bih. Vậy theo ý ngài thì ai xứng đáng giữ chức vụ này? Y Bliêng, Y Chôn, Nay Loét hay Paul Nur?

Không biết Vĩnh Lộc chọn đi chọn lại thế nào, bàn bạc với Anderson ra sao. Chỉ biết rằng, ngày 22-6-1966 “Phủ đặc ủy Thượng vụ” được thành lập và Paul Nur làm “Đặc ủy trưởng”.

Cũng từ trong lò viên chức cũ của Pháp mà ra, Paul Nur là một nhà giáo kỳ cựu thuộc sắc tộc Ba Na. Sau khi học xong “Cao đẳng tiểu học”, ông về làm thư ký thanh tra Ty học vụ Công Tum. Nhờ quen thân với các quan trong tỉnh, và nhất là nhờ theo đạo Thiên chúa, có giám mục Pôn Séc bênh vực, ông nhanh chóng được cử làm Chánh văn phòng Tổng thanh tra học vụ Công Tum. Với chức vụ này, ông được nhiều người trong giáo giới kiêng nể, và có nhiều dịp để ăn của đút lót.

Năm 1950, tưởng là có vai vế, Paul Nur tỏ ra khinh nhờn ông Trưởng ty học vụ người Kinh. Ông này bèn “đày” Paul Nur đi dạy ở trường Plei jah, một nơi xa xôi, hẻo lánh ở vùng biên giới.

Là người có tài xoay xở và nhiều tham vọng, Paul Nur tìm mọi cách để được trở lại cương vị cũ. Ông thực hiện ý đồ đó bằng hai cách. Cách thứ nhất, tham gia nhóm “Thiện chí”, một tổ chức chánh trị Thiên chúa giáo do linh mục Nguyễn Viết Khai và Đinh Khắc Giao đỡ đầu, nhờ nhóm này và giám mục Pôn Séc làm áp lực với Ty học vụ.

Cách thứ hai, ông bỏ người vợ đã có 4 con, để lấy Siu Hyum, con gái một dòng họ lớn, có uy tín nhất trong dân tộc Ba Na, nhờ tiếng nói của bố vợ, tác động đến các vị tai to mặt lớn trong tỉnh.

Qua sự tác động của giám mục Pôn Séc, nhóm “Thiện chí” và gia đình nhà vợ, ông thoát cảnh “đi đày”, tạm về làm hiệu trưởng trường Tiểu học Công Tum, chờ dịp leo lên chức vị cao hơn.

BaJaRaKa nổ ra với mục tiêu chống Diệm. Sẵn hẳn học với ông Trưởng ty người Kinh, Paul Nur tham gia luôn và được làm đệ nhất phó chủ tịch.

Diệm đàn áp BaJaRaKa. Cùng với Y Bẫm, Nay Loét, Y Bliêng và các lãnh tụ khác của BaJaRaKa, ông bị bắt tù. Cho đến ngày 21-3-1964, cũng như Y Bẫm, Paul Nur được Nguyễn Khánh thả ra và cho làm Phó tỉnh trưởng Thượng vụ Công Tum.

Anderson và Vĩnh Lộc đưa Paul Nur lên làm Đặc sứ trưởng đúng là bắn một mũi tên mà trúng hai đích. Trong số ba chủ tịch của BaJaRaKa, Siu Sip đã bị Diệm giết; Y Bẫm làm chủ tịch FULRO, trong nước chỉ còn Paul Nur là có thể sánh với Y Bẫm về “tinh thần cách mạng”, “lòng yêu dân tộc”. Mặt khác, ngoài Y Bẫm ra, chỉ có Paul Nur là có thể cân bằng uy tín với Y Bih, nguyên ủy viên BaJaRaKa hồi nào. Đối với người Mỹ, đã có Y Bẫm để địch với Y Bih một cách kín đáo và tế nhị, giờ thêm Paul Nur nữa thì cán cân lực lượng sẽ nghiêng hẳn về phía Mỹ. “Hai chọi một chẳng chột thì què” mà.

- Dám đấu tranh với chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm uy tín của Paul Nur đã lớn; sáu năm tù đày trong nhà tù Diệm, Khánh, tiếng tăm của ông càng vang lừng. Giờ làm Đặc ủy trưởng, nếu ông hăng hái, xông xáo, hy sinh vì dân tộc hơn nữa thì quả chúng ta có một người khả dĩ có thể làm cho dân chúng tin tưởng và nghe theo – Anderson nói với Vĩnh Lộc như thế, lòng tràn đầy lạc quan về một con bài đã chọn.

Được lên làm Đặc ủy trưởng, cơ quan nắm các sắc dân thiểu số toàn quốc, Paul Nur hăng hái lao ngay vào các hoạt động để củng cố uy tín và gây thanh thế, hòng leo cao hơn trong các nấc thang danh vọng.

Paul cử Y Thích làm giám đốc Nha hành chánh tài chánh, Nay Loét làm Công cán ủy viên của Phủ đặc ủy. Ông vội vã lên ngay Buôn Mê Thuột, lôi kéo Y Dhé, tìm cách thuyết phục Y Bẫm về hợp tác.

Nghe tin Paul Nur được làm Đặc ủy trưởng, Y Dhé chửi thậm tệ:

- Paul Nur bị bọn người Kinh lấy tiền bịt mắt rồi. Hắn phản bội dân tộc, thích ăn bơ thừa sữa cặn, quên đồng bào đang bị bọn thực dân Kinh chà đạp rồi. Hắn thích sống vinh thân phì gia...

Những lời chửi rủa ấy đến tai Paul Nur. Ông chỉ cười nhạt, nhẫn nại chịu đựng và tìm cách “tấn công” lại Y Dhé. Tấn công trực diện bằng chánh trị, lễ phải, tình cảm hay quân sự đều khó có thể thắng Y Dhé. Vì thời gian này, những cuộc tấn công của Quân giải phóng dồn dập ở Đắc Cơ, Tân Cảnh. Uy tín của Phong trào tự trị Tây Nguyên do Y Bih lãnh đạo lớn mạnh thu hút quần chúng toàn Cao Nguyên, Thiệu – Kỳ lúng túng, hoang mang, cần cầu cứu Y Bham. Y Bham càng lên mặt yêu sách Thiệu – Kỳ nhiều. Y Dhé cũng tỏ ra bướng bỉnh và “kiên quyết giữ vững lập trường tranh đấu”...Paul Nur phải tấn công bằng mặt trận khác hiệu nghiệm hơn: Tấn công bằng kinh tế.

Những bữa tiệc chiêu đãi Ban đại diện FULRO diễn ra liên miên ngày đêm. Rượu thịt ê hề. Các vị đại diện say lúy túy. Những tặng vật quý như ngà voi, ché thần, ra-di-ô, ghi âm; những món tiền lớn “tặng ngầm” ông Trưởng ban đại diện...thế là, như có phép thần, Y Dhé từ chỗ coi Paul Nur là tên “bán rẻ dân tộc”, “ôm đít thực dân Kinh”, là “kẻ thù không đội trời chung, thuộc chiến tuyến đối lập, mục tiêu đả kích” nay thành “thân thiện, chí tình”.

Được Y Dhé ủng hộ, lễ ra mắt Phủ Đặc ủy và ông Đặc ủy trưởng được tổ chức long trọng tại Buôn Mê Thuột.

Trong tiếng công, tiếng chiêng xầm xập của ban nhạc Chính, tiếng reo vui của các công chức là binh lính, trong bộ quần áo là trắng tắp, từ trên lễ đài, Paul Nur quay về phía Y Dhé và các đại biểu Ban đại diện FULRO, trình trọng nói:

- Anh em đã rõ, tôi đã từng ở bên cạnh anh em trong thời gian tranh đấu chống chế độ Ngô Đình Diệm; và sau này, trong các cuộc tranh đấu ôn hòa, tôi cũng vẫn là người đi tiên phong trình bày nguyện vọng của đồng bào Thượng với chánh phủ. Anh em hẳn rõ, cuộc đấu tranh của chúng ta ngày nay được thỏa mãn. Chánh phủ cũng như đồng bào rất trông đợi ở anh em trở về chung sức diệt Cộng và xây dựng xã hội mới.

Nhân danh Đặc ủy trưởng Thượng vụ, tôi tha thiết mời gọi anh em về hợp tác. Tôi xin đảm bảo cho anh em trước quần dân và Chánh phủ danh dự của anh em sẽ không bị tổn thương và tài năng sẽ được sử dụng đúng mức...

Paul Nur ngừng cao mặt, nói lớn:

- Hãy xóa bỏ mọi tị hiềm nhỏ nhất giữa đồng bào Kinh – Thượng, gột rửa tự ti mặc cảm để cùng nhau bắt tay vào công việc xây dựng một đời sống mới trong xã hội mới!

Paul Nur nói xong, tươi cười bước xuống. Y Dhé đứng đặc bước lên lễ đài, đọc diễn văn đáp từ. Mái tóc trắng xóa, cặp kính lấp lánh dưới ánh nắng chang chang, ông nói dài và nhấn mạnh những câu kêu gọi và tri âm:

- Với đường lối đoàn kết dân tộc thật sự, Chánh phủ đã nâng Nha Đặc trách Thượng vụ thành Phủ Đặc trách Thượng vụ và đã cử ông Paul Nur làm Đặc ủy trưởng để điều hành cơ quan này. Đồng bào Thượng chúng tôi đều vui mừng, hoàn toàn ủng hộ vô điều kiện và đa tạ Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa.

Y Dhé ngừng lại, tự vỗ tay rồi quay sang phía Paul Nur:

- Chúng tôi rất vui mừng khi Chính phủ Việt Nam tự do đã quyết định cho thành lập Phủ Đặc ủy Thượng vụ và đề cử ông là người đã từng tranh đấu và hy sinh cho đồng bào Thượng, giữ chức vụ Đặc ủy trưởng. Chúng tôi rất hân hạnh sẽ được trở về sớm để giúp đỡ ông trong công cuộc giải cứu đồng bào chúng ta ra khỏi ách thống trị của Cộng sản và để hợp tác cùng nhau trong công cuộc cải tiến cuộc sống của đồng bào sớm tiến tới mục sống mong muốn.

*

* *

Nam Vang, một ngày tháng 8 năm 1966.

Huỳnh Ngọc Sáng cầm một băng cát-sét lắp vào chiếc máy Sô-ny rồi ngược lên nhìn Les Kossem:

- Đây là lời tuyên bố của Y Dhé, chúng tôi thâu được, xin mở để ngài nghe!

Sáng bấm nút. Tiếng nói từ máy phát ra: *“Trong tinh thần đoàn kết dân tộc và chống Cộng, Chính phủ Việt Nam tỏ ra nhiều thiện chí để cứu xét những điều thỉnh nguyện của đồng bào Thượng. Những điều thỉnh nguyện đã được thỏa mãn, các anh em FULRO sẽ bắt đầu trở về hợp tác ngay từ hôm nay. Tôi xin thay mặt toàn thể đồng bào Thượng và ông Y Băm, ghi ân Chính phủ, kêu gọi đồng bào hãy hưởng ứng nồng nhiệt; và kể từ nay, xin đồng bào hãy cố gắng phát triển tinh thần đoàn kết dân tộc, siết chặt hàng ngũ sau lưng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa.”*

Sáng tắt máy, nói:

- Đó, ngày 20-8 vừa qua, Y Dhé đã tuyên bố như thế. Có nghĩa là Y Băm đã quyết định lần lượt trở về. Xin báo để ngài rõ.

Les Kossem bực tức, thở nặng nhọc:

- Thế nghĩa là bao công lao của chúng ta nuôi dưỡng chúng, bảo trợ cho chúng từng hạt gạo, từng khẩu súng, viên đạn để chúng sống và tồn tại cho đến ngày nay, giờ thành con số không? Phải ngăn chặn chúng lại, nếu không ta sẽ mất hết! Người Pháp sẽ khiển trách chúng ta. Quốc trưởng sẽ trị chúng ta! Gần 2 năm trời cung cấp vũ khí, đạn dược nay chúng bỏ về thì Cao Nguyên không còn hy vọng gì về tay chúng ta nữa!

- Tôi thấy, phải bắt Y Băm trao Cao Nguyên cho chúng ta – Y Năm thừa.

- Phải! Phải thế!

Kế hoạch của Les Kossem là ra lệnh cho Y Năm chỉ huy số FULRO đã ly khai khỏi Y Băm tấn công hậu cứ. Một trung đoàn quân Hoàng gia Miên được điều tới yểm trợ thêm. Số FULRO thuộc phe “Quân sự” còn ở hậu cứ cũng sẽ nổi lên...

Các lực lượng triển khai khẩn trương. Huỳnh Ngọc Sáng trở về hậu cứ bí mật chuẩn bị, chờ đợi.

Ngày 20-9 đã đến. Tại hậu cứ, Y Bھm ra chỉ thị tổ chức thật trọng thể lễ kỷ niệm lần thứ hai ngày thành lập FULRO. Bà Kossem chuẩn bị các loại rượu ngon. Những ché rượu cần được gửi từ Cao Nguyên sang. Bò thì mua của đồng bào Khor-me. Gạo do đồng bào trong nước ủng hộ, chở từ Ban đại diện về.

Trưởng ban tuyên huấn FULRO được giao viết cho ngài Chủ tịch một bài diễn văn dài, lời lẽ hùng hồn, nói lên *“lịch sử tranh đấu cực kỳ anh dũng và tinh thần đoàn kết keo sơn của FULRO”*; khẳng định *“thắng lợi rực rỡ, địa vị cao của FULRO ở trong nước và trên trường quốc tế”*; khẳng định *“tinh thần tự lực cánh sinh và độc lập tự chủ của FULRO”*; khẳng định *“tương lai huy hoàng đang chờ đón FULRO”*. Bài diễn văn cũng khẳng định nguyên nhân thắng lợi là nhờ *“đường lối cách mạng sáng suốt, tinh thần vì dân tộc và lập trường cách mạng vững vàng của vị chủ tịch Y Bھm vĩ đại”*.

Châu Đêra và Les Kossem tới dự.

Ngài chủ tịch Y Bھm đã cất cao giọng, đọc sang sảng trọn bài diễn văn trước hơn 5000 đoàn viên FULRO và thân nhân trong cuộc mít tinh buổi chiều.

Như thường lệ, tối hôm ấy, ngài Chủ tịch mở tiệc chiêu đãi.

Đại biểu “Hội đồng tối cao”, “Hội đồng bảo trợ” và “Ban chấp hành Trung ương” FULRO đều có mặt đông đủ.

Rượu đến độ say, nhiều vị gục xuống bàn, có người bỏ về. Không khí ồn ă, nhốn nháo, rối ren bắt đầu.

Y Bھm vốn là tay bợm rượu, nốc hết cốc này đến cốc khác, đang lè nhè nói thì bỗng nhiên Châu Đêra tay phải rút ngay khẩu súng Brô-ning trong túi áo ra chĩa vào ngực Y Bھm, tay trái cầm bản giấy bàn giao đã đánh máy sẵn đặt lên bàn.

- Ông phải ký giấy này giao đất từ sông Sê-rê-pôk đến PleiKu cho Mặt trận Khor-me và Chăm!...Ông đã đầu hàng ngụy quyền Việt Nam, ông không còn đủ tư cách lãnh đạo cách mạng nữa!

Đang chập chờn trong cơn say, thấy mũi súng lạnh ngắt gí vào ngực mình, trên mặt bàn trước mặt, một tờ giấy có chữ đánh máy sẵn trắng mờ, Y Bھm hoảng hốt, run như cây sậy, ú ớ như kẻ mất hồn.

Cứ trông cái vẻ sợ hãi ấy của ngài chủ tịch, ai cũng tưởng là số phận Tây Nguyên sắp đổi thay đến nơi trên bàn tiệc! Không dè thần Yang còn phù trợ cho Y Bھm. Tất cả đều nhờ người con rể của ông. Vốn cảnh giác với Les Kossem từ trước, Y Em đã đề phòng, liền chỉ huy trung đoàn bảo vệ an ninh hậu cứ chia thành hai cánh, một chặn quân Miên, một cách xông đến chĩa súng lăm lăm vào Châu Đêra, Les Kossem và các đại biểu.

Y Em hô lớn:

- Tất cả ngồi im! Ai nhúc nhích sẽ bị bắn!

Huỳnh Ngọc Sáng thấy kế hoạch bị vỡ, trung đoàn quân đội Hoàng gia Miên chưa lọt vào được, liền nhanh trí chạy đến bên Châu Đêra can:

- Cùng là những nhà lãnh đạo một mặt trận thống nhất FULRO, dù là Khơ-me, Thượng hay Chăm cũng là một nhà! Mong nhị vị Chủ tịch bớt nóng nảy, không nên đối xử với nhau như thế.

Les Kossem cũng nhanh tay vơ tờ giấy, đón khẩu súng trong tay Châu Đêra, giấu vào túi, cười xòa:

- Hai vị say rượu rồi! Trời ơi! Đùa gì mà dữ vậy! Thôi xin hai vị, nào, bắt tay dàn hòa nào!

Y Băm biết là Châu Đêra và Les Kossem định lật mình nhưng nếu làm căng thì cũng sẽ bất lợi cho bản thân trong việc trở về hợp tác, liền vờ tin như là Châu Đêra đùa thật, ra lệnh cho Y Em Niê rút quân.

Sau lần chết hụt với bàn tay Căm-bốt và Pháp ấy, Y Băm muốn về lắm rồi nhưng còn làm cao, yêu sách Thiệu phải cho thêm nhiều quyền lợi và địa vị.

Nguyễn Văn Thiệu bị Đại sứ Mỹ ép, nhưng trong bụng vẫn chẳng muốn kéo bọn Y Băm về, sợ chỉ thêm chia rẽ, phá rối. Nhân cơ hội Y Băm yêu sách này khác, Nguyễn Cao Kỳ cử Paul Nư và Vĩnh Lộc hòa đàm với Y Băm.

“Y Dhé nói nhiều còn Y Băm làm ít”, đó là sách ngoại giao vôi vĩnh của FULRO với Mỹ - Thiệu.

“Paul Nư nói nhiều, Nguyễn Văn Thiệu làm ít”, đó là sách ngoại giao “miệng gọi, tay đẩy” của Thiệu đối với FULRO.

Ký giả Mỹ Mores, nguyên là đại úy “Lực lượng đặc biệt Mỹ”, người từng tham gia chỉ huy cuộc nổi loạn ở Sarpa, đã có một sự so sánh tuy chưa thật đúng về bản chất, nhưng cũng gợi lên được một hình ảnh hao hao và buồn cười. Mores cho rằng “Người Mỹ như một ông chồng, Thiệu và Y Băm như hai người vợ cả, vợ hai. Ông chồng muốn hai vợ đoàn tụ, nhưng hai người không chịu, chỉ thích ở riêng và ai cũng muốn được chồng yêu nhiều hơn. Ai cũng lên nước và tìm cách nói xấu, làm hại người kia, tự đề cao mình trước mặt chồng”.

PHẦN THỨ HAI: VỀ HỢP TÁC

9. MỘT CUỘC HỘI ĐÀM

Mặt trận Giải phóng miền Nam và Phong trào tự trị Tây Nguyên càng lớn mạnh. Quân giải phóng tấn công dồn dập ở Tây Nguyên. Bây giờ thì không phải chỉ có Mỹ mà Thiệu cũng thấy đã đến nước phải tận dụng lực lượng FULRO để chống Cách mạng, giữ thế đứng ở Tây Nguyên.

Nguyễn Văn Thiệu phải giải quyết hàng loạt vấn đề nhằm xoa dịu Y Bham. Thiệu lên tận Buôn Mê Thuột ký liền hai sắc lệnh 033-67 ban hành quy chế riêng biệt cho đồng bào thiểu số và 034-67 công nhận quyền sở hữu đất đai của đồng bào Thượng.

Thiệu cho 4 thành viên FULRO đã về đầu hàng ứng cử dân biểu hạ nghị viện quốc hội nhiệm kỳ 3: bố trí cho hai tên Y Wich, nguyên Tổng ủy viên Y tế FULRO và Ksor Rốt được đắc cử.

Thiệu – Kỳ còn tổ chức Đại hội các sắc tộc thiểu số miền Nam Việt Nam tại PleiKu và thân chinh đến dự. Nhưng người Mỹ không muốn cho Thiệu dễ dàng nuốt chửng Tây Nguyên. Trái hẳn thế.

Y Bham được Mỹ bày cách liên cử hàng loạt phái đoàn hòa đàm với Chánh phủ Thiệu, đưa ra nhiều yêu sách đòi chỗ đứng và quyền vị.

Sau tết Mậu Thân, nhận ra tình cảnh nguy hiểm chung cho cả hai bên trước sự lớn mạnh của Mặt trận giải phóng, các cuộc thương thuyết càng dồn dập và khẩn trương. Hàng loạt phái đoàn FULRO về Buôn Mê Thuột. Hàng loạt phái đoàn của Thiệu đến thủ phủ Cao Nguyên. Bí mật có, công khai có.

Bàn cãi, tranh luận mãi, cuối cùng chúng đã xích lại gần nhau hơn. Cho đến đầu tháng 8 năm 1968, một phái đoàn cao cấp FULRO gồm 28 người do Y Bham dẫn đầu, về Buôn Mê Thuột hòa đàm với phái đoàn Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa do Paul Nur cầm đầu. Hai vị Chủ tịch và Phó chủ tịch BaJaRaKa ngày nào lại gặp nhau.

Cả hai phái đoàn đều có những nhân vật kỳ cựu.

Phái đoàn FULRO gồm đại biểu cao cấp của ba mặt trận. Mặt trận Cao Nguyên có chủ tịch Y Bham, Trưởng ban đại diện Y Dhe, Tổng ủy viên ngoại giao Y Preh và Ksor Đuôt, Kpă Dơh, Y Tôn... Mặt trận Chàm có Tư lệnh quân khu 3 Thiên Sanh Thi, Tổng ủy viên Nội vụ Huỳnh Ngọc Sáng, Ủy viên báo chí Zu Sol... Mặt trận Khơ-me Hạ có Thạch Thân Apol, Chay Rithi, Saphol, Châu Chen, Châu Phước...

Phái đoàn Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa, người Tổng trưởng Phát triển Sắc tộc Paul Nur, Tổng thư ký Y Chôn, còn có Phụ tá đặc biệt sắc tộc Thượng Ya ba, Phụ tá đặc biệt sắc tộc Chàm Châu Văn Mô, Giám đốc Nha xây dựng sơn thôn Nay Loét, Bí thư tổng trưởng Nguyễn Hữu Oanh... Họ gặp nhau tỏ ra rất thân tình. Tổng trưởng Paul Nur, có trung sĩ cận vệ Tung đi theo, chạy ào đến ôm hôn Chủ tịch Y Bham đang đứng bên cạnh sĩ quan cận vệ Y Pach.

Phái đoàn FULRO lần này về mặc thật là oai vệ. Tất cả đều mặc quân phục của quân đội Hoàng gia Miên, có cắt xén cho khác chút ít, đeo quân hàm FULRO sáng loáng. Y Băm đeo hàm trung tướng. Y Dhé, Kpă Doh, Y Préh đeo hàm đại tá... Sau phát biểu khai mạc của Paul Nur, Y Băm đọc diễn văn xin Chánh phủ thỏa mãn những nguyện vọng của FULRO. Về chánh trị, Y Băm yêu cầu có một hiệu kỳ tượng trưng cho sự hiện diện của người thiểu số treo cùng một cột và dưới quốc kỳ. Về hành chánh, yêu cầu cho thành lập một “Tổng ủy thiểu số” có quyền hạn riêng, không trực thuộc Bộ phát triển sắc tộc, đặt tại Buôn Mê Thuột – trung tâm Cao Nguyên. Về quân sự, yêu cầu có một lực lượng riêng biệt đặt dưới sự chỉ huy của Tổng ủy thiểu số chứ không thuộc Bộ quốc phòng.

Cuộc họp kéo dài một tuần nhưng không kết quả. Paul Nur báo cáo và xin chỉ thị Nguyễn Văn Thiệu. Thấy “thằng già Thượng” vẫn tỏ ra ương ngạnh, yêu cầu quá đáng, Thiệu liền tìm cách đánh đòn. Tổng thống liền mời Y Băm về Sài Gòn để viếng thăm thủ đô và gặp Tổng thống. Thật sự là bí mật đàm phán.

Đề chớp thời cơ liên lạc với đại sứ Mỹ, Y Băm chọn thêm Y Bling, Y Dhé, Y Bách, Huỳnh Ngọc Sảng cùng đi. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ tiếp Y Băm rất long trọng tại dinh Độc Lập. Một đoàn xe bóng loáng, có cảnh sát hộ tống chở phái đoàn cao cấp FULRO đi tham quan một số nơi. Y Băm không quên cho người bí mật gặp hỏi ý kiến các cố vấn Mỹ. Được họ cho ý kiến, Y Băm nhận hạ thấp yêu sách và sẽ về hợp tác. Sau đó, Y Băm cử Huỳnh Ngọc Sảng ở lại cùng Y Dhé hoàn chỉnh các văn bản về điều kiện hợp tác; đúc kết bản thỉnh nguyện cuối cùng gửi Tổng thống Thiệu. Còn ông cùng phái đoàn về hậu cứ, chuẩn bị dẫn toàn bộ FULRO trở về.

Được Y Băm cử ở lại, Huỳnh Ngọc Sảng nghĩ ngay đến việc lợi dụng thời cơ này, tìm thêm người cho Mặt trận Chàm của Les Kossem, chuẩn bị thay thế lực lượng của Y Băm ở Căm-bốt. Sảng sẽ vươn lên nắm vững vai trò quan trọng mới khi được Les Kossem tin cậy. Nhân lúc Thiệu đang ve vãn, Sảng nói là xa nhà đã hai năm, cần xin về thăm quê hương. Người ta thấy Sảng đi các ấp ở hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận. Lúc thì thăm Phan Rang, Phan Ri – những kinh đô cuối cùng của vương quốc Champa; lúc thì thăm suối Vĩnh Hảo, nơi công chúa Huyền Trân thường tắm; lúc thì thăm trường Trung học An Phước, nơi dành riêng cho con em Chàm học, gặp các giáo viên, học sinh Chàm, chuyện trò thân mật về FULRO. Nhưng tất cả những việc chánh trị ấy là để làm tiền đề cho việc quan trọng hơn là tìm đến nhà Trúc ở cùng ấp Mỹ Nghiệp.

Từ lâu, khi còn lang thang ở quê, Sảng vốn đã say cô gái duyên dáng, có giọng hát mê ly này. Mặc dầu biết Trúc đã đính ước với Giáo và chỉ còn đợi ngày Giáo về đón sang Căm-bốt, Sảng vẫn nhiều lần làm thơ tỏ tình liêu với cô. Có lần, Sảng đột ngột chặn ngay Trúc giữa đường, nhét bài thơ vào tay cô. Nhưng khi đó, Sảng làm sao cho địch được với Giáo – một trong hai học sinh nổi tiếng, học giỏi nhất vùng Chàm. Hơn nữa những chuyện lãng nhãng của Sảng với các cô Chiêm, Tím, Đựng, Lữ và người vợ thầy Chang vẫn còn được nhắc lại đó đây... Trúc từ chối, trả lại những bài thơ và bức thư cho Sảng.

Những năm tháng lẩn tránh dư luận ở Cao Nguyên rồi Căm-bốt, Sảng quên hết những cô Lớ, cô Đựng v.v...nhưng vẫn không quên được Trúc, cô gái cùng quê, có giọng hát tuyệt vời đã một thời làm mình say đắm.

Năm 1966, khi về đưa Giáo đi, Sáng lại tìm cách làm thân với Trúc, cố thanh minh những chuyện xấu xa của mình mong xóa dần ác cảm.

Lần này, trở về quê hương, đường đường là một Tổng ủy viên Nội vụ FULRO, đang được Tổng thống Thiệu tăng bốc, Sáng vinh vang, tin chắc rằng với vàng hào quang mờ ảo quanh mình, với tài thuyết phục phái nữ của mình, sẽ nhanh chóng làm cho Trúc choáng ngợp.

Thế là ông Tổng ủy viên Nội vụ FULRO dồn hết trí tuệ, tài năng làm một cuộc “đảo chánh tâm lý” ông Đệ nhất bí thư Phủ Chủ tịch để chiếm lấy người tình.

Biết cô gái trẻ lẳng mạn, Sáng làm những bài thơ tình lả lướt dưới bút danh Chiêm Nhân .

... “Trời buồn trời đổ cơn mưa.

Đất buồn, đất chỉ tro tro mặt lỳ.

Mây buồn mượn gió đưa về.

Gió buồn gió ngủ trên đê sông làng.

Mưa buồn góp hạt về ngàn.

Sương buồn sương dầm rừng hoang lạnh đây...”

Những vần thơ lâm ly áy thế mà cứ như dòng nước mát thấm dần vào Trúc. Thêm vào đó, Sáng là một người có biệt tài thuyết phục. Giọng nói của Sáng trầm trầm, chậm rãi, lời của Sáng văn hoa, chải chuốt càng làm cho Trúc vừa thấy thương hại, vừa thấy thán phục. Lạ lùng thay, như có phép thần, quá khứ xấu xa, đê tiện của tên ma chài dần dần được xóa đi, cuối cùng chỉ còn đọng lại trong óc cô hình ảnh một chí sĩ giàu tình cảm, tài hoa và đầy nghĩa khí.

Sáng rủ Trúc đi Cầm-bốt.

- Em hãy đi theo anh, ở đó, anh sẽ dành cho em cả một phương trời đầy mây hồng.

Trúc hiểu kỳ, muốn biết đất nước xa lạ, nhất là muốn biết anh em Chăm ở hậu cứ sống như thế nào...

Thuận Thị Trúc cùng Sáng lên Buôn Mê Thuật. Họ vào trụ sở Ban đại diện FULRO. Y Dhé vồn vã đón Trúc. Sáng tươi cười nói với ông Trưởng ban và các chiến hữu:

- Cô Trúc rất thiết tha với sự nghiệp giải phóng dân tộc của FULRO chúng ta, tình nguyện sang hậu cứ, hiến dâng cuộc đời mình cho lý tưởng cách mạng.

Y Dhé mỉm cười hóm hỉnh, bắt tay Trúc và hét lời ca ngợi một nữ thanh niên Chăm biết chọn con đường cao đẹp cho tương lai của mình.

Khi Sáng dẫn người “nữ chiến sĩ” FULRO mới đi thăm châu thành Buôn Mê Thuật, ở nhà, ông Trưởng ban đại diện nói với các chiến hữu:

- Thăng Chàm bẻm mép đã cuỗm được một con bé trẻ trung và duyên dáng. Bọn thật!

Mấy hôm sau, một máy bay trực thăng của lực lượng đặc biệt Mỹ đưa hai người sang hậu cứ gặp Y Bẫm.

Huỳnh Ngọc Sáng báo cáo về bản thỉnh nguyện cuối cùng của FULRO gởi Thiệu. Còn Trúc thì được bổ sung vào Đoàn văn công FULRO. Cô trở thành một diễn viên xuất sắc của Đoàn, làm cho tên Biếng và vợ là Đảng Thị Triệu – hai cựu diễn viên trong Đoàn phải ghen tức, Triệu vẫn coi mình là một danh ca, tự đặt tên là Ha Natri, đến nay phải mở đi trước giọng hát của Trúc.

Một điểm làm cho Trúc bối rối và khó xử là Đảng Năng Giáo đang ở đây. Giáo ở trong một nhà sàn nhỏ, cạnh nhà của Y Bẫm và Thiên Sanh Thi.

Giáo đã biết về mối quan hệ của Trúc với Sáng nên cố ý tránh mặt. Giáo buồn và đau xót. Để quên người tình, vị Bí thư lao vào đọc sách. Sách về lịch sử Champa và cả về chủ nghĩa Mác. Tìm hiểu chủ nghĩa Cộng sản để làm cố vấn cho Les Kossem và Y Bẫm chống Cộng và để học cách viết các văn bản, tuyên ngôn cho FULRO. Giáo tỏ ra có đầu óc, có lý luận nên được Les Kossem tin cậy.

Sự hăm hờ bước đầu của Trúc dần dần tiêu tan. Hằng ngày cô được chứng kiến những cảnh lục đục của các nhà lãnh đạo FULRO. Y Bẫm coi Thiên Sanh Thi, Đảng Năng Giáo, Huỳnh Ngọc Sáng...là những kẻ đối lập nguy hiểm.

Thiên Sanh Thi là đại tá tư lệnh khu 3 mà học lực chỉ đủ biết ký một chữ; lại vũ phu, suốt ngày đánh chửi vợ là Mari Dàng, vì vợ y không sinh nở, ngày càng già xấu đi:

- Con khom quê kệch kia, mày đi tìm vợ bé cho ông, ông cần đứa con nối nghiệp!

Trúc lại càng tức và ngứa mắt với Triệu. Triệu cứ dè dặt ra chế giễu mối tình của cô với Giáo và Sáng; nói cạnh nói khoe cô là “thay người yêu như thay váy”. Để trả thù, cô tìm thấy một thói kệch cỡm của Triệu. Triệu không thích mặc váy Chàm dài mà thích mặc váy ngắn kiểu Âu. Một hôm Trúc hỏi Triệu:

- Sao mày thích diện mi-ni-díp hả?

Triệu vênh vênh tự hào:

- Tao sắp được ông Kossem cho sang Pháp học, mặc cho quen mắt dần đi là vừa. Và lại, giò tao đẹp, cũng phải cho thiên hạ ngắm chứ!

Từ đó, Trúc thường lấy chuyện đó ra chế giễu Triệu trước chị em FULRO.

Những ngày sau, Trúc, Triệu được lệnh hát những bài ca của FULRO, những bài ca Chăm ai oán, than khóc cho đất nước, cho thân phận của người Chăm. Huỳnh Ngọc Sảng cùng Ban tuyên huấn FULRO ghi vào băng cát-sét gởi về nước để khích lệ đồng bào.

10. ĐẠI LỄ HỢP TÁC

Có lệnh gọi Huỳnh Ngọc Sảng, Đảng Năng Giáo và Thiên Sanh Thi về Môn-đun-ki-ri họp với Y Bun Sor.

Chiếc xe jeep bám đầy bụi đất đỏ, lao vun vút trên con đường rừng, ngoặt vào thành phố, dừng xịch trước dinh tỉnh trưởng.

Từ trong ngôi nhà ba tầng đồ sộ, quét vôi màu xanh, cửa kính lấp lánh, Y Bun Sor vén rèm nhìn, rồi lững thững ra cửa. Bộ com-lê téc-gan Anh màu xanh nhạt ôm sát người, ca-vát đỏ tươi, mũ dạ đen chụp trên đầu, kính trắng lấp lánh, mặt đen xạm, chiếc đồng hồ Ô-mê-ga vàng lộ ra dưới cổ tay áo trắng toát, cài măng sét.

Y Bun tươi cười bắt tay ba người.

Đảng Năng Giáo lạnh lùng:

- Chào ngài thiếu tá tỉnh trưởng! – Giáo nhấn mạnh tiếng thiếu tá, tỏ vẻ coi thường một tên có cấp bậc xoàng.

Y Bun hiểu, cười nhạt làm ngơ, đưa ba người vào dinh. Khi sang Pháp học, nhờ Les Kossem, Y Bun đỗ bằng tiến sĩ xã hội tại trường đại học Xoóc-bon. Trở về tuy là người Thượng, đoàn viên mặt trận Cao Nguyên nhưng Y Bun tỏ ra trung thành với Les Kossem và người Pháp. Trong thời gian đi học, y đã lấy một người vợ đầm và tỏ ra yêu mến xứ vợ.

Cần có con bài để nhử Y Băm như đã bàn trước kia, Les Kossem giới thiệu Y Bun với Lon-non. Vốn là một tên Hoa kiều làm nên sự nghiệp ở Căm-bốt, Lon non rất thích thu nạp những người nước ngoài theo Căm-bốt. Lúc này, Lon non đang chuẩn bị lực lượng lật Xi-ha-núc, vì vậy y đã nhận Y Bun Sor làm con nuôi, phong cấp thiếu tá và cử làm tỉnh trưởng Môn-đun-ki-ri, nơi có hậu cứ Campole Rolland, để trợ lực cho Les Kossem nắm Y Băm và các đoàn viên FULRO người Thượng.

Ở Đắc Lắc, biết tin chồng đã làm tỉnh trưởng và lấy vợ đầm, H'Kruk – vợ Y Bun – viết thư sang báo cho y biết chị ta sẽ đi lấy chồng. Y Bun phải về đón ba đứa con, nếu không chị sẽ gửi chúng vào cô nhi viện.

Sợ người vợ đầm, Y Bun dứt tình cha con, nhắm mắt cho chúng vào nơi đầy ải.

“Một tên Thượng gian ngoan, tàn ác. Giáo và một số đoàn viên khác thường chửi nguyền Y Bun như thế.

Ông tỉnh trưởng đón ba người vào một phòng riêng sang trọng, bóng loáng bàn, ghế xalông, lung linh những chùm đèn, những tranh và đầy đồ cổ.

Họ ngồi một lúc thì Les Kossem từ Nam Vang tới.

Sau những lời hỏi thăm thường lệ, họ bắt đầu họp bàn.

Les Kossem hát hàm hỏi Sáng:

- Ông vừa ở Sài Gòn về, hãy cho biết tình hình bọn Thiệu và Y Bẫm?

Sáng mở cặp, chậm rãi:

- Bản thỉnh nguyện cuối cùng đã được thảo xong gửi Nguyễn Văn Thiệu. Y Bẫm sẽ về Việt Nam và được phong cấp trung tướng. Các sĩ quan FULRO sẽ được phiên chế sang quân lực Việt Nam Cộng hòa, giữ nguyên cấp bậc. Y Bẫm đang chuẩn bị kéo toàn bộ FULRO trở về.

Thiên Sanh Thi nói oang oang:

- Thằng già ấy về sẽ trở mặt, tìm cách trả thù người Chăm ta.

Les Kossem quay sang Y Bun Sor:

- Tình thế gấp lắm rồi, chúng ta phải ra tay ngay! Ông hãy huy động toàn bộ quân lực trong tỉnh, bao vây hậu cứ Bốt Chá. Ông Thiên Sanh Thi nổi dậy bên trong. Ông Giáo chỉ huy việc bắt Y Bẫm. Thế nào cũng có đường thoát về Việt Nam. Ông Sáng chưa lộ, còn được chúng tin cậy, hãy theo chúng về Việt Nam hoạt động lâu dài trong bọn Thiệu và Thượng!

Kế hoạch đã được vạch kỹ. Mọi người về chuẩn bị.

Ngày 30-12-1968, Y Bẫm cùng vợ con gói ghém kim cương, vàng, cho vào va-li, chờ sẵn ở sân bay dã chiến để máy bay trực thăng của Thiệu đến đón.

Ngay lúc đó, hai trung đoàn quân lực Hoàng gia Khơ-me, do tỉnh trưởng Y Bun Sor điều động đã bao vây phong tỏa toàn bộ hậu cứ.

Đàng Năng Giáo, Y Bẫm, Y Năm, Ksor Đuốt, Kpà Doh, Kpà Blan chỉ huy nhóm FULRO Thượng ập đến bắt Y Bẫm điệu về Nam Vang. Y Em với cả một trung đoàn bảo vệ hậu cứ, vẫn không kịp trở tay, chỉ còn lo sao chạy thoát.

Thế là cái mảng FULRO Thượng lưu vong bị cái mảng FULRO Chăm làm cho tan tác. Nhưng một số vẫn vượt được vòng vây chạy thoát về Việt Nam. Trong đó có Huỳnh Ngọc Sáng.

Chiều hôm đó, Les Kossem từ Nam Vang đáp phi cơ đi Môn-đun-ki-ri, triệu tập tức khắc toàn bộ FULRO tại trung tâm huấn luyện (cách tỉnh lỵ Môn-đun-ki-ri 16 cây số) để trấn an tinh thần.

Ngày hôm sau, Les Kossem lại triệu tập đại biểu về Nam Vang họp bàn việc lập nội các mới và cử phái đoàn chuẩn bị đi dự hội nghị Pa-ri.

Các đại biểu về họp ở tư nhất của Les Kossem – 387/10 đường Mô-ni-vông.

Les Kossem thành lập chính phủ FULRO mới lấy tên là: “Hội đồng Nội các lâm thời FULRO” thiên hản về người Chăm, gồm có:

Chủ tịch: Yang Neh (Đàng Năng Giáo).

Phụ tá: Soley Man (Thiên Sanh Thi).

Tham mưu trưởng: Đại tá Y Phan.

Tham mưu phó: Trung tá Y Năm.

“Hội đồng Nội các lâm thời FULRO” chỉ tồn tại được 20 ngày. Thấy Đàng Năng Giáo không đủ uy tín lãnh đạo các thành viên kỳ cựu, sùng sỏ, có quá trình hoạt động lâu dài, Les Kossem giải tán nội các này, thành lập luôn “Ủy ban chỉ đạo tối cao FULRO” do chính y làm chủ tịch.

Các phụ tá toàn là người Chăm:

Soley Man: Phụ tá đặc trách quân sự.

El Ibrahim: Phụ tá đặc trách hành chánh.

Môhamét: Phụ tá đặc trách tiếp vận.

Đồng thời, y cho ra đời “Mặt trận giải phóng Cao Nguyên và Bình Nguyên Champa” do Y Bħn Kpor chỉ huy để thay vào “Mặt trận Cao Nguyên” của Y Bħm: Y Bħn viết thư cho cố vấn Mỹ ở trại Buprang, giải thích vụ lật đổ Y Bħm, xoa dịu và lôi kéo sự ủng hộ của người Mỹ, cái tên có khác nhưng nội dung Mặt trận giải phóng Cao Nguyên và Bình Nguyên Champa vẫn là thế. Y Bħn Kpor viết:

“Chúng tôi từ khước sự thương thuyết với Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa.

Chúng tôi xin lưu giữ người Mỹ và quân đội Mỹ lại tại Cao Nguyên để giúp đỡ chúng tôi trong cuộc cách mạng cho tới khi chúng tôi đạt được nguyện vọng tự do...”

Mề lưới của Les Kossem ngày 30-12-1968 bắt gọn toàn bộ những người cầm đầu chủ yếu của cái quen được gọi là “FULRO Thượng” làm cho cái lễ đón FULRO về họp tác mà Nguyễn Văn Thiệu tuyên truyền từ mấy tháng trước nay bỗng mất hết đối tượng. Thì giờ không cho phép người Mỹ tìm một con bài khả dĩ thay thế Y Bħm.

Sáng ngày 1-2-1969, tại sân vận động trường Buôn Mê Thuật, nguyên quyền Nguyễn Văn Thiệu vẫn tổ chức ra được một cái lễ hết sức long trọng, rầm rộ gọi là lễ đón nhận toàn bộ FULRO trở về hợp tác thân thiện với Chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Một lễ đài đồ sộ được dựng lên. Những băng khẩu hiệu lớn đỏ chói, chữ vàng chẳng kín quảng trường: *“Tình đoàn kết Kinh Thượng đời đời bền vững”*, *“Hoan nghênh các chiến sĩ FULRO anh em trở về phụng sự Tổ quốc”*...Cờ ba sọc vàng đen lẫn cờ FULRO xanh phát phơ trong bụi đỏ bay mù.

Ban nhạc Chính với những chiếc công, chiếc chiêng to nhỏ khua vang. Những chén rượu cần xếp thành dãy dài. Một con trâu bị trói ghì lưng vào một cái cột giữa sân, đầu ngẩng lên, thở hổn hển, lúc lúc lại khua cặp sừng nhọn hoắt cong vút, vùng vằng định thoát khỏi mớ dây thừng bao quanh.

Hơn 5.000 đoàn viên FULRO cùng người nhà từ hậu cứ trở về xếp hàng thành từng khối trên sân, mặt hướng về lễ đài.

Trời nắng chang chang. Bụi đất đỏ bay mù mịt theo những đợt gió xoáy. Người nào người nấy mồ hôi nhễ nhại, mặt đen, bóng nhẫy như láng mỡ, cháy đen dưới ánh mặt trời gay gắt. Những bộ quần áo dày cộp như mo nang, bám đầy bụi đất và cát ghét. Những dải khổ viền tua đỏ bao chặt để lộ cặp đùi đen, gầy guộc như rễ cây.

Đám “nữ chiến sĩ” đi theo những đứa con ngật ngoẹo sau lưng, gầy nhom, ốm nhách. Nhiều đứa bé không chịu được nắng khốc thét lên đòi nước, đòi về. Người mẹ nựng con, meo mào như khóc.

Một tiếng hô đồng dục cất lên. Ban nhạc Chính xâm xập cử hành. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Thiếu tướng tư lệnh vùng II chiến thuật Vĩnh Lộc, Tổng trưởng Phát triển sắc tộc Paul Nur, Trưởng Ban đại diện FULRO Y Dhé, Tổng ủy viên Nội vụ Huỳnh Ngọc Sảng...cùng các đại biểu đỉnh đạc bước lên lễ đài trong tiếng chiêng xâm xập.

Paul Nur đóng bộ quân phục là phẳng, thẳng đứng như một cái hộp, cúc đồng sáng loáng, ngực lấp lánh huân chương “Sắc tộc bội tình”. Tất nhiên là ngài không thuyết phục được ai bằng những lời lẽ văn hoa mà bản thân ngài cũng không tin là chân thật. Ngài nhìn đám đông dưới kia, rồi cúi xuống đọc diễn văn khai mạc.

Biết vậy, nhưng ngài vẫn nói vì đây là dịp có một không hai để lấy lòng những người có quyền, củng cố địa vị cao sang hiện nay của ngài. Phần tâm huyết, phần quan trọng nhất của bài diễn văn, ngài dành để ca ngợi ngụy quyền Sài Gòn. Ngài nói:

- Sở dĩ có cuộc trở về của toàn bộ lực lượng FULRO hôm nay, chúng tôi xin ghi nhận công lao và thiện chí của Thiếu tướng tư lệnh quân đoàn II và vùng II chiến thuật. Thiếu tướng tỏ ra là người rất thiết tha với sự nâng đỡ đồng bào thiểu số, chính nhờ vậy mà tinh thần đoàn kết Kinh Thượng tại Cao Nguyên ngày thêm bền vững.

Vĩnh Lộc nghe Paul Nur tâng bốc mình thấy khoái nhưng cũng ngượng. Các ký giả hôm đó, cho Paul nói xỏ Vĩnh Lộc. Vì từ 1964 đến giờ, Vĩnh Lộc chẳng đã huy động quân tiêu trừ thắng tay FULRO, chẳng đã chửi FULRO thậm tệ là gì?

Tiếng chiêng xầm xập cử hành. Paul Nur bước xuống, mặt mày rạng rỡ, hoan hỉ.

Người ta chờ đợi. Y Bấm và những vị cầm đầu FULRO lưu vong đều đã bị bắt, còn ai xứng đại diện nhỉ?

Bỗng Y Dhé bước ra trước máy. Lúc này ai nấy mới ngã ngựa ra! Người ta khéo xoay xở thật! Y Dhé chẳng là kẻ đã được Y Bấm cử làm đại diện từ năm nào năm nào là gì!

Y Dhé dành phần quan trọng của bài diễn văn đề ca ngợi những kẻ cách đây không lâu, y còn coi là kẻ thù! Hơn thế, y hứa hẹn một sự trung thành hết mức:

- Sau khi được trở về hợp tác, chúng tôi nguyện sẽ đem hết khả năng để phục vụ đất nước và xứ sở, quyết tâm tôn trọng và bảo vệ hiến pháp, tuyệt đối trung thành với Chính phủ, đoàn kết chặt chẽ Kinh Thượng để diệt Cộng sản.

Y còn thừa nhận một sự thật mà mãi về sau này những kẻ mưu toan dựng lại lá cờ FULRO dù muốn quên đi cũng không được. Với tư cách là Trưởng ban đại diện FULRO, Y Dhé long trọng tuyên bố:

- Kể từ ngày hôm nay, phong trào FULRO sẽ không còn tại Cao Nguyên! Mọi sự lạm dụng danh nghĩa FULRO để phá hoại tình đoàn kết Kinh Thượng sau này nếu có, kính xin Tổng thống và Thủ tướng Chính phủ cho áp dụng những biện pháp theo luật lệ hiện hành!

Phía trước lễ đài, một đại đội FULRO xếp hàng thẳng tắp, quỳ trên đất đỏ, hai tay nâng ngang khẩu súng trước mặt như dâng nạp. Nguyễn Văn Thiệu từ trên lễ đài đi xuống, đến trước tên chỉ huy đại đội, đón khẩu súng, nâng trên tay rồi nói to:

- Tôi trao lại vũ khí này cho anh em để chiến thắng Cộng sản xâm lăng!

Thiệu từ từ đặt khẩu súng trở lại tay tên đó rồi mới trở lên lễ đài đọc huân thị.

Tiếng cồng, tiếng chiêng ầm vang. Lễ cúng Yang và trao vòng kỷ niệm bắt đầu.

Một đoàn thanh niên Thượng trai tráng, mình trần, đóng khố, đầu tết vòng cỏ có cắm lông công, tay cầm những chiếc giáo dài, quay thành vòng tròn quanh con trâu. Một hồi trống dồn dập. Đám thanh niên múa giáo, giậm chân một hồi rồi đột nhiên, một người đâm ngọn giáo nhọn hoắt vào ngực trâu. Con trâu kêu lên một tiếng, máu ộc ra, giây đánh đập trong tiếng rú của đám thanh niên. Đám đông reo hò ầm ĩ.

Các đoàn viên FULRO và dân chúng kéo đến các ché rượu, hút lấy hút để.

Ông Trưởng ban tuyên huấn FULRO tắt tả, hết chỉ huy chương trình cho đoàn văn công FULRO biểu diễn lại chạy đến túm áo các ký giả, phân phát tài liệu, diễn văn, rồi kéo các nhà báo chụp ảnh cảnh Tổng thống thăm hỏi các đoàn viên FULRO.

Nguyễn Văn Thiệu đi trước, Paul Nur đi theo thăm hỏi đồng bào, thân nhân FULRO vừa về. Thiệu cầm tay từng người tỏ ra ân cần.

Y Dhé bị đám ký giả vây quanh hỏi về sự thật của vụ Y Bham bị bắt giữ tại Căm-bốt.

Áp ứng một lúc, ông Trưởng ban đại diện FULRO mới tìm ra câu trả lời khôn ngoan nhất:

- Cộng sản và đế quốc thực dân đã bắt mất vị chủ tịch của chúng tôi, đúng vậy, thưa quý vị!

11. PHONG TRÀO ĐOÀN KẾT

Bí thư Nguyễn Hữu Oanh dẫn Paul Nur vào một buồng sâm sang trọng loại nhất của khách sạn Pa-lat. Một chiếc giường mô-đéc trải đệm dày. Bộ sa-lông bọc da có viền đăng ten trắng. Trên bàn, một lọ hoa lay-ơn Đà Lạt màu hồng nhạt. Ánh đèn ống xanh hòa với những cánh màn che màu tím. Máy điều hòa nhiệt độ chạy nhẹ nhàng làm căn phòng lạnh lạnh như khí hậu ở Đà Lạt. Tiếng nhạc từ những chiếc loa chìm bay du dương. Trên tường ảnh con gái khỏa thân treo la liệt.

Ngài Tổng trưởng ngả mình trên ghế, mỉm cười nhìn ông Bí thư:

- Ông Oanh, hôm nay ông định đưa elle nào đến đây cho tôi đây! Có hấp dẫn không?

Hữu Oanh tươi cười, đặt ly cà phê xuống bàn, nói nhanh:

- Thưa Tổng trưởng, ngài cứ tin ở tôi. Người bấy lâu nay làm ngài mất ăn mất ngủ sẽ đến chứ không ai khác!

Paul gật gù hài lòng. Nguyễn Hữu Oanh vốn là một tay chân đáng tin cậy trong khoa này.

Lên làm Tổng trưởng, trước khi chọn những người có đức, có tài, Paul Nur nghĩ ngay đến một loạt chân tay đặc biệt. Vốn thích “của ngọt”, Paul Nur tìm một tên ma mãnh, thông thuộc các “động” ăn chơi, để dùng.

Nguyễn Hữu Oanh, người Kinh, thông thuộc Sài Gòn như lòng bàn tay, đã từng làm ma-cô chuyên dắt gái cho các cố vấn Mỹ, có kinh nghiệm nhận của đút lót và xoáy tiền công nên dễ được Paul chú ý.

Sau một vài lần dắt mối thành công, đưa đến cho thượng cấp những cô gái trẻ đẹp, Oanh được Paul tin, cử làm bí thư riêng, một địa vị xứng đáng, thuận tiện trong việc sai bảo lâu dài. Sau đó Paul bắt đầu “quảng cáo” Oanh với phụ tá tổng trưởng Y Chôn, Giám đốc Nha phát triển sơn thôn Nay Loét và các vị khác trong bộ là: “Oanh có đức độ, tài năng, có thể đảm nhận những công vụ lớn lao mà người khác khó bề làm nổi”.

Từ ngày làm Bí thư, Oanh càng dốc lực với Paul Nur hơn nữa trong việc tìm kiếm “món lạ”, Paul càng thả cho Oanh thụt công quỹ và ăn cắp tài sản của Bộ nhiều hơn.

Từ chỗ dùng Oanh chuyên dặt gài, thụt quỹ công, Paul Nur tin cậy sử dụng Oanh làm “thám tử” riêng, chuyên thăm dò những tên đối địch đã tìm cách bêu xấu và lật Paul như Y Chôn và Nay Loét...

Sau một thời gian tìm kiếm và được đứt lốt hậu hĩnh, gần đây, Oanh bố trí cho cô Phi vào làm nhân viên văn phòng. Cô Phi đẹp, lẳng lơ, đã từng làm ở sở Mỹ, cặp bồ với các cố vấn Mỹ, đã từng làm gái nhảy, biết đủ các mảnh khóe ăn chơi, biết làm cao và thu hút các quan chức cỡ bự. Được Oanh bố trí, cô nhân viên mới tuyển này đã làm cho ngài Tổng trưởng mê mết. Paul Nur đâu có biết quá khứ của cô. Chỉ nghe Oanh nói cô là con nhà lành, một nữ sinh có học thức, đứng đắn và trinh tiết, Paul mê ngay.

Biết tính dâm dăng của chồng, Tổng trưởng phu nhân Siu-Hyum từ Công Tum lên Sài Gòn ở, đánh ghen âm ỉ và tìm mọi cách giữ rịt chồng một chỗ.

Paul Nur và Oanh cũng tìm mọi thủ đoạn đánh lừa, thoát ra khỏi vòng kiểm tỏa của Tổng trưởng phu nhân. Khi thì nói bận họp với cố vấn Mỹ, với Tổng thống, khi thì nói đi kinh lý...Paul Nur vẫn đi lại được với các cô gái.

Lần này, lấy cớ đi họp nội các ở dinh Độc Lập, Paul Nur được Oanh bố trí về đây và chờ cô Phi đến gặp.

Thấy Tổng trưởng xem đồng hồ có vẻ sốt ruột, Oanh vội thưa:

- Thưa Tổng trưởng, 20 phút nữa tên tài xế sẽ đưa con bé tới. Ngài cứ yên tâm.

- Được! Nay, ê-kíp anh và Y Chôn làm ăn trong việc xây cư xá cho sinh viên sắc tộc thế nào rồi? Có khấm khá không?

Hữu Oánh buồn bã:

- Dạ, ông Y Chôn làm mạnh tay quá. Ông chỉ dành phần nhỏ đất để xây cư xá, còn bán cho bọn Tàu xây vi-la hết. Vôi, gạch, cát, ngói ông bán quá nửa. Thế mà ông chỉ chia cho ngài và tôi 3 triệu. Đó là chưa kể việc ông ta thông đồng với nhà thầu bớt tiền ăn, tiền may đồng phục của học sinh; tiền thuốc của nhân viên...Bọn sinh viên không có nhà ở, kéo nhau vào nằm tùm lum trong Bộ!

- Thằng đểu thật! Trước kia nó hứa sẽ chia phần cho ta một cách đứng đắn, sòng phẳng. Thế mà bây giờ nó lại làm ăn lật lọng, lem nhem thế! Ta trót nhận tiền chia của nó, khó nói quá. Anh điều tra thêm, ta sẽ trị nó sau. Lâu nay anh thấy thằng Nay Loét thế nào?

- Thằng Nay Loét tự hào là không ăn của đút, không xà xẻo của công nên tố tội Y Chôn và ta với bọn báo chí ghê lắm. Nó vừa tố ta ăn bớt tiền viện trợ của Mỹ và các nước cho đồng bào các

sắc tộc. Ngài không ra tay trị nó đi, rồi nó làm ngài mất uy tín với người Mỹ, với Tổng thống và đồng bào.

Paul Nur cười:

- Lo gì, Tổng thống và các ngài bận hơn cũng thế cả. Tôi e nhất là thằng Nay Loét được tên cố vấn Thomas Busker đỡ đầu, lên mặt chống đối với ta. Tôi đã định trị nó nhiều lần nhưng thằng Busker bệnh chằm chập nên tôi chưa làm gì được. Nguy hiểm quá. Ta phải tìm cách đẩy hắn đi, không thể nuôi ong tay áo mãi thế này được!

Có tiếng chuông reo. Hữu Oanh mỉm cười đứng lên nháy mắt nói với Paul Nur:

- Con bé đã đến!...Tôi sẽ cho xe đón ngài vào lúc 10 giờ. Chúc ngài hạnh phúc!

Oanh mở cửa. Cô Phi với đôi môi đỏ tươi, mắt đánh đen quầng, lông mi đen, cong; mặc chiếc quần loe trắng bó sát lấy đùi, chiếc áo nút đỏ bó chặt căng để lộ bộ ngực đồ sộ, ông ẹo đi vào.

Nguyễn Hữu Oanh ý tứ đi ra...

10 giờ, Hữu Oanh đến, cho xe đón cô Phi về trước rồi mới đến bến Paul Nur cười xun xoe:

- Ngài thấy câu chuyện của ta có kín đáo không? Thế này thì bà tổng trưởng có là thần Yang cũng không biết được!

- Khá lắm! Đợt này tôi sẽ cử anh làm chánh văn phòng thay tên Phiên. Có chuyện này cần nói với anh: Vừa qua, tôi đi kinh lý về quận Thuận Mẫn. Ở đó có con bé đánh máy tên là Liên khá xinh. Tôi ưng lắm. Tôi có hỏi tên Rcom Tút, Trưởng chi Phát triển sắc tộc về con bé. Rcom Tút hứa tháng tháng sẽ gửi con bé về đây cho tôi. Kỳ tới, anh lấy sự vụ lệnh làm phái viên của tôi về Thuận Mẫn đưa con bé về cho tôi. Làm cho kín đáo. Máy tên ký giả bố lão đang nói Bộ ta là Bộ “phát triển sắc đẹp” đấy.

Hai người đi xe trở về Bộ. Sự việc tưởng như kín đáo, ai ngờ vẫn bị lộ.

Siu H' Yum đã đánh hơi thấy. Máu ghen nổi lên, bà quyết làm cho chồng bề mặt một mẻ trước các cố vấn Mỹ, các quan chức của Bộ.

Chiếc Méc-xê-đéc chở Paul Nur đỗ xích trước sân Bộ. Paul vừa bước xuống, Siu H' Yum đã chạy ra xia tay vào mặt chồng, nói âm lên:

- Ông có biết xưa kia ông là một tên giáo quyền, một tên gõ đầu trẻ không hơn không kém? Tôi đây, con gái một dòng họ danh giá nhất Công Tum, đã cứu vớt ông ra khỏi nơi đày ải. Nhờ tôi mà ông có máu mặt. Nấp sau gấu váy con này, ông leo lên chức này chức khác. Cái ghế tổng trưởng hiện nay cũng nhờ con này mà có. Thế mà ông vô ơn bội nghĩa, ông đi ăn nằm với hết con này đến con khác, tính phụ con này à? Ôi các ông cố vấn Mỹ ơi! Các ông dạy bảo chồng tôi thế à?

Paul Nur tái mặt, lúng túng không biết xử trí ra sao.

Nguyễn Hữu Oanh hoảng hốt, chạy ra ngăn bà Tổng trưởng, rồi đứng giữa hai người nói như van với bà:

- Xin bà! Có chuyện gì ta cứ đóng cửa bảo nhau! Ai lại làm thế, mất danh dự ông, cả Bộ người ta trông vào!

Tổng trưởng phu nhân chỉ tay vào mặt ông Bí thư quát:

- Mày, mày là tên lưu manh, ma-cô! Mày làm hỏng chồng tao, làm hại đời bao người con gái đáng tuổi con gái mày! Mày dùng các cô gái làm thang leo lên à? Chúng mày là đồ bất nhân!

Máu ghen càng còn lên, bà chẳng nể nang ai, tố chồng hết chuyện này đến chuyện khác.

- Lúc nào ông cũng nói ông là người đạo đức, bảo tồn tinh hoa dân tộc Ba Na. Dân tộc gì mà ông trai gái đi bợm thế, ông chỉ lừa bịp mọi người, lường gạt mẹ con con này thôi.

Hữu Oánh can mãi không được, phải cho chuẩn úy Tung, em ruột và là cận vệ của Paul Nur, kéo Tổng trưởng phu nhân về nhà.

*

* *

Theo lệnh của Nguyễn Văn Thiệu, Paul Nur, Y Chôn, Nguyễn Văn Nghiêm, Y Bliêng, Y Buan triệu tập cuộc họp bầu người lãnh đạo phong trào thay thế (đúng hơn là nối tiếp) phong trào FULRO đã giải tán. Cuộc họp phần lớn là người của Paul Nur.

Nguyễn Văn Nghiêm đã được Thomas Busker và Thiệu đưa trước danh sách những người lãnh đạo. Các chức vị đã được chỉ định. Nhưng muốn tỏ ra chánh phủ là khách quan, Thiệu cho các đại biểu họp thảo luận để bầu ban chấp hành, trong đó phân đông là các đại diện FULRO.

Nguyễn Văn Nghiêm xin cử tọa im lặng, rồi mở đầu:

- Kính thưa các quý vị đại biểu! Đã nhiều năm qua, có một phong trào chánh trị không được đề cập tới. Vì còn phong trào FULRO nên cả phía chánh quyền lẫn dân chúng Thượng đều không muốn có thêm một phong trào mà rồi không biết sẽ đi đến đâu.

Từ năm 1965, đã có hội “Thân hữu Kinh Thượng”. Hội này mãi đến cuối năm 1966 mới được ông Y Chôn làm sống lại và tháng 3 năm 1969 mới bầu ban chấp hành mới do ông Y Chôn làm Hội trưởng. Những mục tiêu hoạt động chú trọng đến phần tình cảm, hữu hảo nhiều hơn là công tác xã hội.

Giữa năm 1967, khi có khối đoàn kết dân tộc thiểu số Việt Nam do cố đại tá Đàm Văn Quý sáng lập nhưng mãi đến ngày 23 tháng 3 năm 1969 vừa qua, ông Voòng A Sáng mới triệu tập đại

hội bầu ban chấp hành mới. Xét về mục tiêu hoạt động, tổ chức này có thể đáp ứng được phần nào nhu cầu của công cuộc cải tiến dân sinh cho đồng bào thiểu số. Nhưng đường lối phát triển của khối sợ rằng chưa được sâu rộng và nặng về chánh trị hơn là công tác.

Nhìn chung các đoàn thể và phong trào quần chúng, dù dưới danh nghĩa “hội” hay “khối” vẫn hoạt động chưa mạnh, chưa có đóng góp lớn cho đời sống xã hội và cải tiến dân sinh.

Bây giờ chúng ta phải thành lập một phong trào mới. Phong trào này phải là một phong trào dân thân, phải có cán bộ có đức, có tài, hăng hái hướng dẫn và thực hiện tất cả mọi công tác do phong trào chủ trương nhằm mục đích đem lại cho đồng bào thiểu số một đời sống chánh trị và xã hội tươi đẹp hơn.

Vì thế, được lệnh của Tổng thống và Thủ tướng, hôm nay ông Paul Nur mời các quý vị đến đây tự do bàn bạc việc thành lập một phong trào mới đó. Vậy xin các quý vị tự do phát biểu ý kiến.

Y Bling đứng lên nhìn cử tọa:

- Là một đại biểu của phong trào FULRO, tôi xin phát biểu. Trước hết, các quý vị đều thấy rằng, phong trào FULRO từ nay không còn nữa, nhưng sự hăng say của các đoàn viên phong trào FULRO vừa mới về hợp tác vẫn còn nguyên. Được tham gia vào một phong trào mới để tranh đấu cho cuộc cách mạng xã hội, cho đồng bào các dân tộc thiểu số, giải phóng họ khỏi sự bần cùng, tiến lên xây dựng xã hội tươi đẹp văn minh là nguyện vọng thiết tha của những đoàn viên FULRO chúng tôi. Vậy mong các quý vị quan tâm đến những thành viên phong trào FULRO chúng tôi, dành cho chúng tôi đặc ân được phụng sự đồng bào.

Y Dhắt, Y Buăn lần lượt phát biểu tỏ lòng hăng say, sẵn sàng dân thân, đem hết sức mình phụng sự đồng bào.

Đến phần bầu ban chấp hành đã bố trí sẵn, Y Chôn nói:

- Theo quy định của Phủ thủ tướng, những viên chức nhà nước sẽ không tham gia giữ vai trò chủ chốt trong các đoàn thể chính trị, vì thế, ông Paul Nur và tôi xin rút khỏi ban chấp hành. Nếu quý vị quý mến thì xin ở ban cố vấn. Theo ý kiến riêng tôi, ta nên chọn đại biểu có uy tín ở trong phong trào FULRO để đưa vào lãnh đạo phong trào mới. Vì các vị đó đã được thử thách, đã dân thân lâu dài đấu tranh cho quyền lợi dân tộc, đã có kinh nghiệm lãnh đạo một phong trào lớn lao.

Y Dhắt đề cử:

- Theo tôi, ta nên cử ông Y Dhé làm chủ tịch, vì sau ông Y Băm, ông Y Dhé là nhân vật số hai của FULRO. Ông là người có uy tín lớn. Ông đã từng giữ chức trưởng ban đại diện FULRO ở Buôn Mê Thuột. Trong thời gian làm trưởng ban, ông đã rất nỗ lực, đem đến sự đoàn kết Kinh Thượng, ông đã dẫn đầu những đoàn viên FULRO về hợp tác.

Y Bliêng vốn ghét Y Dhé, lại thấy Y Dhé không có mặt trong cuộc họp này, liền đứng phắt lên:

- Ông Y Dhé, từ ngày về hợp tác đến nay tỏ ra rất bất mãn và có nhiều tham vọng cá nhân. Ông tưởng rằng sẽ được cử làm tỉnh trưởng Đắc Lắc. Không được cử, ông bất mãn bỏ về quê mở đồn điền cà-phê, không tham gia công việc xã hội gì cả. Chủ tịch của một phong trào quần chúng phải là người biết hy sinh mọi tham vọng cá nhân, toàn tâm phục vụ quần chúng, phải luôn luôn coi quyền lợi dân tộc trên hết; phải lấy mục tiêu phục vụ đồng bào làm lẽ sống của mình; phải dẹp bỏ mọi tính toán, ích kỷ, vụ lợi. Ông Y Dhé thì trái hẳn lại. Xét về mọi mặt ông Y Dhé chưa xứng đáng làm chủ tịch một phong trào lớn lao thế này.

Các đại biểu thi nhau phát biểu. Người nào cũng đề cử người thân, cùng cánh với mình. Biết cứ để bàn cãi, chỉ thêm rối chuyện, vả lại, như thế cũng đủ tỏ ra dân chủ rồi, Paul Nur đứng lên tổng kết các ý kiến, nêu danh sách đề cử và nói:

- Thưa quý vị, các ứng cử viên và đề cử viên chúng ta đã lập xong, bầu ai, quý vị hoàn toàn tự do lựa chọn. Có một điều xin lưu ý quý vị là, vừa qua khi gọi chúng tôi đến ra lệnh thành lập phong trào, Tổng thống và Thủ tướng có cho danh sách dự kiến, danh sách này do các chuyên viên sắc tộc và Hội đồng sắc tộc đề nghị, chúng tôi cũng xin đọc danh sách đó để các vị lưu ý và tham khảo trong việc bầu. Danh sách đó như sau:

Chủ tịch danh dự: Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Chủ tịch chánh thức: Ông Y Bling Buôn Krông Pang.

Đệ nhất phó chủ tịch: Ông Y Dắt Niê Kdăm.

Đệ nhị phó chủ tịch: Bà H' Bi Buôn Yă.

Tổng thư ký: Ông Y Kuốt.

Thủ quỹ: Ông Y Buăn.

Ban cố vấn có: Tôi – Paul Nur, Ông Y Chôn và ông Y Bliêng.

Như thế là ban chấp hành có đại diện các dân tộc khác nhau: Ba Na (tôi), Ê Đê (ông Y Bliêng, Y Dắt...), Ka Ho (ông Ya Duk)...Có nam, có nữ. Toàn những người có uy tín lớn trong phong trào FULRO và các phong trào khác của dân tộc, tiêu biểu cho tài năng, đức độ của các dân tộc trên Cao Nguyên.

Paul dứt lời. Các đại biểu bàn tán, xì xào.

Khỏi phải bầu thì mọi người cũng biết ban chấp hành là phải như thế vì Tổng thống và Thủ tướng đã dự kiến, ai dám bầu khác đi? Y Dắt thấy mình là phó ban đại diện FULRO, trên cấp của Y Bling mà giờ lại dưới quyền, âm ức muốn phản đối, nhưng thấy Tổng thống đã quyết định thì

có nói cũng vô ích nên đành im lặng. Kết quả cuộc bầu cử là thành phần ban chấp hành đúng như danh sách dự kiến.

Phong trào được mang tên là: “*Phong trào đoàn kết các sắc tộc thiểu số Cao Nguyên miền Nam Việt Nam*” .

Ban chấp hành các tỉnh bộ không có bầu bán gì hết, mà do Ban chấp hành trung ương chỉ định. Danh sách cả trung ương và địa phương lập xong, Nguyễn Văn Thiệu cho in, rồi các vị lãnh đạo phong trào kéo nhau về Buôn Mê Thuột làm lễ ra mắt.

Hội nghị trừ bị cho lễ ra mắt được tổ chức. Các tỉnh bộ cũng được triệu tập. Nghe đọc tên mình làm chủ tịch tỉnh bộ phong trào Đắc Lắc, Kpă Kới làm phó chủ tịch, Y Khia Mlô Đuôn du ngơ ngác. Tưởng làm chủ tịch phong trào là phải gánh vác nhiều trọng trách nặng nề, phải luôn giữ mình trong sạch để được quần chúng tín nhiệm, không được buôn gian bán lận, ông liền gặp Y Chôn kêu:

- Tôi không quen làm chánh trị, lại không có tài đức uy tín, xin ông miễn cho, đừng bắt tôi làm chủ tịch tỉnh bộ. Xin ông!

Các thành viên tỉnh bộ PleiKu, Công Tum, Quảng Đức...cũng nhao nhao xin rút.

Y Chôn phải nhẫn nại giải thích. Nhiệm vụ các vị trong tỉnh bộ nhẹ nhàng thôi. Chỉ có đi họp, dự tiệc động viên quần chúng. Quyền lợi khá hậu: được hưởng một phần trong phong trào phí; được chi tiêu trong các khoản tổ chức mít tinh, hội họp; được dự tiệc luôn; được ưu tiên mua bán hàng hóa viện trợ với giá rẻ...các vị lúc đó mới vui vẻ nhận.

Lễ ra mắt “Ban chấp hành trung ương Phong trào đoàn kết” được tổ chức long trọng ở rạp Thăng Long, Buôn Mê Thuột. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tới dự làm các vị trong ban chấp hành các cấp thấy mình quan trọng quá, và các vị may mắn được làm lãnh tụ phong trào lớn lao này.

Sau lễ ra mắt, việc kết nạp đoàn viên phong trào được xúc tiến trên toàn Cao Nguyên. Danh sách được ghi lập tận các buôn theo kiểu “đánh trống ghi tên”. Toàn thể những người sắc tộc từ 18 tuổi trở lên đều phải tham gia phong trào, nộp đoàn phí hàng tháng, nộp tiền làm thẻ đoàn viên, có nghĩa vụ đóng góp sức người, sức của cho phong trào, bất luận là ý thức giác ngộ cao hay thấp, quá khứ và hiện tại xấu tốt thế nào.

Trụ sở trung ương của phong trào được lập tại nhà Y Thuột ở buôn Alê A, Buôn Mê Thuột, ngay cạnh trụ sở Ban đại diện FULRO ngày nào. Trụ sở nườm nượp ngày đêm. Người đến đóng nguyệt liêm, người đến thăm, người đến nhờ phong trào bệnh vực, cứu trợ.

*

* *

H' Bi sung sướng tốt độ. Bà thật không ngờ là lại được cử giữ chức vụ cao như thế. Đề tam phó chủ tịch, lãnh đạo chị em phụ nữ toàn Cao Nguyên chứ có phải xoàng đâu!

Nửa năm đầu, phong trào hoạt động rầm rộ, các vị lãnh đạo tỏ ra hăng hái, bà cũng cố giữ mình, tỏ ra trong sạch, làm tấm gương cho chị em soi.

Bà đi thăm chị em các tỉnh bộ, nói chuyện, hô hào, động viên chị em “tự giải phóng mình, làm chủ Cao Nguyên”.

Nhưng sau đó, phong trào như quả bóng xì hơi xẹp dần xuống. Các vị lãnh đạo đâm ra sa sút, lợi dụng phong trào làm giàu và hục hặc với nhau.

Ngài chủ tịch Y Bling tìm đủ mọi cách xoáy tiền của phong trào. Tiền nguyệt liêm, tiền làm thẻ đoàn viên toàn quốc nộp lên cuối năm 1969 và đầu năm 1970, được vài chục triệu thì ngài cuồn luôn 9 triệu. Bị các đoàn viên chửi bới, ngài trốn biệt ở Sài Gòn không dám về trụ sở ở Buôn Mê Thuột.

Đệ nhị phó chủ tịch Y Duk thì rượu chè bê tha. Ngài tìm đủ cách để được đánh chén. Lúc ngài thăm tỉnh bộ này, lúc ngài thăm tỉnh bộ kia, không ngoài mục đích ăn uống. Tỉnh bộ nào có tiệc to, thường xuyên ngài đến thăm và ở lâu để “động viên phong trào”. Tỉnh bộ nào ăn uống xoàng, ngài chẳng đến thăm hoặc chỉ tạt qua rồi rút luôn. Ngài thích nhất là tỉnh nào đón ngài bằng liên hoan văn nghệ. Vừa được uống rượu ngon, vừa được nghe nhạc hay lại vừa xem gái đẹp múa hát. Khi về lại còn có tặng phẩm, ảnh kỷ niệm chụp chung với các diễn viên.

Còn bà H' Bi và ngài Đệ nhất phó chủ tịch thì thế nào?

Thấy các bậc đàn anh thi nhau tham ô và bê tha như thế, bà vạ gì mà phải giữ mình, giữ tư cách? Bà cũng phải sống gấp được ngày nào hay ngày ấy chứ!

Sau khi chồng (ông Y Nuín) bị Y Băm xử tử hình H' Bi thấy vô cùng đau đớn, chán nản. Bà muốn bỏ hậu cứ về Cao Nguyên làm ăn, dạy học. Nhưng thoát làm sao được khỏi sự bao vây của các tay chân Y Băm trên toàn Cao Nguyên và của cả chánh quyền Sài Gòn nữa?

Chán ngán với con đường hoạn lộ, cảnh sống lừa lọc chia rẽ của các lãnh tụ FULRO, không có thể để tham ô tiền và ăn uống nhậu nhẹt H' Bi tìm lối thoát trong những thú vui xác thịt. Bà cặp bồ lung tung với các vị chỉ huy FULRO và cuối cùng chài được trung tá Rmah Klel – trưởng phòng 5 bộ tổng tham mưu FULRO. Lúc ấy Rmah Klel là một trai tân, cao to, đẹp trai. Hai người cưới nhau. “Nạ dòng vợ được trai tơ...”, H' Bi say sưa với mối tình mới tưởng như sẽ sống với chồng cho đến khi đầu bạc răng long.

FULRO về hợp tác, H' Bi cùng chồng trở về quê hương... Rmah Klel làm trung tâm trưởng định canh định cư Piel Quen. H' Bi dạy học ở xã và nội trợ gia đình. Hai người ăn ở với nhau khá đầm ấm và chắc chắn rằng họ sẽ sống hạnh phúc mãi mãi nếu như không có biến cố mới đến với bà: Bà được làm đệ tam phó chủ tịch phong trào Đoàn kết. Bắt đầu từ đây, những va chạm giữa hai vợ chồng tăng dần, tăng dần và dẫn đến đổ vỡ. Cái chức phó chủ tịch quá cao sang kia đã gây nên bao điều bất hạnh trong cuộc sống tình cảm của vợ chồng bà.

Là Đệ tam phó chủ tịch, là lãnh tụ lớn nhất của chị em sắc tộc, bà được các quan chức, các ký giả để ý, thăm hỏi luôn. Bà tự cảm thấy mình sang trọng và oai vệ quá. Còn Rmah Klel phụ trách định canh định cư. Gọi là trung tâm cho oai chứ phạm vi chỉ bằng một buôn nhỏ. Ông thấp kém, không có được một địa vị cao như bà. Có lần, bà đi xe du lịch bóng loáng về thăm nhà trong khi ông đang đóng khổ, mặc áo lính dày cộp, bụi đất, nhựa cây bám đầy, vác cuốc đi thăm nương rẫy.

Hố ngăn cách giữa họ sâu dần. Tình cảm rạn nứt và không thể nào hàn gắn được cho đến lúc bà thấy sống bên chồng là điều sỉ nhục.

Giữa lúc ấy, ông Đệ nhất phó chủ tịch Y Dắt lại tha thiết yêu bà Đệ tam phó chủ tịch.

Cùng là lãnh tụ của một phong trào, cùng làm phó chủ tịch trong ban chấp hành, thường xuyên họp hành, đi thăm hỏi quần chúng, cùng oai vệ và sang trọng như nhau, hai người gần gũi và say nhau mê mết.

Ngay ở trụ sở phong trào, hai vị đã thường xuyên ân ái với nhau. Ai dám nói? Nhị vị chủ tịch sẽ trù mà trị thẳng tay thì chết!

Đề có thể “hòa đồng” tình cảm hơn, nhị vị chủ tịch cố tạo cơ hội gần nhau. Ông chủ tịch Y Bling nằm tít ở Sài Gòn, công việc do ông Đệ nhất phó chủ tịch điều hành. Thế là Y Dắt cùng bà Đệ tam phó chủ tịch đi kinh lý hết tỉnh này đến tỉnh khác để “gặp gỡ, kiểm tra, giúp đỡ các tỉnh đưa Phong trào đoàn kết đi lên những bước mới, ngõ hầu kiến tạo cuộc sống văn minh tươi đẹp cho vùng rừng núi xa xôi này”.

Ra khỏi trụ sở trung ương, xa vợ, xa chồng, nên đường kinh lý, hai vị thả sức “bàn bạc”, “trao đổi”...

Tình cảm cứ thế thấm sâu và cuối cùng nhị vị chủ tịch đều cảm thấy không thể sống với những người chồng, người vợ cũ hèn kém, quê mùa. Hai vị đều quyết tâm ly dị vợ, chồng cũ để lấy nhau.

Bà H' Breo – vợ ông Y Dắt – không biết kêu ai, đành để cho chồng chạy theo nhân tình. Nhưng còn Rmah Klel, dù có kém thế ông Y Dắt và vợ, thì cũng đã từng là trung tá trưởng phòng của “chánh phủ FULRO”, đã từng bốn năm “xuất ngoại” sang Căm-bốt hoạt động “cách mạng” thì đời nào chịu mất vợ? Ông liền gặp các vị tai mắt trong tỉnh hỏi ý kiến. Ông Y Bliêng, cố vấn phong trào, rất phẫn nộ với hành động hèn hạ của ông phó chủ tịch, liền xúi ông Rmah Klel kiện lên Tòa án phong tục, hiện ông Y Bliêng đang làm Chánh án. Ông sẽ chiếu theo công lý mà trị tội kẻ lợi dụng chức quyền cướp vợ người khác, mà lại là cướp vợ người đồng chí đã cùng ở trong FULRO, cùng lưu vong với nhau, cùng đã đồng cam cộng khổ với nhau bao năm... một cách trắng trợn như thế.

Rmah Klel phát đơn kiện Y Dắt lên Tòa án phong tục và hy vọng sẽ thắng kiện vì Tòa án phong tục rất có quyền thế và ông Y Bliêng nổi tiếng là một Chánh án công minh, chánh trực, dũng cảm bảo vệ chân lý.

Liệu Rmah Klel có thắng kiện không? Liệu ông Y Bliêng có trị nổi ông Đệ nhất phó chủ tịch Phong trào đoàn kết đầy uy quyền cả một vùng Cao Nguyên rộng lớn này không?

Xung quanh vụ kiện này, các vị tai mắt trong tỉnh ham “bình luận thời cuộc” hồi ấy đánh cá nhau khá cao. Có vị dám bỏ ra hàng triệu đồng, nói như đinh đóng cột là ông Y Bliêng sẽ làm cho Rmah Klel thắng kiện, thách ai dám cá với mình. Có vị dám cá cả chiếc xe Jeep và nói rằng Y Dhat sẽ trắng án. Họ vô lấy thời cơ, tung tiền ra, lao vào cuộc đồ đen, thấp thòm, chờ đợi kết quả vụ kiện như chờ đợi một biến cố trọng đại của quốc gia.

12. BƯỚC ĐƯỜNG MỚI CỦA LES KOSSEM

Không được giữ chức vụ nào trong Phong trào đoàn kết, Huỳnh Ngọc Sảng bắt mẫn chữ Thiệu lừa đảo, Paul Nur là kỳ thị dân tộc Chăm. Tháng 5-1969, Sảng bỏ Việt Nam trốn sang Nam Vang. Lúc này Lon-non cùng Les đang chuẩn bị theo Mỹ lật Xi-ha-núc.

Được Sảng cho biết Thiệu đã thành lập Phong trào đoàn kết đập gãy phong trào FULRO ở khúc xương sống quan trọng nhất là Cao Nguyên trung phần Việt Nam, Les Kossem thấy càng cần phải phát cao hơn nữa mảnh cò còn lại của FULRO trên đất Căm-bốt này bằng cách nhanh chóng củng cố mảng FULRO còn lại trong tay.

Hạ tuần tháng 6-1969, Les ra lệnh tạm ngừng khóa huấn luyện FULRO tại Nam Vang, bắt các khóa sinh lên đường đi phục vụ ngay tại Môn-đun-ki-ri và Rát-ta-na-ki-ri. Ở hai tỉnh hậu cứ này, sau cú mưu phản của Y Bham thất bại, Les Kossem đã cử về đây những tay chân thân tín để nắm chặt phong trào FULRO như bọn Đặng Nô, Đồng Tập, Kinh Hoài Diệp... Ở Môn-đun-ki-ri và bọn Đảng Năng Giáo, Kpă-Tóh, Bá Văn Lành ở Rát-ta-na-ki-ri. Còn ở Nam Vang, Les lưu giữ Huỳnh Ngọc Sảng, Quảng Đại Dù, Thiên Sanh Thi, Đặng Văn Thủy.

Tuy vậy họ vẫn chỉ đại diện cho phái Chăm, chỉ có uy tín đối với thành viên người Chăm, không ảnh hưởng gì đến dân Tây Nguyên. Les Kossem buộc phải tìm một vị chủ tịch mới để lôi kéo người Thượng khởi chạy về Việt Nam.

Ngày 19-7-1969, Ủy ban chỉ đạo tối cao FULRO triệu tập cuộc họp do Les Kossem chủ tọa, tại tư thất 387/10 đường Mô-ni-vông. Tham dự cuộc họp có các nhân vật trong số đã ly khai với Y Bham từ trước. Ngoài những đại biểu Chăm quen thuộc như Huỳnh Ngọc Sảng, Đảng Năng Giáo, Hoàng Minh Mộ, Thiên Sanh Thi, Quảng Đại Dù, Les Kossem may mắn tập hợp được những đại biểu người Tây Nguyên đã từng ly khai với phong trào Mặt trận Cao Nguyên của Y Bham như: Y Phan, Y Năm, Kpă Doh. Mở đầu cuộc họp Les Kossem nói:

- Bọn Thiệu cho lập Phong trào đoàn kết, đưa số người Thượng ra làm lãnh tụ hòng lôi kéo các dân tộc thiểu số, nhất là ở Cao Nguyên, theo chúng. Chúng ta cũng cần có một tân chủ tịch để thu hút quần chúng. Tôi chỉ xin nhận nhiệm vụ chỉ đạo, trợ giúp mà thôi. Vậy xin các vị đề cử người giữ chức vụ quan trọng này.

Các đại biểu nhìn nhau im lặng. Họ hiểu rằng có ra làm chủ tịch thì cũng chỉ là bù nhìn, còn bao quyền hành Les Kossem vẫn nắm. Mà số phận cũng ngắn ngủi, một sớm một chiều như Đảng Năng Giáo ngày nào, làm chủ tịch chưa đầy một tháng mà thôi.

Thấy mọi người không đề cử, vị chủ tịch nói thẳng:

- Tôi xin đề cử, một là ông Y Băm sẽ tái nhiệm làm chủ tịch, hai là ông Y Bun Sor hiện đang làm tỉnh trưởng Môn-đun-ki-ri, người rất có uy tín hiện nay.

Các đại biểu im lặng hồi lâu, Đảng Năng Giáo đánh bạo phát biểu:

- Ông Y Băm đã phản bội phong trào, xa rời đường lối của FULRO, thỏa hiệp với ngụy quyền Việt Nam, ông chẳng còn uy tín gì với đồng bào. Vì vậy, ta không nên bầu. Còn ông Y Bun Sor, đây là vị chỉ huy quân sự và lãnh đạo dân sự của Căm-bốt. Bầu ông, tôi e rằng đồng bào ở Việt Nam khó theo ta. Bọn Y Dhé, Y Bling lại có dịp đả kích là FULRO bị Căm-bốt áp đặt...

Được khơi mào, mọi người đua nhau phát biểu. Ai cũng nói ý kiến của Giáo đúng đắn.

Mãi hết buổi họp, hội nghị vẫn chưa tìm được người đứng ra làm chủ tịch FULRO. Kossem kết thúc:

- Tôi sẽ cử ông Hoàng Minh Mộ và Đặng Văn Thủy về Việt Nam. Hai ông có nhiệm vụ thăm dò ý kiến các viên chức, nhân sĩ sắc tộc xem họ tín nhiệm ai. Qua đó ta sẽ cử sau. Tạm thời “Ủy ban chỉ đạo tối cao FULRO” vẫn giữ nguyên, điều hành công việc của phong trào.

Hôm sau, Mộ và Thủy lên đường về Sài Gòn. Hai người gặp Dân biểu hạ viện Thanh Giác và nghị sĩ thượng viện Ksor Rót để thăm dò ý kiến. Hai vị nghị sĩ lạnh lùng, tỏ ra thờ ơ với FULRO.

Ksor Rót uể oải ngáp rồi nói:

- FULRO đã về hợp tác. Các đoàn viên FULRO đã thành viên chức, sĩ quan, công dân Việt Nam Cộng hòa. Là đại biểu cho dân tộc Việt Nam, chúng tôi thấy có bổn phận bảo vệ hiến pháp Việt Nam. Chúng tôi không hiểu và không dám có ý kiến gì về phong trào FULRO ở Căm-bốt của ông Kossem.

Thấy các đoàn viên FULRO trở về đã chán nản, không còn hăng hái. Les Kossem cho rằng cần phải đi vận động lớp người trẻ cho FULRO. Ông chú ý đến người Chăm ở miền Trung cũng như miền Tây Nam kỳ Việt Nam. Les liền cử Sáng về nằm vùng ở biên giới Miền Việt thuộc tỉnh Châu Đốc.

Sáng về các vùng làng mạc người Chăm, giả làm dân chài lưới. Hắn cạo trọc đầu, mặc sa-rông như một người dân. Ở đây hắn liên lạc với các đoàn viên FULRO Chăm và Khơ-me đã về hợp tác.

Đã bước sang năm 1970.

Công việc lật đổ Xi-ha-núc vẫn được Lon-non, Les Kossem chuẩn bị ráo riết. Kossem tiếp tục cử người về Việt Nam, lôi kéo người Chăm sang Nam Vang.

Cuối tháng 2 năm 1970, Les cử Bá Trung Di về Sài Gòn. Từ đây, Di tung chân tay về miền Trung.

Hôm ấy, Kiều Ngọc Quyên – quận phó Tuy Phong – cầm sổ tiền thuế của quận từ Long Hương về Phan Thiết. Phải đi đường vòng để tránh bị quân giải phóng phục kích, y về Phan Rang định đáp máy bay đi Phan Thiết.

Quyên vào một tiệm giải khát. Ở đây y gặp Bá Văn Tường và Châu Văn Tấn. Ba người chuyện trò. Quyên than thở:

- Chánh phủ đào tạo người thế nào mà ùn lên như mồi. Nghe nói, sắp tới tao bị mất chức vì họ sẽ đưa bọn học khoa đốc sự về thay số học khoa tham sự chúng tao. Không biết rồi họ sẽ đẩy tao đi đâu. Sang quân sự hoặc về các tỉnh miền núi thì dễ xoi đạn của Việt Cộng lắm.

Châu Văn Tấn gật gù:

- Tôi cũng chán học lắm rồi. Anh học Quốc gia hành chánh ra, còn không yên ổn hưởng là chúng tôi. Tìm việc gì bây giờ?

Bá Văn Tường chen vào:

- Tôi vừa gặp ông Bá Trung Di ở Sài Gòn. Ông vừa là nhân viên tình báo của ông Thiệu, lại vừa là người của FULRO. Ông ta nói người Chăm ở Căm-bốt được ông Les Kossem ưu ái lắm. Các anh có sang thì tôi nhờ ông ấy dẫn đi.

Tấn reo lên khe khẽ:

- Tôi sẽ đi!

Quyên hát hàm hỏi Tấn:

- Mày bỏ con Nhung ở lại một mình à?

- Bỏ thôi. Vợ con sớm làm gì. Vương chân lắm!

Sau đó, Quyên, Tấn theo Tường về Sài Gòn gặp Di. Di dẫn Quyên, Tấn, Báo Văn Danh qua đường Châu Đốc sang Căm-bốt. Họ tới Nam Vang vào ngày 30-2-1970.

Ở đây, họ được Les Kossem vồn vã đón nhận. Les cử Đảng Năng Giáo và Ngụy Văn Nhuận (người vừa sang được Les Kossem tin dùng, cử làm bí thư riêng cho mình) coi sóc. Họ ở ngôi nhà cạnh tư thất của Les Kossem trên đường Mô-ni-vông.

Công việc của số mới sang là học tập về đường lối FULRO để chuẩn bị xung vào các đơn vị quân sự FULRO Chăm.

Một buổi, thấy Sáng đi vào tư thất Les Kossem, Quyên hỏi Giáo:

- Tao muốn gặp thằng Sáng một chút được không?

Giáo nhìn Quyên, trợn mắt:

- Gặp thằng dê cụ ấy làm gì?

- Chuyện trò cho vui chút xíu thôi!

- Nó là thằng đêu, lừa thầy, phản bạn. Không nên chơi với nó. Rồi nó sẽ lừa cả mày đấy!

Quyên biết Giáo đang căm vì bị Sáng cuỗm mất Trúc.

Chánh biến 18-3-1970 đã xảy ra. Được Mỹ ủng hộ Lon-non, Is-tam, Cheng-heng đã lật đổ Xi-ha-núc, lập nội các mới thân Mỹ.

Là một chân tay đắc lực của Lon-non trong chính biến lần này, Les Kossem cướp thời cơ, lao vào hoạt động. Thời gian ấy, trên ti vi, các báo, đài phát thanh, người ta loan tin Xi-ha-núc thân cộng sản, tiếp tay cho Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, bênh người Việt khi có cuộc xô xát giữa người Việt và Khơ-me. Và vì thế, họ cần lật đổ Xi-ha-núc để xây dựng quốc gia “độc lập, tự do, không bị Cộng sản áp đặt”.

Trong tư thất của mình và trụ sở của FULRO ở đường Mô-ni-vông, Les Kossem cho chiếu những bộ phim nói về chuyện người Việt, do Phan Thanh Giản chỉ huy, đã chiếm đất Cầm-bốt, tàn sát người Khơ-me.

Sau khi đã chuẩn bị xong dư luận, Kossem liền xin Lon-non cho khởi xướng phong trào “Cáp-đuôn”.

Hàng loạt đồng bào Việt kiều bị đánh đập, bắn giết, xua về Việt Nam, Les Kossem kêu gọi Mỹ - Thiệu tấn công Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam. Người ta hỏi vì sao khi còn Xi-ha-núc, Les Kossem tỏ ra ủng hộ ngầm Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, buôn bán cung cấp lương thực cho Quân giải phóng, mà bây giờ lại kêu gọi Mỹ - Thiệu tấn công tiêu diệt, lại còn hứa sẽ giúp Mỹ - Thiệu tấn công tổng hành dinh Mặt trận giải phóng đóng ở biên giới Việt – Miên, thì Les Kossem viện mỗi thù dân tộc trung cổ ra để lấp liếm mọi sự phi lý của mình.

Thời gian này, Les Kossem lên như điều gặp gió. Ông được Lon-non cho toàn quyền điều hành lực lượng thiểu số tại Cầm-bốt. Ông không chỉ là lãnh tụ của dân tộc Khơ-me Is lam mà còn là lãnh tụ của tất cả các dân tộc thiểu số ở trên xứ sở này. Được Lon-non cho huy động người thiểu số vào quân đội, Les thành lập 7 tiểu đoàn biệt lập, quân gồm toàn sắc dân Chăm, Miên Hạ và Thượng.

Y gom các tiểu đoàn biệt lập thành Lữ đoàn 5 bộ binh, viết tắt là 5_e (5_e Brigade d'Infanterie) và làm chỉ huy trưởng. Chỉ năm sau, y đổi tên thành 5_eBIC (5_e Brigade de Choc = lữ đoàn 5 ứng chiến). Năm sau nữa, y lại đổi sang tên 5_e BIS (5_e Brigade Spéciale = Lữ đoàn 5 đặc biệt). Nhờ ba lần đổi tên ấy mà y làm cho nhiều người lầm tưởng rằng y có những ba lữ đoàn!

Sau khi củng cố quân đội, Les Kossem liền mở một chiến dịch ngoại giao mới.

Les bay đi Vọng Các vận động “Tổ chức người Chăm chánh thống”. Vị tướng gốc Chăm chỉ huy lực quân Thái nhân ra cơ hội hiếm có để bành trướng sang phía đông, liền bàn với chính phủ Thái Lan chấp nhận cho y chỉ huy 10.000 quân Thái tình nguyện sang Căm-bốt để giúp Les Kossem chống lại Khơ-me đỏ. Nhưng Kossem cũng cảnh giác, ngại quân Thái sẽ lợi dụng thời cơ, lấn đất Căm-bốt, liền đề nghị vị tướng Chăm tạm hoãn đưa quân sang để dành lực lượng đó yểm trợ cho công cuộc phục quốc Champa của y sau này.

Les Kossem bay đi Nam Dương vận động “Tổ chức người Chăm yêu nước” ở đây và vận động Tổng thống Nam Dương Xu-hắc-tô.

Sau khi lật Xu-các-nô, Xu-hắc-tô vẫn giữ nguyên mật ước “Xu-các-nô – Les Kossem”, giữ nguyên 2 lữ đoàn quân Nam Dương yểm trợ cho Les.

Đại tá Su-sê-nô (vừa được phong tướng nên thôi giữ chức tùy viên quân sự ở Nam Vang về Nam Dương làm Tổng cục trưởng Tổng cục quân huấn) và tướng A-ly, hai bạn thân của Kossem, vui mừng đón người bạn Chăm.

Hai tướng dẫn Les Kossem yết kiến Tổng thống Xu-hắc-tô. Tổng thống cũng hứa hết lòng giúp đỡ Champa, hứa sẽ nhận đào tạo lớp sĩ quan tình báo người Chăm từ Căm-bốt gửi sang cho Les Kossem.

Hai tướng A-ly và Su-sê-nô tiễn Les Kossem ra tận phi trường.

Les Kossem vừa về đến Căm-bốt thì hậu cứ Môn-đun-ki-ri bị Khơ-me đỏ tấn công và thất thủ. Số sĩ quan và binh lính FULRO ở đây được Lực lượng đặc biệt Mỹ cứu, chở bằng trực thăng về Nam Vang.

Thuận Thị Trúc cũng theo số tàn quân về trụ sở FULRO. Les Kossem cho cải hoán toàn bộ lực lượng FULRO vào Lực lượng biệt lập trong 2 lữ đoàn sắc tộc mà ông đang chỉ huy, thuộc quân đội Khơ-me. Các đoàn viên FULRO Chăm thuộc lữ đoàn 5, các đoàn viên Thượng thuộc lữ đoàn 40, được cấp bậc tương xứng như: Trung tá thì có: El Ibrahim, Sietmiet, Chek Ibrahim, Math Soleyman, Rovskyman Soleyman... Thiếu tá có: Thiên Sanh Thi, Mô-ha-mét, Y Bun Sor, Y Bhanh, Kpa Dóh, Y Năm... Đại úy có: Hoàng Minh Mộ, Đặng Văn Thủy, Đặng Năng Giáo, Bá Trung Di, Nguyễn Văn Nhuận, Quảng Đại Đủ... Trung úy có: Châu Văn Tấn, Đạt Rài... Les Kossem trực tiếp chỉ huy các lữ đoàn này, có El Ibrahim và Chek Ibrahim phụ tá.

Hai lữ đoàn của Les lao vào đánh nhau, giành giật từng mảnh đất xóm làng với Khơ-me đỏ. Những trận ác chiến xảy ra liên miên.

Kossem kêu gọi chánh phủ Mỹ ủng hộ trực tiếp nhiều hơn nữa. Y xin vũ khí cho 75.000 quân, hứa sẽ chỉ huy số quân này “tiêu diệt Cộng quân Việt Nam và tổng hành dinh Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam trên đất Căm-bốt”.

Hoàng Minh Mộ và Đặng Văn Thủy lại đi Sài Gòn. Khi về, họ cho biết, các viên chức, nhân sĩ thiểu số Việt Nam coi FULRO như đã giải tán, không nhận đề cử ai làm chủ tịch. Les Kossem chửi um lên rồi tự lập “Ủy ban hành động lâm thời Trung ương” bên cạnh “Ủy ban chỉ đạo tối cao”. Y chỉ định:

Hoàng Minh Mộ làm Chủ tịch.

Huỳnh Ngọc Sáng làm Phó chủ tịch, kiêm ủy viên tổ chức.

Y định sẽ đưa ủy ban này về lập trụ sở ở Sài Gòn, chọn một số dân biểu, công chức cao cấp tại Sài Gòn làm cố vấn, huy động số sinh viên Chàm, Thượng ở Sài Gòn làm cố động viên. Les trao cho Mộ 200.000 Riel để hoạt động. Nhưng Hoàng Minh Mộ và Huỳnh Ngọc Sáng có ở lỵ Nam Vang, không dám về Sài Gòn, sợ bị cảnh sát Thiệu gây khó dễ và dân chúng phản đối, coi như tay sai của Les Kossem. Thấy ủy ban hoạt động ỉ ạch, cuối năm 1970, Les Kossem lại giải tán “Ủy ban hành động lâm thời Trung ương”, thành lập: “Ủy ban lãnh đạo FULRO”, cử Y Bun Sor làm chủ tịch. Ngụy Văn Nhuận làm phó chủ tịch. Phụ tá cho Y Bun Sor có 10 ủy viên trung ương dự khuyết. Ủy ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của “Cố vấn đoàn” do Les Kossem làm chủ tịch và Châu Đêra làm chủ tịch danh dự.

Huỳnh Ngọc Sáng lại được Les Kossem cử về biên giới Việt Miên, vùng Châu Đốc, hoạt động gây cơ sở và liên lạc với các cựu đoàn viên FULRO ở Việt Nam, Đảng Năng Giáo ở lại Nam Vang bên cạnh Les Kossem, cùng Y Bun Sor và Ngụy Văn Nhuận thực hiện công việc do Les Kossem vạch ra cho “Ủy ban lãnh đạo FULRO”.

Trong những ngày này Giáo thường gặp và nghe Trúc hát trong các hội nghị, lễ kỷ niệm ngày thành lập FULRO, tết ka-tê Chàm.

Tiếng hát Chàm ai oán của Trúc được nhiều người Chàm ở Căm-bốt, nhất là những người lưu vong, ưa thích:

Chàng ơi, em đã kết thê.

Trăm năm chỉ một lối về Tháp xưa...

Tiếng hát ấy cũng lay động trái tim Giáo. Lâu nay, lao vào hoạt động chánh trị, Giáo tưởng đã quên đi mối tình với Trúc. Nhưng không, tiếng hát quê hương đã đánh thức niềm say đắm. Giáo lại làm thơ gửi Trúc:

Tim anh cần cỗi lâu rồi

Bỗng nghe em hát bồi hồi lại rung.

Cầm lá thư có bài thơ Giáo gửi, những kỷ niệm về mối tình đầu với Giáo ở quê hương bỗng sống dậy trong lòng Trúc. “Ru hồn vọng gác đêm sương. Bài ca mộng ước vẫn vương trong lòng”. Câu thơ cũ còn nhớ thì mối tình đầu dễ quên! Trúc quyết định trở lại với người yêu cũ.

Thế là đám cưới của họ được tổ chức, theo đúng phong tục đạo Islam mà hai người theo từ khi sang Căm-bốt.

Giáo đội mũ nhung đen theo kiểu Nam Dương, mặc com-lê đen. Trúc mặc váy áo Chăm trắng toát. Những bản nhạc Chăm với đàn Kanhi, trống Kmung...cử hành du dương, rộn ràng.

Cưới xong, Giáo và Trúc ở lại Nam Vang, bên cạnh Les Kossem. Les Kossem cho hai vợ chồng Giáo học tiếng Pháp để chờ dịp dưng vào công việc của FULRO. Trúc có thai, Giáo đưa vợ về Lăng-spét, cách Nam Vang 30 cây số, ở với gia đình một vị giáo sư người Chăm tên là Pơ-cơ (bố nuôi của Giáo) chờ ngày sinh nở.

Thấy Trúc có thai quá nhanh, anh chị em FULRO nghi ngờ...Triệu nói xơi xơi: “Con ông Sáng đấy”.

13. VỊ TÂN TỔNG TRƯỞNG

Trưởng ty Phát triển sắc tộc Tây Ninh Đô-may-ét cáo từ Paul Nur về tư thất gặp vợ ngài..

Bà Siu H'Yum tươi cười đón ông Trưởng ty quen thân.

- Thừa bà, ông nhà vừa giao cho tôi một công vụ lớn lao: sang Căm-bốt để ủy lạo đồng bào Chăm và lo thủ tục cho ai muốn về Việt Nam xây dựng tổ quốc. Tôi đã chạy chọt, và đã có giấy phép được vượt biên do Quân khu 3 quân lực Khơ-me cấp. Nhân tiện xin mời bà viếng thăm Nam Vang.

Đô-may-ét dừng lại, mỉm cười ý nhị, vì y đã biết Tổng trưởng phu nhân luôn sẵn sẵn đón cơ hội buôn bán thuận lợi.

Đi Nam Vang là một dịp làm ăn tốt, bà Tổng trưởng đơn đã nhận lời. Hai người bàn bạc kế hoạch làm việc ở Nam Vang. Đô-mây-ét vui vẻ về Tây Ninh, chuẩn bị xe cộ.

Ba hôm sau, chiếc xe Jeep của Bộ Phát triển sắc tộc chở bà đi Tây Ninh. Trên xe có chuẩn úy Tung hộ vệ. Ở đây, Đô-mây-ét cùng ba nhân viên của Ty dùng một xe Jeep khác, tháp tùng bà sang Nam Vang.

Đoàn đến thị xã Xoài-riêng thì gặp tên Cam, cận vệ của Les Kossem, xin đi nhờ.

Ra khỏi thị xã 5 cây số, bỗng từ bên đường có một tràng súng lia vào xe. Tên Cam bị dính đạn chết gục.

Đến Nam Vang, bà Tổng trưởng và Đô-may-ét quên khuấy việc đi úy lạo và hỏi nguyện vọng những người Chăm xin về Việt Nam. Họ đi chơi các nơi, thăm các nguồn hàng, nhất là các tiệm bán ô-tô. Đô-may-ét đã giúp bà Tổng trưởng mua được một chiếc Pơ-giô 504 với giá 280.000 Riel, tính ra khoảng 1.400.000 đồng tiền Nam Việt Nam, quá rẻ. Họ định đem về Sài Gòn, nhờ số sĩ quan cảnh sát công lộ quen biết xin số rồi bán. Để tránh tiếng, Đô-may-ét gửi xe ở nhà một người bạn chờ dịp trở về.

Ông Trưởng ty mượn bạn một xe Pơ-giô 404 đưa bà Tổng trưởng về.

Bốn ngày sau, họ lên đường.

Khi họ đến trạm kiểm soát vùng ngoại vi đô thành Nam Vang thì bị cảnh sát giữ lại. Một sĩ quan cảnh sát sẵng giọng:

- Có lệnh của Trung tá Les Kossem bắt giữ chiếc xe này.

Bà Tổng trưởng cau mặt gắt gỏng hỏi:

- Vì sao?

- Xin mời bà về hỏi Trung tá Kossem!

Họ bị giải về tư thất của Les. Bà Paul Nurr cùng chuẩn úy Tung được Les mời vào nhà. Còn Đô-may-ét và ba nhân viên tháp tùng thì bị tống ngay vào nhà giam quân cảnh.

Hai ngày sau, bà Paul Nurr được Les Kossem cho về Việt Nam, Đô-may-ét bị giải đến văn phòng của Les.

Ngài chủ tịch FULRO hầm hằm nét mặt, giận dữ:

- Tên phản quốc! Mày là người Chăm mà không thương yêu gì người Chăm. Vì sao mày đi lấy tin tức cho bọn Việt Nam, dụ dỗ người Chăm trở về.

Les Kossem ngừng lại, không cho Đô-may-ét trả lời đập tay xuống bàn, quát:

- Chính mày bảo thằng Cam về giết tao. Nó không nghe lời mày nên mày bắn nó chết rồi đổ tội cho Việt cộng. Tao có tin tức mật báo, tao biết hết tất cả hành động của mày. Chuyến này mày sang dụ dỗ anh em ở trong mặt trận FULRO và tìm kiếm tin tức ông Y Bẫm phải không? Tội mày đáng chết!

Đô-may-ét chỉ một mực kêu oan.

Hai hôm sau, Đô-may-ét được đưa từ nhà giam quân cảnh về với đám lính cận vệ gác tư thất Les Kossem. Cứ vài ba ngày một lần Les Kossem lại gọi y lên văn phòng, buộc phải khai hết sự thật về chuyến đi.

Cứ như thế, suốt hai tháng, Đô-may-ét bị giam lỏng.

Cuối năm 1970, thượng nghị sĩ Tôn Ái Liên sang Nam Vang. Tôn Ái Liên là chỗ thân tình với Les, vừa là một trong những người sáng lập FULRO, vừa là cha vợ Les Sari (em ruột Kossem). Tôn Ái Liên xin Les tha cho Đô-may-ét. Nhận lời, Les nói tay cho Đô-may-ét nhưng vẫn giam lỏng, không cho về Việt Nam.

Một hôm, Đô-may-ét xin Les cho ra phố để hót tóc. Hót xong, y mời tên lính Miên đi theo vào uống bia trong tiệm giải khát và nói với tên này:

- Anh ngồi uống nước, tôi đi toilette một chút xíu!

Đô-may-ét lên đến tòa đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Nam Vang, gặp Trung tá Trương Kim Cang, xin can thiệp.

Cang vô lấy cơ hội:

- Tôi sẽ can thiệp với điều kiện, anh hãy dò la xem Y Bấm ở đâu, người của chúng tôi có thể tiếp xúc được không?

Đô-may-ét nhận lời.

Trở về nhà, Đô-may-ét đã dò hỏi Kpă Dơh, Ksor Đuốt, Đàng Năng Giáo, Ngụy Văn Nhuận... và được biết Les Kossem đang nhờ Um Savuk cai quản Y Bấm.

Từ đó, cứ vài ba hôm, Đô-may-ét lại tạo cớ đến gặp Trương Kim Cang.

Les Kossem theo dõi mọi hành tung của Đô-may-ét, nhưng vờ như không. Les được biết Việt Nam Cộng hòa đang tìm cách kéo Y Bấm về nước.

Đầu tháng 12, Les tỏ ra vỗ về Đô-may-ét. Một hôm Les nói giọng chân tình:

- Cần phải tái lập quốc gia Champa. Bọn Việt Nam xấu bụng lắm. Không đời nào chúng thật lòng thương yêu người Chăm đâu. Muốn tái lập quốc gia Champa phải có quân đội mạnh. Tôi sẽ cho anh về Việt Nam. Nhưng anh phải tuyển cho tôi một tiểu đoàn, khoảng 1.000 người Chăm. Khi nào tuyển đủ, anh lên đây ở hẳn với mặt trận FULRO. Tôi sẽ phong anh làm thiếu tá, chỉ huy tiểu đoàn Chăm ấy.

Đô-may-ét suy nghĩ. Hiện y có một vi-la đang cho Mỹ mượn ở Sài Gòn, hàng tháng thu tiền triệu. Y còn có một hiệu tạp hóa ở Châu Thành Tây Ninh. Giờ bỏ đi, tiếc lắm. Les Kossem như đoán được ý nghĩ của Đô-may-ét, nổi giận:

- Mà quên nổi nhục mất nước của dân tộc Chăm ta rồi sao? May coi mạng sống và tài sản to hơn sự nghiệp phục quốc thiêng liêng? Mà tiếc cái chức trưởng ty à?

Đô-may-ét sợ hãi:

- Không, thưa Trung tá, tôi đâu dám thế, tôi sẽ thực hiện lời Trung tá dạy.

Ngày 7 tháng 12, Đô-may-ét được đưa đến Bộ Quốc phòng quân lực Khơ-me và được Trương Kim Cang nhận về.

Về đến nhà, Đô-may-ét được biết, báo “Da vàng” viết bài tố giác bà Tổng trưởng cùng y buôn lậu xe hơi đã bị bắt giữ ở Căm-bốt. Y thanh minh với đồng sự:

- Tôi bị bắt vì hoạt động cho dân tộc chứ đâu phải vì buôn lậu xe hơi?

Sau đó, Đô-may-ét lao vào việc tuyển lính Chàm cho Les Kossem và tìm mối làm ăn mới cho bà Tổng trưởng.

Một ngày xuân 1971, tại bàn giấy Tổng trưởng Paul Nur.

Tiếng chuông điện thoại reo vang “Tổng trưởng phát triển sắc đẹp” cầm ông nghe. Tiếng viên bí thư Nguyễn Hữu Oanh hét hoảng trong máy:

- Thưa Tổng trưởng, Y sa vừa từ Châu Đốc lên, cần gặp ngài.

- Bảo y lên ngay, tôi chờ – Paul Nur lo lắng.

Hai phút sau, Trưởng ty phát triển sắc tộc Châu Đốc Y Sa bước vào phòng, nét mặt buồn bã, uể oải.

Tổng trưởng hỏi giật:

- Sao? Bị xui à?

- Dạ, người của ta đã mang crô-in thứ thiệt từ Căm-bốt về Châu Đốc. Sau đó tôi đã thuê tên trưởng ty Cảnh sát cho một tiểu đội cảnh sát áp tải xe chở về đây. Tưởng như thế là chắc ăn quá rồi, ai ngờ vừa bước chân đến ngoại vi Sài Gòn, bọn cảnh sát Tổng nha có lẽ được báo trước, ngăn xe lại khám. Bọn này đông. Tiểu đội cảnh sát Châu Đốc chuồn sạch. Thế là hàng của ta bị giữ và đưa về Tổng nha. Công việc đổ bể hết trời. Chuyến này ta sẽ mất vài chục triệu. Xin ngài điện ngay cho tên Bình chia phần cho nó để im chuyện đi. Để cho chúng nó làm to chuyện ra thì nguy hiểm quá!

Paul Nur giận dữ quát:

- Cung cách này thì vô khám cả nút! Bọn cảnh sát chẳng vẫn kình địch với ta sao, chúng chỉ rình sơ hở để hại ta! Chúng lạ gì các mảnh của ta? Trước khi về sao không điện cho tôi để tôi dàn xếp trước đi?

Paul Nur quát tháo một hồi rồi hạ giọng:

- Nhưng thôi, chuyện này có cả phần của bà Bảo Trân và ông Quang. Thu xếp khéo may ra có thể ổn.

Paul Nur tức tốc sang Tổng nha. Nhưng muộn quá rồi. Vụ buôn lậu quá lớn đã vỡ lở. Bọn cảnh sát vốn ghét Paul đã báo vụ này lên tận Nguyễn Văn Thiệu và cố vấn Bộ phát triển sắc tộc Thomas Busker. Bảo Trân và Đặng Văn Quang cũng đành làm ngơ, rút dùi, không dám can thiệp.

Lâu nay, Thomas Busker vẫn bị ngài Đại sứ và ngài Phân cục trưởng CIA khiển trách về việc để cho Bộ phát triển sắc tộc bê bối. FULRO đã về hợp tác hơn hai năm rồi mà Bộ phát triển sắc tộc chẳng tăng uy tín lên được chút nào. Trong khi đó thì uy tín của Y Bih trong đồng bào Thượng ngày càng lớn. Cứ đà này thì dân chúng các sắc dân toàn Cao Nguyên sẽ về tay Y Bih hết! Cần phải thay ngựa. Thomas Busker nghĩ đến một con bài mới. Cần có một tên ít bị tai tiếng, ít tham tiền tài, gái đĩ hơn, nhất là phải có “lý tưởng chánh trị” hăng hái xóc vác, táo bạo hơn để thay Paul Nur.

Tên nào đây? Những tên có vai vế trong Bộ phát triển sắc tộc ư? Toàn bọn tham nhũng. Paul đã đề ra đội ngũ thuộc cấp dốt nát, ham tiền, xu nịnh và mất tư cách. Và lại, Paul đồ thì ê-kíp của y cũng phải đổ theo chứ, dùng thế nào được.

Y Bling ư? Y cũng trai gái, rượu chè, tham ô, xa lánh quần chúng. Vụ tham ô 9 triệu đồng còn sờ sờ ra đó. Y Bling vừa được cử làm Tổng thư ký Ủy ban ngân sách Thượng nghị viện. Làm nghị viện được, nhưng không làm tổng trưởng được. Vì nghị viện chỉ có nghe, hoan hô, tán thành, còn tổng trưởng phải điều hành công việc nhiều quyền sinh sát lắm.

Y Chôn ư? Thomas Busker không tin, vì Y Chôn có tính khôn vặt, thường hai mặt, đáng sợ. Y Chôn chỉ giỏi làm cố vấn, nghĩa là chuyên nấp đằng sau xúi người ta, làm thầy dùi, để rồi cướp lấy thành quả.

Y Bliêng, Y Dhé ư? Họ đều bê bối như Paul Nur hay quay quắt như Y Chôn.

Điểm đi điểm lại, ngài cố vấn chỉ thấy còn có Nay Loét. Phải, chỉ có Nay Loét là xứng đáng cương vị đó. Một người “đại diện cho lớp trẻ, hăng hái, giữ được tư cách” và nhất là tỏ ra say mê với “lý tưởng chính trị”.

*

* *

Nay Loét quả có một lịch sử phù hợp cho sự lựa chọn của người Mỹ. Y sinh ra ở một buôn heo lánh, nghèo đói nhất tỉnh Phú Bổn: buôn Ma Hing. Cha Nay Loét ông Kpă Tlam, rất nghèo. Thấy cả buôn Ma Hing mù chữ, người dân sống trong tối tăm, đói rách, ông quyết cho con đi học để sau này dễ kiếm miếng ăn. Ông tin rằng chỉ có bằng cấp cao mới đỡ bị người ta đề hâu bóp cổ, mới sống nổi ở vùng heo hút này. Ông thắt lưng buộc bụng cho con lên tận quận lỵ Cheo Reo học. Nay Loét nổi tiếng cả cùng Cheo Reo về tính ham học và học giỏi. Y được ông quận trưởng Nay Mun đề ý. Thấy y sau này có cơ làm nên, Nay Mun liền nhận làm con nuôi, bỏ tiền ra nuôi cho ăn học. Chẳng bao lâu, Nay Loét đỗ đầu trường tiểu học và được vào học Grand Lycée Đà Lạt, nơi

dành riêng cho con cái những gia đình có quyền thế, giàu có. Làm con nuôi ông Quận trưởng, chơi bời, giao du với con nhà giàu có, Nay Loét quên cuộc sống nghèo, bắt đầu mơ ước làm quan, có địa vị cao trong xã hội.

Một năm sau, Nay Mun bàn với vợ, cưới Nay Loét cho con gái là H'Om. Bà vợ đồng tình ngay.

Thế là ông bà Nay Mun sắm một lễ lớn, cho người mai đến buôn Ma Hing, gặp ông bà Kpă Tlam hỏi Nay Loét cho H'Om.

Được gả con trai cho con gái vị Quận trưởng, có nơi nương tựa. Ông bà Kpă Tlam mừng lắm.

Ông bà Nay Mun cho người mang com gói và gà nước đến nhà trai rước rể Nay Loét.

Heo đã hạ, rượu đã nấu, cả buôn được mời.

Chân của đôi vợ chồng được thoa máu. Sau lễ “Kpih” vợ chồng được coi như đã kết hợp với nhau như cánh nỏ với thân nỏ. Lễ “Lih Miêl” cũng được cúng cho hai vợ chồng.

Tám vòng tay, mềm để cống con, bát bằng đồng để đựng sữa đã cho bên trai rồi.

Cưới xong, Nay Loét ở lại Cheo Reo, chờ ngày đến trường. Giữa lúc đó, Y Dư gặp Nay Loét báo tin phong trào BaJaRaKa đã nhóm, đấu tranh với Diêm đòi quyền sống cho đồng bào. Nếu độc lập thì người Thượng sẽ cai quản Cao Nguyên, giữ những chức vụ cao. Chắc hẳn sẽ làm quan to, Nay Loét tham gia ngay. Nay Loét cầm đơn thỉnh nguyện của Y Bham lên Sài Gòn trao cho đại sứ Mỹ, Anh, Pháp và Liên hợp quốc.

Ngô Đình Diêm đàn áp, bắt các lãnh tụ của phong trào BaJaRaKa. Nay Loét bị bắt, giam ở nhà lao Plei Ku rồi chuyển về nhà lao Huế.

Bốn năm sau, tháng 9 năm 1962, Nay Loét mới được tha. Sau khi ra tù, Nay Loét lâm vào hoàn cảnh tâm tối buồn thảm, gần bị lòa hai mắt.

H'Om không chờ chồng, đã lấy Nguyễn Văn Miễn, một sĩ quan Cộng hòa.

Nay Loét phải đi chữa mắt ở bệnh viện Chợ Rẫy. Bệnh khỏi y phải sống ở Plei Ku không dám về nhà vì sợ công an Diêm bắt.

Nhưng dù ở Plei Ku thì bọn mật thám, cảnh sát Diêm vẫn bám riết y. Nay Loét lại bỏ Cao Nguyên, ra Đà Nẵng kiếm sống.

Vốn thạo tiếng Anh, y xin làm thông dịch viên cho quân đội Mỹ ở Hòa Cầm.

Sống ở đây, hằng ngày tiếp xúc với sĩ quan binh lính Mỹ, Nay Loét bắt đầu thay đổi cách nhìn. Tiền của Mỹ đổ ra như nước. Lính Mỹ trang bị tận răng. Ngay nước tắm cũng được phun từ

máy bay. Vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại. Tất cả làm Nay Loét thán phục, sợ hãi Mỹ. Y thấy rằng, bất kể làm gì, không thể không dựa vào Mỹ.

Diệm đổ, Khánh lên, Nay Loét về nhà ít lâu, nghe ngóng tình hình rồi ra làm thông dịch viên cho cơ quan USOM. Ít lâu sau, Nay Loét được Mỹ cho làm kiểm soát viên, chuyên kiểm soát hàng hóa viện trợ.

Hàng ngày, y được chứng kiến các quan chức thẩm lậu, ăn cắp hàng hóa viện trợ rất trắng trợn.

Tỉnh trưởng Phú Bồn Đỗ Cao Chi, quận trưởng Phú Thiện Nguyễn Văn Thơm vợ vét gần hết hàng viện trợ.

Heo giống, bột mì, gạo, tôm...các ông lần lượt quơ hết.

Buôn Plei Ngon bị pháo chi khu Phú Thiện bắn cháy. Để mị dân, Mỹ cho ít mền chiếu. Ông tỉnh trưởng và Quận trưởng bớt quá nửa. Nay Loét tố, bị các ngài trừ, tìm cách hại.

Giữa lúc đó, được lệnh của cố vấn Anderson, thiếu tá Phụng – Giám đốc Nha đặc trách Thượng vụ – đích thân đến gặp Nay Loét mời ra làm việc cho Nha. Nghĩ rằng mình là người thiếu số có học, sang làm cơ quan đặc trách Thượng vụ, chắc chắn sẽ được đặc dụng và leo nhanh lên chức vụ cao, Nay Loét bỏ USOM sang làm chuyên viên cho Nha đặc trách Thượng vụ.

Nha đặc trách Thượng vụ chuyển thành Phủ đặc trách Thượng vụ, Nay Loét làm công cán ủy viên cho Phủ đặc ủy.

Thấy Nay Loét đã có vai vế, ông bà Nay Mun gả người con gái thứ hai (em H'Om) cho y. Y không ưng, ông bà lại đi tìm H'Om về. H'Om bỏ luôn Nguyễn Văn Miễn, trở về với Nay Loét.

Paul Nur cử Nay Loét cùng Y Chôn lên Buôn Mê Thuật đặt “Văn phòng liên lạc” giải quyết công việc thương thuyết với FULRO.

Đấu tranh với những người cùng trong phong trào BaJaRaKa cũ, Nay Loét và Y Chôn có hai thái độ khác nhau. Y Chôn bị Y Dhé lôi kéo, thân thiết với các thành viên trong Ban đại diện FULRO, xoa dịu trong từng vấn đề FULRO đưa ra. Trái lại, Nay Loét tỏ ra cứng rắn đấu từng điểm với Y Dhé.

Phủ đặc ủy Thượng vụ thành Bộ phát triển sắc tộc, Paul Nur làm Tổng trưởng, Y Chôn làm phụ tá Tổng trưởng, chức vụ cao thứ hai trong Bộ. Ngài Tổng trưởng và Phụ tá hục hặc, tranh giành uy tín và quyền hạn, Nay Loét chẳng nghiêng về phe nào, đứng giữa và được lòng cả hai bên.

Thomas Busker thay Anderson làm cố vấn cho Bộ phát triển sắc tộc, chú ý đến Nay Loét và tìm cách nâng đỡ “chàng thanh niên Ja Rai hăng hái” này như Busker thường thân mật gọi. Nay Loét được USAID cho đi học “chương trình tái thiết nông thôn” tại Phi Luật Tân. Ở đây, Nay Loét được các chuyên gia Mỹ huấn luyện rất chu đáo.

Trở về, y được làm Giám đốc Nha phát triển sơn thôn của Bộ.

Đánh hơi thấy Busker nâng đỡ Nay Loét, có nguy cơ lấn át mình, Paul Nur, Y Chôn tìm cách triệt y. Ngài Tổng trưởng liền điều ông Giám đốc về làm trưởng ty phát triển sắc tộc Phú Bồn. Chẳng bị kỷ luật gì, tự nhiên bị giáng cấp, đẩy về địa phương, Nay Loét không chịu thi hành mệnh lệnh, cứ ở lý tại Bộ.

Bấy giờ Paul Nur, Y Chôn, Nguyễn Hữu Oanh bàn bạc, nghĩ ra một giải pháp. Y Chôn nói:

- Muốn đẩy thằng ấy đi, chỉ có cách đưa hắn đi học là hay nhất. Khi hắn đi vắng, ở nhà ta thế người khác vào ghế hắn. Khi về, ghế mất, bắt làm gì mà chả phải làm?

Nghe lời bàn hay, Paul đưa luôn Nay Loét đi học trường Quốc gia hành chánh.

Tương kế tựu kế, ông Giám đốc Nha đi học ngay và cố học cho thật giỏi. Nhờ sự giúp đỡ của Busker, kỳ thi tốt nghiệp, Nay Loét đỗ đầu.

Busker vui mừng, gặp ngay ngài Đại sứ và Nguyễn Văn Thiệu để “tiến cử” Nay Loét. Qua những lời đưa đẩy của ngài cố vấn, Nay Loét nổi lên như là một chánh khách trẻ đầy tài ba và thừa tư cách đảm đương chức vụ quan trọng trong nội các.

Tháng 6 năm 1971, sau khi thực tập xong tại “Trung tâm huấn luyện cán bộ sơn thôn” ở Plei Ku, Nay Loét về nhà nghỉ ngơi, chờ nhận chức mới.

Một hôm, Nay Loét đang chơi với con thì một chiếc xe Jeep đỗ xích trước nhà. Trung tá tỉnh trưởng Phú Bồn Lê Văn Nghiêm bước xuống, tươi cười nhã nhặn khác hẳn ngày thường:

- Thủ tướng điện mời ông về gấp Sài Gòn.

Nay Loét còn chưa hiểu vì sao mình được Thủ tướng gọi thì ngài tỉnh trưởng nửa kín nửa hở:

- Chắc là một bước thành công rực rỡ trong sự nghiệp của ông! Tôi đoán là ông được vinh thăng lên một chức vụ quan trọng.

Một máy bay trực thăng đưa Nay Loét từ Phú Bồn về Plei Ku. Một máy bay quân sự đưa y từ Plei Ku về Sài Gòn gặp Thủ tướng Trần Thiện Khiêm. Thủ tướng nói với Nay Loét bằng giọng hết sức ân cần:

- Ông Paul Nur đã tỏ ra thiếu năng lực và không đủ tư cách làm Tổng trưởng Phát triển sắc tộc. Tôi đã đệ trình lên Tổng thống và đã được Tổng thống cứu xét. Từ nay, ông sẽ đảm nhận trọng trách ấy trước quốc gia. Mặt trận giải phóng của Cộng sản đang bành trướng, Y Bih và phong trào tự trị Tây Nguyên đang thu hút dân chúng Thượng. Ông hãy là một trong những mũi tiến công để chiến thắng Cộng sản. Tôi tin tưởng ở ông!

Nay Loét cảm kích nói lời cảm ơn và vui mừng nhận chức.

Vinh quang tột đỉnh đã đến với “chàng thanh niên Ja Rai hăng hái”. Ngày ra mắt các quan chức và đồng bào, Nay Loét đọc một bài diễn văn, hứa: “đem hết thực tâm, thực thi chánh sách, phát triển dân trí, dân sinh, ngõ hầu đem lại cho các dân tộc thiểu số toàn cõi Việt Nam một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, yên bình và văn minh”.

Khác với Paul Nur thích ăn chơi, hưởng lạc, Nay Loét cố giữ mình, dồn tâm trí vào công việc để làm đẹp lòng người Mỹ.

Ngài tân Tổng trưởng cố giữ tư cách cá nhân sạch sẽ. Nhưng để trả thù, người đầu tiên Nay Loét gạt ra khỏi chức vị quan trọng là Y Chôn. Y Chôn từ chức Phụ tá tổng trưởng bị hạ xuống làm Tổng thư ký của Bộ để cuối cùng bị gạt phăng. Nay Loét đưa Tou neh Hàn Thọ và sau là một người cùng dân tộc Ja Rai, vừa tốt nghiệp khoa chánh trị ở Mỹ về, có cái tên Mỹ: Piere Marie Kpriuh, lên thay Y Chôn.

Sau này đến lượt Nguyễn Hữu Oanh bị giáng chức rồi thải hồi.

Đối với Nay Rông – trưởng ty phát triển sắc tộc Plei Ku, tham ô công quỹ, Nay Loét còn mạnh tay hơn, cho phép hai ký giả của báo Sóng Thần và Độc Lập về điều tra, và sau đó cách chức luôn.

Nay Loét hùng hục nghiên cứu, cải tiến, đưa ra chủ trương này, chánh sách kia, nhưng chỉ được một năm là chán nản. Mọi đề nghị của vị Tổng trưởng về “cải cách dân sinh”, “cải cách sơn thôn” chẳng ai thực hiện. Họ còn chê giễu và tìm cách phá chánh sách “kỳ cục”, “phi thực tế” của y.

Quỹ “Phát triển sơn thôn” gọi về các tỉnh, các quan từ tỉnh trưởng đến tỉnh phó xài hết. Nay Loét lập một danh sách đề nghị Tổng thống và Thủ tướng cách chức các vị tỉnh trưởng tham ô đó như: Trung tá Nghiêm (Phú Bôn), Trung tá Hưu (Lâm Đồng), Trung tá Luật (Đắc Lắc)...Nhưng Thủ tướng Trần Thiện Khiêm cười: “*Cách chức như thế thì cách chức hết trội, lấy ai làm việc nước?*”.

Các chương trình cải tiến của Nay Loét cũng chẳng ma nào xem đến. Về nông nghiệp, định dùng giống lúa “Thần nông”, nhưng lúa này cần phải có phân bón hóa học mà ở Cao Nguyên tìm đâu ra? Về ngân hàng, cho vay tiền, thì phải trả lãi, hết hạn chưa trả được thì bị tịch thu tài sản, nên các hộ sợ quá không dám vay. Về giáo dục, chương trình “Bình dân giáo dục” cũng không áp dụng được. Học vào mùa rẫy, đồng bào bận không đi. Học vào ban đêm, không có đèn. Giáo viên không muốn về các buôn xa, hẻo lánh. Chương trình cao, đầu óc người dân tộc không tiếp thu nổi. Chương trình “Phụ nữ kỹ thuật” càng thảm hại. Người ta dạy chị em nấu nước theo công thức mới, có đường có sữa, có mỡ...Gạo, bắp còn không có mà ăn, lấy đâu ra đường sữa? Chương trình dạy chị em làm bếp cải tiến, nhưng lấy đâu ra xi-măng, gạch, sắt nên đành phải cứ để cái bếp nự giữ nhà, khói um.

Tóm lại, Nay Loét chỉ giỏi làm Tổng trưởng trên giấy tờ và lý thuyết. Còn những điều ông đưa ra, chẳng ai thực hiện.

Những người bị Nay Loét đã kích dần dần đua nhau chống đối. Những nhân vật bị sa thải như Y Chôn, Nguyễn Hữu Oanh tập trung đã kích lại rất mạnh. Cả những người thuộc cấp trong Bộ, không ăn cánh với Nay Loét, cũng tìm cách hạ uy tín, làm y rơi vào tình trạng bất lực, bế tắc.

Thấy con chủ bài của mình mất tác dụng, Thomas Busker lúng túng, không biết tìm đâu ra con bài khác có thể gây uy tín cho Bộ phát triển sắc tộc, trấn an tinh thần dân chúng và lôi kéo họ không theo Mặt trận giải phóng.

14. NẠN NHÂN CỦA NHỮNG ÂM MƯU

Mùa thu năm 1971, Trúc đang ở Lãng-spés với đứa con gái Ha Ly mới sinh được 4 tháng, thì Đảng Năng Giáo từ Nam Vang về, buồn bã:

- Ông Les Kossem cử anh và anh Nhuận đi du học ở Pháp. Anh xin học để về làm kỹ sư, nhưng ông ấy bắt anh theo học ngành khảo cổ, để sau này phụng sự cho sự nghiệp phục quốc Champa. Ông đã xin cho anh vào Trường đại học Xoóc-bon.

Người vợ rung rung nước mắt:

- Con Ly còn nhỏ quá, em ở nhà một mình, lúc con đau ốm, biết chạy chữa thế nào?

- Đành nhờ ba má nuôi giúp đỡ vậy thôi, biết làm sao?

- Sao anh không xin hoãn lại, sang năm hãy đi?

- Không thể được! Ông Kossem cử hàng loạt người xuất ngoại. Ngoài anh và anh Nhuận đi Pháp, còn có các anh Tần, Lành, Đủ đi học tình báo ở Nam Dương; Y Băn, Kpă Doh, Y Năm đi học tham mưu ở Mỹ... Anh không thể từ chối được. Anh sẽ tìm cách xin cho em sang sau. Em cứ yên tâm, đừng lo nghĩ nhiều.

Giáo chia tay vợ, buồn bã lên đường. Hàng tuần, Trúc nhận thư chồng gửi về, biết anh rất nhớ vợ con.

Trong thư, có lần Giáo dặn: “Sẽ có một Cha người Pháp đưa ‘cung’ sang. Một Cha rất thánh thiện, đầy lòng bác ái”.

Cha nào? Tại sao lại có một Cha cố người Pháp quan tâm giúp đỡ vợ chồng Trúc như thế?

Nỗi băn khoăn của Trúc không phải kéo dài. Chỉ một tháng sau, Trúc được Les Kossem gọi lên Nam Vang. Tại tư thất của ngài Chủ tịch, Trúc gặp một người Pháp mặc bộ com-le vàng, rất chải chuốt, trạc 45 tuổi, đậm đà, béo tốt, mặt tròn, trên môi luôn nở nụ cười độ lượng. Ngài Chủ tịch FULRO vui vẻ nói với Trúc:

- Đây là Cha Ka-ram Mussây. Cha vừa từ Việt Nam sang, Cha sẽ đón cô sang Ba Lê với ông Giáo, hai vợ chồng cô sẽ đoàn tụ ở một đất nước rất yên bình văn minh và tươi đẹp.

Trúc im lặng, cảm động trước sự quan tâm của ông Chủ tịch và vị Cha cổ ngoại quốc này.

Vài hôm sau, cô lên đường. Mọi công việc giấy tờ do Cha Mussây lo liệu. Cô hơi buồn là không đưa con Ha Ly đi theo được. Cha bảo cô để lại cho ông bà Pô-kơ nuôi giúp, khi nào nó cứng cáp, sẽ đem sang, vì sang bên đó, cô cần có thời gian để học hành thêm.

Chiếc máy bay hãng hàng không Pháp đưa cô và Cha Mussây sang đất Pháp tươi đẹp. Trên đường đi bao băn khoăn của cô đều được gỡ ra:

- Cô hỏi, tại sao tôi lại quan tâm và giúp đỡ vợ chồng cô ư? Hà, hà, đơn giản lắm. Vợ chồng cô là người Chăm, một dân tộc đã từng có một quá khứ oanh liệt. Người Pháp vốn có truyền thống bảo vệ nền văn minh nhân loại, trợ giúp những “dân tộc bị áp bức”, người Pháp không thể không cứu người Chăm khỏi diệt vong. Tôi là một linh mục Pháp. Tôi vừa là công dân Pháp, vừa là tôi tớ của Chúa. Tôi có nhiệm vụ đem ánh sáng nhân từ của Chúa đến với mọi người tội lỗi và đau khổ trên thế gian này...

Cha nói nhiều, giọng Cha trầm trầm, âm áp. Lời lẽ Cha ngọt ngào.

Đến Ba Lê, Cha đưa Trúc đi gặp chồng, rồi đón cả hai vợ chồng về thăm gia đình Cha ở La-van cách Ba Lê 250 cây số.

Về đây, Trúc làm quen với Mác-gơ-rít Mussây – em gái Cha. Chẳng bao lâu, hai cô rất thân nhau. Qua người nhà và cô Mác-gơ-rít, Trúc và Giáo hiểu thêm về cuộc đời vị linh mục kỳ lạ này.

Cha của Ka-ram Mussây – ông Péc-sê-mây-em Mussây – là một người Đức, đã từng chiến đấu trong quân đội Đức Quốc xã. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, ông đã từng bước dưới lá cờ chữ thập ngoặc tiến vào nước Pháp.

Sau khi lá cờ bị hạ, ông đưa cả gia đình di cư sang Pháp, về sống ở La-van.

Cậu bé Ka-ram, cùng một em gái và hai em trai, lớn lên trên mảnh đất mới này. Mỗi người có ý thích và nghề nghiệp khác nhau. Hai đứa em trở thành giáo viên. Đứa út làm nghề chăn nuôi. Còn Ka-ram thích “xê dịch” và thành anh hùng.

Học xong đại học, Mussây đăng lính và tình nguyện sang Việt Nam chiến đấu. Mussây được phiên chế thành nhân viên Phòng nhì quân đội Pháp. Vốn thông minh và xông xáo, Mussây bước khá nhanh trên đường hoan lộ. Chẳng bao lâu, khi cuộc chiến tranh ở Việt Nam kết thúc, Mussây đã mang hàm đại úy.

Không hiểu do ai và vì sao mà ông đột ngột chuyển từ chó sói thành kẻ chăn cừu. Ông tuyên bố muốn hoàn lương, muốn cứu rỗi linh hồn, sống bằng tình thương của Chúa. Không thích trở về sống với gia đình, ông chuyển làm linh mục. Sau hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, ông tự nguyện

ở lại Việt Nam, lấy mảnh đất nghèo nàn, lạc hậu này làm nơi hầu việc Chúa. Và ông lấy một cái tên Việt Nam cho dễ gần gũi đồng bào hơn: Cha Phú.

Vừa từ bỏ khâu súng trận để cầm kinh Thánh, Cha Phú đã tỏ ra thẩm nhuần hoạt động từ thiện, ơn phước Chúa hơn nhiều cha cố khác vì Cha đặc biệt quan tâm đến các vùng xa xôi hẻo lánh. Cha lập nhà thờ, hoạt động từ thiện hầu việc Chúa ở Phước An, một miền hẻo lánh của Cao Nguyên, với số ít con chiên người Thượng.

Những người Thượng quen ưa đạo Tin lành hơn đạo Cơ-đốc, vì cùng thờ Chúa Ki-tô, nhưng theo đạo Tin lành của người Mỹ thì được cho nhiều sữa, gạo, vải... còn đạo Cơ-đốc của người Pháp thì con chiên không được ơn nhuần như vậy. Thêm vào đó, Cha Phú bị các mục sư Tin lành chèn ép. Cha bị đánh bật khỏi địa bàn chiến lược Cao Nguyên, đành chuyển xuống đồng bằng.

Năm 1960, Cha thành lập khu dinh điền Hiệp Nghĩa thuộc Hàm Tân. Cha xây cất một nhà thờ và nhiều trường học cho dân theo đạo di cư từ Bắc vào và Cha làm chánh xứ nhà thờ này.

Nhưng Cha ở đây cũng không yên thân. Các cha cố người Việt gắn bó lâu năm với đồng bào di cư, được chánh quyền Diệm đang mâu thuẫn với Pháp bí mật ủng hộ nên tìm mọi cách chèn ép xua đuổi các cha cố “thực dân”, buộc Cha phải tìm nơi nào ít ai để ý tới để có thể yên thân bành trướng sự nghiệp.

Thế rồi một hôm, cha gặp một người đàn bà Chăm mang hàng thủ công đi bán, tên là Thuận Thị Nổi. Chuyện trò với Thị Nổi, Cha hiểu rằng người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận, đã được người Pháp trước đây và người Mỹ hiện nay lung lạc, họ hận thù sâu sắc với người Kinh, rất mê tín và luôn trông chờ một sức mạnh huyền bí nào đó phụ giúp để phục hồi cố quốc.

Cha Mussây vui mừng cảm thấy đây là mảnh đất thích ứng cho hoạt động của mình. Sau Tết Mậu Thân năm 1968, Cha tiến về châu thành Phan Rang ở phường Tấn Tài. Cha lập nhà thờ, tìm các nghệ nhân, các nhân sĩ, các hoạt động văn hóa Chăm để mở rộng vây cánh.

Đầu tiên, Cha tuyển dụng bốn nhân viên, trong đó có ba người Chăm: Trương Văn Tồn, Đàng Năng Phương, Nài Thành Bô và một người Kinh chuyên nghiên cứu về Chăm là Nguyễn Bạt Tụy.

Cha xin Ty Giáo dục và Ty phát triển sắc tộc biệt phái cho ba người để làm từ điển Chăm-Việt-Pháp.

Cha liền được giới thiệu gặp ông Thiên Sanh Cảnh, một người đã dày công, bỏ cả cuộc đời nghiên cứu chữ viết và văn hóa Chăm. Cha đã thuyết phục được ông Cảnh cùng hai ông Lâm Gia Tĩnh, Lưu Quang Sang làm từ điển cho Cha.

Ông Cảnh dồn hết thời gian, cả những ngày chủ nhật, ngày lễ, cặm cụi sao chép, đãi từng chữ Chăm, dịch các truyện cổ tích, văn thơ cổ...

Năm 1969, Cha về Pháp, đi Mỹ, Nhật, Nam Dương, Úc, Thái Lan, Trung Hoa dân quốc, Đại Hàn...để kêu gọi các nước “hãy quan tâm cứu vớt một dân tộc đang có nguy cơ diệt vong, một Israen châu Á, một dân tộc có nền văn hóa độc đáo, kỳ lạ vào bậc nhất thế giới” Cha đã thu được khá nhiều sắt thép, xi-măng, ô-tô, máy khâu...

Ở Căm-bốt, Les Kossem ủng hộ Cha hàng triệu Riêl. Ở Việt Nam, Tổng trưởng Paul Nur, tỉnh trưởng Trần Văn Tự cũng ủng hộ tiền triệu. Mussây liền cho xây dựng “Trung tâm văn hóa Chàm”, mà càng về sau càng biến thành một cơ sở kinh doanh cỡ bự.

Trên một khu đất rộng trong thành Phan Rang, một trong những kinh đô cuối cùng của vương quốc Champa xa xưa, 11 ngôi nhà hai tầng được dựng lên thành một cơ ngơi khang trang, bề thế. Trung tâm vừa là viện nghiên cứu văn hóa Chàm vừa là xưởng sản xuất hàng thủ công, mỹ nghệ, vừa là ký túc xá cho con em Chàm học ở trường Pô Klông và các trường khác.

Công việc làm ăn phát đạt, Cha mời thêm hàng loạt các cộng tác viên mới và mở thêm các “ngành” hoạt động mới. Một đoàn “Ca vũ Chàm” được thành lập, đi biểu diễn các nơi, bán vé thu tiền và tuyên truyền về trung tâm, về sự giúp đỡ của Pháp, Mỹ và các nước, về lịch sử Champa.

Đặc biệt, Cha Mussây cử ông Nguyễn Văn Mạnh chuyên nghiên cứu các mẫu kim loại cổ. Việc này làm mọi người bàn tán, nghi ngờ, cho Cha có ý định mò vàng mà các vua Chàm chôn cất ở các lăng mộ trước kia.

Việc bán từ điển, hàng mỹ nghệ, biểu diễn ca vũ...đã giúp Cha thu về tiền triệu. Nhưng điều quan trọng hơn là danh tiếng Cha trong dân tộc Chàm và ở các nước trong “Thế giới tự do” lan đi nhanh chóng. Cũng từ đó Cha Phú dần dần có thế lực, vượt cả Đại tá tỉnh trưởng Trần Văn Tự.

Cha cất nhà riêng cho Lưu Quang Sang – hiệu trưởng trường Pô Klông và cộng sự viên đắc lực trong nhóm biên soạn từ điển Chàm – Việt – Pháp. Đến kỳ bầu cử dân biểu, Cha vận động các quan chức từ trung ương đến địa phương, vận động đồng bào Chàm và Công giáo tỉnh Ninh Thuận bỏ phiếu cho Lưu Quang Sang. Nhờ thế lực của Cha, Sang đắc cử, trở thành dân biểu quốc hội, giàu có và nhiều quyền thế.

Cha lại đi Pháp, Mỹ, Nam Dương, Thái Lan...và nhất là Căm-bốt. Vì ở Căm-bốt có hàng “triệu” người Chàm, có phong trào FULRO, có mặt trận Champa, có lãnh tụ Chàm Les Kossem và hàng trăm thanh niên Chàm từ Việt Nam sang đang hoạt động cho FULRO, cho sự nghiệp phục quốc Champa. Chính Cha đã bàn với Les Kossem cử Đảng Năng Giáo và Nguyễn Văn Nhuận sang Pháp học. Mọi phí tổn, Cha đã điều đình với cơ quan hải ngoại Pháp và với Đại sứ Mỹ ở Việt Nam, do cơ quan “từ thiện” của các nước này trợ cấp hoàn toàn. Loại công việc này, thì những người cộng sự trung thành nhất của Cha cũng không được biết, nên không có ai nghi ngờ cha là gián điệp của Pháp hay làm việc cho CIA...

Cha Mussây rất chu đáo với Trúc. Thời gian ở La-van, cha tìm được cho vợ chồng cô hai người cha mẹ nuôi có biệt thự rộng rãi, sang trọng là ông bà Đa-ni-en Frăng –xoa, chủ một xưởng dệt. Cha còn cử bà sơ Ma-ri Frăng-xoa chăm sóc hằng ngày. Trúc được tiếp tục học tiếng Pháp ở trường Pi-ranh.

Hàng tuần, Giáo từ Ba Lê về thăm vợ. Hai người đưa nhau đi thăm cảnh đẹp quanh vùng và không quên đến thăm gia đình Mussây. Họ được cha mẹ và các em Mussây đón tiếp lịch sự và thân tình. Những bữa ăn thịnh soạn được dọn ra. Họ quây quần bên bàn ăn và chuyện trò thân mật.

Cứ vài ba tháng Cha Mussây lại từ Phan Rang đáp máy bay về thăm Trúc, an ủi, động viên cô. Mỗi lần Cha về, Trúc nhận được hàng đồng quà từ quê hương gửi sang. Cha Mussây quả đã giúp cô nhẹ bớt nỗi nhớ quê hương và đứa con bé bỏng.

Cuộc sống cứ thế êm ả trôi đi. Trúc chờ đến ngày chồng học xong, thành tài, sẽ về Campuchia với Kossem hoặc về Việt Nam với Cha Mussây để phụng sự dân tộc, đất nước.

Nhưng bỗng một tai nạn khủng khiếp ập đến.

Vào ngày lễ Phục sinh, Giáo về thăm vợ. Hôm ấy, không hiểu vì sao anh rất buồn, suốt ngày im lặng. Trúc hỏi, anh chỉ nhìn cô với ánh mắt căm hận, nảy lửa.

Sáng hôm sau ngủ dậy, cô thấy chồng ngồi, mặt gục trên bàn, bọt dãi phun ra đầy mồm.

Hoảng hốt cô gọi điện thoại cấp cứu. Một chiếc xe cứu thương chở chồng cô đến bệnh viện Ang-giê. Người ta phải nuôi Giáo bằng máy hô hấp và không cho ai được tiếp xúc.

Ngày ngày, Trúc chỉ biết tình trạng sức khỏe của chồng qua điện thoại. Qua các bác sĩ và người quen của ông bà Đa-ni-en làm trong bệnh viện, Trúc được biết chồng quần quai suốt trong một tháng. Một tháng anh hôn mê, thở bằng bình ô-xy và máy hô hấp.

Cho đến ngày 23 tháng 4 năm 1972, Giáo tắt thở. Hai ngày sau, một chiếc xe tang đưa thẳng xác Giáo từ bệnh viện đi nghĩa địa Ang-giê. Đi theo xe, có gia đình ông bà Đa-ni-en, bà sơ Ma-ri và Trúc. Trúc vật vã khóc than người chồng xấu số và lặn lội, chết còn quá trẻ. Anh đang ở tuổi 30.

Giáo yên nghỉ dưới nấm mồ mang số 336, ở một nghĩa địa xa vắng, quạnh hiu nơi đất khách quê người.

Bạn học của Giáo, những người chỉ huy anh, cũng như Trúc, mỗi người giải thích nguyên nhân cái chết của anh một cách khác nhau.

Trúc nói rằng Giáo quá ham mê học tập nên rối loạn thần kinh đến nỗi đứt mạch máu não.

Cha Mussây nói rằng Giáo nuôi tiếc vương quốc Champa, đau khổ và uất ức trước sự bất lực của mình nên đã tự tử vì tuyệt vọng.

Les Kossem nói Giáo chết vì bị mất quyền hành. Đã leo lên chức Chủ tịch “Hội đồng nội các lâm thời FULRO”, Giáo vẫn bị Les Kossem cách chức đưa Hoàng Minh Mộ rồi Y Bun Sor thay thế; khi cải hoán sang quân đội Khơ-me, Giáo chỉ còn cái hàm đại úy. Từ đó, Giáo ngờ Les đưa anh đi học để rồi sẽ trả cho Cha Mussây đưa về Việt Nam làm vật thí nghiệm cho Mussây nghiên cứu về dân tộc Chăm.

Còn Nguyễn Văn Nhuận và số bạn thân cận nhất cùng học với Giáo ở Xbéc-bon nói như đinh đóng cột rằng Giáo tự tử vì ghen với Cha Mussây. Giáo thường úp úp mở mở nói cho họ biết rằng Mussây khoác áo linh mục, nhưng thực chất là một gián điệp quốc tế, vừa là người của Pháp, vừa làm việc cho CIA. Mussây đưa Trúc sang Pháp, không phải vì Giáo mà vì quá yêu Trúc, vì thích một cô gái Chăm là lạ, duyên dáng, có giọng hát hấp dẫn làm say mê lòng người. Bằng chứng là tại sao Mussây không cho Trúc mang con Ha Ly đi theo, và tại sao không để Trúc ở Ba lê với Giáo mà gửi tận La-van quê hương của Mussây? Giáo cho Mussây chẳng thánh thiện gì. Đó là một gã Đông Gioăng khoác áo chùng thâm và mượn danh Chúa che đậy hành động ô uế bên trong. Vì quá ghen, Giáo đã uống thuốc độc tự tử trong đêm Phục sinh để khỏi phải chứng kiến cảnh vợ mình đi lại với một con người mà mình không cách nào trả thù được.

15. KẺ ĐẨY, NGƯỜI KÉO

Mùa xuân 1972.

Trung tướng Jôn Pôn Van thay Kersting làm cố vấn tư lệnh quân đoàn II. Y là một sĩ quan CIA có cỡ.

Năm 1960 Jôn vào Việt Nam với danh nghĩa cố vấn quân sự. Sau đó y về nước.

Năm 1964, y trở lại Việt Nam với tư cách một quan chức của DIA. “Y là người khởi xướng “kế hoạch bình định” và chủ trương “vũ trang cho toàn dân chống Cộng sản”. Lúc ấy y còn mang quân hàm trung tá.

Sau kế hoạch bình định, y nổi bật lên, tiến nhanh vùn vụt. Gần đây, y được phong trung tướng và giữ chức cố vấn tư lệnh quân đoàn II, quân đoàn coi giữ vùng đất đai có ý nghĩa chiến lược này.

Cũng như Freund và Kersting, Jôn Pôn Van rất quan tâm đến tổ chức FULRO và vai trò của Y Bẫm.

Y đã lật ngựa ván bài lên cho Nguyễn Văn Thiệu rõ:

Cục diện Việt Nam, theo y, đang đi vào khúc quanh lịch sử. Ngưng tiếng súng là sẽ đấu tranh chánh trị. Mà đấu tranh chánh trị thì phải nói đến các đoàn thể, tôn giáo, chánh đảng, sắc tộc và các lãnh tụ.

Trên đất Tây Nguyên này, phía Thiệu vẫn chưa có lấy một người cầm đầu có thể lôi cuốn người dân sắc tộc được như ông Y Bih. Vì vậy, lúc này hơn lúc nào hết cần đưa Y Bẫm về nước. Dầu sao, bề ngoài, uy tín của Y Bẫm vẫn còn in đậm trong đồng bào sắc tộc, nhất là ở Cao Nguyên. Y Bẫm về Việt Nam trước hết là sẽ làm cho Les Kossem không còn cách lợi dụng danh nghĩa ông ta và tổ chức FULRO để thổi phồng địa vị, thế lực của mình.

Nhưng quan trọng hơn, là cuộc hội đàm Ba Lê sắp kết thúc, bốn bên có thể chấp nhận một giải pháp mới: lập chánh phủ hòa giải hòa hợp dân tộc: Hai phe Cộng sản và quốc gia có thể cân bằng thế lực. Cần có “lực lượng thứ ba” thích ứng mới làm nghiêng cán cân về phía quốc gia. Y Bham phù hợp với công việc ấy.

Nguyễn Văn Thiệu lắng nghe. Mọi ý kiến của ngài cố vấn đều xác đáng. Nhưng vì vẫn ghét Y Bham, Thiệu cố tìm cách trì hoãn:

- Thừa Trung tướng, liệu còn ai có thể thay thế Y Bham được không?

Jôn Pôn Van lắc đầu:

- Các ông Paul Nur, Nay Loét...đều mất uy tín và bị đồng bào ghét bỏ. Chỉ còn Y Bham là dùng được thôi!

Biết không thể cưỡng lại ý kiến ngài cố vấn, cũng là ý kiến của ngài Đại sứ đầy quyền lực, Tổng thống phải nhận lời và chỉ thị ngay cho Nay Loét phải tìm mọi cách đưa được Y Bham về nước.

Nay Loét cũng chẳng ưa gì Y Bham, nhưng không dám từ chối. Nguyễn Văn Thiệu lệnh cho Trung tướng chủ tịch Ủy ban phối hợp tình báo quốc gia Đặng Văn Quang và Phủ Đặc ủy trung ương tình báo phối hợp với Bộ phát triển sắc tộc thực hiện kế hoạch này.

Ya Duck – đệ nhị phó chủ tịch “Phong trào đoàn kết” – được cử sang Nam Vang gặp Les Kossem.

Lúc này, Les Kossem đang đạt đến đỉnh cao của quyền lực. Cuối 1971, Les được Lon-non thăng chức đại tá và làm Tư lệnh phó quân khu đặc biệt.

Đầu năm nay, mặc dầu bị thất bại tại mặt trận Ta-ham-la (quốc lộ 5), Les vẫn được phong hàm thiếu tướng và làm Tư lệnh quân khu đặc biệt, người ta quen gọi là “Tổng trấn Nam Vang” và luôn luôn ở bên cạnh Lon-non.

Lên làm Tổng trấn, Les giao lữ đoàn 5 cho Trung tá Chek Ibrahim chỉ huy, còn dành thời gian mở các chiến dịch ngoại giao vận động cho FULRO, công việc lâu dài và cực nhọc của y.

Mở đầu, y cùng 5 sĩ quan tùy tùng đi các nước Hồi giáo Ả Rập. Vừa đến Ả Rập Xê-u-đi, y đã thăm Thánh địa La-méc-cơ và làm lễ hành hương theo đúng thánh kinh Hồi giáo. Sau đó, y gặp các chánh khách nước này, nhờ họ giúp đỡ phục hồi quốc gia Champa và bành trướng Hồi giáo trong dân tộc Chăm ở tất cả các nước Đông Nam Á.

Rồi Les Kossem bay đi Âu châu.

Ở Pháp, ông gặp Tổng thống Pôm-pi-đu. Tổng thống hứa sẽ gia tăng viện trợ, tiền bạc, vũ khí, đào tạo nhiều sĩ quan cho sự nghiệp Champa.

Từ già Pôm-pi-đu, Les gặp đại tá Ra-pha-nô vừa từ sa mạc Xa-ha-ra (An-giê-ri) về, và đại tá Lus-xô đang phục vụ tại Bộ Quốc phòng Pháp. Hai vị trước kia đã từng chỉ huy quân Chăm ở Phan Rang, Phan Ri chống quân đội cách mạng Việt Nam nên rất hiểu Kossem. Hai vị dẫn Kossem đi gặp các quân nhân là người Chăm, Thượng, Khơ-me, đã nhập quốc tịch Pháp và đang phục vụ trong quân lực nước này.

Rời Pháp, Les Kossem đi một loạt các nước Á châu: Mã Lai, Nam Dương, Nhật Bản, Thái Lan.

Trở về chưa ngồi nóng chỗ, Les đã lại đi chuyến thứ hai.

Y tập trung 15 người Chăm, thành lập “Phái đoàn vận động hải ngoại FULRO”. Y chia phái đoàn thành 3 nhóm:

Một nhóm do El Ibrahim cầm đầu, đi Đông Nam Á.

Một nhóm do Pri-mê cầm đầu đi các nước Á Rập.

Một nhóm do chính Les cầm đầu đi Âu châu.

Trụ sở trung tâm đặt ở Ba Lê. Các nhóm báo kết quả về trụ sở.

Ba phái đoàn đi vận động vừa về nước, chưa kịp thông báo kết quả thì ngày 16-10-1972, theo lệnh khẩn của Tổng thống Lon-non, Les được cử làm Đặc sứ đi Nam Dương và các nước Đông Nam Á để giải thích lập trường của Cộng hòa Khơ-me khi có cuộc ngừng bắn tại Việt Nam.

Vừa may, y nhận quà của Cha Mussây gửi sang: 700 cuốn từ điển Chăm – Việt – Pháp.

Y dành 300 cuốn đem ra các đại lý sách ở Nam Vang bán cho dân Chăm. Mỗi cuốn giá 2.000 Rieel. Còn 200 cuốn, y mang theo để làm quà cho các yếu nhân ngoại quốc. Khi đọc “Lời giới thiệu”, thấy ghi có 250.000 người biết ngôn ngữ Chăm, y vội ra lệnh cho các chuyên viên xóa đoạn đó đi, vì y cho con số quá nhỏ, phải 25 triệu người biết ngôn ngữ Chăm chứ. 200 cuốn tặng các yếu nhân ngoại quốc đều có chữ ký của Pônaga và đóng dấu FULRO.

Sau khi đi Nam Dương, Mã Lai, Thái Lan, Nhật Bản về, y đã gặp Đại sứ Hoa Kỳ. Lúc này y mới sực tỉnh ra rằng suốt một thời gian đằng đẵng, y chỉ lo lắng đến dân tộc Chăm của mình mà quên mất FULRO là một mặt trận bao gồm nhiều sắc tộc khác. Hơn thế, đó là những sắc tộc làm nên cái linh hồn cho ngọn cờ y đứng vững, những sắc tộc ở Cao Nguyên Việt Nam. Để sửa chữa sai lầm, y trình trình ra bản tuyên bố với toàn dân:

- FULRO sẽ gửi Liên hợp quốc và các phe lán chiếm ở Việt Nam một bản tuyên bố đòi dành riêng quy chế đặc biệt bảo đảm sự sống còn cho các dân tộc thiểu số Việt Nam. Bên cạnh đó, FULRO sẽ đưa bản tuyên bố đòi tự trị cho sắc dân Chăm. Từ tự trị sẽ đến độc lập. Độc lập rồi, người Chăm sẽ thu hồi toàn bộ đất đai bị mất. Nếu các phe ở Việt Nam không chấp nhận, FULRO sẽ phát động một cuộc tranh đấu vũ trang mới để giành độc lập.

Nhưng ai cũng thấy rằng những chiến dịch ngoại giao của Les Kossem chỉ có tiếng mà không có miếng. Vì vậy, nó đã kế tiếp gây nhiều luồng dư luận trong dân Chàm và những cộng sự gần gũi của y.

Hoàng Minh Mộ chẳng che giấu gì, nói toạc với bạn bè:

- Những cuộc vận động đó, chỉ là vì các ông muốn chia phần nhau đi chơi ở nước ngoài cho đã rồi về giả bộ tuyên bố rùm beng này nọ...

Nhờ sự giúp đỡ của tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Nam Vang, Ya Duck đã gặp được Les Kossem. Nhưng Les Kossem từ chối, không cho Ya Duck gặp Y Băm.

Ít lâu sau, Nay Loét lại nhờ ký giả Hoa Kỳ Mor-rét gặp Y Băm. Dựa vào cái thế của một ký giả Mỹ, vừa là một đại úy lực lượng đặc biệt Mỹ trước đây, Mor-rét gặp được Y Băm. Ngài cựu chủ tịch FULRO đang ngồi vá chiếc áo vét-tông cũ bị bụi chỉ. Lúc này, Y Băm đã già, kém sáng suốt. Mọi việc do vợ ông – bà H'Bem – điều hành. Y Băm cho biết, ông đang sống trong tình trạng khốn quẫn, cơ cực, không chút tự do. Ngày ngày, Les Kossem cho lính Miên coi giữ rất nghiêm ngặt.

Mor-rét bàn với Y Băm việc trở về Tổ quốc. Y Băm viết một bức thư bí mật gửi Nay Loét, nói nỗi khổ cực của mình, xin giải thoát, và hẹn tháng 7 năm 1972, Nay Loét cho người sang đón về. Phần tái bút, ngài Chủ tịch xin ông Tổng trưởng gửi cho ít tiền và “cho một ít thuốc lao để vợ tôi ăn trâu”.

Ngoài thư kín, Mor-rét còn bảo Y Băm viết hai bức thư nhỏ: một gửi Đại sứ Bân-cơ, một gửi Nguyễn Văn Thiệu. Ông ký giả sẽ bàn với Les Kossem cử người chánh thức mang sang cho Nay Loét. Y Băm làm theo ngay.

Les Kossem đã suy tính và cử Huỳnh Ngọc Sáng mang hai bức thư này về Việt Nam.

Ngày 8-5-1972, Huỳnh Ngọc Sáng về đến Sài Gòn đưa bức thư, nhờ Nay Loét chuyển cho hai vị trên.

Nhận được thư của Y Băm hẹn tháng 7 về, Đại sứ Bân-cơ và Nguyễn Văn Thiệu lệnh cho Nay Loét phải tìm cách giải thoát cho kỳ được. Trước mắt, phải tiếp đón vị biệt phái viên của Y Băm là Huỳnh Ngọc Sáng thật nồng hậu. Đồng thời, phải cho cảnh sát đặc biệt theo dõi thái độ và mọi hành tung của y.

Thế là, những màn kịch do Nay Loét đóng để lừa vị biệt phái viên diễn ra khá tế nhị và kín đáo.

Huỳnh Ngọc Sáng được Nay Loét mời ở ngay tư thất của mình, để hai vị liên lạc viên của vị Chủ tịch (một liên lạc viên thời BaJaRaKa và một liên lạc viên thời FULRO) được gần gũi, tâm sự với nhau.

Những bữa tiệc của Bộ phát triển sắc tộc khoản đãi có đủ quan chức và phu nhân dự. Vị biệt phái viên còn đi xe du lịch bóng loáng về thăm quê hương. Đi đến đâu, cũng có tiệc chiêu đãi, có đại biểu các đoàn thể nam, phụ, lão, ấu thăm hỏi; có các đoàn ca vũ Chăm biểu diễn.

Tuy nhiên, tỉnh trưởng Trần Văn Tự cho cảnh sát theo dõi sát từng bước đi của Sáng và báo cáo tỉ mỉ cho Nay Loét.

Thấy được tiếp đón long trọng quá, Sáng tưởng mình là nhân vật quan trọng, càng dương dương tự đắc và định bụng sẽ thông báo cho Y Băm tình hình tốt đẹp ở Việt Nam, giục vị cựu Chủ tịch nhanh chóng về nước.

Khi Sáng về Ninh Thuận, Nguyễn Văn Thiệu lệnh cho Trương Kim Cang ở tòa đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Nam Vang đến đón Y Băm. Biết thế, Les Kossem ngăn chặn ngay, bắt Y Băm tuyên bố “tự nguyện ở lại Căm-bốt, phục vụ FULRO”.

Bị ép, Nay Loét cố nén bức tức, nhờ Phủ đặc ủy Trung ương tình báo điều tra về nguyên nhân sự thay đổi ý kiến của Y Băm. Phủ đặc ủy bí mật lệnh cho Hoàng Minh Mộ tìm cách tiếp xúc với vị cựu Chủ tịch.

Qua bao thủ đoạn khéo léo, thừa dịp Les Kossem ở ngoại quốc, Mộ đã gặp được vị cựu Chủ tịch.

Được hỏi ý kiến về việc trở về hiện nay, Y Băm thở dài:

- Ông Kossem đã chánh thức mời tôi ra lãnh đạo FULRO nhân ngày tôi được ông Kossem rước tôi đến phúng điệu đám tang tướng Um Savuk. Tôi trả lời thẳng với ông Kossem rằng, tôi xin chấm dứt liên lụy đến phong trào FULRO và tôi muốn ông Kossem cho tôi được tự do như một công dân bình thường để trở về nguyên quán hầu tiếp nối cuộc đời thường dân. Ông Kossem như không để ý đến sự từ chối của tôi và viện lý do rằng, việc tôi từ chối còn phải chờ anh em trong Ủy ban cứu xét. Tôi nói rằng, từ ngày lật đổ tôi đến nay, tôi coi vai trò lãnh đạo phong trào của tôi như bị chấm dứt và chánh anh em trong Ban chấp hành FULRO đã có nhiều kiến nghị đòi Ủy ban tối cao phải khai trừ tôi khỏi các tổ chức của phong trào dù dưới hình thức nào. Vậy tôi không còn tư cách gì để trở lại sinh hoạt phong trào. Hơn nữa, tuổi tôi đã luống, tinh thần bị sút kém, nhân cách đã bị anh em làm sút mẻ, thiết tưởng con người tôi không còn đủ uy tín như xưa để gánh vác những việc đó.

Y Băm ngừng lại thở. Hoàng Minh Mộ hỏi luôn:

- Thế tại sao cụ tuyên bố tự nguyện ở lại phục vụ phong trào?

Y Băm lắc đầu buồn bã:

- Ông Kossem bảo tôi: “Ông muốn về nhưng ông Nay Loét và số dân biểu, nghị sĩ cũng như một số công chức ở Sài Gòn không đồng ý cho ông trở về trong lúc này. Ông nên ở lại đây để tiếp tục lãnh đạo phong trào. Ông trở về thì có hại cho phong trào. Mà về làm gì, phải để ông tự vạch áo cho người xem dấu vết chánh trị trên lưng ông”. Đây, ông bảo tôi về sao được?

Được Hoàng Minh Mộ báo cáo lại, Nguyễn Văn Thiệu vui mừng lệnh cho Nay Loét:

- Cứ để vụ FULRO và Y Băm chìm dần vào sự lãng quên, không nên đi sâu thảo luận việc này nữa.

*

* *

Biết Việt Nam Cộng hòa không hài lòng nhưng Les Kossem cóc cần, chỉ e người Mỹ phật ý.

Les chỉ thị cho đại tá El Ibrahim liên lạc với Trung tá Trương Kim Cang ở tòa Đại sứ để thăm dò thái độ người Mỹ và Nguyễn Văn Thiệu.

Đúng như y dự đoán, người Mỹ không thể không quan tâm đến việc này. Ít lâu sau, một ban cố vấn quân sự Mỹ gồm 4 viên đại tá từ Sài Gòn sang Cẩm-bốt. Viên Trung tướng tùy viên quân sự sứ quán Hoa Kỳ tại Nam Vang dẫn đoàn đi thanh tra vũ khí họ cung cấp cho lữ đoàn 5BB, lữ đoàn 40 và thăm Y Bun Sor.

Vị Tùy viên quân sự hỏi Y Bun Sor một cách xa xôi:

- Ông và FULRO có quan điểm như thế nào về vấn đề đấu tranh khi ngừng bắn ở Việt Nam?

Bun Sor xua hai bàn tay trước mặt, nhún vai:

- Tôi là sĩ quan của quân lực Khơ-me, tôi không làm chánh trị nên tôi không có quan điểm gì về việc đó. Hơn nữa, FULRO đã chấm dứt hoạt động từ lâu.

Vị Tùy viên cười khôi hài:

- Ông là người đã đỡ bằng tiền sĩ chánh trị xã hội học và có tin đáng tin cậy là ông đã thay thế ông Y Băm làm Chủ tịch FULRO. Thế mà ông lại nói không quan tâm gì đến chánh trị?

Y Bun Sor đỏ mặt, sượng sùng:

- Những tin đó hoàn toàn bịa đặt. Tôi không có tham vọng chánh trị và hiện nay ông Y Băm vẫn là Chủ tịch FULRO. Xin mời các quý ông đến tiếp xúc với ông Y Băm và sẽ biết rõ quan điểm của FULRO đối với vấn đề ngừng bắn ở Việt Nam.

Phái đoàn cố vấn về Nam Vang. Ngay hôm sau, họ nhờ Ksor Doh gặp Y Băm, khuyến khích vị cựu Chủ tịch FULRO.

Ksor Doh nói với vị cựu Chủ tịch:

- Ngài nên tìm cách trốn về Việt Nam. Người Mỹ sẽ giúp chúng ta nắm lại FULRO.

Y Bham buồn bã:

- Còn ông Kossem, tôi không thể làm khác được, và lại tôi chán lắm rồi...

Ksor Doh quả quyết:

- Ông Kpa Doh nói nếu ngài không đứng ra làm Chủ tịch FULRO, ông ấy sẽ lật Y Bun Sor để làm Chủ tịch, lấy Cao Nguyên và đất Chàm trong tay người Việt Nam.

Y Bham tỏ ra thờ ơ:

- Ai lên làm Chủ tịch FULRO tôi cũng thấy kệ. Tôi mệt lắm rồi. Tôi chỉ muốn về nguyên quán làm công dân bình thường. Thế mà cũng không được toại nguyện. Thật là khổ tâm cho tôi!

- Còn nếu Kpa Doh thất bại, người Mỹ sẽ lập người trong nước lên làm Chủ tịch. Ông Y Chon, Y Blieng chẳng hạn.

Ngày 31-7, Huỳnh Ngọc Sảng từ Ninh Thuận trở về Sài Gòn, đến Bộ phát triển sắc tộc để gặp Nay Loét. Nay Loét tránh mặt, cho trung tá Phiên – Chánh văn phòng Bộ và Nguyễn Công Long – Công cán ủy viên Bộ – gặp Sảng.

Ông Phiên tỏ ra buồn rầu, nói với Sảng:

- Ông muốn hỏi về việc đón Chủ tịch Y Bham về nước nhưng tiếc rằng việc đó hiện nay không còn vấn đề gì nữa vì ông Y Bham đã thay đổi thái độ, không về nữa rồi.

Huỳnh Ngọc Sảng sững người:

- Tại sao thế?

- Điều đó chúng tôi không biết.

Im lặng một lúc cho đỡ choáng váng, Sảng hỏi:

- Hiện nay, không biết các ông sẽ đối xử với tôi thế nào?

Ông Phiên ôn tồn:

- Đối với ông, chúng tôi thiết nghĩ chỉ có hai cách: hoặc đi Căm-bốt, hoặc ở lại Việt Nam. Nếu ông đi Căm-bốt, thì Bộ sẽ can thiệp xin Chánh phủ giúp đỡ phương tiện tới Châu Đốc để ông sang Nam Vang. Nếu ông ở lại Việt Nam, Bộ sẽ phúc nghị lên Chánh phủ xin đồng hóa sĩ quan, giữ cấp bậc FULRO. Chúng tôi cũng không biết rằng Chánh phủ có chấp nhận hay không. Vậy ông về suy nghĩ và trả lời cho chúng tôi biết.

Bơ vợ không nơi nương tựa, không có nơi ăn, chốn ở, ngày hôm sau Sáng đã bức tức viết thư cho Nay Loét:

Yêu cầu “Bộ phát triển sắc tộc thông cảm chu toàn thủ tục hành chánh đặng tôi dễ dàng trở về đời sống bình thường của một công dân sắc tộc”.

Nhận thư Sáng, không mong gì hơn, Nay Loét đệ trình Thủ tướng giải quyết cho Sáng về Ninh Thuận và cho mật thám theo dõi, giám sát chặt.

Thấy Sáng vẫn đi gặp gỡ các phân tử FULRO cũ, Phủ đặc ủy trung ương tình báo báo cáo với Trần Thiện Khiêm. Không chút nể nang, và với lời lẽ hết sức gay gắt, Phủ Thủ tướng ra lệnh trục xuất Sáng: “Cho ông Jay Amrang lên Châu Đốc để về Căm-bốt với điều kiện sẽ không bao giờ được phép trở lại Việt Nam Cộng hòa”.

Nhưng đã ném nhiều đòn đau trên đất Căm-bốt, Sáng chọn con đường ít nhục nhã hơn là trốn về Ninh Thuận tìm người móc nối, gây cơ sở, nuôi tham vọng lập ra mặt trận FULRO Champa để tự mình vươn lên vị trí độc tôn, không còn ai chèn ép.

Sáng lên Buôn Mê Thuật nghe ngóng tình hình và tìm hiểu phong trào FULRO Thượng.

16. ÔNG CHÁNH ÁN.

Sau khi bị Y Bham chiếm mất ghế Phó tỉnh trưởng Thượng vụ Đắc Lắc, Y Bliêng về làm việc ở Phòng chiến tranh tâm lý thuộc Bộ Quốc phòng. Thực ra đây chỉ là nơi để ông tạm thời nghỉ ngơi, chuẩn bị bước ra nhận một nhiệm vụ mới. Ông hy vọng ngày một ngày hai sẽ lại thay Y Bham về làm Phó tỉnh trưởng. Khi Y Bham chỉ huy binh lính Thượng nổi loạn, lập FULRO, hy vọng của ông càng lớn. Ông thấp thòm chờ cái ghế cũ mà ông đã ngồi âm thầm bao năm. Nhưng hy vọng của ông cứ héo dần, Y Bham đi, nhưng chức đó về tay người khác. Ông buồn phiền đến phát ốm.

Mãi đến tháng 5 năm 1965, cuộc bầu cử các chức vị lãnh đạo Hội đồng tỉnh Đắc Lắc mở ra, ông về và xin ứng cử. Với nhiều mảnh lời, ông đã đắc cử và được bầu làm Phó chủ tịch Hội đồng tỉnh, một chức khá quan trọng trong hàng ngũ những người lãnh đạo ở địa phương.

Hơn một năm sau, Tòa án phong tục tái lập. Thấy ông làm chánh án thích hợp và được việc hơn, đại tá Frank xếp cho ông chuyển sang làm chánh án Tòa án phong tục liên tỉnh Đắc Lắc – Quảng Đức.

Thế là mơ ước của ông đã thành sự thực, ông đã có địa vị cao và quyền lực lớn. Vì rằng, Tòa án phong tục vốn có lịch sử lâu đời và chỗ đứng vững chãi, quan trọng trong guồng máy nhà nước, có hiệu lực rất lớn đối với nền pháp chế xã hội Thượng Cao Nguyên từ trước đến nay.

Chả thế mà khi bình định xong Cao Nguyên, không nắm được phong tục tập quán người Thượng, Chánh phủ Pháp bỏ Tòa án phong tục, lập Tòa án quốc gia xử các vụ kiện theo luật lệ

của người Pháp và người Kinh, người Pháp đã thất bại. Người ta không thi hành và chẳng ai chịu tuân theo quyết định của Tòa án ấy. Người bị phạt vẫn kêu oan mà kẻ thắng kiện cũng không bằng lòng. Mặc cho Tòa án quốc gia tồn tại ở trung ương, ở tỉnh, còn ở các buôn làng, người ta vẫn xử theo tập quán riêng.

Sau một thời gian nghiên cứu, ngày 17 tháng 6 năm 1929, Chánh phủ Pháp phải tái lập Tòa án phong tục để xử những vụ kiện cáo của người Thượng trên Cao Nguyên.

Sau Giơ-ne-vơ, lên nắm chính quyền, Ngô Đình Diệm lại bãi bỏ Tòa án phong tục. Một làn sóng công phần trào lên đòi tái lập Tòa án này. Việc bãi bỏ Tòa án phong tục là một trong những cái cớ để Y Bẫm kích động, kêu gọi quần chúng ủng hộ phong trào BaJaRaKa.

Sau khi lật đổ Diệm, những người lãnh đạo nền Đệ nhị Cộng hòa, nhất là Nguyễn Văn Thiệu, không thể coi thường Tòa án phong tục. Ngày 22-7-1969, Nguyễn Văn Thiệu đã phải ra quyết định 006/69 tái lập Tòa án phong tục. Từ đó nó trở thành cơ quan xét xử có hiệu lực nhất ở xứ sở này và tồn tại cho đến nay.

Làm Chánh án hơn 2 năm, ông Y Bliêng đã nổi tiếng là người tài giỏi, công minh, vì ông nắm vững các bộ luật của các sắc tộc, nhất là bộ luật Bi-đuê của sắc tộc Ê Đê. Các ký giả ca ngợi ông. Các báo trong tỉnh và cả một số báo trung ương của nhà nước cũng như tư nhân, đã dẫn những vụ kiện để chứng minh sự sáng suốt và tài giỏi của ông.

Có một ông chủ máy xay đặt máy giữa buôn Du. Suốt ngày máy chạy xầm xầm phá tan sự yên tĩnh trong buôn. Ông chủ làng thay mặt dân yêu cầu ông chủ máy xay chuyển máy đi. Ông chủ máy xay không chịu, hai ông to tiếng và đánh nhau.

Một hôm, ông chủ máy xay bỗng thấy có một quả lựu đạn gài ở máy của mình. Ông lập tức gõ và tức tốc kiện lên Tòa án phong tục. Ông cả quyết là ông chủ làng, do bất hòa với ông, đã gài quả lựu đạn đó.

Ông Chánh án nghiên cứu vụ án và nhận ra rằng ông chủ làng không có người đi lính, không có khả năng tìm ra lựu đạn. Ông chủ máy xay lại có một người cháu đi lính công binh. Từ manh mối đó, ông đã tìm ra chứng cứ, tìm ra thủ phạm. Chính ông chủ máy xay đã tự gài lựu đạn để đổ vạ cho ông chủ làng. Ông chủ máy xay bị đưa ra trước tòa. Nguyên cáo thành bị cáo. Ông chủ máy xay chịu phạt, ông chủ làng trắng án.

Người ta khen ngợi Y Bliêng. Tiếng tăm ông Chánh án bay xa.

Ít lâu sau, lại có một vụ xử nữa làm ông thêm nổi tiếng.

Ông Y Bẫm Buôn Yă lên Sài Gòn làm việc cho người Mỹ. Ông đã bỏ vợ là bà H'Ngê Hmôk ở quê để lấy một bà người Mỹ tên là Jên-ni cùng làm việc với ông ở sở Mỹ.

Bà H'Ngê kiện chồng (về tội tình phụ) và bà Jên-ni (về tội cướp chồng) lên Tòa án phong tục. Ông Y Bliêng ngồi ghế Chánh thẩm xử vụ này. Bà Jên-ni thuê ba luật sư người Kinh cãi cho mình. Ai cũng sợ, lắc đầu: “Chơi vào ai chứ chơi vào bà người Mỹ thì chỉ có chết”.

Nhận tiền của bà Jên-ni, ba ông luật sư người Kinh điều tra, nghiên cứu hồ sơ rất kỹ. Các ông chung lưng đấu cật với nhau để bênh bà Jên-ni, quyết làm cho bà thắng cuộc.

Trước tòa, luật sư người Kinh nói:

- Theo chúng tôi được biết, trước kia bà H'Ngê đã quyến rũ và ép buộc ông Y Băn. Chúng có là bà H'Ngê hơn tuổi ông Y Băn nhiều. Giờ đây, ông Y Băn có quyền bỏ bà H'Ngê.

Y Bliêng bác bỏ lý lẽ trên, điềm tĩnh nói:

- Theo điều tra của chúng tôi, bà H'Ngê đã cưới ông Y Băn, có dân trong buôn chứng kiến. Hai chân đã được thoa với máu. Chuối hạt đã trình bày, vòng tay đã trao đổi... Hai người đã ăn ở với nhau được 2 con. Theo phong tục Ê Đê, vợ nhiều tuổi hơn chồng là lẽ thường. Anh chết đi còn chuyển vợ lại cho em. Hai bên đã ưng ý và lấy nhau. Ông Y Băn bỏ vợ là có tội. Ông Y Băn chưa ly dị vợ, bà Jên-ni cướp chồng của bà H'Ngê cũng có tội.

Một luật sư người Kinh lại nói:

- Theo luật pháp của nước Mỹ, bà Jên-ni yêu ông Y Băn, hai người tự nguyện lấy nhau, bà Jên-ni được tự do lấy ông Y Băn, không có tội.

Ông Chánh thẩm cất cao giọng:

- Bất cứ người nào sống ở nước ngoài cũng phải tuân theo luật lệ của nước mà người đó cư trú. Bất cứ người nào bước chân lên Cao Nguyên, phải tuân theo luật pháp của Cao Nguyên. Bà Jên-ni phải tuân theo luật pháp của Cao Nguyên, Cao Nguyên không xử án theo luật pháp Mỹ.

Ba luật sư người Kinh thua. Tòa tuyên phạt, bắt ông Y Băn không được bỏ vợ và phải bồi thường cho bà H'Ngê. Bà Jên-ni cũng không được lấy ông Y Băn và phải bồi thường cho bà H'Ngê.

Hai vụ đó đã làm ông nổi tiếng nhưng chưa làm ông lừng lẫy bằng vụ thứ ba.

Ông Y hun chết. Gia tài do vợ là bà H'Phoi với 5 con được hưởng. Bố ông Y Hun muốn chiếm đoạt nên dứt lốt, thuê tiền ông Y Tôn (trước kia từng làm phụ tá Tổng ủy viên tư pháp kiêm Chánh án tòa án FULRO, hiện làm hội viên Hội đồng sắc tộc) và ông Y Bhiu (Phó chủ tịch Hội đồng Đắc Lắc) nhờ giúp đỡ. Cậy quyền thế, hai ông Y Tôn và Y Bhiu đã đến Ty Điền địa Đắc Lắc, móc với ông Trưởng ty, sang tên gia tài của bà H'Phoi cho bố Y Hun. Bà H'Phoi kiện Y Tôn, Y Bhiu và ông Trưởng ty Điền địa lên Tòa án phong tục. Ông Chánh án Y Bliêng lại xử một vụ kiện rắc rối, khó khăn, vì bị cáo là những người đầy thế lực. Với lý lẽ cứng rắn, thẳng thắn, ông Chánh án vạch cho họ thấy làm như thế là thủ đoạn, là trái với luật lệ, tập quán kế thừa tài sản theo mẫu hệ của Cao Nguyên. Hai ông kia cùng với ông Trưởng ty Điền địa bị phạt.

Từ đó tiếng đồn về ông Y Bliêng càng vang xa. Các ký giả gặp ông, được ông cho ăn uống, quà cáp hậu hĩnh... đã viết bài hết lời ca ngợi ông. Ông trở thành một nhân vật huyền thoại.

*

* *

Nhận đơn kiện của Rmah Klel, ông Chánh án Y Bliêng mừng lắm. Ông vừa có dịp trị tên Y Dhắt lâu nay vẫn vênh vang với ông vì cái chức Phó chủ tịch “Phong trào đoàn kết”, lại vừa có dịp moi tiền của hai bên. Ông lập tức khởi tố ngay.

Phiên tòa được lập ở Buôn Mê Thuật. Nguyên cáo Rmah Klel tố Y Dhắt. Bị cáo Y Dhắt tìm mọi lý lẽ cãi lại. Ông Chánh án ở bộ luật Bi-đuê trình trọng đọc:

- Tổ tiên, Ông Bà ta đã dạy như sau: *“Như đôi lứa H'Bu, H'Biê, gái trai đã yêu nhau và đã tâm đầu ý hiệp.*

Chuối hạt chúng đã trình bày, vòng tay đã trao đổi, vòng tay bên kia trao cho bên này, vòng tay bên này trao cho bên kia, vòng tay bên trai trao cho bên gái, vòng tay bên gái trao cho bên trai, chúng đã tự ý một mình làm điều này.

Chúng xin cây đa ở đầu mạch nước, cho trông chân voi lại, cho treo chiêng lên, xin cho chúng được kết hợp vợ chồng như cánh nỏ với thân nỏ.

Lấy nhau thời phải ở với nhau cho đến khi chết, mời rượu thời phải mời cho đến khi rượu trong ché lạt mùi, đánh thanh la ‘Kmal’ thời phải đánh cho đến khi có người đến thay thế.

Sợ rằng ban đêm thời nó nói một chuyện, ban ngày nó nói một lời, hễ quay lưng là nó tìm chuyện khác.

Nếu người đàn bà có chuyện, người đàn ông có lỗi, thời như con chó tham ăn, phải nuốt quả cà nóng, người hung ác thời phải trừng trị, để người chồng đi cùng người vợ tử tế như thường, để người chồng đi theo sau người vợ, để cả hai cùng đi trên đường đến hàng rẫy tốt như thường.

Chúng vi phạm những lời hứa của người giàu sang về hôn ước thời chúng có tội với người thủ lãnh”.

Y Bliêng ngừng đọc, lấy tay lau nước bọt xùi bên mép:

- Chiếu theo luật lệ, tập tục ông bà để lại, mà nhà nước đã cho Tòa án phong tục được phép áp dụng, Tòa tuyên bố:

Bị cáo Y Dhắt đã có vợ là H'Breo, lại còn phạm về tội cướp vợ của Rmah Klel.

H'Bi đã có chồng là Rmah Klel lại bội ước, bỏ chồng đi theo Y Dhắt.

Hai người đều có tội.

Tòa tuyên phạt như sau:

- Y Dắt phải trả vợ cho Rmah Klel, phải nộp 2 “kô” cho ngân khố, bồi thường tinh thần cho ông Chánh thẩm 3 “kô”, cho Rmah Klel một con heo 3 “kô” và một ché rượu 2 “kô”.

- H'Bi phải bỏ Y Dắt về với Rmah Klel và phải bồi thường tinh thần cho ông Chánh thẩm 2 “kô”.

Y Dắt và H'Bi im lặng nhận tội, không kêu ca gì. Y Bliêng thấy thế, cho rằng Y Dắt đã hoàn toàn khuất phục trước uy quyền của mình, dương dương tự đắc, lớn tiếng kết luận:

- Mỗi người dân Thượng, sống trên đất nước Cao Nguyên do ông bà bao đời để lại, phải tuân theo tập tục ông bà, phải bảo vệ thuần phong mỹ tục mà ông bà tốn bao xương máu xây đắp nên để xây dựng nếp sống tốt đẹp. Vợ chồng ăn ở với nhau phải chung thủy suốt đời không được bội ước. Kẻ nào làm trái lại sẽ bị trị tội. Tòa án phong tục không tha thứ cho bất cứ kẻ nào phá bỏ tập tục ông bà dù đó là người có quyền cao chức trọng thế nào.

Án đã thành, Y Dắt và H'Bi hứa sẽ nộp phạt và bỏ nhau để về với vợ xưa, chồng cũ.

Hứa suông thế thôi, nhưng Y Dắt được vị Tỉnh trưởng che chở, chẳng chịu thi hành. Trát tòa đòi lắm cũng nhảm. H'Bi cũng chẳng về với Rmah Klel. Thế là Y Dắt và H'Bi vẫn ung dung sống với nhau.

Án trở thành vô hiệu đối với người có quyền cao chức trọng.

Từ đó Y Dắt nung nấu căm thù, quyết tìm cách vạch mặt và trị cho Y Bliêng một mẻ. Chiến tuyến giữa ngài cự cổ vắn và ông Đệ nhất Phó chủ tịch “Phong trào đoàn kết” đã dựng lên. Hai ông chỉ nhằm thời cơ diệt nhau. Họ chẳng cần phải chờ lâu, thời cơ đã đến. Vụ kiện ông dân biểu Y Dhé đã mở ra. Đây là một cơ tốt để hai vị đầu đá nhau, xem ai mạnh hơn ai.

*

* *

Ông cự Trưởng ban đại diện FULRO Y Dhé nghĩ mình là đại tá, nhân vật quan trọng bậc nhất của FULRO về hợp tác, không làm Tỉnh trưởng Đắc Lắc thì cũng làm Chủ tịch “Phong trào đoàn kết”. Ai ngờ, chức Tỉnh trưởng không đến tay, ông đã bức bối; đến khi chức Chủ tịch “Phong trào đoàn kết” lại về tay Y Bliêng, thiếu tá FULRO, nhân viên của ông nổi, thì Y Dhé càng phẫn uất. Ông chửi bọn Thiệu, bọn Paul Nur là lừa đảo, là “vắt chanh bỏ vỏ”, không biết dùng những người “có tài năng, có tinh thần yêu nước, yêu dân tộc, yêu đồng bào”.

Ông oán trách người Mỹ là “mang con bỏ chợ”. Phản ứng mạnh nhất của ông là không làm gì cho nhà nước, “bất hợp tác” với Chánh quyền. Ông về nhà mở đồn điền cà-phê làm ăn và chờ thời.

Hai năm trôi qua, đồn điền cà-phê đem lại cho ông những món tiền kèch xù, ông dần dần trở nên giàu có.

“Có tiền mua thần Yang cũng được”, ông tung tiền ra mua chuộc các quan trong tỉnh, từ Tỉnh trưởng đến các trưởng, phó ty để gây uy thế. Bằng những món tiền và bữa tiệc, chẳng bao lâu, uy tín của ông đã lớn. Hàng ngũ các quan trong tỉnh nằm trong vòng lôi kéo của ông. Ông đã có thể “tuyên chiến” với Y Bliêng, Y Chôn, vì ông cho rằng bọn này đã tâu với Thiệu, gạt ông ra khỏi chức Chủ tịch “Phong trào đoàn kết”.

Trong số những người bị Y Dhé lôi kéo, thuộc hàng ngũ trưởng, phó ty, Kpă Kới thân nhất với ông. Nhờ khôn ngoan và thủ đoạn, Kpă Kới leo được lên làm Phó ty Lao động.

“Phong trào đoàn kết” thành lập, ngài Phó ty được chỉ định làm Phó chủ tịch tỉnh bộ. Một năm sau, ngài hạ bệ Chủ tịch tỉnh bộ Y Khĩa và nhảy lên làm Chủ tịch.

Từ ngày lên làm Phó ty Lao động, ngài kiếm được nhiều miếng mồi béo bở. Món bở đầu tiên là những khoản tiền dứt lốt của những người xin làm nhân viên nhà nước và cả cho các tư nhân. Muốn làm ở một đồn điền, một sở nào ư? Xin nộp tiền. Tùy theo mức độ quan trọng, nặng nhẹ, nhàn hay vất vả, kiếm ăn được hay không...mà nộp. Tiền ít là vài chục ngàn, nhiều là vài trăm ngàn, ngài Phó ty sẽ duyệt cho đi.

Món bở thứ hai là những món dứt lốt hậu hĩnh của các chủ đồn điền cao-su, cà-phê. Họ đem đến cho ngài hàng bao tải cà-phê, hàng xe gà vịt, hàng ké rượu ngon...để xin mở thêm diện tích canh tác, trồng thêm các thứ cây mới.

Món thứ ba là tiền nộp của các chủ công ty khai thác gỗ. Ngoài ra, ngài còn hùn vốn, lập công ty khai thác gỗ với một thương gia Hoa kiều. Công ty của ngài tha hồ khai thác, chẳng phải thuê má, ngăn cấm gì. Có nhiều nơi ngài khai thác hết trội, cả khu rừng thành quang lay.

Chức Chủ tịch tỉnh bộ Phong trào đoàn kết, tưởng như chỉ là chánh trị đơn thuần, vô tư phục vụ quần chúng, thế mà ngài cũng biết tận dụng, khai thác để đem lại những món lợi không nhỏ. Đó là việc ngài tham ô tiền quỹ tỉnh bộ phong trào, tiền nguyệt liễm, tiền làm thẻ đoàn viên, tiền ủng hộ của dân chúng...ngài bớt đến một nửa bỏ túi, chỉ nộp cho trung ương một nửa.

Kpă Kới làm ăn rất táo tợn và rất trôi chảy, chẳng ai làm gì được ngài.

Y Dhé quả có con mắt tinh đời, tính toán rất chính xác: người bạn Kpă Kới đã đến lúc rất được việc trên con đường tiền thân của ông.

Mùa bầu cử dân biểu hạ nghị viện khóa 1971 – 1975 mở, các nhà hoạt động chánh trị, các chánh khách, các nhân sĩ có tên tuổi có dịp đua tài, độ sức.

Đơn vị ứng cử Đắc Lắc có hai ứng cử viên: Y Chôn và Y Dhé. Hai bông hoa đều đẹp, đều thơm nhưng chỉ được chọn một, vì thế cuộc tranh giành số phiếu trở nên gay gắt, nảy lửa.

Theo ý vị cố vấn Mỹ lệnh cho ngài tỉnh trưởng, thì hai ông đều “kẻ tám lạng, người nửa cân”, ai đắc cử cũng được, vì họ đều phục vụ nước Mỹ ở các dạng khác nhau. Ông Y Dhé thì ở tổ chức FULRO, một lực lượng nắm Cao Nguyên; ông Y Chôn thì ở trong chánh quyền, phục vụ các

chánh sách của nước Mỹ. Ngài cố vấn chẳng cần gợi ý, chỉ định ai. Cứ thả sức cho hai con ngựa đua tung vó.

Y Chôn sử dụng vũ khí tuyên truyền, món võ sở trường mà ông đã dùng đánh thắng nhiều địch thủ xây một chỗ đứng vững vàng từ trước đến nay. Nhờ những lời nói, hô hào hùng biện, nhờ những bài báo kêu vang tên ông đã trở thành nhân vật nổi tiếng ở Đắc Lắc, ở toàn Cao Nguyên, và cũng nhờ nó ông đã leo lên chức Phụ tá Tổng trưởng Phát triển sắc tộc.

Những tờ quảng cáo dán chi chít trên tường ở châu thành Buôn Mê Thuật, các quận lỵ và buôn ấp. Ngày ngày, những chiếc ô-tô cắm cờ các màu, dán đầy khẩu hiệu, biểu ngữ, có loa phóng thanh, đi các ngả đường choang choang quảng cáo cho ông như giới thiệu một vở cải lương mới.

Các diễn đàn được lập để ông tự giới thiệu mình và mọi người tặng bốc ông. Màn ảnh vô tuyến truyền hình tối tối hiện lên hình ông với lời phát biểu rất lâm ly tha thiết.

Hàng vạn tờ truyền đơn rải ở các nơi, phát không cho mọi người có hình ông và lời giới thiệu: “Ông Y Chôn ứng cử viên Dân biểu Hạ nghị viện nhiệm kỳ 1971 – 1975. Đơn vị sắc tộc Đắc Lắc.

- Dấu hiệu của ông là: Gia đình con gà chống điều hâu.

(Điều hâu tượng trưng cho đối phương Cộng sản: gia đình gà tượng trưng cho dân tộc đoàn kết).

- Danh hiệu của ông là: Tình thương tạo đoàn kết thắng bạo lực.

- Hoạt động chánh trị và xã hội của ông:

Sáng lập viên và cố vấn các phong trào: BaJaRaKa, FULRO, Ban đại diện đồng bào Thượng, Phong trào đoàn kết, Sáng lập viên và hội trưởng hội “Thân hữu Kinh Thượng”.

- Lập trường tranh đấu của ông là: đòi thực thi cho toàn thể đồng bào Kinh Thượng một đời sống ấm no, công bằng và tự do dân chủ “với hình thức ôn hòa và bất bạo động...”.

Ông rất tin tưởng vào những lời quảng cáo. Tiền ném vào việc tuyên truyền lên tới hàng triệu.

Giới bình luận thời sự tha hồ đua nhau bàn tán, đánh cá. Chẳng ai dám cá Y Chôn thua cuộc.

Y Dhé biết mình kém uy tín chánh trị hơn Y Chôn nên sử dụng luôn cả hai vũ khí.

Vũ khí đầu tiên, ông cũng tuyên truyền, quảng cáo.

Ông lấy dấu hiệu là: Cái gửi. (Cái gửi tượng trưng cho đức tính cần cù, giản dị, suốt đời gắn bó với đồng bào dân tộc).

Ông cố nhấn mạnh vai trò bốn năm xuất dương sang Căm-bốt làm cách mạng FULRO, đấu tranh cho quyền lợi dân tộc. Ông nhắc đi nhắc lại thời kỳ làm Trưởng ban đại diện FULRO, ông đã hy sinh vì dân tộc, chịu cực nhục, kiên trì đấu tranh giành thắng lợi.

Đấy không phải là vũ khí chính. Vũ khí sở trường của ông là tìm cách lôi kéo cử tri bằng tiền.

Ông tung tiền ra nhờ Kpă Kới vận động các đoàn viên “Phong trào Đoàn kết”. Tiền thưởng cho Kpă Kới và các nhân viên sẽ tính theo số các cử tri. Ông hứa sẽ giết bò khao các đoàn viên Phong trào khi đắc cử và thưởng tiền cho những ai bỏ phiếu cho ông.

Theo quy định của “Phong trào Đoàn kết”, ông Chủ tịch tỉnh bộ phải cử động cho ứng cử viên là đoàn viên Phong trào. Như thế Kpă Kới phải vận động cho Y Chôn vì Y Chôn là cố vấn Phong trào. Nhưng đã ăn tiền của Y Dhé, Kpă Kới giẫm lên quy định trên, không vận động cho Y Chôn mà vận động cho Y Dhé.

Tất cả điều đó mới chỉ làm cho cán cân giữa hai ứng cử viên cân bằng, chưa đủ sức làm cho Y Dhé thắng tuyệt đối. Cần phải có một biện pháp mạnh mẽ hơn, chắc chắn hơn.

Y Dhé và Kpă Kới lại bàn bạc. Các ông tìm được một cách rất hiệu nghiệm: mua chuộc ban bầu cử để đánh lận phiếu.

Giá cả đã được ngã, mọi tính toán và kế hoạch đã được định liệu. Thế là khi kiểm phiếu, ban tổ chức đã tìm nơi sơ hở nhất để đánh lận. Họ đã tìm ra nơi đó là quận Lạc Thiện, một vùng xa xôi hẻo lánh. 1.400 phiếu của Y Chôn bị im đi, làm cho cán cân nghiêng hẳn về phía Y Dhé.

Mọi dự đoán bị đảo ngược. Y Dhé thắng Y Chôn, lên làm Dân biểu Hạ nghị viện, “đại diện cho dân chúng toàn tỉnh Đắc Lắc, luận bàn những vấn đề tối yếu của quốc gia, đem tiếng nói của các công dân trong tỉnh góp với toàn quốc”. Y Dhé trở thành ông nghị danh tiếng lừng lẫy. Năm 1971 ông được bầu làm ủy viên Ủy ban canh nông; Năm 1973, ủy viên Ủy ban ngân sách và tài chánh của Hạ viện.

Với lương tháng khá cao của một Dân biểu, cộng với tiền đút lót, tiền tham ô ngân sách, tiền thu ở đồn điền cà-phê, ông nghị trở thành triệu phú.

Cũng như Y Dhé, ông Y Bling (nguyên ủy viên chánh trị kiêm ngoại giao Ban đại diện FULRO, Chủ tịch “Phong trào Đoàn kết” cũng đắc cử nghị sĩ Thượng viện. Cùng là chiến hữu trong FULRO, cùng là ông nghị, hai người trở nên thân thiết và nhất là cùng đua nhau ăn chơi.

Là một ông nghị giàu có, sống giữa Sài Gòn hoa lệ, ông xa dân bà con dân tộc và lao vào ăn chơi trác táng. Dấu hiệu “cái gùi” của ông trở thành mĩa mai. Ông chẳng trả tiền cho các cử tri bầu cho mình, ông quyt luôn cả bữa khao dân. Ông ở tịt Sài Gòn, trong một biệt thự riêng. Ông “mua” luôn hai cô gái người Kinh làm vợ. Một cô nữ sinh, thích trung diện, thích các vũ trường, thích các tiệm ăn nổi tiếng. Ông nghị đã trả cho bố mẹ cô ta 600 ngàn đồng và đưa cô về làm vợ bé.

Một cô con nhà giàu. Ông bố đánh bạc thua, bán hết tài sản, phải bán con cho ông nghị một triệu đồng lấy tiền trả nợ.

Hai cô này đều trẻ, còn ít tuổi hơn cô gái H'Uê của ông. Ông mê một hai cô, quên người vợ già ở quê hương.

Biết chuyện xấu xa của chồng, bà H'Djáp cùng con rể là Y Nham mời khéo ông về nhà để “khuyên bảo”. Không biết ý đồ của vợ và con rể, lại cũng cần lấy tiền thu hoạch cà-phê cho hai vợ bé ăn diện, ông vội vàng đánh xe về nhà. Về đến nơi, ông không thấy vợ và con oán trách, nói năng nặng lời. Một bữa rượu thịnh soạn được dọn lên. Mọi người ăn uống vui vẻ. Bà H' Djáp vẫn đảm đang, nhanh nhẹn, chiều chồng như xưa. Ông hết lời khen ngợi tình cảm vợ, con.

Ăn uống xong, Y Nham mới từ tốn thưa:

- Thưa ba, chúng con thấy ba sống ở Sài Gòn xa gia đình, không ai chăm sóc, chắc ba buồn lắm. Má độ này đã già, không làm lụng được gì, xa ba, má cũng nhớ. Vì vậy, má muốn lên ở cùng ba, để ba má vui tuổi già...

Y Dhe giật mình. Vợ ông quê mùa, xấu xí, già nua...Ông ngọt ngào khuyên bảo, tìm mọi lý do để từ chối.

- Ba sắp phải đi kinh lý xa, nay nơi này, mai nơi khác, lấy ai chăm sóc cho má? Hơn nữa, ở Sài Gòn xe cộ âm ỉ suốt ngày, đình tai nhức óc lắm. Ba còn định bỏ về hưởng hồ là má yếu, bị bệnh thần kinh luôn, chịu sao được?

Vợ, con rể, con trai, con gái thuyết phục thế nào, ông cũng cứ giãy ra. Bà không chịu nổi, to tiếng với ông vừa khóc, vừa kể lể:

- Ông không nhớ hồi ông làm Trưởng ban đại diện à? Tôi đã bỏ bao công sức, thu vén mới được cơ ngơi như thế này chớ.

Ông đánh cho bà một trận, gãy cả tay.

Không chịu nổi, bà H'Djáp và con rể kiện ông lên Tòa án phong tục về tội tự ý bỏ vợ đi lấy người khác và đánh vợ bị thương.

Y Bliêng hí hửng mừng thầm. Lại một dịp tốt để vừa moi tiền ngài nghị viện giàu có, vừa hạ uy thế của một tên văn dương dương tự đắc, coi ông Chánh án chẳng ra gì. Ông Y Bliêng thật có số hên. Hết vụ này đến vụ khác, tiền bạc cứ rơi vào nhà ông như lá rừng. Cứ đà này, chẳng mấy chốc mà ông sẽ nhảy lên làm Chánh án tối cao pháp viện.

Nhận đơn kiện Y Dhe của H'Djáp và Y Nham, Y Bliêng tức tốc cho nhân viên đi điều tra, cố tìm mọi chứng cứ, trị tội ông Dân biểu thật nặng.

Hồ sơ lập rất tỉ mỉ, chứng cứ dày cộp, minh bạch, thừa sức luận tội. Ông Chánh án vui mừng nói với bà H'Djáp:

- Tôi không làm cho bà thắng vụ kiện này, tôi không nhìn mặt bà nữa. Bà xem, bộ luật Bi-duê của ta đã nói rõ tội “bỏ vợ đi lấy vợ khác” như sau:

“Đêm thời nó nói một chuyện, ngày thời nó nói một lời, hể quay lưng là nó tìm chuyện khác.

Nó lại thích hoa vàng ở trong rừng thưa, hoa đỏ ở trong rừng sậy ‘kwách’, nhìn thấy cô gái khác nó lại ước mơ.

Nó bỏ vợ nó không chút thương tiếc. Nó bỏ vợ nó ra đi một cách vô cớ.

Nó vượt qua hàng rào ‘kủng’, vượt qua hàng rào ‘không’, nó vi phạm lời kết ước của nhà giàu sang, nó toét miệng, nó căng miệng, vòng tay đã được khép kín nó lại mở ra.

Như vậy nó có tội, có lỗi với người ta”.

Đây luật lệ đã rành rành, mà phong tục tập quán của ông bà để lại là khuôn vàng thước ngọc, kẻ nào chống lại là phản bội dân tộc. Luật pháp Việt Nam Cộng hòa hiện hành cũng trị tội bội ước rất nặng, bà cứ yên tâm. Bà không thắng tôi là con chó!

Nghe ngóng thấy Y Bliêng định trị tội mình, Y Dhé tìm cách đối phó. Không lạ gì nội tình Đắc Lắc và kẻ thù của Y Bliêng, ông tìm đến Y Dhắt, người đang sẵn mối thù với ông Chánh án. Y Dhé, Y Dhắt sẽ cùng chung lưng đấu cật hành động, liên kết với các vị tai mắt có thể lực trong tỉnh chống lại Y Bliêng.

Y Dhắt, sau khi bị xử, tuy vẫn ở với H'Bi và chẳng phải nộp phạt, những cũng bị dân trong tỉnh cười chê, chế giễu. Được Y Dhé rủ cùng liên kết chống Y Bliêng, Y Dhắt mừng rỡ nhận lời ngay. Một lá đơn của Y Dhắt sẽ đệ trình Tối cao pháp viện tố Y Bliêng hàng loạt tội: ăn hối lộ, xử không công bằng, ăn tiền để cho giấy ly hôn bất hợp pháp... Mỗi tội đều có nhân chứng, số liệu rất cụ thể.

Tiếp theo, Chủ tịch hội đồng Đắc Lắc Phạm Hồng Diên cũng viết đơn sẽ trình Tối cao pháp viện tố ông Chánh án tòa án phong tục đã ăn tiền của thương phế binh, trẻ mồ côi ở cô nhi viện khi xin giấy hưởng trợ cấp.

Dân biểu Y Dhé cũng làm một bản tường trình khá cụ thể để trình Quốc hội về tội ông Chánh án để cho các chủ đồn điền người Pháp, người Kinh, các thương gia chiếm hết đất. Ông Chánh án ăn tiền của các chủ đồn điền, bênh vực họ, tiếp tay cho họ chiếm đoạt nương rẫy, hoa màu của dân trong tỉnh. Ông Chánh án còn bắt bà con phá bỏ nhiều thuần phong mỹ tục, để nhập lối sống lố lăng vào buôn làng, làm cuộc sống trở nên xấu xa.

Có đơn tố cáo rồi, Y Dhé đem trình ngài Tỉnh trưởng, xin cứu giúp mình.

Nhận lễ đút lót lớn, đại tá tỉnh trưởng Đắc Lắc Nguyễn Trọng Luật cảm tập hồ sơ đến gặp ông Chánh án.

Ngài Tỉnh trưởng khẽ đặt tập hồ sơ trước bàn, buồn rầu:

- Tôi thật đau lòng phải báo ngài một tin buồn. Tôi vừa được biết có đơn tố cáo ngài gửi Tối cao pháp viện. Chỗ bạn bè, đồng nghiệp với nhau, tôi tìm và giữ lại tập đơn này, mang đến để ngài đọc, ngài chuẩn bị trước kịp đối phó với Tối cao pháp viện, khỏi bị bất ngờ khi thăm vấn.

Nói rồi ngài Tỉnh trưởng lấy tập hồ sơ đưa cho ông Chánh án.

Y Bliêng cảm ơn lòng tốt của ngài Tỉnh trưởng, đọc nghiêng ngáu. Nét mặt ngài biến sắc theo từng trang giấy.

Sau khi đọc xong bản tường trình và hai lá đơn trên, Y Bliêng hoảng sợ, mồ hôi lấm tấm trên vầng trán hói. Toàn những sự thật, không thể nào cãi được. Ông run như đứng trước vành móng ngựa.

Biết ông Chánh án sợ, Tỉnh trưởng thùng thảng:

- Chỗ thân tình tôi nói thật, tôi thấy việc này nguy hiểm cho ngài đấy. Ba lá đơn của ba vị có quyền thế trong tỉnh cùng gửi một lúc, hậu quả khó mà lường trước được. Dù tôi có muốn bênh vực ngài, cũng khó có thể chống lại họ, bác bỏ những chứng cứ của họ. Nhưng tôi thấy có thể cứu vãn được, bằng con đường khác, quanh co một chút:

- Ngài định nói cứu thế nào? – Ông Chánh án như người chết đuối vớ được cọc.

- Chỗ bạn bè, tôi thành thật muốn tìm cho ngài một giải pháp nhưng sợ ngài méch lòng.

- Không, không, ngài cứ dạy!

Ngài Tỉnh trưởng còn rào trước đón sau, dềnh dàng mãi để ông Chánh án van nài, mới nói:

- Thưa ngài, tôi được biết là ông Dân biểu bị vợ và con rả kiện lên Tòa án của ngài. Ngài định xử vụ đó ra sao?

- Dạ, thưa ngài, tôi định cứ chiếu theo luật pháp mà thi hành. Và ông Y Dhé không tránh khỏi bị trừng trị.

Ngài Tỉnh trưởng lắc đầu:

- Thưa ngài Chánh án, tôi thiện nghĩ, ông Y Dhé là Dân biểu đại diện cho tư cách và đạo đức của cả tỉnh nhà. Tôi biết ông ta có tội, tôi biết ngài xử thẳng thắn. Tôi thiện nghĩ, nếu như tội đó ở người dân thường, ngài xử thế thì đúng, nhưng, một vị Dân biểu quốc hội, một tấm gương của tỉnh, làm thế tôi thấy không ổn đâu.

Y Bliêng thấy ngài Tỉnh trưởng nói vô lý quá, cãi:

- Thưa ngài, chúng tôi xử là xử “ông Y Dhé”, “công dân Y Dhé” chứ đâu xử “Ông dân biểu”, và “vị đại diện toàn dân trong tỉnh”?

Ngài quan đầu tỉnh nghiêm nét mặt:

- Sự đời đâu đơn giản thế? Ông Dân biểu đại diện cho dân toàn tỉnh mà còn xấu thì người dân trong tỉnh còn xấu đến đâu? Người ta sẽ suy ra như thế chứ. Đã là dân biểu thì không còn là công dân đơn thuần nữa. Mọi xử lý, đối đãi của Nhà nước đối với vị Dân biểu phải khác với người dân thường. Kể cả luật pháp, phải có sự phân biệt và dành cho ông ta sự ưu đãi chứ!

Nghe ra, biết ý ngài Tỉnh trưởng muốn xóa vụ này Y Bliêng dịu giọng:

- Thưa ngài, thế theo ý ngài, tôi nên làm thế nào?

- Nói gần, nói xa, chẳng qua nói thật. Trước khi đến đây tôi đã gặp ông Y Dhé. Ông ta nói, nếu ngài bỏ qua vụ đó cho ông ta thì ông ta xin rút bản tường trình. Ông Y Dhất và Phạm Hồng Diên cũng sẽ làm theo ông ta. Vì thế, ngài nên nghe lời tôi, hãy xóa vụ này đi. Có như thế, thì ngài mới có thể thoát được sự tố cáo của các ông ấy, bảo toàn tính mệnh và danh dự của ngài.

Y Bliêng bắn khoăn:

- Đơn kiện đã gửi lên Tòa. Toàn dân trong tỉnh đã rõ, làm sao xóa được, thưa ngài?

Ngài Tỉnh trưởng cười:

- Là Chánh án mà ngài không biết cách à? Ngài cứ nói là chưa đủ yếu tố xét xử và khuyên bà H'Djap hãy thương chồng, rút đơn kiện về. Bệnh vực ông Y Dhé, không đơn thuần ngài bệnh vực cá nhân ông ta mà là bệnh vực cả tỉnh nhà, trong đó có danh dự cả ngài và tôi nữa. Việc làm của ngài có ý nghĩa lớn lao lắm.

Y Bliêng biết rằng làm như thế trái với công lý, là bề mặt với bà con trong tỉnh, là tự công nhận mình thua Y Dhé, nhưng làm thẳng thừng thì Y Dhé tố mình, cũng chết. Ông Chánh án chỉ còn tự an ủi là mình thi hành lệnh của ngài Tỉnh trưởng.

Ông Chánh án lập tức xóa vụ đó đi. Bà H'Djap và Y Nhiam kêu than, vạ ông, ông lựa lời an ủi:

- Vợ chồng ăn ở với nhau tránh sao khỏi xô xát. “Xấu chàng hổ ai”, người Kinh có câu như thế. Bà nên nghĩ lại. Hơn nữa thời đại văn minh hiện nay, người ta tự do bỏ vợ, bỏ chồng, lấy người khác, bỏ bịch tùm lum là lẽ thường chứ!

PHẦN THỨ BA: BÌNH MINH VÀ MÂY MÙ

17. ĐƯỜNG CŨ, LỐI MỚI

Ông Chánh án Y Bliêng đang trầm tư đọc tập “Bộ luật Bi-đuê” bằng tiếng Ra Đê. Bộ luật là vũ khí lợi hại giúp ông bảo vệ thành công phong tục tập quán, nhất là những luật lệ ngàn đời để lại. Ông thuộc từng chương, từng điều. Mỗi lần xét xử một vụ án, dù phức tạp đến đâu, ông chỉ cần giơ bộ luật ra, ở đó đã trả lời rành rọt, và dân chúng thi hành răm rắp.

Ông đang đọc chương nói về hôn nhân, thì từ cổng có hai người đi vào. Một người Mỹ to lớn, râu quai nón che kín miệng, mắt xanh biếc. Một cô gái có khuôn mặt nhỏ nhắn, nước da nâu. Chiếc quần loe bó căng đôi mông và cặp đùi to, chiếc áo mút đỏ, cộc tay bó sát thân hình tròn lẳn. Một vai cô gái đeo túi vải thổ cẩm, một vai đeo chiếc máy ảnh Pen-tắc, hộp da đen. Người Mỹ to lớn như con gấu, làm cô gái nhỏ nhắn trông như một đứa con nít. Cô gái trông thấy Y Bliêng liền giang hai tay ra phía trước, chạy ào tới. Ông Chánh án vội vã đẩy ghế đứng lên. Cô gái đánh đu lên cổ ông, hôn chùn chụt vào trán rồi reo lên:

- Pa-pa! Pa-pa!

Vẫn đu trên cổ ông, cô gái nhìn người Mỹ hát hàm giục bằng tiếng Anh:

- Vào hôn “pa” đi, sao anh đứng ngẩn người ra thế?

Người Mỹ tươi cười, lững lững đi vào, ôm cả ông Y Bliêng và cô gái trong vòng tay, nghiêng đầu hôn trán ông Chánh án. Bộ râu quai nón đen dày trùm lên mặt ông.

Cố gắng lắm mới quay mặt ra được khỏi bộ râu của người Mỹ, ông Chánh án cất tiếng gọi sang sang:

- Bà nó đâu, vợ chồng con H'Lum đã về!

Từ trong căn buồng bùng bằng những tấm gỗ dày, bóng, bà H'Broi bước ra. Người Mỹ rời tay khỏi bố con ông Chánh án, chạy lại ôm hôn bà, tưởng như nghẹt thở.

Cô gái mở chiếc túi, lấy ra chai rượu Mác-ten, cổ chai vòng một dây vàng; ba tút thuốc lá 555, ân cần:

- Quà của anh Struharik mang từ Sài Gòn về, biếu ba. Còn má...

Vừa nói cô vừa chạy ra chiếc xe Pơ-giô 504 bóng loáng, xách vào một chiếc va-li. Cô lục tung, rút ra tấm áo lông to xù, thơm nức nước hoa, ném ra bàn.

Bà mẹ ngắm nhìn con với va-li quần áo toàn len dạ đắt tiền, gật gù sung sướng, quay sang chồng:

- Cái số nó nhàn, toàn lấy chồng Âu-Mỹ, giàu có, quyền thế. Cả cái tỉnh này, mà cả cái đất Cao Nguyên này, có đứa nào sung sướng được như nó? Nó làm rạng rỡ cho cả gia đình nhà ta.

Mà cái số H'Lum nhàn và may mắn thật, như là có thần Yang phù hộ. Đối với nhiều người, nhất là những người Âu-Mỹ, H'Lum đẹp và hấp dẫn. Cô hấp dẫn vì có nước da nâu, mái tóc xoăn như cô gái A Rập. Có thân hình tròn lẳn, cái eo nhỏ. Cô hấp dẫn, lời cuốn vì rất có duyên. Cô có một cái nhìn tình tứ, một nét cười tươi, hóm hỉnh; một cái lắc đầu duyên dáng, một câu làm nũng ngọt ngào...

Vốn là một viên chức cấp tỉnh, ông Y Bliêng quen nhiều người Pháp. Khi làm phó tỉnh trưởng Thượng vụ, mối quan hệ giữa ông và các chủ đồn điền người Pháp càng rộng rãi và chặt chẽ.

Năm H'Lum 20 tuổi, ông Pierre – chủ đồn điền cà-phê Buôn Phê, người Pháp –thường xuyên đến gặp ngài Phó tỉnh trưởng. Chỉ gặp H'Lum một vài lần, ông chủ đồn điền bị lời cuốn và say con gái ngài tỉnh phó mê mết.

Chẳng cần biết tông tích Pierre, chẳng cần để ý tính tình ông, chẳng cần biết vợ con ông thế nào, thấy ông giàu có, sang trọng, ngài tỉnh phó gả luôn con gái và nói với vợ:

- Có một đứa con rể người Pháp, uy thế nhà ta lớn lên nhiều lắm!

Một đám cưới rất linh đình được long trọng tổ chức. Có nhạc Tây và nhạc dân tộc. Có nhảy “van” và nhảy dân gian. Có uống rượu vang, bia và rượu cần. Có lễ “Kpih” và lễ cô dâu chú rể ôm hôn nhau của người Tây...

Ông Y Bliêng càng thêm giàu có và uy thế. Năm năm sau, H'Lum đã có thêm 2 đứa con Pháp lai Ê Đê làm phong phú thêm Cao Nguyên vốn đã nhiều sắc tộc. Tưởng rằng bây con ấy cứ sinh sôi mãi. Ai ngờ, khi người Mỹ thay người Pháp hai người chán nhau. H'Lum trước kia thấy người Pháp giàu sang, lịch sự, thì nay, cũng thấy nhiều chàng trai Mỹ còn sang trọng, quyền thế và giàu có hơn chồng mình nhiều. Pierre trước kia say mê cô gái Ê Đê trẻ trung, là lạ, thì nay cũng chạy theo cái lạ khác. Hai người ly dị nhau.

Bà H'Broi khuyên con lấy một thanh niên người Kinh hoặc Thượng nhưng H'Lum không thể chấp nhận cuộc sống nghèo.

50 vạn quân Mỹ ủa vào Việt Nam, tràn lên Cao Nguyên. Các cố vấn Mỹ lũ lượt kéo lên Đắc Lắc, làm vui mắt cô gái H'Lum nhiều tính toán. Sau thời gian suy nghĩ, H'Lum gửi con cho một người khác nuôi rồi lao vào học tiếng Anh.

Cũng từ đó, ngài Chánh án có thêm nhiều người bạn Mỹ. Họ đủ các giới: cố vấn USAID, USOM, sĩ quan “Lực lượng đặc biệt”, chuyên gia kinh tế... Họ đem đến cho ngài đủ thứ chuyện. Chuyện về “chế độ công bằng và nhân đạo Hoa Kỳ”. Chuyện về “nền tự do, dân chủ Mỹ”, “chuyện về đời sống ấm no, hạnh phúc như ở Thiên đường”...

Mọi câu chuyện trôi qua như tin tức và quảng cáo trên vô tuyến truyền hình. Nhưng cái động lại đối với ngài Chánh án là: con thú Mỹ nào cần đưa con mồi H'Lum ra.

Cuối cùng con thú đã dẫn xác đến.

Struharik, Giám đốc cơ quan USAID ở Buôn Mê Thuật đã xuất hiện.

Sau vài lần đi sẵn với ngài Chánh án Tòa án phong tục, viên cố vấn này đã nhìn thấy con mồi ngay trong ngôi nhà sàn gỗ dài gần 100 mét của Y Bliêng.

Struharik đã qua nhiều nước Đông Nam Á, qua nhiều hộp đêm, nhày nhụa với các loại gái thuộc nhiều màu da. Giữa rừng núi xa xôi, hẻo lánh, H'Lum hiện ra như một món hàng lạ; nước da nâu, tóc xoăn, eo nhỏ, nét cười tươi, đôi mắt tình tứ.

Y Bliêng vui mừng biết rằng Struharik, ẩn dưới danh nghĩa Giám đốc cơ quan USAID, thật sự là một sĩ quan CIA đầy quyền lực. Dựa vào tên Mỹ này, cái ghế Chánh án của ông sẽ vững chãi đời đời. Mọi thế lực đối lập, thù hằn ông, sẽ sợ hãi và chẳng dám ngo ngoe chống đối. Dựa vào viên cố vấn này, ông sẽ bắt Y Dắt quỳ trước mặt nhận thi hành bản án và Y Dế sẽ mất chức Dân biểu chứ chẳng chơi. “Có đưa con rể người Mỹ, uy thế của ta lớn nên nhiều lắm”, ông lại nói với vợ.

Những đứa con của H'Lum với người chồng Pháp được giấu biệt đi. H'Lum trở lại ngây thơ như một nữ sinh chưa hề biết yêu, trong lành như dòng suối mát. Cặp uyên ương quấn quýt với nhau, sống như vợ chồng một thời gian dài thì đám cưới được tổ chức.

- Phải tổ chức theo đúng phong tục Ê Đê – Ông Chánh án ra lệnh.

- Phải có nhảy! Cô con gái nần nì.

Đám cưới rất linh đình. Phong tục Ê Đê và Mỹ hòa hợp. Có rượu cần và Uýt-ki, nhạc Chỉnh và nhạc “Za” xầm xập ngày đêm. Có cúng Yang và nhảy đầm.

Từ ngày có con rể Mỹ, thanh thế của ông càng lớn. Các quan trong tỉnh, Kinh cũng như Thượng, ai cũng sợ ông như các giống vật sợ chúa sơn lâm. Cũng từ đó, ông mạnh tay xử các vụ án một cách thiên vị và độc đoán hơn. Người ít tiền đứt lốt sẽ bị xử sai, oan ức nhưng không dám kêu. Người có tiền đứt lốt, được bênh vực. Của hồi lộ lại đổ về nhà ông như nước.

Thấm thoát đã một mùa khô. H'Lum theo chồng đi Sài Gòn, Nha Trang, Đà Lạt, thỉnh thoảng lại về Buôn Mê Thuật sống với bố mẹ và ở cơ quan của chồng. Hôm nay, cô vừa theo chồng từ Sài Gòn về đây...

Uống xong ly cà-phê, H'Lum tươi cười mở máy ảnh nhí nhánh đề nghị:

- Ba má, chúng ta chụp ảnh đi!

Ông bà Chánh án thay quần áo xong, cô con gái chạy đi chạy lại, tìm góc độ, ánh sáng. Bỗng cô hét lên bảo chồng:

- Phải mặc quần áo Ê Đê!

Cô lục trong hòm của bố, lấy ra bộ quần áo dân tộc màu đen; gấu, tay viền nẹp đỏ. Cô bắt chồng bỏ bộ com lê, mặc bộ đồ dân tộc. Struharik mặc bộ đồ ngắn cũn cỡn. Hắn ngắm nghía trong gương, cười ngờ nghếch.

Chụp xong cho bố mẹ, H'Lum bảo mọi người chụp chung. Cô bấm nút tự động, chạy ra đứng cạnh chồng, nhướn miệng cười tươi như bông hoa ê-đắp. Trông bốn người đứng thật là một hình ảnh lạ mắt. Ông bố người Thượng mặc com-lê, đầu đội mũ phớt, tay chống can. Bên cạnh là bà vợ nhỏ nhắn khoác tấm áo lông to xù. Cô gái vận quần loe, áo nút, khoác tay chàng trai Mỹ râu quai nón xồm xoàm, bộ quần áo Ê Đê cổ truyền ngắn cũn cỡn.

Sau cơm tối, Struharik mời bố vợ vào trong phòng kín, chỉ có hai người. Đây không còn là một câu chuyện tâm sự giữa hai bố con mà là một cuộc họp bí mật.

Struharik nói sau hơi thuốc lá xì gà:

- Thừa ba, tướng Jôn Pôn Van, cố vấn tư lệnh quân đoàn II và vùng II chiến thuật, cho biết Y Băm sẽ không về nước, người để đưa ra làm lực lượng thứ ba ở Cao Nguyên hiện nay chưa có. Đại sứ Bản-cơ ra lệnh cho tướng Jôn Pôn Van phải đưa người khác lên thay Y Băm để sau này sẽ dành số ghế trong Chánh phủ Liên hiệp với tư cách là lực lượng thứ ba. Theo con nghĩ thì đại diện cho lực lượng đó ở Cao Nguyên không thể tách rời lực lượng phong trào FULRO sống dai dẳng từ 1958 đến nay. Cần phải làm sống lại phong trào đó.

Ông Chánh án gật gù, xoa xoa cái trán bóng:

- Phải, phải! Đưa người vào Chánh phủ Liên hiệp, cần lực lượng thứ ba. Lực lượng thứ ba ở Cao Nguyên không thể tách rời những người lãnh đạo phong trào FULRO. Có như thế mới thu hút phiếu bầu dân chúng.

- Vì vậy, tướng Jôn Pôn Van giao nhiệm vụ cho con nhờ ba đứng ra tái lập phong trào FULRO. Tướng Jôn Pôn Van sẽ trực tiếp giao nhiệm vụ cho giáo sĩ Kswan, Y Chôn, Y Nguê vận động tín đồ Tin lành.

Struharik ngừng lại rút thuốc, nhìn bố vợ. Ông Y Bliêng lập lại, vừa có thành ý, vừa có ý tăng bốc con rể:

- Đúng, đúng. Bộ phát triển sắc tộc, các phong trào dân tộc chỉ là con bài tồi. Tiếng vang của FULRO với cái tên Y Băm vẫn còn dai dẳng trong từng người dân Cao Nguyên. FULRO tan rã. Y Băm lưu vong. Phải tái lập lại phong trào FULRO. Nhưng, tìm ai đủ uy tín để đánh bại ảnh hưởng của Y Bih, thu hút số phiếu về cho các ứng cử viên là FULRO.

- Ngoài ba và ông Y Chôn ra, không ai có thể đảm đương được vai trò ấy. Tướng Jôn Pôn Van nói thế.

Ông bố vợ tươi tỉnh hẳn lên, nét mặt phương phi nở nang:

- Cảm ơn! Cảm ơn tướng Jôn Pôn Van và anh quá quý mến của tôi. Mà có lẽ, anh tính, Cao Nguyên này còn ai ra gì đâu, toàn lũ bất tài, sâu mọt. Y Dhé lấy hai người vợ Kinh, đánh vợ thành thương tật, Y Dhất tăng tịu rồi cướp H'Bi của R Mah. Y Bling tham ô tiền quỹ “Phong trào Đoàn kết”. Paul Nur trai gái, tham nhũng, buôn lậu...Cứ nghĩ đến họ là tôi thấy buồn và thất vọng.

- Thế thì ba nhận chức Chủ tịch ban chấp hành FULRO đi. Ghế Chánh án Tòa án tối cao trong Chính phủ Liên hiệp có thể sẽ về ba.

Ông Chánh án trầm ngâm hồi lâu, xoa trán:

- Không được, không được. Làm như thế ích kỷ quá. Phải nhường cho người khác. Ba không thích chức tước, địa vị. Nên tìm người khác.

- Hay là ông Y Chôn?

Y Bliêng cũng thừa biết, Y Chôn cũng như ông, chẳng đại gì mà nhận chức Chủ tịch giờ đầu chịu báng, quyền rơm vạ đá. Thành công thì quyền lợi chức tước cũng chưa chắc đã đem lại cho ông những món lợi lớn như hiện tại. Mà thất bại thì tù đầy, chết chóc. 50 vạn quân Mỹ còn chẳng làm gì nổi Việt Cộng, cái tổ chức FULRO liệu có đứng vững được không? Người Mỹ tếch, FULRO khó bề xoay xở. Đại gì. Phải còn xem xét tình hình đã. Người Mỹ có đủ sức nâng đỡ, FULRO có đủ sức sống không đã chứ. Mà lại còn chuyện thanh trừng, ám hại lẫn nhau khi tranh giành chức tước. Phải tìm chỗ đứng, nếu thắng lợi thì được hưởng công to, mà thất bại thì dễ phui tay, ít liên lụy.

- Ba biết ông Y Chôn cũng khiêm tốn lắm, chẳng chịu nhận đâu. Cần phải nhường cho lớp trẻ, hăng hái và xốc vác, có kiến thức. Chúng tôi thuộc lớp già, không còn sức mạnh như bọn trẻ nữa. Ba sẽ tìm người khác giữ chức ấy. Còn ba và ông Y Chôn xin làm cố vấn. Cố vấn, nhưng thực ra ba và ông Y Chôn sẽ lo liệu mọi công việc.

- Cảm ơn, cảm ơn!

Hai bố con bàn bạc đến khuya. H'Lum bung đến một nồi cháo chân khi. Bà mẹ mang ra một chai rượu. Bốn người xì xụp uống rượu, ăn cháo. Ăn xong, H'Lum vặn nhạc, ôm chồng ngoáy đít, nhảy một lúc rồi đi ngủ.

*

* *

Mục sư Y Nguê ngồi lặng lẽ trong ngôi nhà thờ Tin lành Alê A, Buôn Mê Thuật. Nhà thờ Cơ đốc giáo, có vòm cao vợi vợi làm cho con người bước vào thấy mình nhỏ bé quá. Nhìn lên

vòm, các thiên thần đang thi nhau bay lên, còn mình đứng đó, lẻ loi, cô đơn, bất lực trước cuộc đời. Nhà thờ Tin lành khác hẳn. Nó nhỏ bé, đơn sơ gợi cho con chiêm thấy rằng mình gần gũi với Chúa. Chúa sống chan hòa với mọi người.

Năm 1930, một giáo sĩ người Mỹ tên là Goan Sanyte vùng với mục sư Phạm Xuân Tín lên Buôn Mê Thuật để truyền đạo. Họ không bị thất bại như các giáo sĩ Cơ đốc giáo người Pháp trước đây. Ngay sau khi đặt chân đến Việt Nam, các giáo sĩ Cơ đốc giáo Pháp đã lên Buôn Mê Thuật nhưng không sao gieo được giống lành của Chúa. Họ bị người dân Thượng xa lánh, không thích bỏ cúng Yang, không muốn xa rời đạo Ông Bà đã sống hàng ngàn năm trong tâm trí họ, để theo Chúa. Các giáo sĩ đó phải về Công Tum lập tòa thánh.

Sanyte lên Buôn Mê Thuật, đầu tiên cũng bị dân Thượng xa lánh. Cha liền lập một nhà thờ gỗ nhỏ bé và sống như mọi công dân Thượng: cời trần, đóng khố cả răng, ăn bốc. Cứ như thế, Cha làm quen với người dân Thượng và giảng giải dần dần lòng nhân đạo của mình, ý muốn đem ánh sáng văn minh, cuộc sống an lành đến cho họ. Các vị Cha khác đến tiếp theo. Họ cũng sống như Cha Sanyte. Có người còn lấy vợ người Thượng. Những người dân ở đây cho rằng các Cha đang ở một nước văn minh, giàu có, thế mà bỏ sang đây, sống cơ cực và mông muội như thế này, thế thì chẳng phải các cha thật lòng muốn khai sáng cho họ hay sao?

Một vài người bắt đầu lân la đến nhà thờ Tin lành. Các Cha cho đường, sữa, gạo... và hứa, nếu theo Tin lành, sẽ được phát nhiều hơn.

Theo Chúa Tin lành không phải nộp tiền nông gì, chỉ đến nhà thờ vào sáng chủ nhật, còn ngày ngày thờ Chúa trong lòng mình. Theo Chúa tin lành được sữa, đường, gạo mà chả mất gì.

Thế rồi, một việc làm lạ lùng của các Cha khiến cho mỗi nghi ngờ của người dân đối với thiện tâm, thiện chí của những người mắt xanh, mũi lỗ mới này phải tan đi hoàn toàn. Nhà thương cùi buôn Eesa Ana được dựng lên. Những con người bị bệnh cùi lở loét, đau đớn nhức nhối, trước đây bị dân trong buôn bắt thiêu sống, thì nay được đưa vào đây để nuôi nấng, cứu chữa. Những người thầy thuốc Mỹ sang sống ở nơi buồn thảm, bẩn thỉu, nguy hiểm kinh khủng này.

Nhà thương ngày càng rộng ra, bệnh nhân vào ngày một đông hơn (vì hầu như họ chỉ có vào mà không có ra) thì những người theo Chúa cũng ngày một đông hơn. Thêm vào đó, những đồn đại về phép lạ của Chúa cứ bay đi. Nào là chuyện có kẻ đang ăn thịt người, theo Chúa rồi không ăn thịt đồng loại nữa. Nào là chuyện có người bị điên, sắp chết, tin Chúa khỏi bệnh ngay.

Dân Cao Nguyên dần dần biến thành dân nước Chúa. Sáng chủ nhật, người ta kéo đến nhà thờ. Tiếng cầu kinh rộn ràng, âm vang.

Cũng như những người dân Thượng vùng Buôn Mê Thuật, khi Y Nguê lớn lên thì các nhà thờ bằng gỗ, nóc nhọn, cấm thánh giá đã mọc lan tràn khắp buôn làng và tiếng cầu kinh rì rầm của cha mẹ đã đưa chú bé vào giấc ngủ có thiên thần bay quanh.

Bố Y Nguê – ông Y Khuýt – đi lính cho Pháp. Ông muốn cho con thoát khỏi cảnh sống cơ cực của người dân Thượng nhưng không muốn cho con theo đường binh nghiệp luôn bị cấp chỉ huy bạt tai, đá đít; luôn chém giết, ngửi mùi thuốc súng và mùi máu. Ông cho con đi học làm thầy

thuốc. Nhưng Y Nguê không thực hiện ước mơ của bố. Bị lôi cuốn vào giáo lý của đạo Tin lành, học xong tiểu học, Y Nguê vào học trường Kinh thánh của giáo sĩ Ziêmer. Tuổi xuân tươi đẹp nhất của Y Nguê tan đi trong bốn bức tường của ngôi trường này.

Những ngày tháng để lại nhiều dấu ấn nặng nề nhất trong trí não Y Nguê là thời gian làm truyền đạo sinh hầu việc Chúa tại nhà thương cùi buôn Êa Ana. Khi Y Nguê giảng cho họ “cuộc sống trần thế là tạm bợ, cuộc sống ở Thiên đường mới là vĩnh cửu, mọi người hãy quên nỗi khổ đau để về với Chúa” thì họ nhả nhó, đau đớn vì bệnh tật đang hành hạ. Y Nguê không hiểu tại sao người ta không triệt bệnh này ở ngay các buôn mà cứ để bệnh nảy nở. Những người bị bệnh được đưa vào đây để rồi chết dần, chết mòn và báo chí lại quảng cáo ầm ĩ về những việc làm vô cùng nhân đạo của Hội thánh Tin lành, của các giáo sĩ Mỹ. Các đoàn khách thăm quan, nghiên cứu, điều tra lại ùn ùn kéo đến, ghi ghi chép chép ca ngợi choang choang trên đài và đăng kín trên các báo.

Sau khi được phong mục sư, Y Nguê về hội thánh Buôn Mê Thuật do mục sư Y Hăm làm chủ nhiệm. Đây là thời kỳ hoạt động sôi nổi nhất của Y Nguê.

Ở đây các giáo sĩ Johnson, Philip, Michell, Jiêmer, K'Swain cùng các mục sư giảng cho dân Chúa: “Bọn Cộng sản xâm lăng đã tràn đến Cao Nguyên, chém giết đồng bào. Vì Chúa, dân Chúa phải đứng lên chống lại quỷ sa tăng Cộng sản”.

Ngoài việc rao giảng theo lời các giáo sĩ, Y Nguê còn phải lập danh sách dân Chúa từng buôn, thái độ từng người, nộp cho các giáo sĩ; còn phải gặp từng con chiên giảng giải khuyên bảo. Dân chúa đua nhau đi lính, cùng lính Mỹ diệt Cộng sản, bảo vệ Chúa. Những người lính Thượng có đeo tượng Chúa chịu nạn, bắn giết đồng bào không gớm tay, không ai còn nhớ lời Chúa dạy về nhân từ, bác ái...

Y Nguê được giáo sĩ K'Swain tuyên dương công trạng: “Đã có nhiều công lao làm cho dân Thượng bảo vệ nước Chúa, chống Cộng sản xâm lăng, diệt đạo”.

Tết Mậu Thân, Quân giải phóng tấn công Buôn Mê Thuật, Y Nguê bị cách mạng bắt đưa vào rừng.

Y Nguê tin rằng mình không bị chôn sống thì cũng bị bắn. Nhưng lạ lùng thay. Cha được đổi đãi tử tế, được học tập. Một cán bộ của ông Y Bih nói với Y Nguê:

- Bọn giáo sĩ Mỹ là bọn CIA. Chúng dùng đạo Tin lành, mượn lời Chúa để ru ngủ, lôi kéo người dân Thượng thật thà, hiền lành phục vụ mục đích xâm lược của chúng. Chúng chia rẽ, làm người Thượng bắn giết lẫn nhau. Những mục sư Thượng đã tiếp tay cho chúng, mê hoặc giết hại đồng bào.

Tiếp tay cho Mỹ thì Y Nguê thông, nhưng Mỹ giết hại đồng bào thì Y Nguê chưa tin. Người Mỹ có bắn, giết nhiều người Kinh thật, nhưng đó là giết Việt Cộng; có giết nhiều người Thượng thật nhưng là giết Thượng Cộng chống lại họ. Còn dân lành thì chưa có, trừ trường hợp tên rơi, đạn lạc.

Một tháng sau, Y Nguê được tha về.

Về đến nhà, Cha tưởng như lạc xuống địa ngục. Căn nhà sàn gãy gục, tan hoang. Những hố bom sâu nham nhở. Cả buôn Ea Bhok bị bom. Hơn trăm nóc nhà bị phá tan tành. Cha đi tìm mãi mới thấy vợ. Vợ cha, bà H'Lim vừa khóc, vừa nói:

- Máy bay Mỹ ném bom xuống buôn trúng nhà ta. Ba thằng Y Ben, Y Kem, Y M uel bị bom hết rồi!

Mặt đất như sụt xuống dưới chân Cha. Những quả bom của người Mỹ đã giết Cha. Đòi éo le thay. Chúa đã dạy Cha: “Hễ ai vì danh Ta mà bỏ nhà cửa, anh em, cha mẹ, con cái, đất ruộng thì sẽ lãnh được trăm lần hơn, và thừa thọ sự sống đời đời”. Cha đã làm theo lời răn của Chúa. Thế mà, ôi, những đứa con Cha. Cha chưa được gì mà đã mất những đứa con.

Cha trở lại nhà thờ Buôn Mê Thuật. Nén nỗi đau trong lòng. Các giáo sĩ lại an ủi, động viên Cha: *“Người Mỹ ném bom giết quân Cộng sản để cứu đồng bào, cứu vợ con ông. Chẳng may bom rơi đạn lạc nên nông nỗi này. Quân đội Mỹ sẽ bồi thường cho ông. Ông cứ tin vào Chúa, vào chúng tôi. Linh hồn các con ông sẽ được sống bên Chúa suốt đời”*.

Cha lại hầu việc Chúa. Các giáo sĩ khen Cha có đức hy sinh, biết quên khổ đau riêng tư để thờ phượng Chúa. Cha được vinh thăng.

Địa hạt Tỉnh lành Thượng toàn Cao Nguyên chia làm hai: Trung và Nam Thượng hạt. Nam Thượng hạt gồm 12 tỉnh Nam Cao Nguyên do Cha Ha Brông làm Chủ nhiệm. Trung Thượng hạt gồm 12 tỉnh Bắc Cao Nguyên do Cha làm chủ nhiệm.

Làm mục sư Chủ nhiệm cai quản việc chăn đàn chiên của Chúa trong 12 tỉnh, một trọng trách lớn, vì thế uy tín, tiếng tăm của Cha trong dân Thượng không phải là nhỏ. Tướng Jôn Pôn Van và giáo sĩ K'Swain không thể bỏ qua khi cần tìm người chỉ huy FULRO.

- BaJaRaKa, FULRO đều tan rã. Người thì bị tù đầy, bị bắt, kẻ đầu hàng, lưu vong. Dân tộc chúng tôi vẫn đắm chìm trong cõi tối tăm đau khổ. Bây giờ ngài lại nói tái lập FULRO, lại đẩy hàng triệu sinh linh vào cảnh chém giết lẫn nhau. Tôi cho là vô vọng lắm! – Y Nguê trả lời khi K'Swain nói tướng Jôn Pôn Van có ý định tái lập FULRO.

Cao Nguyên sắp mất vào tay Cộng sản. Dưới sự áp đặt của chúng, cái đầu tiên bị xóa là các tôn giáo mà chúng gọi là thuốc phiện, trong đó có Tin lành của chúng ta. Ông Thiệu và quân đội của ông ta không giữ nổi Cao Nguyên. Người Thượng phải tự giữ lấy. Người Mỹ chúng tôi sẽ giúp các ông – K'Swain quả quyết.

Y Nguê lắc đầu:

- Hồi năm 1968, tôi bị bắt, họ có xóa tôn giáo, giết tôi đâu?

- Hồi ấy, chúng còn yếu, cần lôi kéo ông. Bây giờ chúng mạnh rồi. Chúng không tha ông đâu.

Y Nguê im lặng, nửa tin nửa ngờ.

- Ông còn không tin sao? Ông có thấy ở miền Bắc các tôn giáo bị xóa không? Bọn Cộng sản là “tam vô”. Tất cả mọi người, kể cả các mục sư, cần phải tự vệ bằng cách diệt trừ hiểm họa Cộng sản xâm lăng.

Y Nguê thấy lo sợ. Người Mỹ đã giết ba con Cha. Nhưng ai sẽ xóa đời Cha? Cộng sản ư? Cha ngần ngại:

Thưa giáo sĩ, Hội thánh chúng tôi có một điều lệ: “Hội thánh Tin lành Việt Nam không chấp nhận các giáo hữu làm chánh trị với danh nghĩa hội”.

K'Swain cười:

- Thì từ trước đến nay ông chả làm chánh trị là gì? Ông tưởng rằng, ông làm mục sư, truyền đạo, lôi kéo dân Chúa chống Cộng sản là không làm chánh trị đó à? Là đơn thuần hầu việc Chúa, tôn giáo thuần túy đó sao? Ông Y Chôn sẽ bàn thêm với ông.

Y Nguê im lặng chấp thuận.

Bị mất chức Tổng thư ký Bộ phát triển sắc tộc, Y Chôn bất mãn, bỏ về nhà. Ông căm Nguyễn Văn Thiệu và Nay Loét lăm, quyết tìm cách trả thù “tên Ja Rai hung hăng”.

“Họa vô đơn chí”, chưa trả xong mối thù kia, thì ông lại vấp thêm vụ thất cử khi tranh ghế Dân biểu hạ nghị viện với Y Dhé. Ông càng uất, càng tức với Nguyễn Văn Thiệu đã bạc đãi ông. Ông không hiểu vì sao, người Mỹ lại để cho bọn Thiệu chó má chà đạp ông thế?

Tướng Jôn Pôn Van ra lệnh tái lập FULRO đã đem đến cho ông một luồng sinh khí mới. Chỉ có FULRO mới làm thỏa mãn trái tim đang bốc lửa căm thù của ông đối với chánh quyền Nguyễn Văn Thiệu đồng thời lại phù hợp với ý nguyện chống Cộng sản trong ông. FULRO sẽ làm dịu nỗi đau đớn, tan con sói chánh trị trong ông bấy lâu nay. Ông hăng hái đi gặp Y Bliêng, Y Nguê tìm người xếp đặt guồng máy ban chấp hành FULRO mới mà các ông gọi là FULRO 3 để phân biệt với FULRO 1 (BaJaRaKa năm 1958) và FULRO 2 (năm 1964) .

Điều khó nhất với các ông là chọn ai đứng ra giữ cán cờ. Khó khăn không phải là chọn người có đủ tư cách giữ chức vụ quan trọng này, mà là: người đó phải hợp với ý của các ông.

Y Chôn đưa ra một số người như Y Préh, Y Bách, Y Bliêng lắc đầu quầy quậy, rồi đưa luôn con chủ bài của mình ra:

- Theo tôi, tốt nhất là Kpă Kới.

Lại đến lượt Y Chôn, nhíu đôi lông mày:

- Thằng này chẳng đã ủng hộ Y Dhé, chơi xỏ tôi trong vụ bầu cử vừa qua rồi sao?

Y Bliêng ôn tồn:

- Đã đến lúc chúng ta phải dẹp những bất hòa riêng, dồn sức để thắng Y Bih và bọn Việt Cộng. Hơn nữa, sau khi bị Y Dhé nuốt lời, quyết tiến vận động bầu cử, Kpă Kới đã chửi Y Dhé và ngả theo chúng ta rồi.

Y Chôn lo ngại:

- Tên này kém uy tín lắm. Thậm chí, còn bị dân chúng khinh rẻ. Ông không nhớ, hắn ta vừa tham ô 1 triệu đồng tiền quỹ của tỉnh bộ “Phong trào Đoàn kết”, vừa lừa tên thương gia Hoa Kiều trong vụ khai thác gỗ, đang bị tên Tàu đó kiện à?

Y Bliêng xua tay:

- Không sao, không sao, chánh vì thế mà ta cần đến hắn. Ông thử tính xem, về uy tín chánh trị, ta vẫn giữ lá cờ Y Bham để thu hút dân chúng. Còn Kpă Kới, có đưa ra làm Phó chủ tịch, ta cũng chỉ cần khai thác, tận dụng tài xoay sở về kinh tế của hắn mà thôi. Hắn làm phó ty Lao động, quen nhiều chủ đồn điền cao-su, cà-phê. Hắn có khả năng móc với bọn chủ này moi tiền và lương thực. Hắn ta đang bị kiện, đang lo sốt vó, không biết trốn đi đâu. Đưa hắn ta ra, cho chạy vào rừng, mở đường thoát, hắn ta sẽ vồ lấy thời cơ, hăng hái hoạt động ngay. Bọn ta yên thân, chẳng ai nghi ngờ và vẫn có tay chân hoạt động.

Y Chôn lim dim đôi mắt, im lặng, tỏ ý chấp thuận con bài của Y Bliêng.

Hai ông tiếp tục bàn về những vị chỉ huy cho tổ chức mới. Các chức tước trong nội các mới được hai ông sắp đặt đâu vào đó.

Đến kế hoạch, thời gian hành động. Y Chôn ghé vào tai Y Bliêng:

- Bây giờ, nếu biết chúng ta theo lệnh Jôn Pôn Van thành lập FULRO 3, dân chúng và cả số tên từ FULRO 2 còn lại sẽ không hăng hái theo ta. Cần phải lấy ngay tiếng nói của Y Bham, dùng Y Bham thu hút, kêu gọi cả những người chỉ huy và dân chúng. Vì thế phải tìm người liên lạc với Y Bham, nhờ tiếng nói, uy tín của ông ta mà thúc đẩy công việc. Ông thấy được không?

Y Bliêng ngạc nhiên hỏi:

- Ông định cho người sang Nam Vang liên lạc với Y Bham à? Tìm đâu ra người liên lạc? Mà có sang tới Nam Vang cũng khó mà gặp được Y Bham. Thằng Chàm Les Kossem đời nào nó cho gặp? Hiện nay, nó giấu biệt ông ta đi rồi, chẳng ai biết cả. Phủ Đặc ủy Trung ương tỉnh báo của Thiệu còn chịu không mò ra Y Bham nữa là ta. Nhờ thằng Săng thì mất công toi.

Y Chôn nghĩ ngợi, lo lắng:

- Ta chịu bó tay sao?

Y Bliêng cười hóm hỉnh:

- Tôi đã có giải pháp hữu hiệu lắm.

Y Bliêng ri tai, Y Chôn gật đầu thán phục: “Thế này thì có thân Yang cũng bị lừa!”.

Một đêm mùa hạ năm 1972, Ban vận động thành lập FULRO 3 nhóm họp. Thành phần của Ban phần lớn nằm trong “Ban bảo vệ dân tộc” thành lập đầu năm 1972 khi “Phong trào đoàn kết” giải tán. Đó là các vị tai mắt của Cao Nguyên: Y Bliêng, Y Chôn, Kpă Kới, Y Bách, Y Prêh, Y Nguê...

Sau khi tuyên bố lý do cuộc họp, Y Bliêng kéo một người Chăm, đứng lên, tươi cười:

- Xin giới thiệu với các vị, đây là ông Sinh Cốp, bí danh là Y Lan Enuôl, liên lạc viên của cụ Y Băm vừa từ Nam Vang về. Ông Y Lan sẽ mang bản danh sách dự kiến Ban chấp hành FULRO 3 của ta sang Nam Vang cho cụ Y Băm. Khi nào cụ duyệt xong, ta sẽ công bố mở đại hội thành lập FULRO 3.

Tin là thật, mọi người tỏ ra hoan hỉ. Họ lao vào bàn luận sôi nổi. Y Chôn, Y Bliêng thông qua dự kiến Ban chấp hành và phác thảo tuyên ngôn của FULRO 3.

Ít lâu sau, “Ban vận động” đã nhận được công văn đáp từ của cụ Y Băm. Một đêm, Đại hội thành lập Mặt trận FULRO 3 được tổ chức tại khu rừng vắng buôn Ea Khít. Đại biểu các nơi đến dự khá đông.

Chủ tọa đại hội – ông Y Bliêng – đọc diễn văn khai mạc. Sau khi tố cáo những thủ đoạn của ngụy quyền Sài Gòn đối với đồng bào các dân tộc Cao Nguyên từ trước tới nay, Y Bliêng thông báo:

- Cụ Y Băm, lãnh tụ vĩ đại của chúng ta hiện nay vẫn ở Căm-bốt, cụ vẫn hướng về Tổ quốc Cao Nguyên. Vừa qua được lệnh của cụ, chúng tôi đã họp hội nghị, lập danh sách Ban chấp hành mới. Chúng tôi đã trình danh sách cho cụ. Cụ đã cử liên lạc viên mang nghị định số 001/AP/F, cử những người giữ chức vụ trong Ban chấp hành FULRO. Đồng thời cụ cũng gửi thư cho chúng ta. Tôi xin đọc thư của cụ:

“Toàn thể đồng bào nước Ê-đê-ga – Chăm thân mến!

Tôi tên là Y Băm Enuôl, Chủ tịch phong trào FULRO kiêm Tư lệnh lực lượng FULRO, long trọng thông báo đồng bào được rõ, tôi vẫn còn sống, sức khỏe vẫn dồi dào, vẫn tiếp tục lãnh đạo phong trào. Tôi kêu gọi đồng bào Ê-đê-ga – Chăm phải sáng suốt ý thức cùng một đường lối, đoàn kết chặt chẽ và giữ vững lập trường cách mạng.

Tôi có bổ nhiệm ông Kpă Kới do nghị định số 001/AP/F và 002/AP/F, đại diện tôi để tái lập Phong trào hoạt động trong nội địa.

Tôi hy vọng và ước mong các sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ và toàn thể đồng bào Ê-đê-ga – Chăm chấp hành lệnh của ông ta và đừng có nghi ngờ là Kpă Kới tự ý tổ chức. Cũng vì sợ đồng

bào nghi ngờ, hiểu lầm nên tôi gửi theo đây tấm hình của gia đình tôi để xác nhận những điều tôi nói trên đây”.

Y Bliêng giơ cao tấm hình chụp gia đình Y Bħm rồi đưa cho từng người xem.

Y Chøn đứng lên trình trọng tuyên bố:

- Kính thưa các đại biểu, vì những người lãnh đạo FULRO Chàm chưa muốn liên minh với ta, nên chúng ta tổ chức một mặt trận riêng biệt cho người Thượng chúng ta ở Cao Nguyên. Mặt trận chúng ta được mệnh danh là: Front Libération Hauts Plateaux Montagnards viết tắt là FLHPM. Bộ chỉ huy của Mặt trận được gọi là “Chánh phủ lâm thời Đê-ga” do cụ Y Bħm Enuol làm Chủ tịch, và ông Kpă Kơi làm Phó chủ tịch phụ trách công việc trong nước.

Y Chøn đọc danh sách các vị Tổng trưởng, Phụ tá tổng trưởng của 11 bộ.

Các đại biểu nghe qua danh sách, thấy các vị lãnh đạo toàn là công chức, làm việc trong các cơ quan của Mỹ và Thiệu, giàu sang và có nhiều quyền thế, họ không khỏi lo ngại cho lập trường cách mạng của các vị. Liệu các vị sẽ đấu tranh đến cùng cho dân tộc hay là chỉ đấu tranh cho địa vị mình?

18. MỘT ÂM MÙU

Hê Aly – Giám đốc JCRC – rời mắt khỏi tấm bản đồ quân sự Tây Nguyên, quay sang nhìn tướng Jøn Pøn Van:

- Vì chúng tôi còn lạ lẫm vùng đất này, nên nhờ các ngài tìm người liên lạc giúp chúng tôi gặp bọn Việt Cộng. Đồng thời bên các ngài cũng sẽ cung cấp cho số người tìm kiếm xác chết và mất tích.

- Đóng góp của các ngài? – Jøn Pøn Van lạnh lùng.

- Chúng tôi sẽ chịu mọi phí tổn cho việc tìm kiếm.

- Bao nhiêu?

- Mỗi xác chết hoặc mất tích tìm được, chúng tôi sẽ trả 1 triệu đồng Sài Gòn.

- Rẻ thế? Tôi biết, mỗi người hoặc xác về Mỹ, gia đình họ sẽ trả có khi tới hàng triệu đô-la?

- Thưa Trung tướng, giá của Chính phủ Mỹ quy định cho phép chúng tôi thực hiện.

Jøn Pøn Van rướn thẳng người lên, nói rành rọt:

- Tôi biết, tôi biết, giá cả nào thì cũng có sự co giãn và lên xuống. Điều vô lý của các ngài là, tại sao một xác chết lại giá bằng một người còn sống? Tìm kiếm xác chết và người mất tích, những chiến hữu của mình, chúng tôi không muốn cò kè làm gì, thôi xin ngài cứ cho triệu rưỡi.

Hê Aly đòi rút, Jôn Pôn Van nhất định không nghe. Hai vị mặc cả mãi, bớt xén mãi, cuối cùng ngã giá mỗi xác chết hoặc người mất tích là 1 triệu ba trăm ngàn.

Sau khi định xong giá cả, hai vị cố vấn (một cơ quan chiến tranh, một cơ quan từ thiện) bàn về người liên lạc ra vùng giải phóng.

Hê Aly hỏi:

- Ngài định trực tiếp chỉ huy hay nhờ người của tướng Toàn.

Jôn Pôn Van cười:

- Người Mỹ chúng ta trực tiếp, hoặc nhờ tướng Toàn cử người đi đều thất bại ngay từ đầu.

- Thế thì nhờ ai, thưa ngài?

- Chúng tôi có một lực lượng thực hiện rất hữu hiệu. Đó là tổ chức FULRO. Tổ chức này của người Thượng chắc ngài đã biết, đang chống Thiệu, nhưng cũng muốn mở rộng ảnh hưởng chính trị ra vùng giải phóng để tranh thủ thế đứng trước thời cuộc thay đổi. Chúng có khả năng bắc cầu với Việt Cộng, nhất là Việt Thượng Cộng. Chúng tôi sẽ cho bọn này ra thăm dò và có điều kiện thì xâm nhập chột lại luôn ở vùng giải phóng.

Hê Aly đắn đo một hồi rồi mạnh dạn:

- Thưa trung tướng, làm thế nào lộ ra tôi sợ rằng báo chí sẽ rêu rao âm mưu là người Mỹ thực hiện âm mưu xâm lấn chính trị trên đồng xương tàn của những chiến sĩ đã hy sinh. Hoặc chúng sẽ nói ta nhảy múa trên nỗi đau khổ của cha mẹ, vợ con những người đã chết!

Ngài cố vấn quân sự lắc đầu:

- Không tên nào, kể cả bọn tình báo già đời của Việt Cộng và những ký giả lấu cá nhát, cũng không thể nào biết được việc làm của chúng ta. Chúng tôi có tay trong để làm việc này.

Thấy vị tướng coi thường dư luận, Hê Aly lo ngại, nhưng đành chấp nhận, vì hẳn đã lập 30 ủy ban cho Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa thực hiện nhưng vô hiệu. Tiền vung ra như rơi vào thùng không đáy, chưa mò ra được ra vùng giải phóng, chưa tìm được một xác chết nào.

Ký xong hiệp đồng với Hê Aly, Jôn Pôn Van mừng rỡ đáp máy bay trực thăng xuống Buôn Mê Thuật. Ngài cho gọi giáo sĩ K'Swain đến, K'Swain gặp Y Nguê, Y Prêh, Y Chôn thảo luận. Y Chôn và Y Prêh thấy: mặc dù có nội gián đánh vào tận hang ổ Việt Cộng, từ khi thành lập, FULRO đã dồn mọi nỗ lực để tiếp xúc với Cách mạng, xâm nhập vùng giải phóng nhưng không có kết quả. Sau khi thành lập Y Prêh đã cho người liên lạc với Mặt trận tỉnh Đắc Lắc, nhưng bị từ chối. FULRO

lại cử người xuống Công Tum liên lạc với Mặt trận tỉnh Công Tom nhưng cũng vô hiệu. Giờ đây, có được một tổ chức từ thiện hợp tác và làm màn che, còn gì thuận lợi hơn. Họ nhận lời ngay. Một Ban liên lạc giữa JCRC và Cách mạng được thành lập gồm: Y Chôn, Y Prêh, Y Nguê, Ksor Láp, Jimi, Rcom Tok. Trừ Jimi (liên lạc viên của Jôn Pôn Van), còn toàn là các vị chỉ huy và sĩ quan FULRO.

Trước khi tiến hành công việc này, tướng Jôn Pôn Van đã gặp Ban liên lạc ở nhà giáo sĩ K'Swain, động viên các “sứ giả nhân đạo” sắp bước vào cuộc chiến đấu tể nhị và khó khăn này.

Bọn Y Chôn biết rằng đây là thời cơ để FULRO xâm nhập vùng giải phóng, gây ảnh hưởng chính trị thuận lợi trước thời cuộc mới đồng thời cũng là dịp để làm tiền Jôn Pôn Van. Y Chôn tin vào nội gián của FULRO nhưng cố làm cao. Y đưa ra hàng loạt khó khăn, nào là Việt Cộng khôn ngoan, nào là công việc nguy hiểm đến tánh mạng và danh dự FULRO, Jôn Pôn Van thấy rõ đã đến lúc phải nói về giá cả, tiền nong:

- Công lao của các vị sẽ được đền đáp xứng đáng. Mỗi xác chết hoặc người mất tích Mỹ sẽ được JCRC trả cho 80 vạn đồng Sài Gòn. Gọi là chút xíu thôi, chứ còn việc xâm nhập vùng giải phóng, theo tôi, mới là phần thưởng cao quý của các ngài.

Jôn Pôn Van và ban liên lạc lại mặc cả, Jôn cố dìm giá; Ban liên lạc cố nâng giá lên. Cuối cùng, giá một xác chết hoặc một người mất tích là 1 triệu đồng .

Ngã giá xong, Jôn Pôn Van lên máy bay về Plei Ku. Ban liên lạc họp, tìm cách thực hiện. Tổng trưởng ngoại giao FULRO Y Prêh bàn:

- Trước khi gặp Việt Cộng ta cần phải hiểu rõ tình hình và yêu cầu hiện nay của chúng, có như thế mới mong thắng lợi.

Ngoài tin tức mật báo viên cung cấp cho ta, cần khai thác những tên trước làm cho Cộng sản, đã về chiêu hồi bọn Thiệu. Từ trong lòng Cộng sản đi ra, những tên này sẽ hiểu rõ Cộng sản hơn ai hết. Trong hàng ngũ của chúng ta cũng có nhiều người thuộc loại đó như đại tá KSor Kin – Tư lệnh phó vùng II FULRO chẳng hạn.

Y Chôn đồng tình với ý kiến của Ngoại trưởng, cho người gặp KSor Kin ngay.

Cuối những năm kháng chiến chống Pháp, KSor Kin đi theo cách mạng, KSor Kin hoạt động hăng hái.

Hòa bình lập lại, y được ra Bắc tập kết và được học ở trường Lý luận nghiệp vụ Bộ văn hóa, được trang bị những quan điểm cơ bản về lý luận văn nghệ cách mạng.

Cũng trong thời gian này, tính ích kỷ và ham ăn chơi nảy nở trong y. Y thường trốn học, đi chơi, sống bê tha, trác táng.

Sau khi tốt nghiệp, KSor Kin được phân về Ty Văn hóa Bắc Cạn. Y bất mãn vì cho rằng mình là người có “thành tích kháng chiến”, tập kết, có công lao mà không được công tác ở Hà Nội hoặc các thành phố lớn, lại phải về miền biên giới xa xôi.

Năm 1964, KSor Kin được về quê hương công tác làm cán bộ tuyên huấn tỉnh Gia Lai.

Cuối năm 1966 đầu 1967, địch bao vây vùng giải phóng rất căng thẳng. Không chịu được khó khăn gian khổ, KSor Kin chạy theo địch.

Được một cán bộ tuyên huấn người Thượng đã từng học ở miền Bắc 10 năm về hàng, bọn địch mừng rơn.

KSor Kin được chúng đưa vào làm ở Ty Chiêu hồi Plei Ku.

Thế là, từ một cán bộ tuyên truyền cách mạng, KSor Kin đã trở thành một nhân viên tâm lý chiến của địch. Ở Ty Chiêu hồi, y tỏ ra tận tụy với chủ, hung hăng hoạt động. Được tên trung tá trưởng ty Đặng Văn Thạch động viên khen ngợi, y càng hung hăng hơn.

Nhiều lần y dẫn địch vào vùng căn cứ cách mạng. Một lần đưa địch vào căn cứ khu 3 Gia Lai, bắn chết 3 cán bộ trước kia là bạn chiến đấu của mình.

Y còn làm hướng đạo viên chiêu hồi tại Sư đoàn 4 Mỹ, dẫn bọn này đi đốt phá buôn làng, kêu gọi các chiến sĩ cách mạng về hàng.

Càng tiếp tay cho địch, càng gây tội ác, KSor Kin càng bị bà con căm ghét. Đi đến đâu, y cũng nghe tiếng chửi rủa. Y phát ốm và loạn thần kinh hơn một năm. Thấy mất tác dụng, Sư đoàn 4 Mỹ và Ty Chiêu hồi bỏ rơi y.

Đang loay hoay không tìm ra đường thoát thân, thì KSor Kin gặp H'Tlôn Niê, Phụ tá Tổng trưởng ngoại giao, và Nay Yủ, trưởng vùng II FULRO, Họ đưa y vào FULRO từ đó.

Y Prêh gặp KSor Kin nói:

- Anh hiểu nội tình của Việt Cộng, anh hãy cho chúng tôi biết, làm thế nào để lọt được vào vùng giải phóng?

KSor Kin thận trọng:

- Theo tôi, phải lưu ý hai điều: Một là, phải đánh vào lòng nhân đạo của chúng bằng cách khoa trương vấn đề tìm xác chết và mất tích. Hai là, phải tiếp xúc với số cán bộ lãnh đạo ở các địa phương, tránh gặp bọn cấp khu, cấp trung ương vì ở cấp trên, chúng ta càng dễ lộ tẩy.

*

* *

Ông già Y Puê, liên lạc viên của huyện ủy Buôn Hồ vừa vào đến vùng ven đã lọt vào ổ phục kích của FULRO. Ông bị giam ở một căn nhà vắng tại ngoại vi Buôn Mê Thuật.

Y Prêh đến gặp ông, tỏ ra ân cần:

- Tổ chức “Trung tâm Hoa Kỳ tìm những người chết và mất tích” muốn gặp Cách mạng để bàn việc tìm xác chết và mất tích, một việc làm đơn thuần từ thiện, có lợi cho Cách mạng. Ông dẫn họ ra nhé!

Ông già nghi ngờ hỏi lại:

- Có thiệt chỉ là việc từ thiện không?

- Thiệt. Không dính dáng gì đến chánh trị và quân sự cả. Tổ chức này của người Mỹ nhưng chống Ních-son.

- Người Mỹ ra à? Tôi không dẫn đâu. Chết thì chết!

Y Prêh lắc đầu:

- Không, người Thượng thôi! Người Thượng ta thôi!

- Được, người Thượng thì được!

Rcom Tok và KSor Lấp theo ông Y Puê ra vùng giải phóng phía bắc Buôn Hồ.

Y Hồng tiếp hai liên lạc viên của JCRC. Hai bên trao đổi chớp nhoáng và đi đến thỏa thuận: Y Hồng sẽ trực tiếp gặp “Ban liên lạc” JCRC. Một cuộc họp giữa hai phái đoàn được tổ chức trong khu rừng vắng vùng giải phóng. Phía cách mạng do Y Hồng, phía JCRC gồm những người trong “Ban liên lạc” do Y Chôn dẫn đầu.

Y Chôn nhìn Y Hồng, mỉm cười sung sướng.

Y Hồng Miô trước kia là mật báo viên của cảnh sát đặc biệt ngụy và của FULRO.

Y được đánh ra vùng giải phóng. Nhờ vỏ bọc kín, lọt được vào Mặt trận Tây Nguyên tự trị, y đã che giấu, ngấm ngầm hoạt động, cung cấp tin tức cho cảnh sát ngụy và FULRO.

Y Chôn hy vọng tên nội gián cao cấp này sẽ tiếp tay cho mình thực hiện âm mưu này...

Y Chôn và Y Prêh đưa ra một bản danh sách những người xin ra vùng giải phóng. Y Hồng nhận để đem về báo cáo lên trên.

Họ thỏa thuận với nhau đến ngày N, JCRC sẽ cho máy bay trực thăng đến khu rừng Y. Nếu thấy lựu đạn khói của Y Hồng báo hiệu thì hạ cánh.

Tuy chưa phát hiện ra bộ mặt của Y Hồng nhưng thấy rõ âm mưu của Mỹ - Thiệu và FULRO lợi dụng cơ quan “từ thiện” để thăm dò, điều tra vùng giải phóng, Tỉnh ủy quyết định cắt liên lạc với tổ chức JCRC.

Đúng ngày hẹn, hai máy bay trực thăng chở “Ban liên lạc”, giáo sĩ K'swain cùng nhân viên JCRC đến khu rừng Y. Máy bay lượn đi lượn lại mãi, không thấy ám hiệu liên lạc, đành quay về.

Tướng Jôn Pôn Van mất một cú làm ăn lớn về quân sự, chánh trị và cả tiền tài, tức tối trách móc Y Chôn:

- Ông là người khôn ngoan, một trong những người khôn ngoan nhất của dân tộc Thượng, thế mà để công việc đổ bể thế này! Các ông cần thêm bao nhiêu tiền, tôi xin trả chứ đừng lừa dối nhau.

Y Chôn cảm thấy nhục nhã quá nhưng biết thanh minh thế nào? Ông thề sống thề chết là bị thất bại thực sự, và xin với Jôn Pôn Van cho “đoái công chuộc tội”.

- Thưa ngài, có thể bọn Việt Cộng không gặp ta vì trong danh sách có người Mỹ mà họ biết đích xác là CIA chứ chẳng phải bác sĩ, nhà nhân chủng học gì. Lần này, chúng tôi định cho FULRO trực tiếp gặp chúng, chỉ toàn người Thượng trong tổ chức FULRO thôi. Tôi tin rằng bọn Cộng sản sẽ nhận lời hợp tác với FULRO, cho quân lực FULRO ra vùng giải phóng và dân chúng sẽ nghĩ rằng FULRO cùng Cách mạng chống Thiệu, chắc chắn số cử tri bầu cho FULRO vào Chánh phủ Liên hiệp sẽ tăng lên rất nhiều.

Jôn Pôn Van chờ mong từng giờ từng phút ngày FULRO gặp Cách mạng lần thứ hai và kế hoạch xâm nhập vùng giải phóng của y sẽ hoàn thành một cách êm thấm. Nhưng cuộc gặp gỡ chưa diễn ra và kế hoạch của y còn dang dở thì, trong một chuyến bay từ Công Tum về Sài Gòn, máy bay chở y bị nổ tung. Có người cho do tai nạn, có người nói do trúng đạn Quân giải phóng, và cũng có người nói y tự sát vì những thất bại thảm hại liên tiếp xảy ra.

Y Chôn và bọn chỉ huy FULRO ngậm ngùi thương tiếc vị chỉ huy khôn khéo. Chúng dồn mọi nỗ lực thực hiện kế hoạch hậu chiến.

19. NƠI HỘI TỤ CỦA NHỮNG Ý ĐỒ

Đàng Năng Giáo chết, Trúc bơ vơ. May sao cha Mussây được tin, đáp máy bay về an ủi và lo cho Trúc từng li từng tí. Cha vẫn cử bà sơ Ma-ri chăm sóc cô, nhờ bạn bè, quan chức địa phương giúp đỡ.

Một tháng sau khi chồng mò yên mả đẹp, Trúc sinh đứa con thứ hai. Một thằng con trai kháu khỉnh. Trúc đặt tên con là Frăng-xoa để tỏ lòng biết ơn bà sơ Ma-ri Frăng-xoa và ông bà Đa-ni-en Frăng-xoa, bố mẹ nuôi của vợ chồng cô. “Frăng-xoa Yang Neh” – cái tên Pháp – Chăm thật đẹp.

Trúc rất cảm động về sự chăm lo quá chu đáo của người Pháp. Đứa trẻ sinh một ngày, người ta đã cho cô xem tờ báo La-van đăng tin nó ra đời trong mục thống kê trẻ con sinh ngày hôm đó.

Nửa tháng sau, hai mẹ con được đón đi an dưỡng ở khu nghỉ mát Poóc-ni-nhê.

Chiếc xe du lịch rất êm đưa hai mẹ con đến một nơi tuyệt đẹp. Những cánh rừng xanh biếc viền cỏ non mơn mẫm. Một con suối nhỏ róc rách. Những căn phòng yên tĩnh, cửa gương lấp lánh. Nắng vàng ấm áp tỏa xuống bầu không khí trong lành. Trúc thấy sảng khoái, nhẹ nhõm khác thường.

Ở đây, hai mẹ con được chăm sóc hết sức tỉ mỉ. Hàng ngày Frăng-xoa được cân, đo, cho ăn sữa, đường, thức ăn tổng hợp. Bác sĩ định lượng từng bữa ăn. Tã lót trắng tinh, hấp sạch bong.

Nhà an dưỡng còn cử các cô giáo “nữ công gia chánh” dạy Trúc và các bà mẹ cắt may quần áo cho con.

Trúc còn nhận được của một nhà hàng gửi tặng một bộ quần áo, mũ giày, tất trẻ con, kèm theo một tấm thiệp: “Chúc mừng cháu Frăng-xoa Yang Neh ra đời” và một tập Ca-ta-lô giới thiệu các mẫu hàng phục vụ trẻ em sơ sinh, có lời mời “Tiệm lớn của Maul Chezol xin mời quý bà mua tất cả những gì dành cho trẻ con để chúc mừng Frăng-xoa Yang Neh ra đời”.

Hàng tuần, ô-tô đưa Trúc đi thăm thắng cảnh vùng lân cận.

Hàng tháng, người ta lại tổ chức lễ sinh nhật Frăng-xoa Yang Neh thật vui vẻ.

Tất cả những thứ đó làm Trúc cảm thấy cuộc sống ở đây tươi đẹp quá, văn minh quá, khác xa cảnh sinh đẻ khổ cực của người dân Chăm ở quê hương. Sự thân phục và yêu mến xứ sở này dần dần khắc sâu trong cô.

Thời gian qua đi, mẹ con khỏe mạnh, tươi tắn. Cảnh đẹp và cuộc sống vui tươi làm cô khuây khỏa quên đi cái chết bi thảm của chồng.

Hai tháng sau, Trúc trở lại La-van. Cô đến thăm ngay gia đình Cha Mussây. Cuộc sống hai mẹ con êm ả trôi đi.

Tháng tháng, cô lên Pa-ri, thăm thủ đô và bạn bè của chồng. Một lần, cô thấy một nhà sư từ quê hương sang đang diễn thuyết về cuộc chiến ở Việt Nam, kêu gọi Việt kiều, nhất là các Phật tử, đóng góp tiền ủng hộ đồng bào và nạn nhân chiến cuộc. Ở dưới sân, các vị sư căng những tấm vải vàng. Người ta ném tiền lên trên đó. Trúc vừa ném mấy quan để tỏ lòng hướng về Tổ quốc, bỗng nghe tiếng mấy sinh viên xì xào:

- Vị sư nào thế?

Một người nói:

- Thượng tọa Thích Đô La đây!

Trúc ngơ ngác không hiểu, hỏi. Anh kia cười:

- Cô không biết à, Thượng tọa Thích Tâm Châu, một nhân viên CIA đang giở trò lừa bịp đây!

Trúc sống trong gia đình ông Đa-ni-en Frăng-xoa được gần một năm, thì cô thấy cần phải tự lập. Cô được phân ngay một căn phòng, tiện nghi đầy đủ, có máy điều hòa, có tủ lạnh, ti vi...

Tháng 7 năm 1973, Cha Mussây đột ngột từ Việt Nam bay về Pháp. Cha đến gặp Trúc. Sau những lời hàn huyên tâm sự, Cha nghiêm nét mặt nói:

- Cha không muốn để con tiếp tục sống cô đơn, góa bụa ở đây mãi. Con nên về quê hương. Cha đã bố trí cho con làm việc ở một nơi rất tốt để phục vụ dân tộc như chồng con đã làm trước đây.

Trúc tiếc ngôi nhà mới đầy tiện nghi, nhưng cô cũng biết tính Cha. Bất cứ việc gì, Cha đã nói “nên” tức là “phải”, không thể cưỡng lại được. Cô buồn bã thu xếp hành lý, trả mọi thứ người ta trang bị cho. Cha Mussây mua vé máy bay rồi đích thân đưa mẹ con Trúc về Phan Rang.

Cha Mussây cử Trúc làm Giám thị khối nữ ký túc xá ở Trung tâm văn hóa Chăm do Cha làm Giám đốc.

Công việc làm ăn ở Trung tâm của Cha Mussây phát triển theo nhịp độ công nghiệp. Cha Giám đốc trở nên giàu sụ và có uy quyền lớn. Ông Mạnh (Chuyên viên nghiên cứu kim loại cổ ở Trung tâm, được thay Cha khi Cha đi vắng) yêu cô làm mướn ở Trung tâm, liền bị Cha đuổi ngay. Ông Thiên Sanh Cảnh, có kiến thức sâu rộng về văn hóa Chăm, nhiều lúc cãi lại Cha, cũng bị Cha phét, trừ, nên bỏ sang làm việc cho tên Polouss người Mỹ, tại Tháp Chăm.

Ở Trung tâm, chỉ có hai người là được Cha yêu mến, được ăn cơm cùng mâm với Cha. Đó là Trúc và Từ Thị Nhung.

Nhưng quê ở Văn Lâm. Học xong bậc trung học ở trường Duy Tân, nhờ sự giúp đỡ của chú là Từ Công Xuân – Dân biểu hạ viện, cô lên Sài Gòn học trường Nữ công gia chánh. Tốt nghiệp, cô vào làm nhân viên Bộ phát triển sắc tộc. Ở đây cô về Ty sắc tộc, các buôn áp vận động phong trào “Phụ nữ kỹ thuật”. Khi ở Tây Ninh, khi ở Plei Ku, khi ở Phú Bổn...

Thấy cô là một nữ thanh niên Chăm tân tiến, hăng hái Cha Mussây đã nhờ Lưu Quang Sang xin Nay Loét cho về phục vụ ở Trung tâm. Nay Loét là bạn cùng học ở Đà Lạt với Sang nên yêu cầu đó được vị Tổng trưởng chấp nhận ngay. Về Trung tâm, hàng ngày cô dạy các nữ sinh Chăm nội trú cắt may, nấu nướng. Cô cũng chuyên nấu những món ăn ngon cho Cha Giám đốc.

Nhờ sắc đẹp và cách sống thời trang thành thạo, cô được thanh niên chú ý và có nhiều người tình. Mỗi tình sâu đậm nhất của cô là với Châu Văn Tần. Mỗi tình làm cô sung sướng, tự hào và cũng đau khổ nhất. Năm 1970, đang yêu nhau tha thiết, xã áp ai cũng biết, Tần sắp thành

chồng cô, thì dùng một cái, anh theo Bá Trung Di và Kiều Ngọc Quyên đi Căm-bốt tham gia FULRO. Les Kossem cử anh đi Mã Lai học tình báo. Anh bỏ rơi Nhung, lấy một cô gái Mã Lai và trở lại xứ vợ.

Thất vọng trong mối tình đầu, Nhung lao vào nhiều mối tình khác để trả thù đời, trong đó lâu hơn cả là với Nào Văn Anh.

Ở Trung tâm, Nhung được nhiều người ử ếp. Nhưng người yêu thương cô nhất vẫn là Cha Giám đốc. Để đáp lại lòng thương của Cha, Nhung vừa rất tận tụy phục vụ Cha trong các công việc được giao, vừa đối xử với Cha thật thân tình.

Hai cô gái cùng duyên dáng, trẻ trung, cùng được Cha yêu mến như nhau, điều đó không thể kéo dài mãi. Chỉ sau một thời gian ngắn, họ coi nhau như kẻ thù, luôn luôn tìm dịp nói xấu nhau.

Trúc nói Nhung lẳng lơ, đi thõa, mon trớn và cám dỗ Cha vào vòng tội lỗi.

Nhung nói Trúc nhiễm lối sống Âu, Mỹ dễ dãi và khéo léo “hại” ngầm Cha.

Các bà sơ phục vụ ở Trung tâm và các em học sinh lại được dịp bàn tán, kháo nhau về quan hệ bí ẩn giữa Cha Giám đốc và hai nữ nhân viên thân tín.

Một buổi, cô giáo Từ Thị Nhung đang dạy các em nữ sinh học thêu, thì phía câu lạc bộ Trung tâm vang lên tiếng hát.

Cô giáo cùng các em ngừng tay, lắng nghe. Đảng Thị Trang, em học sinh lớp 10, có khuôn mặt bầu bĩnh, nước da nâu, đôi mắt tròn xoe, cất tiếng hỏi:

- Ai hát những bài ca Chàm thế cô?

- Cô cũng chưa rõ. Các em tạm nghỉ tay. Ta sang nghe chút xíu đi.

Các em ùa sang câu lạc bộ. Từ một chiếc ghi âm cát-sét Sony phát ra tiếng hát ai oán, buồn thảm. Cha Mussây đang lắng nghe.

Trang nghe có cả tiếng hát của chị Trúc. Em mạnh bạo hỏi:

- Thưa Cha, ai hát đó ạ?

- Những diễn viên Chàm trong đoàn Văn công FULRO.

Các em ngơ ngác nhìn nhau. Trang lại cất tiếng:

- Thưa cha, FULRO là gì ạ?

Cha đưa ngón tay múp míp, trắng ớn bấm nút. Tiếng hát ai oán bỗng tắt. Cha thùng thảng giảng giải:

- Cha biết nói thế nào với các con nhỉ? Các con còn non dại, ngây thơ, chưa hiểu vấn đề chánh trị. Mà lại là những vấn đề lớn lao, liên quan đến vận mệnh cả một dân tộc, cả cuộc đời của các con, tương lai và hạnh phúc của các con. Khó nói quá! Chà, Cha chỉ có thể tóm lược thôi. Đại thể là như thế này.

Thế là, như giảng kinh thánh, Cha nói về những lãnh tụ người Chăm như Les Kossem, Huỳnh Ngọc Sảng; người Thượng như Y Bham, Y Bun Sor...đứng ra lập FULRO.

Cha ngừng lại, thay băng, rồi bấm nút. Một giọng nữ ngâm như nấc, một bài thơ lời lẽ rất chi là bi lụy:

...Lệ này giấu kín trong mi.

Thù kia giăng bủa đường đi, lối về...

Giọng ngâm tắt, Cha giải thích:

- Đây là bài thơ của Chiêm Nhân, tức là chí sĩ Huỳnh Ngọc Sảng, một trong những lãnh tụ Chăm, xuất dương sang Căm-bốt tìm đường cứu dân Chăm khỏi lầm than, nô lệ.

Đàng Thị Trang cùng các bạn lắng nghe. Trong lòng các em dấy lên niềm thán phục.

Từ đó, hàng tuần, câu lạc bộ Trung tâm thường xuyên có những buổi sinh hoạt, hội thảo về FULRO. Những cuốn sách viết về lịch sử dân tộc Chăm cũng được tung ra như: “Dân tộc Chăm lược sử”, “Lịch sử Vương quốc Champa”, “Chế Bồng Nga”...Những cuốn sách viết về FULRO cũng lưu truyền trong học sinh như “Tìm hiểu phong trào đấu tranh FULRO” của Nguyễn Trắc Dĩ.

Thời gian này, đáng lẽ cô Giám thị Thuận Thị Trúc phải tham gia vào các buổi sinh hoạt vì cô là một nữ chiến sĩ FULRO, đã sang tận hậu cứ. Nhưng vì quá chán ghét FULRO và không muốn nhắc đến hình ảnh đau buồn của người chồng bất hạnh, cô im lặng, tự xóa đi quá khứ đau buồn của mình.

Cha Giám đốc biết thế, nên cũng không nhắc đến. Chỉ có các em học sinh xì xào bàn tán về cô. Người thì ca ngợi, người thì chê bai và nghi ngờ.

*

* *

Nhận lệnh trục xuất khỏi Việt Nam, Huỳnh Ngọc Sảng vội trốn về Ninh Thuận. Không dám ở Mỹ Nghiệp, Sảng lánh đến Chung Mỹ, ở nhờ nhà Đàng Tấn Phóng, một đoàn viên FULRO từ Căm-bốt về hợp tác rồi ở lại quê hương sinh sống.

Gặp lại một vị chỉ huy, Đảng Tân Phóng thấy vui mừng và lo sợ. Vui mừng vì nếu FULRO thành công, là người chứa chấp, bảo vệ Sáng, Phóng sẽ được cất nhắc lên địa vị xứng đáng. Lo vì sợ liên lụy. Nhưng lòng ham danh át nỗi lo sợ, Phóng giấu vị chỉ huy trong nhà mình, nhờ mẹ và các em chăm sóc.

Từ Chung Mỹ, Sáng lén lút đến Trung tâm văn hóa Chăm gặp Mussây.

Ở đây, Sáng gặp lại Trúc. Những câu chuyện vui, buồn kín đáo nảy nở giữa hai người.

Quá hiểu tính hám gái và quá khứ lang bạt xấu xa của Sáng, Trúc tỏ ra lạnh lùng, coi Sáng như người xa lạ. Mặt khác, đang được Cha Mussây quý mến, Trúc thấy không nên thân mật, gần gũi con người dân đang này.

Cha Mussây hiểu quá rõ về quan hệ giữa Sáng và Trúc nhưng Cha muốn tỏ ra cao thượng, vẫn tận tâm giúp đỡ “nhà chí sĩ Chăm”, không mấy may ghen tuông.

Sau khi liên lạc được với Trung tâm, Huỳnh Ngọc Sáng sang trường Pô Klông gặp các giáo viên và em trai là Huỳnh Ngọc Trăng đang theo học ở đây. Sáng vui sướng được gặp Jay Sla Rborongh. Jay là một “thanh niên chí nguyện Mỹ”. Năm 1967, sau khi đỗ bằng cử nhân lịch sử, Jay loay hoay chọn nơi làm việc.

Cuối cùng Jay quyết định sang Việt Nam do nhiều động cơ. Sang Việt Nam, có ngay việc làm và đồng lương cao gấp hai, gấp ba ở Tổ quốc; sang Việt Nam để thỏa óc hiếu kỳ, tính thích xê dịch đầy đó của tuổi thanh niên. Jay định sang Việt Nam vài ba năm để kiếm chút vốn chánh trị cũng như tiền bạc rồi về làm chuyên viên lịch sử.

Nhưng cuộc đời đâu chịu đi theo dự tính? Vừa đến Việt Nam, y đã bị cuốn ngay vào guồng máy chiến tranh. Và cơ quan CIA đã khéo léo biến y thành một nhân viên “tự nguyện”.

- Anh là cử nhân lịch sử, chà, tuyệt quá. Tôi chưa thấy dân tộc nào có lịch sử lạ lùng như dân tộc Chăm. Nếu như anh bỏ công nghiên cứu, tích lũy về lịch sử dân tộc ấy, thì cái bằng tiến sĩ lịch sử sẽ về tay anh. Để giúp anh đạt nguyện vọng, tòa Đại sứ cử anh về Phan Rang. Anh sẽ có cơ hội sưu tầm tư liệu. Ông Phân cục trưởng CIA nói.

- Dạ thưa ông, nhưng tôi sẽ làm gì?

- Ở Phan Rang, có một trường dành riêng cho con em người Chăm, trường Trung học An Phước. Trường thành lập từ năm 1964 với sự trợ giúp của ta. Anh hãy về dạy tiếng Anh. Ở đó, anh sẽ tìm thấy nhiều bạn bè thú vị.

Thế là Jay về Phan Rang với tư cách là một nhân viên IVS

Lúc ấy, trường Trung học An Phước đang ở Phú Nhuận, do ông Thành Phú Bá làm hiệu trưởng.

Ngoài việc dạy Anh văn cả 3 lớp: 7, 8, 9, Jay lao vào các hoạt động “hòa bình”. Tuy chỉ là một giáo viên, nhưng Jay có quyền hành hơn cả ông Hiệu trưởng. Trong số các giáo viên, nhân viên của trường, ngoài ông Hiệu trưởng Thành Phú Bá, Jay thân mật với Quảng Đại Đủ – Tổng giám thị ký túc xá học sinh nội trú. Một năm sau – năm 1968 – Quảng Đại Đủ lên Cao Nguyên và sang Căm-bốt, gia nhập FULRO, được Les Kossem tin cậy cho sang học tình báo ở Sê Klong (Thái Lan) rồi Ô-ki-na-oa (Mỹ).

Năm 1969, trường rời về Phan Rang, đóng ở một tòa nhà xây dựng do tiền của Mỹ và bà con dân Chăm đóng góp. Trường được mang tên vị vua, anh hùng dân tộc, có công lao bậc nhất trong công cuộc xây dựng, mở mang vương quốc Champa: Pô Klông, Lưu Quang Sang thay ông Bá làm Hiệu trưởng. Quảng Văn Đại (anh ruột Quảng Đại Đủ) thay em làm Tổng giám thị (lúc này gọi là Quản đốc).

Từ đây, hoạt động của Jay phát triển mạnh mẽ hơn, cả về bề sâu và bề rộng.

Một việc làm của Jay khiến nhiều người trầm trồ khen ngợi là nhận giúp hàng loạt học sinh Chăm, “trích lương” chu cấp cho họ ăn học. Trong đó, Jay nhận ba người làm em nuôi: Huỳnh Ngọc Trắng, Hán Văn Ba, Quảng Vờ.

Đối với số em nuôi, ngoài việc giúp tiền, sách vở, quần áo, Jay còn giúp họ nghiên cứu giáo lý Tin lành, đưa họ vào học các lớp thánh kinh hàm thụ “Quê hương mến yêu” của trường Thánh kinh hàm thụ Si-ôn.

Ngày chủ nhật, ngày lễ, tết Ka-tê, mùa hè, Jay dẫn hàng đoàn học sinh Chăm, nam có, nữ có, đi cắm trại ở cạnh các tháp cổ, bãi biển; thăm cơ quan MACV đóng ở Phan Rang; thăm phi trường Thành Sơn, dự các lễ Vào tháp, Vào chùa.

Xa hơn nữa, Jay dẫn các em nuôi và số học sinh thân tín đi thăm hãng máy bay PAN AM ở Cần Thơ, cơ quan IVS đóng ở đường Lữ Gia (Nha Trang), đường Lê Văn Duyệt (Sài Gòn) và chi nhánh mà Jay trực tiếp phục vụ đóng ở đồi Thượng Hiền (Đà Lạt).

Jay nhanh chóng chiếm được cảm tình của hầu hết số giáo viên và học sinh Chăm, trường Pô Klông và các trường khác ở Phan Rang.

Năm 1972, Jay tạm rời Phan Rang lên Đà Lạt, dạy ở Viện đại học. Ở đây, Jay lại kết thân với học sinh các dân tộc, nhận em nuôi, giúp đỡ tiền nong, sách vở.

Cũng tại đây một mối tình say đắm đã nở ra giữa chàng thanh niên chí nguyện Mỹ và cô sinh viên người Kinh Lê Thị Ý.

Ý quê ở Đà Nẵng, học khoa Chánh trị kinh doanh của Viện. Jay mê Ý vì cô có tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn và cách sống tân tiến. Còn Ý mê Jay vì anh có lối sống rất “bụi”, khác xa những chàng công tử bột Việt Nam mà cô đã yêu và đã chán. Jay luôn để bộ tóc bù xù, áo quần bụi bặm, có khi bạc phéch và cẩu bẩn.

Sau đây là một đoạn nhật ký của Ý ghi về Jay tìm được sau ngày giải phóng:

... "Tôi mù quáng vì tôi yêu và đúng hơn hết có lẽ vì tôi lãng mạn. Đối với tôi, lương tâm là người phán xét tối cao. Có nghĩa là tôi không cần người ta khen hoặc sợ người ta chê. Tôi chỉ biết suy nghĩ và hành động.

Nhiều lúc tôi cảm thấy Jay là hơi thở, là giấc ngủ của mình. Nhiều lúc lại là phù vân, ảo ảnh, hoài niệm. Mặc kệ, tôi vẫn yêu. Dù tình yêu này không kết thúc bằng hôn nhân...

Tôi biết Jay yêu tôi hơn bất cứ người đàn bà nào trên thế gian này, trừ mẹ Jay. Ngay cả người vợ trước đây của Jay, mặc dù Jay chỉ nhắc đến một lần, cũng chưa bao giờ Jay yêu bằng tôi...".

Lại những cuộc bơi thuyền trên hồ Xuân Hương. Lại những cuộc đi thăm suối Vàng, thác Pren, hồ Than Thở. Lại những buổi nghỉ mát, nằm sóng soài trên bãi cỏ xanh...

Ở Đà Lạt, nhưng Jay luôn nhớ đến những học sinh Chăm. Hàng tháng anh ta lại về Phan Rang, dự lễ Vào tháp Vào chùa, thăm các gia đình học sinh.

Người em nuôi Jay yêu mến và chăm lo nhiều nhất là Huỳnh Ngọc Trăng – em ruột Huỳnh Ngọc Sáng.

Những câu chuyện giữa Sáng và Jay diễn ra bí mật. Người ta không biết họ bàn bạc những gì. Chỉ biết ít lâu sau, Jay đã lên đường đi Căm-bốt. Jay đến các nơi gặp những người Chăm, người Thượng. Jay khuyên họ trở về Việt Nam, tranh đấu cho dân tộc, chống thực dân và Cộng sản. Cuối cùng Jay đã gặp Les Kossem vào lúc mà ở Pa-ri, cuộc hòa đàm giữa Việt Nam và Mỹ đã đi đến những thỏa thuận cơ bản.

Hiệp định Pa-ri đã ký. Người ta thấy Les Kossem rồi rít hần lên, chạy đi chạy lại, có mặt khắp nơi như một người đang lo cuống cuống cho tương lai đất nước, sẵn sàng chấp nhận mọi sự hi sinh, vất vả.

Lúc thì ông đến chủ tọa lễ bầu Ban chấp hành Tổng hội sinh viên.

Lúc thì ông đến làng “Cây số 8”, chủ tọa đại hội của “Hiệp hội Hồi giáo Chăm”.

Ông kêu gọi đánh Việt Nam đến cùng dù Mỹ chịu thua phải rút lui, kêu gọi hy sinh đến người Chăm cuối cùng để phục hồi Vương Quốc Champa. Ông hô hào đoàn kết keo sơn với Căm-bốt để làm chỗ dựa lâu dài đánh Việt Nam.

Ông ra lệnh tuyển mộ tân binh, thành lập lực lượng biệt lập Chăm từ 45.000 đến 75.000 quân; nhờ Chánh phủ Mỹ trang bị vũ khí và lương thực.

Đến lúc này, những người am hiểu thời cuộc mới vỡ ra rằng ông đang bán mình để thực hiện kế hoạch hậu chiến của Hoa Kỳ.

Cho tới ngày ông công du sang Pháp, thì điều đó càng sáng tỏ.

Ngày 3-7-1973, Les tuyên bố là ông công du sang Pháp. Đến Pa-ri, ông ủy thác cho Nguyễn Văn Nhuận và Quảng Đại Đủ mở một cuộc họp báo, công bố lập trường FULRO là “chiến đấu đến người Chăm cuối cùng để chống Cộng Sản Việt Nam”.

Nhưng điều ông không công bố mà chỉ im lặng làm là cho vợ về Nam Vang, thu xếp vàng bạc, kim cương rồi tái xuất theo chồng sang Pháp, trốn biệt.

Có ai thắc mắc hỏi thì ông viện cớ là sợ số người Chăm theo Kơ-me đỏ và Xi-ha-núc trả thù nên không tiện về.

Với những người bạn Pháp cố tri thì ông than thở một cách tâm tình trí tuệ hơn, và chắc là thật hơn, về cuộc đời tuyệt vọng của mình:

- Tôi sinh ra quá sớm trong một thế giới quá già!

Đúng ra thì ông nên cho rằng mình đến quá muộn vì chỉ mấy tháng sau, ông qua đời vì bệnh ung thư mũi.

20. NHỮNG CỐ GẮNG CỦA ÔNG TRUNG TÂM TRƯỞNG

Sau ngày bị mất chức tổng trưởng, trở về nhà, Paul Nur loay hoay mãi không biết xoay sở nghề gì để nuôi một vợ với mười một đứa con đã quen thói sống ăn chơi, vung tiền như rác. Số tiền lương tổng trưởng, tiền đứt lót, tham ô, buôn thuốc phiện lậu hồi còn tại chức thì ông đã cúng cho đám gái người Kinh, người Hoa hết rồi. Cô Phi, hứa suốt đời chung thủy với Tổng trưởng, cũng cuồn mất của ông mười lạng vàng, cộng với vài đợt tiền lương, giờ đây đã “gút bai” ông. Bọn chân tay trước kia nịnh bợ, xun xoe thì nay tìm cách ôm chân ông Nay Loét, khinh rẻ và nói xấu ông.

Cuộc sống càng khó khăn, vợ chồng ông càng xô xát nhau. Những trận đánh chửi nhau xảy ra như cơm bữa. Siu H'Yum luôn mồm day nghiêng:

- Con này đã bảo mà, có bao tiền nong cho dĩ hết, giờ có con nào nó đến bỏ thí cho không? Chỉ khổ “con già mọi rợ” này thôi.

Những lúc ấy, ngài Tổng trưởng về vườn chỉ biết quát âm lên:

- Thôi, mụ im đi, đừng có lòng lên như hổ cái! Đời nó bạc bẽo ai mà tính được? Thì cũng tại mụ và hơn mười cái của nợ kia, chứ mình thẳng này, ngã vào đâu mà chả kiếm được miếng ăn?

Bà vợ chẳng chịu thua. Với ai, bà cũng kể lể bà đã cứu ông như thế nào, đã luôn lọt như thế nào để tiến thân cho ông, đã nhờ bà Sáu (vợ Tổng thống Thiệu) và Bảo Trân (vợ Thủ tướng Trần Thiện Khiêm) nói với chồng lưu ý nâng đỡ ông như thế nào...

Paul Nur cảm thấy nhục nhã quá, hàng ngày không dám lộ mặt ra đường đi thăm bạn hữu.

“Phi thương bất phú”, tính toán mãi cuối cùng ông thấy chỉ có con đường buôn bán là có thể cứu vãn được tình trạng sa sút hiện nay. Thế là nhà hoạt động chánh trị trở thành nhà buôn. Ông tính phải buôn mặt hàng gì để kiếm nhiều lời, mà có cơ sở vững chắc. Ông cạnh tranh với một thương gia Hoa kiều, mở tiệm buôn hàng lâm thổ sản. Buôn hàng này có ba điều lợi: Thứ nhất, nguồn hàng có nhiều ở Cao Nguyên, quê hương và nơi làm nên sự nghiệp của ông, nơi có biết bao là người quen cũ của ông giờ làm tù trưởng, phó ty đến trưởng, phó chi sắc tộc. Thứ hai, dễ buôn lậu. Che đậy bằng những chuyến chở gỗ, là những gói thuốc phiện nhét trong cốp xe chở về Sài Gòn, là những khối thuốc nổ chở từ Sài Gòn ra để bán cho dân đánh cá và làm thuốc súng săn. Thứ ba, ông dễ bán cao giá, mặt gấu giả, nhung hươu giả... Lớn lên trên đất Cao Nguyên, ông quen biết nhiều người sành nghề làm giả này. Thế là ông hành động.

Hết cú áp phe này đến vụ buôn lậu khác, hết món hàng giả này đến món hàng giả khác, ông cựu Tổng trưởng nhanh chóng trở nên giàu có, và tất nhiên ông lại lao vào ăn chơi, trác táng.

Tuy thế ông vẫn không bằng lòng với số phận kẻ trọc phú. Tính háo danh vọng vẫn làm khổ ông.

Nhờ một số nhà lãnh đạo cỡ bự làm dù che, ông thành lập “Hiệp hội xây dựng và phát triển Cao Nguyên”, đưa ngài tỷ phú Liên Hương làm Chủ tịch. Cái tên “Xây dựng và phát triển Cao Nguyên” thế mà hấp dẫn! Nhiều nhà buôn, nhiều quan chức ủng hộ. Ông Paul lại được dịp tham ô tiền của Hiệp hội, đánh chén và cho gái.

Nhờ hăng hái hoạt động, nhờ vùng tiền ra mua dư luận, chẳng bao lâu, ông đã trở thành nhà hoạt động xã hội có tiếng tăm, được nhiều người ở Cao Nguyên ngưỡng mộ.

Vẫn hần học với Nay Loét, Paul tìm mọi cách hạ uy tín và lật đổ vị tân Tổng trưởng. Ông không ngừng kéo tay chân làm ở Bộ phát triển sắc tộc công kích Nay Loét.

Chánh sự vụ Sở kiến điền Thượng Y Buăn đến thăm ông hôm nay là một người trong số ấy.

Sau tuần cà-phê tán gẫu chuyện đời, Paul hỏi Y Buăn:

- Tôi nghe tin thăng Oanh, trước kia đã bị giáng chức, vừa qua lại lem nhem tiền quỹ kiến điền, bị Nay Loét định thải hồi, Oanh đang vận động mấy tay cố vấn Mỹ ép Nay Loét giữ nó lại phải không?

- Vâng, đúng thế!

- Nay Loét còn định đẩy ông Nghiêm đi phải không?

- Vâng,

- Việc này không phải dễ đâu! Ông Nghiêm là người của Phủ Tổng thống đấy!

Y Buăn thở dài, nói lấy lòng chủ cũ:

- Nội bộ Bộ bây giờ be bét, nhiều phe cánh lắm, không còn đoàn kết như hồi ông còn lãnh đạo đâu. Các ông ấy đua nhau xây vi-la, sắm ô-tô, chẳng thiết gì đến công vụ, dân tình. Các ông ấy đều tham ô, ăn hối lộ dữ lắm. Toneh Hàn Thọ vừa mua nhà 24/1 Duy Tân. Mới làm Giám đốc một năm đã mua nhà, không biết tiền ở đâu?

Paul cười:

- Thì bớt xén công quỹ ra, ăn đút lót, nhận của Mỹ chứ còn ở đâu? Tôi còn lạ gì cung cách làm ăn của chúng. Tôi nghe nói Nay Loét rêu rao tôi đang vận động Đại sứ và cố vấn Mỹ lật hẳn phải không?

- Dạ, Nay Loét vẫn nói thế.

Paul mở tủ, lấy mấy bản hiệp đồng ném ra trước mặt Y Buăn:

- Tôi đang dự đấu thầu, nếu trúng, mỗi tháng thu hàng triệu đồng. Ghế Tổng trưởng chỉ có 97.000 đồng, tôi thiết gì. Thời gian qua tôi có dân thân hoạt động chánh trị là để đấu tranh cho quyền lợi dân tộc, để ngăn chặn bọn mị dân, đục khoét đồng bào, chứ tôi đâu có ham địa vị, tiền tài? Ngay khi còn làm Tổng trưởng, tôi đã đệ đơn lên Chánh phủ nhiều lần, xin nhường ghế Tổng trưởng cho lớp trẻ. Tôi đã cãi nhau với cố vấn Mỹ, tôi đâu có tư tưởng tham quyền cố vị gì? Thế mà tên Gia Rai ấy lại nói xấu tôi, bịa ra đủ chuyện để mạt sát, bôi nhọ thanh danh, hòng làm mất uy tín của tôi, tự đề cao uy tín của hắn lên.

Y Buăn xoay sang đề tài khác, hỏi vị cựu Tổng trưởng:

- FULRO vừa tái lập, hoạt động khá mạnh, ngài thấy những người chỉ huy mới này thế nào?

Paul cười khinh bỉ:

- Kpă Kới làm Phó chủ tịch thay mặt Y Băm lãnh đạo FULRO. Đó là thằng lưu manh, bịp bợm, không có uy tín gì. Thời buổi đến lạ! Thằng du đảng, chẳng hiểu gì chánh trị cũng nhảy lên làm lãnh tụ, cũng hô hào quần chúng đấu tranh, cũng ra tuyên ngôn này, chỉ thị kia, cũng giữ chức này, chức khác. Kpă Kới chẳng qua chỉ là con bài của người khác thôi. Có người viết thư mời tôi tham gia FULRO, tôi đâu có thiết? Tuy thế, kệ họ làm ăn, tôi không phá. Còn Nay Loét, nghe nói phá FULRO ghê lắm phải không?

- Dạ, ông ta nói, là Tổng trưởng, ông ta phải thực thi phận sự của Tổng thống giao.

- Anh về nói với Nay Loét, đừng có phá FULRO. Trước kia hắn ta cũng đã từng là liên lạc viên BaJaRaKa, cũng là người của FULRO, giờ lại phá FULRO, đi ngược lại quyền lợi dân tộc, FULRO không để yên cho hắn ta đâu. Hãy theo gương tôi ngày nào, hợp tác thân thiện với FULRO, FULRO dầu sao cũng là tổ chức của người Thượng mình.

Nghe Y Buăn kể lại buổi gặp Paul, Nay Loét tức tối, chửi rủa thậm tệ. Tuy trong bụng ngài Tổng trưởng cũng sợ FULRO nhưng tỏ ra bất cần, nói cứng:

- Thằng già Ba Na định kích FULRO lật tôi đây. Tôi thách FULRO dám làm gì tôi nào? Người nước ngoài giúp u, chẳng qua cũng chỉ là người ngoài cuộc. Họ hiểu sao được nội tình và yêu cầu của xã hội, họ có vực cho FULRO tồn tại mãi được không? Tôi sẽ triệt FULRO, không cho chúng ngóc lên cho mà xem. Một dúm người, một lũ du đảng, một bọn tạo phản mà định lật cả chính quyền hiện hữu này à?

Nói thế thôi, chứ ngài Tổng trưởng không thể ngồi yên để FULRO muốn làm gì thì làm, nhất là ngài lại vừa được Phủ đặc ủy trung ương tình báo cho biết Y Chôn vừa soạn thảo bản “Nhu cầu phát triển sắc tộc tại miền Nam Việt Nam trong giai đoạn hiện tại” gửi đại diện Tòa tổng lãnh sự Hoa Kỳ tại “Văn phòng tái thiết và định cư” tỉnh Tuyên Đức, nói Bộ phát triển sắc tộc bất lực, vô tài; ca ngợi Y Bھm và FULRO; đề cao vai trò nhân sĩ Thượng. Y Chôn còn nói: “Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa thực hành chánh sách ‘một tay kéo, một tay đẩy’, lừa gạt người Thượng, làm cho nhân dân bất mãn, làm cho Hoa Kỳ mất uy tín và tạo cơ hội cho Cộng sản thắng lợi”. Nay Loét khẳng định: Y Chôn là một trong những người chỉ huy chớp bu của FULRO.

Để đối phó, Nay Loét tìm cách triệt FULRO bằng nhiều cách. Trước hết ngài sẽ tách Y Chôn khỏi địa bàn Cao Nguyên. Tách được tên cầm đầu, thì bọn dưới sẽ hoang mang, mất phương hướng và tan rã. Nay Loét xin với Nguyễn Văn Thiệu triệu hồi Y Chôn vì bất mãn đang nghỉ ở nhà về Bộ phát triển sắc tộc, để giam chân y lại. Nguyễn Văn Thiệu cũng cảm Y Chôn, nhưng biết y có dù Mỹ che nên chưa làm gì được “Thằng Ê Đê khôn ngoan”. Được Nay Loét trình phương án, Tổng Thiệu duyệt ngay.

Y Chôn không hiểu mưu thâm ấy. Nhận công văn triệu về Sài Gòn, y hí hửng cho rằng, trong bốn dân tộc lớn nhất ở Cao Nguyên: Ba Na, Ja Rai, Ra Đê, Ka Ho, đã có đại diện hai dân tộc làm Tổng trưởng Phát triển sắc tộc: Ba Na có Paul Nur, Ja Rai có Nay Loét. Có lẽ đến lượt ông đại diện cho dân tộc Ra Đê làm Tổng trưởng đây! Thế thì Nay Loét sẽ chết với ông. Ông phải trị cho một trận nên thân, hả cái giận bị cách chức. Y Chôn tức tốc về Sài Gòn. Đến nơi ông mới ngã ngửa ra. Ông đâu có được làm Tổng trưởng. Ước hơn nữa là lại làm chuyên viên giúp việc cho Nay Loét, chịu sự sai khiến hàng ngày của kẻ kinh địch. Lòng bất mãn càng bùng lên. Ông không chịu làm việc, suốt ngày chỉ uống rượu, gặp các bạn đồng sự, chửi đồng, kể tội Nay Loét, công kích cung cách làm ăn thiếu thực tế và thiên cận của Nay Loét. Ông kéo những người ghét Nay Loét thành phe cánh tập trung đã kích Tổng trưởng.

Muốn thoát khỏi kiềm chế của Nay Loét, Y Chôn cầu cứu Tho-mas Busker. Busker đệ trình Đại sứ Bھn-cơ. Bھn-cơ đang xây dựng kế hoạch hậu chiến, lập “lực lượng thứ ba” nên lệnh cho Busker dàn xếp, ép Nay Loét cử Y Chôn làm Giám đốc “Trung tâm khảo cứu sắc tộc”, trụ sở đặt tận Đà Lạt. Nay Loét phải nghe lời ngài cố vấn. Y Chôn về Đà Lạt nhậm chức và bắt đầu tiến hành công việc của mình.

Trụ sở “Trung tâm khảo cứu sắc tộc” đóng ở nhà số 2 phố Yết Kiêu. Trước kia tòa nhà này là dinh nghỉ mát của Đệ nhất phu nhân nền Đệ nhất Cộng hòa Trần Lệ Xuân. Chọn dinh thự này để làm Trung tâm khảo cứu sắc tộc thật đầy ý nghĩa. Ngài Trung tâm trưởng quả có con mắt tuyên truyền. Ngài biết biến Trung tâm – nơi nghiên cứu – thành nơi triển lãm và tham quan, tổ cáo chế

độ Ngô Đình Diệm. Trong tòa dinh thự nguy nga, nền đá cao, ngói son đỏ chói, cửa kính lấp lánh, bên cạnh cái bể bơi lớn, có hệ thống điện ngầm đun nóng nước, Y Chôn cho dựng luôn những túp nhà sàn lụp xụp, rách nát của đủ các sắc dân: Ka Ho, Cil, Mạ, Ê Đê...

Khách đến tham quan lập tức thấy ngay hai cảnh sống đối lập cách xa nhau như thiên đường và địa ngục: Một đằng là cảnh sống xa hoa của người Kinh thống trị và một đằng là cuộc sống cùng cực của người Thượng.

Nhiệm vụ của Bộ giao cho ông Trung tâm trưởng là ngày ngày đôn đốc các nhân viên nghiên cứu lịch sử, phong tục tập quán, văn hóa các dân tộc thiểu số ở vùng Cao Nguyên mênh mông cũng như ở toàn quốc, để cho mọi người thấy rằng Chính phủ nền Đệ nhị Cộng hòa, thông qua Bộ phát triển sắc tộc, vô cùng quan tâm đến đời sống các sắc tộc.

Nhưng ông Trung tâm trưởng, vì mục đích riêng để mặc cho các nhân viên thả sức đi săn, uống rượu và chim gái. Thời gian và trí tuệ ông dành cho sứ mạng chánh trị lớn lao hơn: củng cố và phát triển FULRO.

Bằng mọi cơ và mọi cách, ông bịa ra việc để về các địa phương. Bên ngoài là để điều tra, lấy tư liệu, khảo cứu đời sống các sắc tộc, bên trong là để chỉ huy FULRO, nhất là dò xem công việc FULRO gặp Cách mạng đã tiến hành chưa, kết quả như thế nào.

Những chuyến công cán của ông không đem lại kết quả. Ông chơi một nước cờ cao hơn, ông cho người tung tin là FULRO sẽ phối hợp với Cách mạng tổng tấn công lật đổ Thiệu. Hoảng sợ, Thiệu lệnh cho Nay Loét phải cử người gặp FULRO. Nay Loét cũng chẳng phải tay vừa, cử ngay Y Chôn đi gặp Kpă Kới để khai thác. Nhân dịp đó, Nay Loét cài người theo dõi, có chứng cứ cụ thể trình Thiệu trị tội Y Chôn.

Ngày 9-7-1974, Y Chôn đến bên bờ sông Krông Ana vùng Lạc Thiện gặp Kpă Kới. Đi theo ông có hai nhân viên tùy tùng.

Kpă Kới và Ngoại trưởng Y Prêh đón Y Chôn vào bộ chỉ huy. Hai nhân viên tùy tùng của Y Chôn phải ở ngoài.

Sau khi nghe Kpă Kới báo cáo về những vụ bạo hành của FULRO: cướp xe khách, giết cảnh sát, binh lính Thiệu; treo cờ, tung truyền đơn... Y Chôn sốt ruột hỏi:

- Các anh đã gặp Việt Cộng chưa?
- Thưa ngài, đã gặp rồi.
- Có kết quả không?

Kpă Kới thở dài:

- Theo kế hoạch của ông, chúng tôi đã nói lý do gặp gỡ là bàn việc hợp tác giữa Cách mạng và FULRO. Y Hồng cùng một số tên đã gặp chúng ta. Tôi cùng Y Prêh, Y Bách, Rcom Tock hợp

với chúng. Phái đoàn của Việt Cộng hứa sẽ nghe tôi trình bày, hứa sẽ báo cáo lên trên, và cũng như lần trước, hẹn ngày trả lời. Có ngờ đâu, đến ngày hẹn, chúng tôi chờ mãi chẳng thấy ám hiệu và người của Việt Cộng đâu. Có thể bọn chúng biết ý đồ xâm nhập vùng giải phóng của ta nên không liên lạc với ta nữa.

Nếu như chưa bị thất bại trong vụ ‘tìm xác chết’ thì Y Chôn đã chửi Kpă Kới một trận. Nhưng đã nếm mùi thất bại, Y Chôn đành an ủi vị Phó chủ tịch, rồi ra lệnh:

- Tôi và ông Y Bliêng đã bàn bạc kỹ và quyết định: Mặc dù bọn Việt Cộng không nhận lời cộng tác với chúng ta, nhưng ta cứ công bố với dân là Cách mạng đã hợp tác với FULRO. Nhờ uy tín của chúng mà thu hút dân chúng. Anh phải ra tuyên cáo. Phái chánh quyền sẽ phụ họa với ta.

- Tại sao chánh quyền lại phụ họa với ta? Phụ họa như thế nào?

- Anh không hiểu thật sao? Người Mỹ sẽ ép, bọn thiệu, Nay Loét sẽ tung tin “FULRO và Cách mạng đã hợp tác”. Như thế dân chúng càng tin là thật, sẽ ủng hộ ta. Sổ phiếu bỏ cho ta vào Chánh phủ liên hiệp sẽ tăng lên gấp đôi, ưu thế của ta sẽ lớn trong Chánh phủ đó.

Kpă Kới thực hiện ngay lời Y Chôn. Quả nhiên, Bộ phát triển sắc tộc phát động một chiến dịch tố cáo Kpă Kới rất rầm rộ.

Trước hết, Nay Loét tuyên bố: Y Prêh và Rcom Tock đã tự thú là có hợp và hợp tác với Việt Cộng. Sau đó, Nay Loét tổ chức một đại hội các tri thức Thượng lên án Kpă Kới.

Chiến dịch của Nay Loét “vạch tội FULRO đã hợp tác với Việt Cộng” càng rùm beng, Y Chôn càng mừng, uy tín FULRO càng tăng. Y Chôn hí hửng chờ đón những chiếc ghế quan trọng dành cho mình và các lãnh tụ FULRO trong Chánh phủ liên hiệp. Cũng qua làn gợn Kpă Kới, hồ sơ Y Chôn nằm trong tủ mật của Nay Loét càng dày thêm. Bị Thomas Busker ép phải làm ngơ trước những hành động của FULRO, nhưng bên trong Nay Loét vẫn căm Y Chôn, tìm mọi dịp để phá hoạt động của tên cáo già này.

21. HAI VỊ TƯ LỆNH

Sau khi gặp Kpă Kới, Y Chôn về Đà Lạt, gây dựng lực lượng FULRO vùng 4. Vốn là một tín đồ Tin lành, Y Chôn luôn gặp gỡ các mục sư người Thượng ở đây, ông trở thành thân thiết với mục sư chủ nhiệm Nam Thượng hạt Ha Brông.

- Nếu như mục sư chủ nhiệm Trung Thượng hạt Y Nguê có uy tín lớn trong sắc dân Ê Đê, M’Nông, Ja Rai...thì Ha Brông có uy tín lớn trong các sắc dân Cil, Ka Ho, Mạ, Lát...

Sau 17 năm học, năm 1968 Cha đỡ mục sư và được cử làm chủ nhiệm. Ha Brông được các giáo sĩ Mỹ giúp đỡ, xây dựng cho một hệ thống truyền đạo khá quy mô.

Nếu năm 1950, giáo sĩ Jackson còn cất nhà thờ bằng ván, thì sang năm 1968, giáo sĩ Chelerder đã vận động hội “Truyền giáo thế giới”, hội “Hoàn cầu khai thương”, hội “Cứu tế thế giới” giúp xây cất cả một Trung tâm truyền giáo ở phố Tiền Quan Thành, gồm: Nhà thờ Tin lành, trường Kinh thánh, trường Huân Nghệ, trường tiểu học Đồng Nai Thượng, trạm y tế, ký túc xá Tiểu học, ký túc xá Trung học, ký túc xá Huân Nghệ...

Sau đó, hội tiếp tục giúp Ha Brông xây cất khu Tiểu học, các trường Kinh thánh Di Linh, Bảo Lộc, Đơn Dương... Các cơ sở truyền giáo ngày càng rộng lớn, quy mô và khoa học.

Giáo sĩ Joege nghiên cứu lấy ngôn ngữ sắc dân ở Di Linh làm cơ sở, lập chữ cho người Thượng ở vùng này.

Người tận tình nhất với Ha Brông là giáo sĩ Newman.

Newman ủng hộ Trung tâm truyền giáo xe hơi, máy cày, xây bệnh viện Jackson ở Chi Lăng. Cha còn nhận con mục sư Hà Sáu A là Jimi làm con nuôi, cho sang Mỹ học.

Càng được các giáo sĩ và dân Chúa tin cậy, Ha Brông càng hăng hái cầu nguyện, dành nhiều cơ hội ở riêng với Chúa chăm chỉ tra xem lời Chúa, thực thi mọi điều Chúa dạy.

Say sưa với sự giúp đỡ tận tình của các giáo sĩ mà Ha Brông cho là rất thánh thiện, Cha có ngờ đâu, một điều đau buồn đã đến với Cha. Đứa con trai đầu của Cha là Nikôlai giống Mỹ quá. Rõ ràng đó là giọt máu của một giáo sĩ Mỹ. Nhưng cụ thể của giáo sĩ nào thì chỉ có Chúa biết!

Nikôlai là một người có nhiều tham vọng chánh trị, không theo con đường của Cha. Nikôlai say sưa tìm cách ngai lên các bậc thang danh vọng.

Học xong trung học, được các giáo sĩ Mỹ giúp đỡ, Nikôlai vào học khóa Tham sự hành chánh của trường Quốc gia hành chánh. Tốt nghiệp, Nikôlai về làm Phó ty phát triển sắc tộc Quảng Đức. Thời gian này, Nikôlai thân với nhiều cô văn Mỹ.

Thấy Nikôlai hăng hái, Y Chôn xin Thomas Busker cho về Trung tâm khảo cứu sắc tộc. Từ đó, Nikôlai trở thành cánh tay đắc lực của Y Chôn trong việc thành lập vùng 4 FULRO. Thấy chức Tư lệnh vùng 4 đang chờ, Nikôlai hoạt động quên mệt mỏi.

Một buổi, Nikôlai đang ở nhà, có một người trạc 50 tuổi, to lớn, lực lưỡng, da ngăm đen, tóc uốn lượn sóng ngược về sau gáy, đến gặp. Nikôlai nhận ra K’Năm, đại úy quân lực Việt Nam Cộng hòa, chỉ huy trưởng Tiểu khu Tuyên Đức.

Hai người quen nhau từ hồi K’Năm làm Trưởng ty phát triển sắc tộc Lâm Đồng. Cùng là các vị lãnh đạo cấp ty, họ trở nên thân thiết. K’Năm cũng đã từng ra tranh cử Dân biểu quốc hội đơn vị Lâm Đồng nhưng thất cử.

Thấy bạn lâu ngày mới đến, Nikôlai tiếp đón ân cần.

Uống cạn chén trà Blao, K’Năm nói:

- Gần bốn mươi năm ở quân ngũ đã đủ, tôi xin xuất ngũ. Tôi được nghỉ để chờ làm giấy tờ thủ tục. Ở nhà buồn, tôi thường vào rừng săn bắn. Chắc có kẻ ghét tôi, báo với cảnh sát là tôi hoạt động FULRO. Cảnh sát chẳng điều tra gì, cứ theo dõi và nghi ngờ tôi. Hôm vừa qua, tôi lái xe đi chơi, cảnh sát ách lại, vu cho tôi ăn cắp xe của Nhà nước, bắt giam và tố ra tòa. Tôi vừa nhận trát tòa đòi ngày 9 tháng 10 năm 1974 tới phải về hầu Tòa án quân sự ở Nha Trang. Chưa biết sẽ bị xử và kết tội ra sao. Tôi đến hỏi anh xem nên đối phó thế nào, anh quen nhiều cố vấn Mỹ, anh giúp cho.

Nikôlai bảo K'Năm chờ đợi. Anh ta đi gặp Y Chôn. Sau nửa tiếng, Nikôlai trở về nói với K'Năm:

- Việc này đáng lẽ anh cần cầu cứu Liêng-hót Ha Krông, chánh án Tòa án phong tục tỉnh Lâm Đồng – Tuyên Đức để hấn bệnh vực cho. Thằng cha này có bố vợ là Tou Rông Hiu, Phó chủ tịch Hội đồng sắc tộc, nhiều uy thế lắm. Nhưng khôn nổi thằng cha này ăn tiền dữ lắm, thân bọn Kinh và lại vô lương tâm, ăn tiền xong là xoa tay, đưa ra hàng lô lý do thoái thác. Để hấn giúp, tiền mất mà chẳng được việc gì. Tốt hơn hết là anh gặp ông Y Bliêng, Chánh án tòa án phong tục liên tỉnh Đắk Lắk – Quảng Đức. Ông có nhiều quyền lực vì có hai con rể Mỹ, một đứa làm giám đốc USAID Buôn Mê Thuột.

K'Năm nhờ Nikôlai viết một bức thư giới thiệu mình với Y Bliêng.

K'Năm đi Buôn Mê Thuột, tìm đến ngôi nhà sàn bằng gỗ đồ sộ, dài gần 100 mét ở buôn Păn Lăm. Ông Chánh án Tòa án phong tục đang đón đứa con gái thứ hai H'Chăm và người chồng Mỹ là Kedry về thăm nhà.

H'Chăm được cha cho đi học ngành y ở Nhật Bản. Về nước, ông lại cậy cục xin cho con vào làm ở hội “Hồng thập tự Việt Nam” trụ sở ở Sài Gòn. Vốn đã quen lối sống ăn chơi, H'Chăm không muốn lấy chồng Việt Nam. Được ông bố cho phép, khuyến khích, cô yêu và ở luôn với Kedry, cố vấn cơ quan Hồng thập tự. Sau một năm “lấy thử” thấy có thể ăn ở với nhau lâu dài hơn, họ mới cưới nhau. Ông Chánh án làm lễ cưới chồng cho con gái. Ông giết bò mời các quan chức, buôn làng ăn uống linh đình, thỏa thuê. Từ ngày có thêm một con rể Mỹ nữa, ông Chánh án càng thêm uy thế.

Ôm hôn con rể xong, ông khệnh khạng ra tiếp K'Năm. Đã từng tiếp nhiều người đến nhờ vả, xin xỏ, nên lúc nào ông cũng khinh khỉnh. Với thói quen khinh người, ông lạnh lùng bắt tay K'Năm và ngắm nhìn vị khách có ý thăm dò để đánh giá sự sang hèn, rồi hỏi cộc lốc:

- Có việc gì?

K'Năm cố nén bức tức, khúm núm:

- Thưa ngài, có thư của ông Nikôlai gửi ngài.

Y Bliêng mặc kính, lạnh lùng đọc bức thư của Nikôlai, nét mặt tươi dần. Một nụ cười nở trên khuôn mặt phương phi. Lại thêm một chiến hữu mới trong hàng ngũ những người chống Cộng.

Ông Chánh án thay đổi thái độ, thân mật:

- Tòa án phong tục chỉ xử những vụ hình sự thôi. Việc của ông, bề ngoài là hình sự, nhưng bên trong lại là việc liên quan đến chánh trị, sẽ do Tòa án quốc gia đảm trách. Ông lại là quân nhân nên sẽ do Tòa án quân sự xử. Tòa án phong tục không có thẩm quyền can thiệp. Hơn nữa, thú thật với ông, hiện nay tôi chỉ như một kẻ bù nhìn. Ông Thiệu chưa xóa bỏ Tòa án phong tục chỉ vì còn để đánh lừa dân chúng. Tối cao pháp viện chỉ tin vào Tòa án quốc gia, chẳng coi Tòa án phong tục ra gì. Vừa qua, một số dân biểu tố tôi bê bối, ăn của đứt, xử không công bằng. Tối cao pháp viện chẳng điều tra, cứ tin lời của họ rồi hạch tôi. Tôi oan ức mà chẳng biết kêu ai. Chánh ngay bản thân tôi hiện nay cũng không có lối thoát. Người Thượng chúng ta bị o ép, khinh bạc quá! Đối với ông, ông xem, một đại úy quân lực, mà họ đối xử như thế thử hỏi người dân còn bị chèn ép thế nào? Tệ quá! Tòa án quân sự quân phiệt, quan liêu lắm. Hậu quả tai hại không ai có thể lường trước được.

K'Năm lo sợ quá, mặt tái đi, hoảng hốt:

- Thưa ngài, ngài chỉ cho, bây giờ tôi nên lo lót thế nào?

Y Bliêng im lặng, suy nghĩ mãi mới trả lời:

- Theo thiện kiến của tôi, thật chân tình khuyên ông, ông chưa theo FULRO mà chánh quyền đã gán cho ông tội ấy. Thế nào cũng không thoát tù đây. Đã thế, hành động trả lời tốt nhất của ông đối với chánh quyền là theo FULRO. Đó là con đường duy nhất cứu ông khỏi tù đây và là dịp tốt để ông cống hiến phần đời còn lại cho dân tộc ta.

Chẳng còn con đường nào tốt hơn con đường ông Chánh án đã chỉ, K'Năm tỏ ý xin theo FULRO, nhưng còn băn khoăn:

- Làm thế nào để gặp được người chỉ huy FULRO thưa ngài?

Y Bliêng cười:

- Nếu như ông thực tâm theo FULRO, tôi sẽ giúp ông gặp những người chỉ huy.

K'Năm nhận lời, không quên cảm ơn ông. Chánh án Y Bliêng lấy xe Jeep của mình chở ngay K'Năm vào khu rừng buôn Ea Khít gặp Kpă Kới. Ở đây, K'Năm mới biết Y Bliêng chính là một trong những vị chỉ huy tối cao của FULRO.

Thấy K'Năm có uy tín ở vùng Lâm Đồng, Tuyên Đức, theo lệnh ngầm của Y Bliêng, Kpă Kới phong K'Năm hàm chuẩn tướng, với chức vụ Tư lệnh trưởng vùng 4 FULRO.

Kpă Kới ký ngay sự vụ lệnh và chọn thêm một số sĩ quan FULRO bổ sung cho K'Năm. Bộ tư lệnh vùng 4 thành lập, chỉ huy FULRO các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức.

K'Năm dẫn số chỉ huy Bộ tư lệnh về Đàn Rông, gặp Nikôlai, báo tin đã thành lập Bộ tư lệnh vùng 4. Điều đó làm Nikôlai sừng sốt... Vốn là khi K'Năm đi Buôn Mê Thuột gặp Kpă Kới

thì ở Đà Lạt, Y Chôn, Jimi, Ha Brông, Nikôlai cũng họp ở Trung tâm truyền giáo Tin lành, thành lập Bộ tư lệnh vùng 4. Không ngờ tới điều K'Năm sẽ được Y Bliêng cử làm Tư lệnh trưởng vùng 4, Y Chôn cử Nikôlai làm Tư lệnh trưởng, Ha Brông làm cố vấn. Bộ tư lệnh vùng 4 của Nikôlai đã được công bố chính thức với FULRO trong vùng.

Quyết định đưa K'Năm làm tư lệnh khiến Nikôlai điếng người. Cái ghế Tư lệnh trưởng không còn dành cho Nikôlai nữa. Có nhờ Y Chôn can thiệp cũng khó vì Y Chôn đời nào lại bác quyết định của Y Bliêng. Chỉ còn cách dùng sức mạnh trong thực lực:

Đọc xong sự vụ lệnh, Nikôlai bực tức nói:

- Anh về trung ương đi! Lực lượng vùng 4 tôi đã tổ chức rồi.

K'Năm cũng không chịu lép, nói:

- Trung ương đã quyết định. Hơn nữa, chúng ta là bạn bè với nhau cả. Anh không nên làm thế.

Nikôlai không nghe, hằm hằm:

- Tôi giới thiệu anh với Y Bliêng để đưa anh vào FULRO. Anh không ơn tôi, lại cướp quyền chỉ huy của tôi. Anh là kẻ vô ơn bội nghĩa.

K'Năm cho người mang thư về Đắc Lắc trình sự việc với Y Bliêng và Kpă Kới. Nikôlai cũng viết đơn thỉnh nguyện gởi Y Bliêng và Kpă Kới. Trong thư gửi Kpă Kới, đoạn cuối Nikôlai nói toạc:

... “Còn Tư lệnh quân khu 4, tôi thiết tưởng rằng, trong giai đoạn hiện tại, tôi phải nắm giữ mặc dù tài kém sức mọn. Vì tôi tin rằng, Chúa sẽ phù hộ tôi và dìu dắt tôi trên bước đường trọng đại này, như Chúa đã giúp đỡ Moise, Ghêdêôn, Calép ngày xưa.

Kính thưa Phó thủ tướng, tôi cũng xin đặt ý nguyện lên Phó thủ tướng là ông Traghi Somai cử phục vụ ở Bộ quốc phòng vô hạn định. Những công việc ở quân khu 4, tôi nhờ ơn ngài phù hộ và tôi sẽ sắp xếp”.

Y Bliêng và Kpă Kới không biết xử lý và trả lời thế nào vì còn nể Y Chôn.

K'Năm lại thúc Kpă Kới, Kpă Kới đành lệnh cho Nikôlai cùng họp với K'Năm, bầu Bộ tư lệnh chung. Nikôlai không tuân lệnh, còn chửi rủa Kpă Kới, cho Kpă Kới là kẻ bất tài, không có thẩm quyền công nhận K'Năm và bãi miễn mình; dọa tách Quân khu 4 FULRO ra khỏi Trung ương. Kpă Kới tức tối phái 300 quân từ Lạc Thiện lên tăng cường cho K'Năm. Thế là quân khu 4 có hai Bộ tư lệnh, luôn găm ghè tìm cách hất nhau. Nikôlai cho quân phục kích bắn quân của K'Năm. Và trái lại, quân K'Năm tìm mọi cách diệt quân Nikôlai.

Để tăng thêm lực lượng, cả hai Bộ tư lệnh đều cho người xuống vùng đồng bằng, liên lạc với những người lãnh đạo FULRO Chăm.

22. CÔ GÁI LÀM LẠC

Bị Y Chôn, Y Bliêng khước từ chưa cho nhập bọn, Huỳnh Ngọc Sáng tức giận về Ninh Thuận, Bình Thuận, vất vả tìm người bắt liên lạc, hòng xây dựng lực lượng, tiến tới thành lập Mặt trận FULRO Champa riêng biệt ở vùng này, nâng mình lên ngang hàng bọn FULRO Thượng và còn có tham vọng thay Les Kossem trở thành lãnh tụ tối cao của dân tộc Chăm.

Sáng vẫn trú ngụ bí mật tại nhà Đảng Tấn Phóng ở Chung Mỹ. Từ đây, Sáng cử Phóng đi liên lạc với các nơi. Nhiều tên đang nằm im chờ thời tưởng đã có dịp, lục tục theo Sáng. Kiều Ngọc Quyên và Vạn Thanh Bình là những người đầu tiên đến với Sáng.

Quyên đã sang Căm-bốt ở với Les Kossem hồi chánh biến tháng 3-1970 nhưng vì kèn cựa với các tên Quảng Đại Đủ, Ngụy Văn Nhuận nên y luôn luôn tỏ ra bất mãn, không được Les Kossem ưa và tìm cách trả về nước dưới chiêu bài đi thụ huấn tại Trung tâm huấn luyện Trường Sơn ở Plei Ku.

Hiểu được tâm địa của Les, Quyên bỏ Les trốn khỏi Trung tâm. Vì trước đây đã mắc tội ăn cắp tiền thuế rồi trốn đi Căm-bốt, nên Quyên chưa dám xuất hiện công khai, sợ cảnh sát ngụy bắt truy tố. Y khôn ngoan tìm đến nhà Thiên Lô, bạn học cũ đang làm Phó chủ tịch Hội đồng tỉnh Plei Ku để trú ngụ và nhờ vả.

Lộ dẫn Quyên đi trình diện cảnh sát Plei Ku.

Quyên ra tòa, xin bồi thường số tiền thuế, và trở về quê hương sinh sống.

Quyên được vào làm chuyên viên Ty phát triển sắc tộc Ninh Thuận. Với cương vị của mình, Quyên thường liên hệ với Cha Mussây và Jay để bàn bạc công việc của FULRO tại ngay Trung tâm văn hóa và trường Pô Klông.

Không bao lâu, Quyên đã bắc cầu sang Sáng, lúc này vẫn lẩn trốn tại nhà Đảng Văn Phóng và được Sáng nói rõ mưu đồ lập Mặt trận FULRO Chăm riêng biệt sau khi FULRO Thượng từ chối không liên minh.

Vào thời kỳ này, ngụy quyền Thiệu sắp sụp đổ trước cuộc tấn công của quân và dân ta. Mỹ ráo riết tập hợp lực lượng thứ ba. Nếu tại Cao Nguyên, những nhân vật cầm đầu FULRO như Y Bliêng, Y Chôn đã hình thành, thì ngược lại ở vùng Chăm, ngay cả tổ chức lẫn con người đều chưa đâu vào đâu. Sáng và Quyên sốt ruột tìm người có máu mặt để gấp rút lập FULRO Chăm.

Kiều Ngọc Quyên, con người hiểu chính giới Chăm trong nước nhiều hơn, hiến kế:

- Tất cả những người Chăm có máu mặt trong tỉnh nhà như Từ Công Xuân, Lưu Quang Sang, Dương Tấn Sở...đều làm việc cho Thiệu, tham nhũng, mất lòng dân, có đưa ra cũng vô ích. Ta chỉ còn cách tìm vào bọn “đổi lập”. Tôi nghĩ ra một tên được nhiều người ngó nhận, ca ngợi hết lời, có thể đưa vào Mặt trận của ta.

- Tên nào thế?

- Vạn Thanh Bình!

- Lý thú đấy! Tôi có nghe nói. Một tên có “máu” đam mê chánh trị. Tuy thân cô thế cô nhưng khoác cái vỏ khá lôi cuốn với dân chúng Chăm.

Vạn Thanh Bình quê ở Như Ngọc. Khi còn đi lính Pháp, đóng ở Huế, y lấy một người vợ Kinh.

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, Pháp rút, Bình đưa vợ từ Huế về quê tìm đường sống.

Vốn hăng tiến, Bình lại tìm cách nhoi lên. Một năm sau, Bình lao đơn, xin vào học trường “Cán bộ thanh niên” ở Nha Trang.

Mãn khóa, Bình được bổ làm Trưởng chi Thanh niên Cộng hòa quận An Phước. Là lãnh tụ thanh niên một quận, Bình ra sức lôi cuốn bọn trẻ theo thuyết “Nhân vị” của Ngô Đình Diệm.

Diệm bị lật, Thanh niên Cộng hòa tan rã. Bình trở nên bơ vơ, không nơi bầu vùi.

Nhưng vốn là người có tài xoay xở, Bình tìm cách tiến thân trong nền “Đệ nhị Cộng hòa”.

Suy đi xét lại kỹ lưỡng con đường hoạt động chánh trị của các bậc đàn anh, Bình rút ra một kết luận là “Muốn làm chánh trị phải nổi tiếng. Mà muốn nổi tiếng nhanh, thì không gì hơn là đóng một vai “đổi lập”.

Thế rồi, thời cơ đã đến. Năm 1965, hàng chục vạn quân Mỹ ồ ạt vào Việt Nam. Hàng ngày bao việc làm trái tai gai mắt của quân Mỹ và Thiệu – Kỳ diễn ra.

Trong hoàn cảnh ấy, phe “đổi lập” với Thiệu nổi lên như một hiện tượng lạ. Bình nghĩ chắc phải có người Mỹ bên vực như thế nào thì phe đổi lập mới dám “dũng cảm” chửi Thiệu như vậy mà chánh quyền hiện hữu vẫn phải làm ngơ. Bình nhận ra rằng muốn nổi tiếng và yên thân, không có gì bằng đi theo phe “đổi lập”.

Bình tìm đến Thích Thiện Phước – Đại diện Phật giáo Ninh Thuận. Qua nhà sư này, Bình gặp được các dân biểu đổi lập Hồ Ngọc Nhuận, Tôn Thất Hiệu..., những người đang được báo của phe họ ca ngợi là “đấu tranh cho độc lập dân tộc”.

Từ đó, được phái đổi lập khuyến khích, Bình lao vào hoạt động để được nổi tiếng. Bình xông vào các vụ lộn xộn ở địa phương như một người luôn dấn thân bên vực kẻ yếu.

Tên Quang, đội trưởng dân vệ, mê em vợ Đáng Đến. Y định bắt cô này làm vợ. Đáng Đến không chịu để tên ma cô cướp em vợ mình liền tìm cách phá. Quang bực, vu cho Đến liên hệ với Việt Cộng, bắt nộp cho Đáng Đến Quang Lượng – quận trưởng An Phước.

Lượng sai lính tra tấn Đến cho đến chết rồi vắt xác ngoài hàng rào ấp.

Bình cho đây là dịp tốt để gây uy tín liên xúi vợ Đảng Đến kiện Quang và Lượng lên Tòa án tỉnh. Đồng thời Bình vô Sài Gòn, kể sự việc cho ký giả báo “Hòa Bình” của phe đối lập. Báo đăng bài tố cáo bọn Quang, Lượng là “cường hào tàn ác ở An Phước”. Từ đó, tên tuổi “ông Vạn Thanh Bình, vì công lý, dám đấu tranh cho đồng bào Chàm” loan ra khắp vùng Chàm.

Đảng Quang Lượng tức tối, trả thù ngầm. Lượng xúi Tỉnh trưởng Trần Văn Tự tổng Bình về Tổng nha Thanh niên.

Lê Ngũ Hiệp – Giám đốc Tổng nha Thanh niên, vừa là bạn, vừa là đồng chí cùng đảng Cấp tiến với Tự - hành hạ Bình bằng cách điều đi công tác lung tung khắp các địa phương, làm cho Bình vừa mệt mỏi, vừa tốn kém.

Lặn lội mấy năm, Bình mới gặp được Châu Văn Mỏ, Phụ tá Tổng trưởng đặc trách người Chàm của Bộ phát triển sắc tộc. Châu Văn Mỏ tâm sự:

- Lại sắp đến đợt bầu cử Dân biểu Hạ viện. Thú thật với anh, tôi muốn làm dân biểu để được ăn nói, chứ làm Phụ tá Tổng trưởng chẳng xơi mùi gì.

Bình vỗ luôn thời cơ:

- Nếu ông xin cho tôi về được Ty Thanh niên Ninh Thuận, tôi hứa sẽ vận động cho ông thắng cử ở quê nhà.

Có đi, có lại, Mỏ mừng rơn, vội xin với Lê Ngũ Hiệp và Trần Văn Tự cho Bình về Ty Thanh niên. Đồng thời, ông ghi tên ứng cử Dân biểu ở quê hương.

Mùa tranh cử mở. Các ứng cử viên người Chàm Ninh Thuận hăng hái ghi tên: Lưu Quang sang, Dương Tấn Thi, Châu Văn Mỏ, Thành Công Thuận, Năng Xuân Phẩm.

Vừa tin vào uy tín của mình, vừa nghĩ không thành “công” cũng thành “danh”, Vạn Thanh Bình ghi tên xin tranh cử với các vị tai to mặt lớn.

Trong thời gian tuyên truyền, vận động, Bình đã đi khắp 16 diễn đàn trong tỉnh, tranh luận, phô trương thanh thế mình và tố cáo, bêu xấu các đối thủ. Bình vạch Lưu Quang Sang là cháu ngoại Dương Tấn Phát. Phát là tên quan lại đã dè hèn, bóp cổ, giết hại dân chúng như thế nào. Dương Tấn Thi là em Dương Tấn Sở. Sở làm Trưởng ty phát triển sắc tộc, đã cùng Thi tham ô, chiếm đoạt tiền viện trợ Mỹ như thế nào...

Trong các ứng cử viên, Lưu Quang Sang có thể mạnh nhất. Sang được Cha Mussây ủng hộ. Sang lại bỏ ra hơn 6 triệu đồng ra mua cử tri. Thế là Sang được 22.000 phiếu. Bình chỉ được 5.000 phiếu.

Bình tự an ủi, nói với bạn bè:

- Tôi xin ứng cử để có dịp tố cáo bọn sâu mọt, chứ làm dân biểu làm gì cho nhục? Dân biểu như Từ Công Xuân khóa trước, phải cạy cục xin xuất ngoại, buôn lậu để về trả nợ ư? Dân biểu

như Nguyễn Hữu Nghĩa ở Thừa Thiên, được mang danh là “Dân biểu xi-líp, su-chiêng” vì phải buôn những món hàng đó để kiếm lời trả nợ?

Tuy thất cử, tốn dăm trăm ngàn, phải về quê kéo cày trả nợ, nhưng Bình được tiếng là “đã từng ra tranh cử, dám vạch mặt bọn mị dân, làm sứt mẻ uy danh của chúng”.

Lương Vạng thay Đặng Quang Lượng làm Quận trưởng An Phước, bắt Bình làm dân vệ. Từ chỗ làm Trưởng chi Thanh niên một quận, chẳng gì cũng đã suýt làm dân biểu, thế mà giờ phải làm một tên dân vệ quèn, vác súng đi gác, Bình uất lắm.

Xin trở lại hoạt động thanh niên, bị Tự gạt đi, Bình đành xin đi dạy thể dục thể thao ở trường Trung học Cam Ranh. Dạy thể dục thể thao, Bình biết là một nghề võ biên, luôn bị học sinh coi rẻ.

Vừa chán nghề, vừa không từ bỏ được lòng tham danh vọng, Bình về Ninh Thuận tìm thời cơ hoạt động.

Lại một cuộc tranh giành thế lực xảy ra ở địa phương.

Cả sử Đồng Núi (người đang trụ trì thám Prô-mê) viên tịch. Cần có một Phó sư lên thay. Quận trưởng Lương Vạng và Trưởng ty phát triển sắc tộc Dương Tấn Sở đều muốn đưa người của phe mình. Thấy đây là một thời cơ gây uy thế, Vạng Thanh Bình tìm gặp ông Thiên Sanh Cảnh – người đang giữ chức Chủ tịch Hội đồng tế tự An Phước – bàn cách hạ uy thế Vạng, Sở và đưa người của mình nắm chức vụ quan trọng này.

Lương Vạng đưa Phó sư Hàn Bằng.

Dương Tấn Sở đưa Phó sư Đồng Thơ.

Bình ủng hộ Phó sư Trường Thọ.

Mỗi bên đều có thế mạnh và thế yếu khác nhau.

Hai Phó sư Hàn Bằng, Đồng Thơ, mới có 6 tuổi phó sư nhưng được hai đại biểu của chánh quyền ủng hộ.

Phó sư Trường Thọ, không được chánh quyền ủng hộ nhưng có 23 tuổi phó sư và được Cả sư Đồng Núi đề cử chúc lại, chọn thay ngài trụ trì tháp.

Trong khi xác Cả sư còn đặt ở nhà lễ, chưa hỏa táng, Bình nhanh chóng lấy chữ ký của các thầy Xế, bổn đạo, suy tôn Phó sư Trường Thọ làm Cả sư.

Phó sư Hàn Bằng đình ninh có vị Quận trưởng ủng hộ, Phó sư Đồng Thơ yên chí có ông Trưởng ty nâng đỡ, nên không ai quan tâm gì đến việc làm của Bình.

Đột ngột, vừa hỏa táng Cả sư Đồng Núi xong, dưới sự chủ tọa của hai vị Cả sư tháp Pô-na-ga và Cả sư tháp Pô Klông, Bình công bố Phó sư Trường Thọ được suy tôn làm tân Cả sư tháp Prô-mê thay Cả sư Đồng Núi.

Thế là, về danh chánh ngôn thuận, Phó sư Trường Thọ đã làm Cả sư.

Lương Vạng, Dương Tấn Sở tức tối, trình với Tỉnh trưởng Trần Văn Tự. Ngài Tỉnh trưởng an ủi hai thuộc cấp và tìm dịp “rửa mặt” cho hai vị.

Tết Ka-tê cổ truyền đã tới. Các thiện nam, tín nữ nườm nượp hành hương lên tháp. Tân Cả sư Trường Thọ đang uy nghiêm làm lễ thì thấy một đoàn xe chở Lương Vạng, có dân vệ, súng ống chinh tề hộ tống, đưa Phó sư Hán Bằng lên. Xe đỗ xích trước tháp. Phó sư Hán Bằng đòi đuổi Cả sư Trường Thọ đi để làm lễ. Hai bên xô xát. Dân vệ của Lương Vạng lăm lăm súng, sẵn sàng nhả đạn.

Bình sai người đi hô hoán Dân ấp Bầu Trúc vác dao, gậy ùn ùn kéo đến, xông vào đánh dân vệ. Trận ẩu đả loang to. Cô Lở – cháu tân Cả sư Trường Thọ – tụt hết váy áo, trèo lên xe Lương Vạng, giật mũ ông Quận trưởng chúi đít. Cả hai bên đều hăng máu đánh nhau chí mạng. Nhiều người bị thương, máu me đầm đìa.

Mấy hôm sau, Bình gài người, lấy được bản mệnh lệnh của Trần Văn Tự cho Vạng đàn áp, vội phóng về Sài Gòn, trình bày sự việc với phe đối lập. Báo Hòa Bình đăng bài, khua ầm ĩ vụ này, tố chánh quyền Ninh Thuận can thiệp trắng trợn vào tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân; dùng cảnh sát, dân vệ đàn áp dân chúng.

Đài UPI, AFP... đưa tin rùm beng, đả kích chánh quyền Thiệu và Trần Văn Tự, nhắc đi nhắc lại tên tuổi Vạn Thanh Bình, “người đã dũng cảm đứng về phía dân chúng tố cáo chánh quyền”, thế là cái tên Vạn Thanh Bình nổi lên như một nhân vật “đối lập” chánh quyền, đấu tranh cho đồng bào Chăm.

Sau đó, Bình được dẫn một đoàn gồm 12 đại biểu của dân tộc Chăm Ninh Thuận vô Sài Gòn, bày tỏ nguyện vọng trước Quốc hội...

Một nhân vật như thế, làm sao Sáng có thể bỏ qua.

- Được, cần có thằng này đưa ra để lôi kéo dân Chăm ta!

Sáng mỉm cười, gật gù.

Ngay sau đó, Sáng cho người liên lạc đưa Bình gia nhập FULRO.

Sáng, Bình, Quyên và một số tên khác đã họp ở khu rừng cạnh ấp Chung Mỹ, quyết định lập Mặt trận FULRO Champa.

Sáng nằm suy nghĩ miên man. Bỗng cửa liếp kẹt mở. Một cô gái trạc 16, 17 tuổi; đôi mắt tròn, to, đen láy, nước da nâu, vội vã lách vào. Cô chớp đôi mắt nhìn người lạ, lễ phép:

- Chào chú ạ!

Sắc gườm gườm nhìn cô gái, nghi ngờ:

- Cháu tìm ai?

Cô gái ngập ngừng thưa:

- Dạ, thưa chú, cháu tìm má cháu!

Sắc nhòe cười, những nếp nhăn trên trán đã giãn ra, thân mật:

- À, cháu là út của nhà, cháu tên là Trang hả?

Cô gái lễ phép gật đầu. Mái tóc cắt ngang vai đung đưa:

- Dạ!

Tiếng nói ngọt ngào, trẻ trung, ngây thơ như tiếng chim non.

Trang nói xong, thẹn thùng cúi xuống, nhìn vào ngón chân đang di di trên nền đất.

Sắc ân cần hỏi:

- Cháu về thăm nhà à?

- Dạ, cháu về nghỉ hè ạ! Thế chú, chú...

- Chú là bạn của anh Phóng, chú đến đây ở nhờ má cháu.

Một lúc sau, Phóng về, kéo Trang ra ngoài, dặn dò:

- Ông Huỳnh Ngọc Sắc, lãnh tụ của người Chăm, chỉ huy anh đó. Em không được nói cho bất cứ ai biết ông ở nhà ta nhé. Phải giữ bí mật. Lộ ra, bọn cảnh sát sẽ bắt ông và nhà ta đi tù hết. Em hiểu chưa?

Nghe cái tên Huỳnh Ngọc Sắc, Trang không khỏi ngạc nhiên. Trời, vị lãnh tụ Chăm mà Cha Mussây thường hay nhắc đến, người thường nói trong băng ghi âm, một chí sĩ, một thi sĩ của dân tộc, một lãnh tụ FULRO vĩ đại đang ở trước mặt mình sao?

Tối hôm ấy, chuyện trò với Sắc, Trang lễ phép:

- Chú ở Nam Vang về. Từ đó về đây gian nan, nguy hiểm lắm nhỉ?

Sắc lắc đầu:

- Bình thường thôi, như cháu đi học thôi!

Sao lại bình thường? Trang không tin như thế. Trong đầu óc ngây thơ của em, Sáng là một người phi thường, không thể tưởng tượng nổi.

Từ đó, trong căn nhà nhỏ, suốt đợt nghỉ hè, tình cảm giữa vị lãnh tụ Chàm và cô nữ sinh càng thêm thân mật, đậm đà. Tuy nhiên Sáng đủ khôn ngoan để kiềm chế mình, đồng thời khéo léo tuyên truyền giác ngộ cô bé ngây thơ về “tinh thần dân tộc”, về ý thức đấu tranh chống Cộng và nhất là về tình cảm thiết tha đối với những người hy sinh cho đất nước Champa trong Mặt trận FULRO.

Hết hè, Trang trở lại trường. Ở Trung tâm văn hóa, cô giáo Nhung, Cha Mussây lại giảng giải về FULRO.

Cứ như thế, mưa dầm thấm lâu, dần dà, Trang thấy cần phải theo FULRO, cần phải cầm súng chiến đấu trả thù người Kinh. Những lúc ấy, Sáng hiện ra trước mắt Trang như một vị cứu tinh của dân tộc, một người hướng đạo cho lớp trẻ như Trang. Một lời nói của Sáng có thể làm cho em sẵn sàng lao vào cái chết.

Cũng trong thời gian ấy, nhiều chàng trai Chàm, cùng học ở Phan Rang và cùng ở Trung tâm văn hóa đến với Trang: Thiên Sang Quận, Lộ Minh Trại, Trọng Chúng, Phú Mỹ...

Trong số đó, tình cảm giữa Phú Mỹ và Trang là sâu đậm nhất vì hai người cùng quê Chung Mỹ. Mỹ đang học lớp 12 trường Duy Tân. Những ngày chủ nhật, Phú Mỹ cùng Trang về quê. Tình yêu giữa hai học sinh nở ra trong trắng như dòng nước mát sông Cái do Pô Klông khai khẩn.

Mẹ Trang đã dự định, Trang học hết tú tài, bà sẽ cưới Mỹ về cho con gái.

Biết mối tình của Trang, Sáng khuyên:

- Dân tộc Chàm ta còn bị người Kinh áp bức, đô hộ, thì tình yêu của ta cũng không thể tự do. Muốn có tình yêu tự do phải giải phóng dân tộc.

Nghe theo lời “vị lãnh tụ”, Trang cùng cô giáo Nhung bỏ trường học, bỏ gia đình, bỏ người mẹ già, bỏ người yêu, theo Huỳnh Ngọc Sáng vào rừng hoạt động.

Để diu dặt, Sáng phân công Trang làm thư ký riêng cho mình. Cô có nhiệm vụ ghi chép danh sách các đơn vị, chép lại bản tuyên ngôn, lời kêu gọi, bài phát biểu của Sáng. Ngoài ra cô còn vận động chị em phụ nữ đi theo và tiếp tế cho FULRO.

Một đêm, trong một hang sâu ở khu rừng Gòn, mọi người đã ngủ say. Nhung ngủ trong góc hang. Sáng đến bên ổ lá cây Trang đang nằm, nhìn cô thư ký với ánh mắt lạ, rồi đưa cho cô một quyển sổ. Sáng nói khẽ:

- Gửi Trang cái này!

Trang ngập ngừng:

- Thừa chú, tài liệu ạ?

- Không, tập thơ, Trang đọc đi!

Ngập ngừng một hồi, Trang cầm quyển sổ, lật ra xem. Dưới ánh đèn pin, những hàng chữ viết tay đậm hiện lên đen sẫm “Mùa lý tưởng – Thơ của Chiêm Nhân”. Trang ngược mắt nhìn vị chỉ huy của mình:

- Chiêm Nhân là...à, cháu nghĩ ra rồi...là chú.

Sắc cười rất tươi:

- Chiêm Nhân là người “tự nguyện suốt đời làm một người Chăm, vì người Chăm mà hy sinh. Thôi, Trang đi ngủ đi. Ngày mai hãy đọc. Khuya rồi. Chúc Trang ngủ ngon!

Sắc đứng dậy, vào góc hang. Bóng Sắc chìm vào bóng tối. Trang không thể chờ được đến hôm sau, em lại bấm đèn, giở quyển sổ, đọc ngấu ngiến những bài thơ. Em dừng lại lâu hơn bài “Yêu”:

Yêu rồi đó nên người đi nhớ lắm.

Rằng người ơi, ở lại có buồn không?

Ồ mùa trăng, trăng chết lặng trời đông

Hận tích đó hãy chia phần người nhé!

Viên gạch tháp làm duyên trên trần thế.

Quà cho nhau một nắm đất quê hương...

Những bài thơ sau, lúc thiết tha sôi nổi, lúc buồn lắng u uất, cứ thấm dần vào tâm hồn non trẻ của Trang, gặm nhấm, làm cho em có nhiều cảm giác xáo trộn.

Trang đọc hết tập thơ, Sắc lại đưa cho cô tập hồi ký “Con đường của tôi”, kể lại cuộc đời hoạt động gian nan, vất vả của hấn, từ thời thơ ấu đến khi trưởng thành. Hấn kể rất tỉ mỉ những cuộc gặp gỡ Thiệu “đấu tranh đòi quyền lợi cho dân tộc Chăm”, những buổi họp, chiêu đãi có mặt Thiệu và những quan chức cao cấp. Những lời bọn họ ca ngợi, đề cao Sắc, coi hấn là một lãnh tụ lớn. Cuối tập hồi ký, hấn kể chuyện gặp “cô nữ sinh ngây thơ trong trắng Tr.g như thế nào. Tình yêu bùng lên trong “tâm hồn bao năm tưởng đã khô cứng trong ngọn lửa tranh đấu” như thế nào. Tập hồi ký kết thúc bằng tiếng gọi tha thiết: “Anh hy vọng rằng, tình người chưa chết trong lòng người, tình anh chưa chết trong lòng em thì anh em ta cùng sánh vai nhau để cùng đi trên một con đường. Đường đi chúng ta còn dài. Anh muốn gửi cho em cả một phương trời đầy mây hồng...Anh không muốn sống cô đơn, thiếu em trên con đường ấy. Nếu không may anh chết đi, ai sẽ chôn anh

nơi rừng vắng, ai sẽ khóc trên ngôi mộ anh? Trên ngôi mộ của anh chỉ để cho sự thờ ơ lạnh lùng, không ai hương khói”.

Một bức thư tình khôn khéo ẩn náu qua những trang sách chánh trị! Trang không thể nhận ra mưu thâm ấy. Những trang hồi ký giả dối và lãng mạn ấy đã làm cô nữ sinh ngây thơ thêm xúc động. Sáng vừa là người đáng kính vừa là người đáng thương đối với Trang. Nhưng cô vẫn nhìn Sáng với ánh mắt e ngại, sờ sợ.

Một đêm, sáng đã cử mọi người đi vào ấp hết, trong hang vắng lạnh lẽo chỉ còn lại hấn và Trang. Ngoài trời mưa. Gió lay xào xạc rừng cây. Lúc lúc sét đánh xanh lè ngoài cửa hang. Trang vừa ngả mình xuống ổ lá cây khô, kéo chiếc cổ áo len cao lên cho đỡ lạnh. Bên cạnh, đồng lửa cháy lép lép. Sáng đến bên đồng lửa, nhìn vào ổ của Trang:

- Trang còn thức không?

Trang nhồm dậy, cời lửa:

- Chú chưa đi ngủ à?

Sáng không trả lời câu hỏi của em. Mặt hấn tỏ vẻ giận, đôi mắt nhìn đắm đắm vào ngọn lửa. Giọng nói sắc gọn:

- Anh muốn hỏi em một điều? Sao em không trả lời những câu hỏi của anh? Em không yêu anh sao?

- Cháu! Cháu!

Nhưng Sáng đã cất tiếng nói say sưa, mặc cho Trang nghe hay không nghe, hiểu hay không hiểu. Những câu nói, những lập luận của nhà thơ si tình tuôn trào, át tiếng nói chánh luận của nhà chí sĩ thường ngày.

Nói rồi, vị chỉ huy bỗng đến bên ổ, nhìn thẳng vào mặt Trang với đôi mắt đục ngầu. Trang chưa kịp đứng dậy chạy trốn thì Sáng đã ôm riết lấy em, vật ra ổ lá cây... Tiếng lá cây khô rào rào. Trang giãy, hét nhưng vô vọng... Ngoài cửa hang vẫn mưa, những tiếng sét nổ ầm ầm, ánh chớp xanh lè.

23. KHI MẶT NẠ RƠI XUỐNG

Jay về Mỹ. Huỳnh Ngọc Trăng, Hán Văn Ba, Quảng Vờ tiền anh nuôi ra tận phi trường Tân Sơn Nhất. Jay hứa hẹn ngày gặp lại nhau trên “đất nước Champa giải phóng”. Về Mỹ, Jay thường liên hệ thư từ với các em nuôi và người tình.

Đầu năm 1975, Jay trở lại thật. Jay đến trường Pô Klông, Trung tâm văn hóa Chăm gặp giáo viên, học sinh. Lợi dụng lúc Mussây về Pháp, Jay chụp ảnh các sách Chăm, ghi âm các bài hát, tìm các tác phẩm nghệ thuật Chăm... gửi về nước...

Jay vui mừng vì Huỳnh Ngọc Trăng, Quảng Vờ đã lên Đà Lạt, học ở Viện đại học với Lê Thị Ý.

Jay lên ngay Đà Lạt.

Tình cảm giữa người “thanh niên chí nguyện” Mỹ và cô sinh viên Việt Nam lại bùng lên mãnh liệt.

Khi tiếng súng Quân giải phóng mở đầu trận tấn công Buôn Mê Thuật, Jay vội vã đến cùng chiến sự. Jay vào trường sư phạm Cao Nguyên gặp các sinh viên Chăm: Đồng Minh, Hán Văn Thọ, Thị Mão, Hán Thị Minh Tâm...đang học ở đây để đưa về Mỹ.

Ngày 11-3-1975, Jay đang tập hợp, chưa kịp đưa họ đi thì Buôn Mê Thuật giải phóng. Y bị bắt.

Căn cứ vào lời khai và các tài liệu y mang trong người, các chiến sĩ an ninh đã biết y là một nhân viên CIA.

*

* *

Buôn Mê Thuật thất thủ, giáo sĩ Newman, Jimmi, Y Chôn, Ha Brông, Nikôlai...vội họp bàn.

Newman nói:

- Nguyễn Văn Thiệu không thể nào giữ được Cao Nguyên và toàn miền Nam. Cuộc chiến sẽ kết thúc. Chính phủ hòa hợp dân tộc sẽ ra đời. FULRO cần phải có vị trí trong Chính phủ, nghĩa là cần phải nắm lấy dân chúng ở Cao Nguyên ngay từ bây giờ! Thời cuộc đã như thế này, không có cách nào làm cho dân Thượng nghe theo ta hay hơn là cách làm cho họ tin rằng FULRO có hợp tác với Việt Cộng đánh Thiệu.

Jimmi bắn khoăn:

- Thưa giáo sĩ! Ngay từ năm 1972, chúng ta đã làm điều ấy. Nhưng Việt Cộng đã biết thủ đoạn này nên có bị lừa đâu?

Newman xua tay:

- Nhưng dân chúng đâu có biết? Mặc thái độ của Việt Cộng. Ta cứ tiến hành kế hoạch của ta.

Y Chôn trầm tĩnh:

- Ngài Newman dạy rất đúng. Hiện nay bọn Thiệu đang hoang mang, tan rã. Ta cứ cho FULRO đánh chiếm một số nơi. Dân chúng thấy ta đã đánh Thiệu, làm sao không tin là ta hợp tác với Việt Cộng? Họ sẽ xếp ta vào đội quân chiến thắng và ủng hộ đại biểu của ta vào Chánh phủ hòa hợp. Đây là thời cơ tốt, FULRO cần nắm lấy. Cần có một số vốn chánh trị.

Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng, những người có mặt nhất trí, FULRO cần ra gấp lời hiệu triệu.

Từ Đà Lạt, Y Chôn thúc Kpă Kới tung ra ngay một bản hiệu triệu kêu gọi đồng bào Thượng theo FULRO và Cách mạng vùng lên đánh đổ Nguyễn Văn Thiệu. Kpă Kới cũng lệnh cho FULRO đánh một số nơi.

K'Năm thực hiện ngay kế hoạch đó. Y chỉ huy FULRO chuẩn bị lực lượng định đánh yếu khu Đàm Rông. Lợi dụng lúc Quân giải phóng từ Buôn Mê Thuột đang tấn công ào ạt các vùng quanh Đàm Rông. K'Năm lên gặp Y Đứ, Chỉ huy trưởng yếu khu Đàm Rông, một sĩ quan thuộc cấp của K'Năm trước đây.

- Quân Cộng sản mạnh lắm, sắp lấy yếu khu này. Thế nào thì anh cũng thất thủ, phải trao cho chúng. Vậy anh hãy trao cho FULRO chúng tôi trước đi. Như thế, vừa tránh được đổ máu, vừa bảo toàn được

danh dự, không mang tiếng thua Việt Cộng lại còn được tiếng đã trao mảnh đất này lại cho người Thượng mình.

Y Đứ nghe theo lời K'Năm, giao yếu khu cho FULRO. Toàn bộ số lính Thượng ở đây thành quân của K'Năm.

K'Năm báo với Kpă Kới đã lấy được yếu khu Đàm Rông. Kpă Kới loan tin rùm beng: *"FULRO đã dũng cảm chiến đấu chiếm yếu khu Đàm Rông trong tay quân Thiệu"*.

*

* *

Đọc lời hiệu triệu của Kpă Kới, Nay Loét nhăn mặt, đôi mắt đục đỏ lên giận dữ, nói với Y Buăn:

- Lời hiệu triệu do thằng Y Chôn viết ra chứ đâu phải của thằng Kpă Kới? Đọc lời lẽ của nó, tôi nhận ra ngay! Chà, cái thằng xảo quyệt thật. Vẫn nằm trong chánh quyền mà chỉ huy FULRO lật chánh quyền. Anh cho liên lạc đây nói với Đại tá tỉnh trưởng Đoàn, tôi sẽ nhờ ông ta cấm nó xuống các buôn ấp vận động đồng bào theo FULRO, ngăn chặn tên làm phản.

Nhưng Đại tá Đoàn cũng không ngăn cản được Y Chôn. Được người Mỹ, thông qua giáo sĩ Newman giúp, với tư cách là Trung tâm trưởng, trực thuộc Bộ, Y Chôn vẫn liên lạc với Kpă Kới hoạt động. Không còn cách nào khác, Nay Loét ra lệnh triệu Y Chôn về Sài Gòn.

Y Chôn hí hửng tưởng đã đánh đổ được Nay Loét, lên làm Tổng trưởng, vội vã về Sài Gòn. Thế là y bị giam lỏng.

Các mũi tiếng công của Quân giải phóng như vũ bão. Tướng Phạm Văn Phú – Tư lệnh quân đoàn II – dẫn tàn quân giẫm lên nhau theo đường 7B chạy về Tuy Hòa. Toàn bộ Tây Nguyên giải phóng.

Nay Loét nói với Tổng thư ký K'briu:

- Cao Nguyên mất. Chúng ta sẽ thân cô thế cô, chẳng còn quyền hành gì. Ta phải xin với ông Thiệu cho một lực lượng lớn tái chiếm Cao Nguyên ngay! Không thể để đất đai của ta vào tay Cộng sản được!

Đơn đệ trình gửi lên, Tổng thống Thiệu thờ dài:

- Mất Cao Nguyên, ta biết là sai lầm lớn. Nhưng còn quân đâu mà tái chiếm Cao Nguyên? Ngay Sài Gòn giờ đây cũng không giữ nổi nữa là cái vùng đất xa xôi ấy? Người Mỹ đã bỏ rơi ta!

Không còn hy vọng gì ở Chánh phủ, Y Chôn, Nay Loét tạm dẹp mối bất hòa, cùng nhau bàn bạc, tìm phương sách chống lại Cách mạng, giữ quyền lợi của mình ở Cao Nguyên.

Nay Loét gửi công văn triệu tập ngay một số người tai mắt của Cao Nguyên đang có mặt ở Sài Gòn về Bộ họp gấp. Các đại biểu hấp tấp kéo về, kể cả những người thù địch với Nay Loét. Toàn những nhân vật có tên tuổi của Bộ và Phong trào dân tộc. Ngoài Y Chôn, có Paul Nur (cựu Tổng trưởng), Tounch Hàn Thọ (cựu Tổng thư ký), Y Thih (Phụ tá Tổng trưởng), Nay Mun (Phó Tỉnh trưởng Thượng vụ Phú Bổn), Y Kuốt (Thanh tra Bộ), Y Klong (nhân viên USAID), Pierre K Briu (Tổng thư ký Bộ)...

Nay Loét nhìn quanh, không thấy Giám đốc Nha công tác phát triển Y Buăn đến, ông rất bức tức, sai Pierre gọi điện cho Y Buăn. Tiếng nói vang vang trong máy, Nay Loét giật ống trong tay Pierre, nói rín rít vào ống:

- Nếu ông muốn trở về Cao Nguyên thì ông đến cho. Hay là ông theo người vợ Kinh của ông, bỏ mặc mọi người? Chúng ta đang đứng trước nguy cơ lớn, ông nữ lòng nào làm ngơ?

Nói xong, không cần nghe trả lời, ông đập ống nói vào máy, giận dữ:

Một lúc sau, Y Buăn đến. Nay Loét hàm hàm, rút khẩu súng Côn trong túi tên cận vệ, chìa vào Y Buăn.

Y Chôn vội chạy đến can. Ông cầm tay Nay Loét và chửi khéo ngài Tổng trưởng:

- Xin ông đừng nóng nảy. Lực lượng chúng ta giờ chẳng còn mấy người. Phải đoàn kết lại, chứ cứ hục hặc với nhau như thế này thì đến tan rã, không còn sức chống Cộng sản đâu!

Nay Loét vẫn chưa nguôi giận, ngồi vào ghế, rầu rầu nói với các đại biểu:

- Cao Nguyên đã mất vào tay Cộng sản. Chúng ta không thể ngồi nhìn. Hôm nay, được lệnh của ngài cố vấn, chúng tôi mời các quý vị đến đây để bàn bạc kế hoạch đối phó.

Y Chôn tiếp lời Nay Loét:

- Không những Cao Nguyên mất mà toàn miền Nam cũng sẽ mất. Kế hoạch hậu chiến đã được các ngài cố vấn vạch ra cho chúng ta. Mục tiêu của kế hoạch đó là, đấu tranh lâu dài với Cộng sản, tách Cao Nguyên ra khỏi Việt Nam, dân tộc Thượng tự điều hành lấy mọi công việc. Chúng ta không thể để cho bọn dân nghèo theo Cộng sản trở về nắm hết quyền hành. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải đoàn kết lại, giành lại mọi quyền lợi đã mất.

Các đại biểu đua nhau phát biểu. Mỗi người một thái độ. Kẻ lừng chừng, người hung hăng. Cuối cùng, theo ý kiến của Y Chôn, một mặt trận được thành lập lấy tên là “Mặt trận cứu nguy dân tộc Cao Nguyên” nhằm tập hợp lực lượng tái chiếm Cao Nguyên.

Họ thảo luận xong mục tiêu và chương trình hành động. Nay Loét kết thúc:

- Nếu như Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa đổ thì Bộ phát triển sắc tộc cũng không còn đủ khả năng để điều hành công việc các dân tộc thiểu số toàn quốc và Cao Nguyên. Khi đó, theo kế hoạch hậu chiến, chúng tôi xin trao lại Cao Nguyên cho Mặt trận FULRO. Mong tất cả các vị hãy ủng hộ FULRO, đoàn kết quanh FULRO để chống Cộng sản, giải phóng dân tộc. Còn bây giờ, xin các vị dồn hết nỗ lực cho chương trình tái chiếm và cứu nguy Cao Nguyên chúng ta.

*

* *

Ở Ninh Thuận, nghe ngóng tình hình, thấy thời cơ đã đến, Huỳnh Ngọc Sáng, Vạn Thanh Bình, Kiều Ngọc Quyên ráo riết hoạt động.

Trưa 3-4-1975, thấy quân nguy rút, một số nơi bỏ trống, Sáng, Bình tập hợp dân chúng ấp Như Ngọc tụ lại trên một bãi rộng, Huỳnh Ngọc Trăng giương cao lá cờ FULRO Champa. Cảnh Trăng, Lưu Ngọc Tuấn và nhiều thanh niên giương súng lăm lăm.

Huỳnh Ngọc Sáng đứng trên một mô đất cao, vung tay, thuyết:

- Tôi là đại diện dân tộc Chăm trong Mặt trận FULRO. Cụ Y Băm cử tôi về đây thành lập Mặt trận FULRO riêng cho đồng bào Chăm.

FULRO đã cộng tác với Mặt trận dân tộc giải phóng. Vừa qua, đã giải phóng Buôn Mê Thuột và toàn Cao Nguyên. Ban lãnh đạo FULRO giao cho Mặt trận FULRO Champa giải phóng các ấp Chăm. Các chiến sĩ FULRO Champa đã đánh đuổi quân Thiệu khỏi quê hương ta. Giờ đây, chúng ta phải tự giữ lấy đất đai, nhà cửa của mình, không để cho bất cứ lực lượng nào vào chiếm.

Chúng phân lực lượng quân sự, phát vũ khí. Biết rằng Cách mạng và cả những người dân Chăm hiểu biết không thể nào chấp nhận một tổ chức chính trị có lực lượng vũ trang riêng và có

cơ cấu như chính quyền nhà nước. Sáng khôn khéo khoác cho các đơn vị chiến đấu của chúng danh nghĩa những đội chống cướp bảo vệ an ninh xóm làng trong khi Quân đội Cách mạng chưa đến kịp. Cứ như thế, chúng đi tuyên truyền và thành lập lực lượng khắp các ấp, mặc dầu lúc này ở một số vùng giải phóng, cán bộ chánh quyền, Công an và du kích ta đã về tiếp quản.

Ngày 8-4 chúng treo cờ FULRO ở các ấp.

Ở ấp Hữu Đức, Sáng cùng Nại Thanh Hùng – cảnh sát Thiệu còn lại – chỉ huy lực lượng canh gác các nơi.

Mấy hôm sau, nghĩ ra một phương kế mới, Sáng bàn với Bình:

- Cần phải lôi kéo bọn cán bộ là người Chăm đi với ta đến các ấp để cho dân chúng tưởng rằng ta đã cộng tác với Việt Cộng.

Sáng cử Bình cùng Thành Phú Bá, đánh một chiếc xe Jeep đến nhà ông Thiết Ngừ, mời mọc:

- Bà con các ấp tổ chức lễ mừng quê hương giải phóng, cử chúng tôi đến mời ông tới dự với bà con.

Là một cán bộ Chăm rất thiết tha với đồng bào, nghe nói bà con mời, ông Ngừ hăng hái đi ngay.

Bá đưa ông đi khắp 22 ấp Chăm thăm hỏi bà con làm cho nhiều người lầm tưởng FULRO đã hợp tác với Cách mạng thật.

Từ đó, chúng càng ngang nhiên coi như mình là chủ vùng Chăm và hung hăng chống lại mọi cố gắng của Quân đội giải phóng tiến vào vùng này.

Mấy ngày sau, bọn chỉ huy FULRO bàn bạc định leo thêm một nấc. Chúng cử Bình phóng xe hon-da sang ấp Hậu Sanh. Gặp ông Lê Thanh Bình – Trưởng Công an huyện An Phước, y đề nghị:

- Tôi đã tập hợp được hơn 1.000 người. Xin ông cho chúng tôi cùng quân Cách mạng giải phóng Sài Gòn.

Ông Lê Thanh Bình nhìn Vạn Thanh Bình, cười:

- Từ trước tới giờ, không thấy các anh đánh Thiệu. Bây giờ, Sài Gòn sắp giải phóng sao các anh mới xin góp sức?

Vạn Thanh Bình im lặng. Ông Lê Thanh Bình hỏi:

- Các anh nói FULRO đã cộng tác với Cách mạng giải phóng Buôn Mê Thuột và Tây Nguyên có đúng không?

Bình lúng túng:

- Thưa ông, ông Sáng nói thế.

Ông Bình không nén được cơn giận:

- Các anh nói láo. Anh về bảo ba tên Sáng, Quyên, Hùng để bộ đội vào ấp. Không được chống cự nữa, không được lừa bịp nhân dân nữa!

Bộ đội ào ào tiến vào các ấp. Tên Hùng chỉ huy FULRO đánh lại, bị bắn chết. Bộ mặt lừa bịp của chúng bị rơi thảm hại buộc chúng phải quay ngoắt 180 độ, phơi trần âm mưu chống Cách mạng.

Huỳnh Ngọc Sáng kêu rêu:

- Cách mạng phản bội. FULRO hợp tác với Cách mạng đánh Thiệu, giải phóng đất nước, giờ đây Cách mạng cướp công. Phải đứng lên chống lại Cộng sản người Kinh vì chúng sẽ tiêu diệt người Chăm. Thanh Hùng bị giết rồi. Lương Vạng, Dương Tấn Sở bị bắt. Anh em không chạy lên rừng sẽ bị chết hết.

Sáng, Trang, Nhung, Kiều, Trọn trở lại Sông Pha gặp Hà Giáo – một mục sư Tin lành người Rắc Lây, chỉ huy FULRO Thượng vùng này.

Họ ở trong hang gần ấp Gòn. Từ đây, họ liên lạc với các ấp người Thượng, người Chăm, lấy tin tức và lương thực.

Thời gian này, Sáng lại bắt bò với Từ Thị Nhung.

Vốn tính lẳng lơ, thích sống buông thả, Từ Thị Nhung nhanh chóng trở thành người tình của Sáng.

Thế là, một lúc, vị chỉ huy FULRO Chăm có hai người tình. Y khéo giữ đến mức cả hai người đều đinh ninh rằng mình là người tình duy nhất của y.

Một buổi, để tránh con mắt của Trang, Kiều, Trọn, Sáng và Nhung rủ nhau vào ngủ nhờ ở ấp Gòn. Hai người đến một căn nhà sàn. Một ông già Rắc Lây đang ngồi hút thuốc trước cửa. Sáng lễ độ:

- Hai chúng tôi lỡ độ đường, xin ông cho ngủ nhờ một đêm!

Ông già rút tẩu thuốc khỏi miệng, nhìn Sáng, gườm gườm nói rằng:

- Nhà tôi không phải là nhà chứa!

Nghे ông già nói, Sáng hiểu rằng phải rút ngay, chậm chân là ăn dao, ăn gậy.

Hai người lủi thủi về hang.

24. BÀ NGOẠI TRƯỞNG

Quân giải phóng tiến vào Sài Gòn. Chương trình “Cứu nguy Cao Nguyên” chẳng ai thực hiện. Họ còn thu vén vàng, kim cương để di tản. Ban chỉ huy “Mặt trận cứu nguy dân tộc Cao Nguyên” thành “Ban chỉ huy di tản” cho các vị tai to mặt lớn của Cao Nguyên.

Ngày 24 tháng 4, Nay Loét cùng Giám đốc các Nha của Bộ chờ ở cư xá Tân Quý Đông để lên máy bay trực thăng ra Tân Sơn Nhất. Ba ngày ăn chực nằm chờ, mãi đến ngày 27-4, Cách mạng đã giải phóng Biên Hòa, bao vây Sài Gòn rồi mà vẫn chẳng thấy máy bay nào tới.

Nay Loét thấy nguy, chửi rủa Thomas Busker, Thiệu là mang con bỏ chợ, rồi đánh xe chở vợ con về Bộ, hùng hồn tuyên bố với các nhân viên:

- Tôi quyết định không đi nước ngoài để sống sung sướng một mình. Tôi xin ở lại để cùng chia sẻ gian nan, nguy hiểm với đồng bào ta.

Y Chôn cười, rỉ tai Y Buôn:

- Không còn có màn kịch nào hài hước hơn màn kịch mà ông Tổng trưởng vừa công diễn. Một tiếng đồng hồ trước, ông ta còn định sang Mỹ để “đấu tranh cho dân tộc”, Lúc này ông lại tuyên bố sống, chết với đồng bào. Không biết rồi ông còn tuyên bố những gì nữa?

Sài Gòn giải phóng. Nay Loét, Paul Nur chạy trốn. Lợi dụng tình hình nhộn nhạo, Y Chôn nhảy ra tự thành lập “Ủy ban Cách mạng dân tộc thiểu số”, bàn giao Bộ phát triển sắc tộc cho Cách mạng khi vào tiếp quản. Ông mập mờ làm như mình là một cán bộ Cách mạng hoạt động bí mật. Vì thế, ông được Ủy ban quân quản tạm thời cử làm Chủ tịch “Ủy ban Cách mạng dân tộc thiểu số”. Y Chôn hí hửng, chắc mẩm rằng, mình lại sẽ lọt qua màn lưới sàng lọc của chánh quyền Cách mạng và sẽ leo lên những cương vị cao trong chánh thể mới như đã từng leo trong các chánh thể trước. Ông xin làm bất cứ việc gì Cách mạng giao. Nhân sắp đến ngày 19-5-1975, ông viết bản “Thành tích cách mạng của một người dân tộc hoạt động bí mật từ năm 1945 đến 1975, ghi lại ngày 19-5-1975 để mừng sinh nhật thứ 85 Hồ Chủ Tịch vĩ đại” nộp chánh quyền Cách mạng. Sau đó ông xin làm cố vấn vấn đề sắc tộc cho Chánh phủ. Với tư cách là người sáng lập FULRO, ông soạn thảo “Bản tuyên cáo của Mặt trận thống nhất tranh đấu của các dân tộc bị áp bức (FULRO)”, tuyên bố FULRO là một lực lượng cách mạng, đã góp công đánh đuổi Mỹ, Thiệu giải phóng đất nước và xin tham gia chánh phủ.

Tuyên bố của Y Chôn không đúng sự thật. Yêu sách của FULRO trái với cuộc đấu tranh thống nhất đất nước và nguyện vọng của toàn dân. Vì thế không được chấp nhận.

Không kiểm soát được quyền chức, Y Chôn tức tối quyết định chống phá Cách mạng bằng vũ lực. Ông cử Trung tá Hajuni – Đặc phái viên chánh trị quân khu 4 FULRO phái Nikôlai – gặp

Kpă Kóí, Nikôlai, K'Năm và các vị chỉ huy khác truyền đạt mệnh lệnh. Kpă Kóí lệnh cho FULRO toàn Cao Nguyên bạo động.

Vì thế mà tiếng súng của quân Thiệu vừa im, tiếng súng của FULRO lại nổ ở khắp Cao Nguyên và Bình Nguyên miền Trung. Ở Gia Lai – Công Tum, quân khu 2 của chúng đánh các buôn quanh thị xã Plei Ku, Công Tum. Chúng phục kích giết chết anh hùng Quân giải phóng Ma Trang Lớn; đánh phá Phú Bốn; nổi loạn ở Phú Thiện... Ở Đắc Lắc, quân khu 3 FULRO tấn công các cơ quan huyện Lạc Thiện, Buôn Hồ, Krông Pách... giết hàng trăm cán bộ, bộ đội. Chúng phục kích đường 19, 21, 15 đánh xe quân sự, giết hành khách, cán bộ và nhân dân. Ở Lâm Đồng, quân khu 4 của chúng đánh các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, Di Linh...

Ở Ninh Thuận, Bình Thuận, FULRO Chàm ngấm ngầm kéo thanh niên Chàm, Rắc Lây lên rừng.

Thấy FULRO hoạt động mạnh, Paul Nur không thể ngồi yên. Phải làm gì đây? Bao nhiêu năm hoạt động “cách mạng”, giờ chả lẽ an phận thủ thường sao? Thời cơ trở lại chánh trường đã đến, ông phải cướp lấy.

Sau khi họp bàn kế hoạch hậu chiến với Nay Loét, Paul không thể không bắt tay với FULRO.

Nhưng Paul không muốn cộng tác với Y Bliêng và Y Chôn “những tên Ê Đê xảo quyệt”, sẵn sàng hất ông khỏi cương vị cao, cướp lấy thành quả. Là Phó chủ tịch BaJaRaKa, một bậc “tiền bối cách mạng”, Paul muốn trực tiếp nắm lấy FULRO trong tay mình. Paul được Y Buăn cho biết là trong số những tên chỉ huy FULRO thì Hội trưởng phụ nữ H'Tlồn vừa thay Y Prêh làm Tổng trưởng Ngoại giao, là người có nhiều quyền lực, Paul không lạ gì H'Tlồn.

H'Tlồn là người Hdrung, ở một buôn hẻo lánh thuộc Khánh Dương. Hồi nhỏ, cô rất nhút nhát, ngoan ngoãn. Mỗi lần cô đi học, buổi sáng, má phải đưa đến trường, buổi trưa đến đón về. Cô không dám chơi với bạn trai, chỉ thui thui một mình hoặc quanh quẩn với một vài cô gái khác.

Học hết tiểu học ở Khánh Dương, cô lên châu thành Buôn Mê Thuột và được vào học ở trường Trung học.

Tiếp xúc với cuộc sống ở nơi thủ phủ của Cao Nguyên này, cô mạnh dạn dần lên.

Năm thứ nhất, cô có thêm bạn gái mới. Năm thứ hai có bạn trai. Phần lớn là con nhà giàu, con các viên chức hoặc sĩ quan. Họ dạy cô cách nhảy đầm, nghe những bản nhạc tân kỳ, đọc những cuốn sách truyện lạc.

Họ dạy cô học tiếng Anh, làm quen với những sĩ quan, binh lính “Lực lượng đặc biệt Mỹ” thường được mệnh danh là những chiến sĩ “mũ nồi xanh”; quen những nhân viên Mỹ ở cơ quan USAID Buôn Mê Thuột.

Đến năm học cuối H'Tlồn đã thành cô gái tân kỳ, biết mặc quần loe, mi-ni-díp, quần áo bó; thạo các môn ăn chơi, tiêu tiền. Học xong trung học, cô không muốn học đại học vì phải chịu thời

gian khắc khổ, không có tiền ăn chơi, may mặc. Vốn biết tiếng Anh, cô chọn một nghề rất thịnh hành, kiếm nhiều tiền nhất lúc đó: phiên dịch cho “Lực lượng đặc biệt” Mỹ.

Sau một thời gian sống nhẩy nhụa với các sĩ quan và quân nhân “mũ nồi xanh”, cô gặp đại tá Kersting cố vấn quân đoàn II. Đại tá đã cặp bồ với cô, đưa cô về trụ sở Bộ chỉ huy Quân đoàn II ở Plei Ku làm phiên dịch và làm vợ hờ của mình. Đó là thời kỳ hoàng kim của cô. Nhờ người chồng hờ có uy thế lớn đối với Quân đoàn, cô được nhiều người kiêng nể, từ tướng Ngô Du, đến tướng Nguyễn Văn Toàn. Và hai tướng cũng thường lén lút đi lại với cô.

Đại tá Kersting về nước, trung tướng Jôn Pôn Van thay làm cố vấn quân đoàn và cũng thay luôn làm nhân tình của H'Tlồn. Jôn Pôn Van nhận cô vào mạng lưới CIA và ép Y Chôn đưa vào làm Phụ tá Ngoại trưởng, kiêm Hội trưởng phụ nữ FULRO. Jôn Pôn Van chết, H'Tlồn bắt nhân tình với nhiều người và sống như một gái điếm thượng lưu. Trong số nhân tình, cô phân ra nhiều loại theo màu da, dân tộc. Loại thượng hạng là các sĩ quan Mỹ trong Ban cố vấn quân đoàn, các đơn vị thuộc “Lực lượng đặc biệt Mỹ”.

Khi nào vắng các vị đó, cô mới bắt mối với các sĩ quan Việt Nam người Kinh. Cạn sĩ quan người Kinh, cô mới chịu đi với sĩ quan người Thượng.

Số tiền kiếm được khi làm vợ bé của hai ngài cố vấn và các sĩ quan Mỹ, cô mua một chiếc xe Pơ-giô 504 và một xe Jeep. Cô đi lại nghênh ngang như một vị chỉ huy trong trụ sở Bộ tư lệnh quân đoàn.

Một lần, cô phóng xe Jeep từ Plei Ku về Bộ chỉ huy. Tên lính gác cổng mới thuyền chuyền đến, không biết cô, chặn xe lại hỏi. Chẳng cần xuất trình giấy tờ, cô hát hăm:

- Mà mày không biết tao là ai à?

Tên lính nói thật:

- Tôi không biết!

- Láo!

Cô rút súng Côn trong bao, nổ một phát vào tên lính rồi ung dung lên xe, phóng vào Bộ chỉ huy.

Cô gặp Trung tướng Toàn, giận dữ kể tội của tên lính. Trung tướng Tư lệnh quân đoàn chiều lòng cô, bắt đưa tên lính đang hấp hối từ bệnh viện về nhà cô tạ tội.

Để kiếm thêm nhiều tiền, cô còn lập một Bar ngay cạnh sở chỉ huy, bán rượu, ma túy và chứa gái cho cố vấn và quân nhân Mỹ. Cô trở thành một chủ nhà chứa. Cô lấy tiền bọn Mỹ rất cao, nhưng trả cho các cô gái rất rẻ. Với nghề này cô hốt tiền triệu. Chẳng bao lâu cô trở thành giàu có – Càng giàu có, cô càng oai vệ, nhiều quyền lực và được nhiều sĩ quan chỉ huy kiêng sợ. Với số tiền kiếm được trên thân thể các cô gái, cô lao vào những trò chơi kỳ quái về ái tình. Cô chọn

những thanh niên trẻ, khỏe, lấy họ dùng một thời gian rồi lại thải đi như những bã thuốc. Không ai tính được cô có bao chồng chờ người Mỹ, người Kinh và Thượng như thế.

Sau khi thải Rcom Mep, cô lấy Siu Chang – Một võ sư ở Trung tâm huấn luyện biệt kích Plei Ku. Siu Chang người Ja Rai, to, khỏe, có cánh tay rắn chắc, có bộ ngực nở nang của lực sĩ. Siu Chang thuộc nhiều môn phái võ thuật các nước Pháp, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn.

Mặc dù là võ sư, tình tình hung hãn, nhưng Siu Chang vẫn bị lép vế trước vợ. Nhiều lần, cô ngồi bên các cô vắn Mỹ, hút thuốc lá, uống bia, ăn kẹo, nói năng cười đùa, để xem Siu Chang lấm lem, hoa chân múa tay mồ hôi đầm đìa huấn luyện lính biệt kích.

Lấy Siu Chang rồi, nhưng cô vẫn đi lại với các cô vắn Mỹ.

Một hôm Siu Chang bắt quả tang H'Tlồn ngủ với tên cô vắn Mỹ. Hai vợ chồng cãi nhau.

Không kìm được cơn ghen, Siu Chang chửi vợ:

- Đồ con đĩ!

Cô quát lại:

- Thằng ăn bám vợ!

Rồi cô xua tay:

- Cút đi, cút khỏi nhà tao ngay!

Bị đuổi ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng, uất ức quá, Siu Chang rút súng bắn vào...lốp chiếc xe Jeep của vợ rồi bỏ đi.

Bên cạnh cuộc sống tình cảm dừ dằn như thế, cô còn tham gia hoạt động chánh trị ngầm ngấm, kín đáo. Cô vừa là người của CIA, vừa của FULRO. Nhiều công vụ của cô đã được CIA đánh giá khá cao và thưởng những món tiền lớn.

Với tư cách là Hội trưởng phụ nữ kiêm phụ tá Tổng trưởng Ngoại giao, H'Tlồn vẫn liên lạc với Y Chôn, Y Bliêng, ngấm ngấm xây dựng lực lượng ở vùng II FULRO.

*

* *

Paul Nur vẫn đắn đo, có nên hợp tác với H'Tlồn không? Về tư cách thì mụ ta quá tồi tệ. Cộng tác với một con đĩ như thế chẳng hay ho gì. Nhưng là một nhân viên CIA, Ngoại trưởng FULRO, về quyền lực và khả năng, mụ ta có thể làm nên cơ nghiệp. Nếu như, qua bàn tay mụ, ông bắt tay được với người Mỹ ở Thái Lan thì ắt nắm lại được FULRO.

Có một cái cầu bắc sang Thái Lan, dù là cái cầu mục, hiện nay cũng là tốt. Huống hồ, H'Tlồn đâu phải là cái cầu mục? Paul quyết định cử người liên lạc với H'Tlồn, bắt tay với mục, tìm cách sang Thái Lan. Sang Thái Lan bằng cách nào, phương tiện và phí tổn ai chịu? Paul Nư nghĩ ngay đến những cánh đã từng cộng tác với ông buôn lậu, thực hiện những áp-phe táo bạo trước đây. Đó là một số thương gia Hoa kiều ở Chợ Lớn.

Paul gặp may mắn. Một số người đó vừa thành lập xong tổ chức “Phục hưng quốc” để chống lại Cách mạng do Quốc Hùng Khanh chỉ huy. “Phục hưng quốc” đang muốn liên lạc với Mỹ ở Thái Lan.

Paul gặp Quốc Hùng Khanh. Khanh triệu tập luôn cuộc họp giữa Paul và một số tên cầm đầu “Phục hưng quốc”. Bọn này gồm một số tên người Hoa: Quốc Hùng Khanh, Bùi Quang Thuyết, Chung Quang Ý và một mục sư Tin lành người Ê Đê: Y Cheng.

Mở đầu cuộc họp, Y Cheng phát biểu. Bộ mặt y buồn rười rượi vì vợ y đã chạy theo một tên Mỹ trong ngày giải phóng Sài Gòn, để lại nỗi đau dai dẳng trong y.

- Thừa các ngài, chắc các ngài đã biết ông Parr. Trước đây ông là sĩ quan cao cấp của CIA, chỉ huy mạng lưới ở Đông Dương. Hồi Ngô Đình Diệm, ông là cố vấn khối cảnh sát. Ông đã bắt mẫn với Lên-đen, bỏ về Mỹ. Một thời gian sau, ông sang làm cố vấn cho các ông Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu. Trước khi Sài Gòn rơi vào tay Cộng Sản, ông sang Thái Lan. Hiện nay ông là Tùy viên kinh tế đại sứ quán Mỹ ở Thái Lan. Ông vừa cử ông Thacher – cộng sự viên của ông – ngụ trang là nhân viên hàng không của Mỹ ở Thái Lan – liên lạc với tổ chức ta. Ông Thacher nói, nếu có người sang Thái Lan, sẽ được ông Parr giúp đỡ, nắm lại được FULRO vì hai ông Les Kossem và Y Băm đã sang Pháp, không chỉ huy FULRO nữa.

Một vấn đề đặt ra là từ đây sang Thái Lan bằng cách nào? Những việc đó xin ông Paul cho ý kiến.

Paul nhìn mọi người:

- Nếu như ông Y Băm không còn lãnh đạo FULRO nữa, do Phong trào yêu cầu, tôi tuy tài hèn sức kém, nhưng cũng xin cố gắng tìm cách làm cho Phong trào tái hoạt động và lớn mạnh. Mong các vị ủng hộ và cộng tác chặt chẽ với chúng tôi.

Sau đó, mọi người bàn cách tổ chức đi Thái Lan. Khi ra về, ai nấy hí hửng, hăng hái lao vào công việc.

Công việc đầu tiên của “Phục hưng quốc” và Paul là đưa sáu thương gia Hoa kiều sang Thái Lan liên lạc với Parr. Paul vui mừng vì có dịp vừa hát căng Y Chôn và Y Bliêng, nắm lại FULRO, trở thành lãnh tụ của Cao Nguyên hiện nay, vừa có tiền tiêu xài như là một cú áp-phe lớn. Có thất bại về chánh trị thì cũng “thắng” về kinh tế.

Sáu thương gia Hoa kiều góp mỗi người 20 lượng vàng, đưa cho Paul.

Paul bớt 60 lượng bỏ túi, còn 60 lượng giao cho Y Cheng cầm về Buôn Mê Thuật gặp những người chỉ huy FULRO.

Y Cheng tức tốc về Buôn Mê Thuật gặp Y Bliêng.

Từ ngày giải phóng, Y Bliêng rất hoang mang. Hai con rể Mỹ đã cuốn gói về nước. Hai con gái chạy theo chồng. Ông chờ đợi xem chánh quyền mới có phải cần đến ông, gọi ra làm việc không? Nhưng ngày tháng trôi qua ông vẫn bị lơ đi, chẳng ai đoái hoài đến. Những người bị ông Chánh án ức hiếp, xử oan, bắt đút lót...làm đơn xin chánh quyền Cách mạng trừng trị ông...Y Bliêng càng căm Cách mạng, đốc thúc FULRO ráo riết hoạt động. Nhưng Y Bliêng rất kín đáo.

Y Cheng về gặp Y Bliêng. Bàn bạc xong với Y Cheng, Y Bliêng ầm mặt, giao cho Y Pôi (con trai Y Chôn) và Y Cem (con trai Y Nguê) dẫn Y Cheng vào khu rừng buôn Êa Khít gặp H'Tlôn.

*

* *

Khi Y Pôi, Y Cem, Y Cheng vào gặp, bà Ngoại trưởng đang tình tự với ông Tổng tham mưu trưởng Y Bách. Hai người đang nằm chung trên một chiếc võng dù Mỹ, màu xanh thẫm.

Sau khi đuổi Siu Chang đi, H'Tlôn lại lang chạ với nhiều người khác. Những mối tình thoáng qua làm cho tâm hồn bà đỡ trống trải. Không có chồng, bà tha hồ tự do, yêu ai thì yêu, ăn ở với ai thì ăn ở, chẳng ai ngăn cản, hạch sách bà. Vì thế, hiện nay bà không muốn lấy ai. Bà tuyên bố với mọi người: “Tôi không lấy chồng vì sợ ảnh hưởng đến bước đường hoạt động cách mạng FULRO”.

Về hậu cứ FULRO, là một Tổng trưởng, kiêm Hội trưởng Hội phụ nữ, bà phải giữ uy tín, không thể yêu ai cũng được. Bà phải có người bạn lòng xứng đáng, ở cương vị cao.

Người lọt vào đôi mắt xanh của bà là ngài Tổng tham mưu trưởng Y Bách có nước da trắng, mắt luôn lấp lánh đôi kính trắng gọng vàng, ông trông như một giáo sư hơn là một vị chỉ huy quân sự. Đối với quá trình hoạt động FULRO, tuy chưa được xếp vào bậc tiền bối thuộc thế hệ thứ nhất, nhưng cũng thuộc thế hệ thứ hai, đã từng chỉ huy binh lính Thượng nổi lên ở trại Sarpa, đã từng ở Căm-bốt cho đến khi về hợp tác; đã từng làm đại úy quân đội Sài Gòn. Ở thế hệ thứ ba, ông được cử làm Tổng tham mưu trưởng. Một con người có 11 tuổi đảng FULRO; giữ cương vị cao như thế, lại đẹp trai, thật xứng đáng với bà Ngoại trưởng.

Ở cùng một P.C , tình yêu giữa một ông xa vợ và một bà bỏ chồng bùng lên mãnh liệt.

Để tránh sự truy lùng, các vị chỉ huy chia ra ở từng khu vực khác nhau. Ông Tổng tham mưu trưởng và bà Ngoại trưởng ở riêng một khu vực. Hai ông bà tha hồ tự do mè nheo.

Y Bách mở khuy túi áo ngực, lấy ra một tờ giấy đưa cho H'Tlôn:

- Thư của Bộ Tổng tham mưu gửi sĩ quan, chiến sĩ FULRO, em đọc xem có được không?

H'Tlồn đón mảnh giấy trong tay Y Bách, chăm chú đọc, rồi reo lên:

- Câu này anh viết hay quá! “Vợ mất có thể lấy vợ khác, cha mẹ mất có thể gọi người khác bằng cha mẹ và họ cũng gọi lại bằng con. Còn Cao Nguyên bị mất, đất ở đâu mà tìm?...”

Bà vừa nói đến đây thì những liên lạc viên của Paul Nur theo người dẫn đường đi đến.

Sau những câu chào hỏi xã giao, Y Cheng thưa:

- Thưa bà, ông Paul cử chúng tôi đến liên lạc với bà. Đây là thư của ông!

Đọc xong thư, H'Tlồn bảo bọn liên lạc đứng chờ, bà cùng Y Bách đến chỗ vắng bàn bạc riêng. Y Bách đập tay vào bức thư:

- Thằng già này định nhờ bàn tay ta thoát ra nước ngoài, dựa vào CIA trở về lãnh đạo ta đây. Thằng này khi còn làm Tổng trưởng đã chửi FULRO ghê lắm. Khi gọi bọn anh về hợp tác, nó hứa đủ chuyện. Sau khi bọn anh về, nó nuốt lời, đối xử rất tệ. Nhiều người chẳng có công ăn việc làm, phần đông bị đẩy đi lính. Nhiều người xin vào làm ở Bộ phát triển sắc tộc, ở các ty, phải đút nó nặng lắm. Giờ nó lại muốn nắm FULRO. Cứ để cho nó về đây, ta trần cho một trận. Có thể mới hả giận.

H'Tlồn cười, can:

- Trong lúc này, cần tập trung sức lực chống Cộng sản, ta chưa lúc tội hấn làm gì. Hấn muốn chỉ huy FULRO, mặc kệ hấn. Còn Y Bliêng, Y Chôn, thằng này chẳng làm nên trò trống gì đâu. Cứ để hấn cho bọn Tàu đem tiền cung phụng ta. Em sẽ viết thư cảm ơn, giục hấn cho bọn Tàu về đây.

Y Bách khen người yêu khôn ngoan. H'Tlồn gặp lại bọn Y Chang, nở một nụ cười duyên trên môi:

- Chúng tôi là lớp hậu sinh, không bao giờ quên ơn cụ Paul Nur, cựu Phó chủ tịch FULRO 1, bậc tiền bối của chúng tôi. Vậy xin các quý vị báo cáo với cụ cứ cử người đến, chúng tôi sẽ tận tình phục vụ. Đây là trách nhiệm của FULRO chúng tôi. Mối liên hệ của chúng tôi với Miên, Lào và Thái rất chặt chẽ.

Thấy bà Ngoại trưởng vốn vãi, tưởng bà thân tình, sẵn sàng giúp đỡ Paul Nur, Y Cheng phẩn chấn hấn lên. Nỗi buồn vì bị tên Mỹ cuồn mất vợ như tan dần đi trong lòng ông mục sư.

Y Cheng, Y Pôn, Y Cem đã bàn nhau, bớt 20 lượng vàng, còn đưa cho H'Tlồn 40 lượng để mua voi và lương thực.

Y Cheng vội vã về Sài Gòn. Sáu người Hoa theo Cha đến Buôn Mê Thuật, chắc hẳn là nhờ FULRO sẽ chuồn được ra nước ngoài, gặp lại tên Parr và đồng bọn. Từ đó họ sẽ đi Hồng Kông, Đài Loan, Pháp, Mỹ, tiếp tục buôn bán làm giàu.

Đến Buôn Mê Thuật, Y Pôn, Y Cem, Y Cheng nói là thiếu tiền mua voi. Mỗi người Hoa phải nộp thêm 2 lượng nữa. Bọn họ đút túi.

Sau khi nhận vàng, H'Tlồn và Y Bách bàn nhau lấy vàng rồi lánh mặt.

Ba liên lạc viên dẫn người Hoa đến nơi hẹn. Khu rừng vắng ngắt, chẳng có ai đón.

Ba liên lạc viên biết bị lừa, bàn nhau trốn biệt. Bơ vơ trong rừng, không có gì ăn, không nơi nương thân, số người Hoa đành kéo nhau về, chữ Paul Nur là tên lừa đảo.

Paul Nur biết Y Pôn chủ mưu trong việc lừa đảo, ức lắm, viết thư chửi bới nó là Y Chôn thậm tệ. Ông kết luận: “Thằng bố lưu manh về chính trị, thằng con lừa đảo về tiền bạc. Cả nhà nó lừa đảo. Rau nào sâu nấy, thật đều giả”.

25. MỘT TÊN ĐỘC ÁC

Chiến dịch truy quét FULRO mở rộng khắp Tây Nguyên.

Y Chôn, Y Bliêng, Y Nguê, Y Djao, Nay Guh, Nay Fun, Nay Rông lần lượt bị bắt vì không ngừng chống phá cách mạng. Kpă Kóit tập hợp những tên còn lại, Y Bách, H'Tlồn, Y Ghok...tiếp tục quấy phá ở các buôn làng.

Ban bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị giải quyết vấn đề FULRO. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ huy động các lực lượng bộ đội, công an phối hợp cùng dân quân, du kích các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai – Công Tum, Thuận Hải, cán bộ các ngành thuộc bốn tỉnh được tổ chức thành các “Đội cơ sở”, đến các buôn ấp phát động quần chúng, kêu gọi những người lầm đường theo FULRO trở về, làm ăn lương thiện.

Thấy bọn già ngoan cố như Y Chôn, Y Bliêng, Y Nguê... đã bị bắt, lớp chỉ huy mới như Kpă Kóit không dám hung hăng. Bọn cầm đầu trẻ đầy tham vọng đang ở trong trại như Y Djao, Nay Guh, Nay Fun, Nay Rông...thấy rõ nguy cơ tan rã của FULRO, thấy rõ quyền lợi của chúng đang bị đe dọa. Cần phải thay đổi bộ máy cầm đầu tệ liệt hiện nay, nắm lại FULRO, chống phá cách mạng đến cùng.

Y Djao chuẩn bị ráo riết một cuộc đảo chánh, thâm tóm quyền hành vào tay mình.

Sau khi Y Dhon, Ynuin bị Y Bham giết, trung đoàn FULRO đóng ở buôn Buôn bị triệu hồi về hậu cứ, Y Djao đã nằm im chờ thời. Khi FULRO về hợp tác, Y Djao được chánh quyền Sài Gòn cho theo học lớp sĩ quan hoàn hảo ở Đồng Đế (Nha Trang). Y được phong hàm đại úy, chỉ huy một đại đội lính Thượng đóng ở chốt Buôn Đưng.

Thời kỳ này, y giết nhiều cán bộ Cách mạng và nhân dân.

Mọi người căm thù, muốn trừng trị. Trong một cuộc đụng độ, y bị bắn què chân. Mang cái chân thọt, y càng căm thù Cách mạng, càng trở nên tàn ác. Đại tá tỉnh trưởng Đắc Lắc Nguyễn Trọng Luật dự định đưa y làm Tổng trấn Buôn Mê Thuột.

FULRO 3 thành lập, Y Djao nhập bọn ngay và được phong hàm chuẩn tướng. Y Djao tỏ ra hung hăng, lôi kéo tay chân thành phe cánh riêng đối lập với Kpă Kóí. Kpă Kóí thấy y có nhiều tham vọng, đang chuẩn bị hắt cẳng mình, liền tìm cách trị. Y Djao chưa kịp lật Kpă Kóí thì bị Cách mạng bắt đưa vào trại Mê Van. Ở đây, y gặp Nay Fun, Nay Rông, Nay Guh... Những tên này đều muốn lật Kpă Kóí, ngoi lên cương vị cao. Bọn chúng đã tổ chức một cuộc trốn trại trót lọt.

Sau khi ra rừng, vừa hoạt động chống phá cách mạng, Y Djao vừa kêu gọi đồng bọn phải lật Kpă Kóí giành lấy quyền chỉ huy và giữ vững “ngọn cờ đầu tranh”.

Công việc chuẩn bị cho cuộc đảo chánh được tiến hành bí mật. Y Djao cùng đồng bọn đã bố trí lực lượng, theo dõi mọi hoạt động của Kpă Kóí và phe cánh.

Ít lâu sau, tự nhiên Kpă Kóí, Y Bách, H'Tlồn cùng một số tên chỉ huy trong nội các Kpă Kóí bị mất tích. Nhiều nguồn tin từ Ban tuyên huấn FULRO lan truyền, giải thích về sự mất tích bí ẩn này: Bị bom quân Cách mạng ném chết? Bị nước lũ cuốn trôi? Ra nước ngoài trốn tránh?... Nhưng các đoàn viên FULRO không tin sự giải thích chánh thức ấy. Mọi người tin vào sự bàn tán cửa miệng của các đoàn viên FULRO hơn. Nguồn tin đó cho hay: Kpă Kóí và số chỉ huy cũ bị Y Djao cùng phe cánh phục kích giết chết.

Vị Phó chủ tịch và các thành viên nội các cũ mất tích.

Djao cùng đồng bọn đứng ra triệu tập một hội nghị bầu Chánh phủ mới. Những tên đứng đầu “chánh phủ” hoàn toàn theo Y Djao. Y Djao làm Thủ tướng với biệt danh là Đămpa Kwei. Các tay chân tin cậy của Y Djao là Nay Ful, Nay Rông, Nay Guh nắm các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Nội vụ... Y Djao táo bạo gạt cả Y Băm, vị cựu Chủ tịch, người sáng lập ra FULRO, một “lãnh tụ vĩ đại của Cao Nguyên”. Tất cả những tên trước đây là chân tay thân thuộc của Kpă Kóí, đều bị giết, bị gạt ra khỏi cương vị chủ chốt, hoặc bị giáng chức như Y Ghơk Niê. Thay vào đó là “ê-kíp” mới của Y Djao. Chuẩn tướng Y Đuê, không ăn cánh với Y Djao, liền bị Y Suéch giết ngay. Nội các mới được lập ở trung ương, nhưng ở các vùng, các vị chỉ huy quân đoàn khác dân tộc với Y Djao, không tuân theo y. Trong đó có tư lệnh vùng 4 Nikôlai.

*

* *

Sau ngày giải phóng, hai Bộ tư lệnh của K'Năm và Nikôlai ở vùng 4 có nhiều biến động.

Với số quân của trung ương chi viện, cộng với số tàn quân Thiệu còn lại, K'Năm giữ Đầm Rông làm P.C chánh. Đây là vùng hẻo lánh, hiểm trở, không có đường sá qua lại, dường như bị

cách biệt với bên ngoài. Muốn vào Đàm Rông, quân lính Thiệu phải đi bằng trục thẳng. Còn người dân thường đi tắt qua những con đường rừng ngoắt ngoéo.

Dựa vào vị trí hiểm trở này, K'Năm hy vọng sẽ tồn tại được lâu dài. Nhưng hoạt động được một tháng. Quân giải phóng kêu gọi y phải giải tán FULRO. K'Năm hoang mang, không biết xử lý ra sao buộc phải đi gặp Nikôlai.

Nikôlai nói với K'Năm:

- Cộng sản thắng ở đất Cao Nguyên này thì ta mất hết. Chúng ta phải đoàn kết chống Cộng sản. Hiện nay FULRO đã được 33 nước ủng hộ và Liên hiệp quốc công nhận. Anh hãy về lệnh cho quân của anh tìm đất, làm sân bay ngay để đón máy bay Mỹ, các nước và Liên hiệp quốc tiếp viện vũ khí, lương thực và cả quân lính cho ta. Thắng lợi đang đến gần rồi.

Tin lời Nikôlai, K'Năm vui vẻ ra về, đôn đốc lính làm sân bay.

Thiếu tá K'Đin dẫn một tiểu đội FULRO đi tìm đất.

Lặn lội ba ngày đêm, đoàn thám dò đến chân núi Gung Rê. Chúng nhìn thấy một thung lũng rộng. Một tên FULRO chỉ thung lũng đó hỏi K'Đin:

- Thưa Thiếu tá, đây có thể làm sân bay được không?

K'Đin lắc đầu:

- Phải làm sân bay lớn, hàng trăm máy bay thường xuyên lên xuống. Cả Bô-ing cũng hạ cánh được. Chỗ này hẹp quá.

Toán FULRO lại trèo đèo, lội suối, vạch rừng tìm đường, len lỏi bước đi.

Lương thực hết, chúng tìm củ rừng. Một tổp được cử vào rẫy đào trộm củ mì. Năm ngày sau, đoàn đến bờ sông Rô Nô. Trời đổ mưa như trút nước. Lũ lên, nước sông mênh mông, cuộn cuộn chảy. Toán FULRO dừng lại ở bờ sông, K'Đin nhìn dòng nước chảy, lo ngại:

- Hạn tìm đất đã sắp hết rồi. Ta không thực hiện mau, quá hạn, bị kỷ luật cả lũ.

Cả bọn lo sợ. Tìm một đoạn sông, nước ít chảy xiết nhất, bơi ra. Đến giữa dòng, bỗng một luồng nước lũ đột ngột ào đến cuốn phăng đám người.

K'Đin lên trước, nhìn rõ năm, sáu cái đầu nhô lên, ngụp xuống, cuộn vào các xoáy rồi chìm ngấm.

Lên tới bờ bên kia, K'Đin kiểm lại quân số thấy thiếu ba tên. Cả bọn nhìn dòng sông, nặng nề bước đi.

Năm ngày nữa nhin đói, chịu rét, chúng mới tìm ra một thung lũng rộng. K’Đin dẫn toán FULRO về báo cáo. Một tiểu đoàn được phái đi phát cây, san sân.

Rồi K’Đin lại vui mừng được lệnh lập danh sách FULRO để lãnh quân trang, quân dụng. Bọn chỉ huy cấp dưới bàn nhau khai tăng quân số. Số FULRO quân khu 4 lên tới hàng vạn.

Danh sách nộp lên Quân đoàn, K’Năm lại ghi thêm, trình trung ương.

K’Năm thấp thỏm chờ máy bay và quân trang. Trung tá Ka Cháp – Tham mưu trưởng Quân đoàn – đi họp trung ương về lại khẳng định thêm:

- Sắp tới, quân đội “Phục quốc” của Nguyễn Cao Kỳ sẽ nổi dậy. Vì thế ông Y Djao lệnh cho FULRO toàn Cao Nguyên phải nổi lên trước để các nước biết tiếng, không lẫn với cuộc nổi dậy của “Phục quốc”. Quân khu 4 phải tấn công Cộng sản ngay!

K’Năm cử Ka Cháp, K’Đin dẫn quân đi tấn công cơ quan huyện Bảo Lộc, tập kích xã Châu Trung và Đình Trang Thượng. Ở Đình Trang Thượng, bốn mươi bộ đội, cán bộ và dân bị giết.

Lại có lệnh trung ương triệu tập K’Năm về Đam Pao nhận chỉ thị mới. K’Năm vượt từ Đam Rông về Đam Pao. Đêm ấy, đang nằm, bỗng nghe tiếng súng nổ âm âm gần đó, K’Năm tưởng quân Cách mạng tấn công. Từ ngoài cửa, trung tá Ha Chông – Đặc phái viên của Nikôlai – chạy vào, K’Năm nhìn Ha Chông:

- Tiếng súng của quân nào thế?

Ha Chông thần nhiên:

- Nikôlai đánh chiếm Yeng Lê rồi.

K’Năm bức tức:

- Chính Nikôlai đã nói phải đoàn kết chiến đấu chống Cộng sản, sao các anh đánh chiếm vùng đất do tôi cai quản?

Sáng hôm sau, Nikôlai tự ý ra lệnh FULRO đánh Đơn Tiêng Liêng của Y’Năm. Thấy Nikôlai quá lộng hành, K’Năm tức tối bỏ về Đam Rông.

Chờ đợi mãi, K’Năm chẳng thấy máy bay, vũ khí, lương thực, tiếp viện. Ít ngày sau, vẫn im ắng, chẳng có tăm hơi về cuộc nổi dậy của quân Nguyễn Cao Kỳ. Biết là bị lừa, K’Năm vô cùng chán nản.

Giữa lúc ấy, bộ đội tấn công Đam Rông rất mãnh liệt, P.C bị máy bay bắn phá. Những chiếc lán của Bộ chỉ huy quân đoàn cháy sạch, FULRO tan tác, chạy tán loạn.

K’Năm hoang mang, nói với K’Đin:

- Nikôlai lừa ta. Cả trung ương cũng lừa dối ta, không còn biết tin ai nữa. Tình hình này kéo dài, chúng ta sẽ bị cô lập, trước sau sẽ bị tiêu diệt. Anh định thế nào?

K'Đin trình:

- Trong khi tấn công Đình Trang Thượng, chúng ta có bắt được một cán bộ tên là K'Bang. Hắn đang bị giam giữ. Anh hãy cho gọi hắn ta lên hỏi, thăm dò xem sao. Qua hắn, may ra ta có thể tìm được cách giải quyết.

K'Năm sai một lính FULRO dẫn ông K'Bang lên gặp.

K'Năm nhìn ông K'Bang:

- Ông đã từng thấy người nào trong FULRO chúng tôi về hàng Cách mạng chưa?

K'Bang thành thật:

- Tôi đã gặp.

- Bộ đội, an ninh Cách mạng có đánh đập họ không?

- Không!

- Thiệt không?

- Thiệt!

- Nếu chúng tôi về hàng, Cách mạng sẽ đối xử thế nào? – K'Năm thăm dò

Ông K'Bang nói ngay:

- Các anh sẽ được khoan hồng. Cách mạng luôn mở rộng cánh cửa đón những người lầm lạc trở về, đúng như những lời trong bản kê gọi của Ủy ban mà tôi đã gửi các anh.

K'Năm đã cùng hai con trai và K'Đin, K'Đim, Ka Cháp...ra hàng. Bộ tư lệnh vùng 4 FULRO của K'Năm tan rã.

Nikôlai thu nạp số FULRO còn lại của K'Năm, chỉ huy toàn bộ vùng 4.

Thấy Y Djao lập nội các mới lôi kéo bọn Ê Đê, J Rai thành phe cánh giết hại nhiều chỉ huy FULRO, Nikôlai viết một bản tường trình gửi Y Djao, phê phán Y Djao độc đoán. Điều này làm Y Djao nổi cáu.

Vị tân thủ tướng bàn với tổng trưởng nội vụ Nay Fun. Vị tổng trưởng nói:

- Nikôlai thuộc cánh Ka Ho, Cil, Ma, Lát. Cánh này được người Mỹ tin cậy hơn cánh Ê Đê, Ja Rai, Ba Na chúng ta. Hẳn lại là con Mỹ. Dựa vào bọn giáo sĩ Mỹ, hẳn tỏ ra kiêu ngạo, coi thường tất cả những người chỉ huy FULRO từ trước đến nay. Dám phê phán chúng ta, hẳn đã có rắp tâm tách vùng 4 ra khỏi trung ương. Cần phải thủ tiêu hẳn ngay, loại trừ một cuộc đảo chánh mới của hắn.

Y Djao lúc lắc cái chân thọt:

- Thằng nhóc con dám phê phán ta! Cần cho nó biết những tên Ka Ho, Cil không thể lật được những người Ê Đê, Ja Rai chúng ta đâu.

Mấy hôm sau, Nikôlai nhận được công văn triệu tập các Tư lệnh quân khu về trung ương họp. Nikôlai cùng hai em trai là Ha Biêng và Ha Tùn vội vã lên đường đi về P.C trung ương.

Đến cửa rừng dẫn vào bản doanh của Y Djao, Nikôlai gặp một toán FULRO người Ê Đê canh gác. Tên toán trưởng chặn ba người lại nói:

- Thủ tướng ra lệnh, ai vào họp phải để vũ khí ở ngoài.

- Tôi là Tư lệnh quân khu 4

- Bất cứ ai cũng phải tuân lệnh trên, kể cả Tư lệnh quân khu. Ông là Nikôlai?

Nikôlai nghe câu nói xác, nhận ra là bị mắc mưu, chưa kịp đối phó thì toán FULRO đó đã ập vào bắt.

Ha Tùn ở phía sau, nhanh chân chạy thoát, trèo lên một ngọn cây cao. Từ trên ngọn cây, Ha Tùn nhìn thấy cảnh hành hình hai anh mình rất thảm hại.

Toán FULRO trói hai người vào một gốc cây, rồi nhặt đá đập vào đầu Nikôlai và Ha Biêng. Máu phun ra, thấm đỏ thân cây.

Ha Tùn choáng váng, ôm ghì lấy cành cây.

Toán FULRO để xác hai anh em Nikôlai ở đó rồi bỏ đi.

Ha Tùn lang thang trong rừng mấy hôm rồi lặn về nhà báo tin cho cha. Mục sư chủ nhiệm Ha Brông đang cầu kinh buổi tối. Nhìn thấy bộ mặt hốc hác, đôi mắt trũng sâu, trắng dã của con, ông thấy thương hại, đau xót. Ông tắt bớt ngọn nến. Ha Tùn khóc, nói không ra hơi, kể lại cái chết bi thảm của hai anh.

Ha Brông lão đạo, ngã khuỵu xuống nền nhà thờ lạnh lẽo: “Ôi hai con ta!”.

Hôm sau, Ha Brông quyết định bỏ FULRO, ra đầu thú với Cách mạng.

Đặc phái viên ngoại giao Ha Chông tập hợp số còn lại thành lập Bộ tư lệnh vùng 4 mới do Ha Chông làm Tư lệnh trưởng, ly khai khỏi Y Djao.

Liêng-hót Ha Krông, người trong nhóm Nikôlai, vốn là Chánh án Tòa án phong tục liên tỉnh Lâm Đồng – Tuyên Đức, làm đơn tố cáo và lên án Y Djao.

Diệt xong Nikôlai, Y Djao cũng lập Bộ tư lệnh vùng 4 và cử Ya Duck làm Tư lệnh trưởng.

Là một nhân vật kỳ cựu FULRO, trong thời kỳ ở Căm-bốt, đã từng làm đại diện dân tộc La Ho trong “Ban chấp hành trung ương FULRO”; khi về hợp tác, đã từng làm Đề nghị Phó chủ tịch Phong trào Đoàn kết, Ya Duck được bọn Nikôlai tin cậy phòng làm Tỉnh trưởng Tuyên Đức.

Là thuộc cấp của Nikôlai, nhưng Ya Duck rất ăm ức, muốn leo lên chức Tư lệnh. Y tỏ ra tuân phục Y Djao, được tên này tin cậy. Nikôlai chết và cố nhiên Ya Duck lên thay ngay.

Thế là lại có hai Bộ tư lệnh ở quân khu 4. Ha Chông và Ya Duck luôn đem quân đánh phá hòng tiêu diệt lẫn nhau, độc chiếm quyền hành trong vùng.

Ya Duck muốn tăng thêm vây cánh, cho liên lạc viên xuống Ninh Thuận gặp Huỳnh Ngọc Sáng, bàn việc hợp tác giữa FULRO Chăm và quân khu 4 FULRO Thượng.

Thời gian này, Mặt trận FULRO Champa cũng đang phát triển lực lượng. Huỳnh Ngọc Sáng thấy không thể không liên minh với FULRO Ê-đê-ga, một lực lượng quan trọng ở Cao Nguyên để tăng thêm sức mạnh. Huỳnh Ngọc Sáng cùng Nhung lên Đơn Dương gặp Ya Duck. Hai bên đã thảo luận và thỏa thuận hợp tác. Ya Duck báo cáo với trung ương. Y Djao cử Thuận Văn Hải, một người Chăm, nguyên là giáo sư trường Trung học kỹ thuật Cao Thắng ở Sài Gòn, làm Công cán ủy viên, từ Buôn Mê Thuột về Ninh Thuận gặp Huỳnh Ngọc Sáng, bàn bạc và đặt cơ sở cho sự hợp tác giữa hai mặt trận.

26. TỘI ÁC

Đầu tháng 5-1975 Sáng triệu tập một cuộc họp ở khu rừng Chung Mỹ. Trong cuộc họp có Sáng, Quyên, Bình, Đồng Thọ, Huỳnh Ngọc Trăn, Phú Văn Lưu, Lưu Ngọc Tuấn, Kiều Trọn, Đạt Nhậm, Đạt So... Sáng quyết định đưa thêm thanh niên lên Sông Pha.

Sáng giao cho Kiều Ngọc Quyên chỉ huy chung, Phú Văn Lưu chỉ huy quân sự. Tất cả thanh niên sẽ tập trung ở Hữu Đức, rồi từ đó lên Sông Pha. Đạt Nhậm đi hon-da theo đường 14 lên trước, cùng Sáng, Thọ sẽ đón mọi người ở ấp Gòn.

Chiều mùng 10-5, theo đúng kế hoạch, Quyên, Lưu dẫn hơn ba trăm thanh niên Chăm từ Hữu Đức kéo tới khu rừng Sông Pha. Tới nơi, Quyên cử người vào ấp Gòn liên lạc với Sáng.

Cả đêm, Quyên nằm chờ tin của liên lạc. Tờ mờ sáng ngày 11, vẫn không thấy liên lạc viên về.

Giữa lúc đó, bộ đội, công an bao vây, tấn công, Súng nổ ran. Cả bọn chạy tán loạn. Kiều Ngọc Quyên, Huỳnh Ngọc Trắng, Lưu Ngọc Tuấn, Phú Văn Lưu bị bắt.

Sắc, Đồng Thọ, Hà Giáo, Đạt Nhậm...đang ở nhà Hà Giáo. Nghe tiếng súng, cả bọn chạy ngược lên núi. Khi tiếng súng im, chúng xuống nơi tụ quân thì số thanh niên đã chạy hết. Ba lô, túi đồ đạc lỏng chông. Có hai xác người, một nam, một nữ nằm trên bãi cỏ.

Sắc, Giáo nhìn hai xác người, lạnh lùng bỏ đi. Sắc cùng Đồng Thọ, Kiều Trọn, Kiều Dỡ, Nhung, Trang lên phía Đôn Dương.

Chán ngán trước cảnh thất bại và thái độ thờ ơ của các vị chỉ huy khi nhìn thấy quân lính của mình bị chết, Đạt Nhậm bỏ về ấp. Về tới nhà, thấy một số FULRO vừa về, được tự do, không ai bị bắt. Nhậm yên tâm ở lại. Mấy hôm sau, Nhậm nghe người ta xì xào: số người theo FULRO trở về sẽ bị bắt hết. Hiện còn yên ổn vì công an nhử cho về thật nhiều. Sợ hãi, Nhậm lại chạy lên suối Tân Kê. Ở đây y gặp Từ Công Xuân (Dân biểu hạ viện); Lê Sơn Cường (Trưởng ty phát triển sắc tộc Cam Ranh); Đạt So (Áp trưởng Văn Lâm, là anh ruột Nhậm), cùng nhiều người khác. Số người này cho biết, họ nghe theo lời kêu gọi của Mặt trận FULRO, chạy lên đây, không liên lạc được với Sắc. Mấy hôm sau, Từ Công Xuân và Lê Sơn Cường tập hợp toán người, thành lập Đại đội Chế Bồng Nga, giao cho Đạt Nhậm làm Đại đội trưởng. Xuân và Cường làm cố vấn. P.C được lập, có ba trạm gác bảo vệ...

Ngày ngày, Đại đội Chế Bồng Nga hoạt động ráo riết, giết cả người Chăm và người Kinh một cách rất dã man.

Một lần, nhìn thấy một người Kinh cầm rìu lên rừng, Đạt So nói với La Trí và Thập Văn Khuyên:

- Thăng Mẫn ở Phú Quý lên đây, chúng mày tính sao?

- Bắt trói lại, khử đi!

Ba thằng đón đường giữ anh Mẫn lại. Một tên hỏi:

- Mày lên đây có việc gì?

Nhận ra người quen, anh Mẫn thành thật:

- Vợ tôi đẻ, tôi đi đón củi, đốt than cho cô ấy sưởi.

Đạt So hát hàm:

- Mày là người Kinh, áp bức người Chăm chúng tao. Phải giết mày.

Mặc anh van xin, Đạt So cùng đồng bọn lấy chà-gạt bỏ vào đầu anh, chặt thân thành nhiều khúc rồi vát trên mặt đất.

Hàng chục người khác bị giết một cách dã man như thế.

Đại đội Chế Bồng Nga có thể còn tiếp tục hoạt động gây tội ác nữa nếu sự biến sau đây chưa được giải quyết đúng đắn.

Đầu tháng 7-1975, Từ Công Xuân nhận được một bức thư từ ấp gửi lên. Y buồn bã trao cho Nhậm:

- Thư thằng Sửu gửi lên đây!

Nhậm đón bức thư. Thiên Sanh Sửu là cháu gọi Xuân bằng cậu. Trước kia Sửu làm cảnh sát đặc biệt. Sau giải phóng, theo FULRO, nhưng y khéo léo lọt vào làm Trưởng ban An ninh ấp Văn Lâm. Y khôn ngoan, hoạt động rất kín. Khi FULRO về, Sửu bảo vệ. Khi FULRO đi rồi, Sửu mới báo cho công an biết. Xác minh thấy đúng có FULRO về, nhiều người cho là Sửu trung thành.

Nhưng Sửu không thể che đậy mãi hành động xảo trá. Và hôm nay phải viết thư báo: “Hình như bọn công an đang theo dõi cháu. Cháu sẽ lên ở chung với anh em”. Bức thư vền vẹn có thế.

Từ Công Xuân thở một nhọc:

- Nó bị lộ. Cứ cho nó lên. Ta tính sau.

Xâm tối ngày 19-7-1975, Nhậm đang ở bộ chỉ huy, một tên gác trạm 1 lên báo:

- Thiên Sanh Sửu đòi lên bộ chỉ huy, anh có cho hắn lên không?

Nhậm gật đầu:

- Cho lên!

Nhậm cử Tri, Thương, Xẩm xuống đón Sửu.

Ba tên ra đi. Thập Văn Khuyên chạy theo. Một lúc sau, Nhậm nghe tiếng súng nổ phía cửa rừng.

Tri, Thương, Xẩm đi lên, Nhậm hỏi:

- Sửu đâu?

Trí hốt hoảng:

- Chúng tôi đưa Sửu từ trạm 1 đến trạm 2. Đang đi, Khuyên và Thương bàn nhau rồi Khuyên bảo tôi: “Bắt Sửu đi! Khi làm Trưởng ban an ninh ấp, nó hống hách chửi mắng chúng ta nhiều lắm. Đạt So giết bò, nó đòi phạt đấy”. Tôi hỏi: “Ai ra lệnh?”. Nó nói: “Đạt Nhậm”. Tôi tưởng lệnh của anh, tôi bắt Sửu rồi.

Đạt Nhâm giật mình:

- Chết rồi. Mày bắn chết cháu ông Xuân, lại là người của ta rồi.

Nhậm tức tốc lên gặp Từ Công Xuân, trình lại sự việc.

Xuân hoảng hốt. Đôi mắt già đờ ra:

- Cháu tôi chết rồi à?

Xuân ho lên sù sụ. Một lúc sau, Xuân mệt mỏi thở:

- Bây giờ làm thế nào đây? Chôn nó ở đây à? Ai làm ma cho nó?

Nhậm tính:

- Phải khiêng xác Sủu về ấp, để ở đó, vợ Sủu sẽ làm ma cho chồng. Rồi ta tung tin Cách mạng giết Sủu.

Từ Công Xuân chấp nhận. Nhậm bắt Khuyên, Trí, Thương, Xâm khiêng xác Sủu về ấp. Bọn chúng đem xác Sủu đặt ở ngã ba Hiếu Thiện – Vụ Bồn.

*

* *

Trình sát Nguyễn Văn Cầm từ Phan Rang về huyện An Phước. Đồng chí Lê Thanh Bình, Trưởng Công an huyện giao nhiệm vụ cho anh:

- Thiên Sanh Sủu chết đột ngột. Ngày 17-7 vừa qua, Sủu lên họp ở đây. Sáng 19, Sủu cùng một anh du kích ở thôn Nho Lâm đi hon-đa về nhà. Sáng 20, người ta thấy xác ở ngã ba Hiếu Thiện – Vụ Bồn. Thị Song – vợ Sủu – lên đây gặp tôi, cứ đổ riết cho công an ta giết. Bọn FULRO đang lợi dụng cái chết của Sủu, tung tin Cách mạng tàn sát người Chăm. Tôi nghĩ, chỉ bọn FULRO giết Sủu. Anh cố gắng tìm ra thủ phạm. Không tìm ra, đồng bào bị kích động, chạy theo FULRO nhiều lắm. Từ 17 đến nay, đã có hơn 200 người chạy rồi.

Cầm về Văn Lâm. Chưa thể vào ở nhờ đồng bào được, anh nằm tại trường cấp I. Học sinh đang nghỉ hè, vắng teo. Ở đây, anh cảm thấy rờn rợn.

Ngày ngày, anh đi gặp dân. Mọi người nhìn anh với ánh mắt lạnh nhạt, nghi ngờ và căm thù. Anh cố tình làm quen, họ cố tình lảng tránh. Họ xì xào với nhau bằng tiếng Chăm, anh không hiểu gì cả.

Không có người Chăm dắt dẫn thì không thể nào đi vào quần chúng. Cầm trở về huyện, gặp ông Bình, xin một vài cán bộ cơ sở người Chăm. Ông Bình cầm một bản danh sách, nói:

- Huyện đang trưng dụng một số thanh niên Chăm từ thôn ấp tập trung lên, đi vận động quần chúng. Trong số này, có em Năng Thụy Kim Dung, học sinh lớp 12, rất nhiệt tình, hăng hái. Anh cần thì tôi cử đi.

Cầm nhận. Dung theo anh về Văn Lâm.

Cầm và Dung vào từng nhà thăm hỏi bà con. Đồng bào nhìn Dung nghi ngờ, khinh rẻ. Mấy chị nói với nhau, cốt để Dung nghe tiếng. Một chị hát hàm, liếc về phía Dung:

- Con đi kia bán thân cho bọn người Kinh rồi!

Thị kia họa theo:

- Đồ chỉ điểm, phản bội dân tộc Chăm ta!

Tim Dung nhói lên. Cô biết nói làm sao để họ hiểu. Cô nói đồng bào cũng chưa tin. Chưa nghe ra. Phải có thời gian, có việc làm rõ ràng bà con mới tin. Cô đành im lặng như không nghe thấy.

Một buổi, Dung đến thăm một gia đình ở cạnh nhà Sừ, gọi hỏi. Ông chủ nhà nói:

- Chiều 19 tháng 7, anh Sừ sang tắm giếng nhà tôi. Xong, anh về nhà rồi mới ra đi!

- Chiều 19 anh còn về nhà? Sao chị Song nói chồng đi họp rồi bị giết luôn?

Dung về nhà Sừ, hỏi đứa con gái lớn:

- Trước ngày má cháu nhìn thấy xác ba, ba cháu có về nhà không?

- Có, ba cháu ăn cháo với cháu rồi dắt xe hon-đa đi.

- Minh ba cháu hay đi với ai?

- Minh ba cháu.

Thế thì anh du kích ở Nho Lâm đâu? Phải tìm tiếp.

Cầm, Dung đi Nho Lâm. Đến ngã ba, nơi rẽ đi Văn Lâm và Nho Lâm, Dung hỏi một bà cụ bán nước ở vệ đường:

- Hôm 19, cụ có thấy anh Sừ qua đây không?

Cụ già bấm tay nhắm tính ngày. Nhớ ra, cụ nói:

- Có, tôi thấy anh Sừ đeo một anh nữa trên hon-đa đi về Nho Lâm.

Dung mừng quá:

- Vào lúc nào hờ cụ?

- Vào buổi sáng, lúc mặt trời lên cao khỏi ngọn cây kia!

Nghe cụ nói, Cầm phán đoán: Sáng 19, từ huyện về, Sửu đèo anh du kích đến Nho Lâm. Sau đó, Sửu mới trở về nhà ăn cháo cùng con. Chiều 19, anh đi vào rừng, bị FULRO giết và đêm 19, chúng đem xác về vất ở ngã ba.

Cầm, Dung tiếp tục đi về Nho Lâm. Đến nơi, hai người gặp anh du kích đi với Sửu. Anh nói sáng 19 Sửu đèo anh về đây. Sau đó Sửu phóng xe trở về Văn Lâm. Đi dò hỏi thêm, Dung được một người cho biết: Từ Công Đồi, tiểu đội trưởng FULRO, từ núi vừa về nhà. Cầm, Dung bàn bạc tìm cách khai thác Đồi.

Làm sao đây? Nếu đến gặp, nó sẽ chạy mất. Phải đi vòng bằng cách nhờ một người khác gặp Đồi.

Dung gặp Thiên Sanh Sả, em họ của Sửu.

Nghe nói anh mình bị giết, Sả buồn lắm. Anh nhận lời đến gặp Đồi ngay. Thấy Sả là bà con tin cậy, Đồi chẳng cần giấu giếm, nói hết sự thật.

Thế là đã rõ, Cầm bố trí người bí mật ghi âm lại lời Đồi rồi nói cho chị Song và bà con ở Văn Lâm biết. Chị Song khóc, gặp ông Bình xin lỗi. Bà con bắt đầu nhìn Cầm và Dung với ánh mắt thiện cảm. Nhiều người lên núi nói lại với chồng, con mình đang theo FULRO, khuyên họ trở về.

Bộ đội, công an mở các đợt truy lùng vào rừng. Ở rừng bắt lợi, Sáng lệnh cho bọn chúng giả vờ về đầu thú, hoạt động ngầm trong ấp chờ cơ hội sẽ lại lên rừng. Từ Công Xuân, Lê Sơn Cường, Đạt Nhậm cùng số FULRO trở về ấp.

Ty Công an cử Cầm, Tiểu, Dung tổ chức một lớp học tập cải tạo cho số FULRO vừa trở về. Chúng cài người vào Ban tự quản lớp, tìm mọi cách phá lớp học. Học viên học chiếu lệ, chảnh mắng.

Ì ạch mãi, qua phần nghe giảng. Đến phần khai báo, học viên không chịu khai, hoặc khai chung chung, không nhận có vũ khí, không khai tên chỉ huy.

Cầm băn khoăn, cho Dung gặp riêng một số học viên, hỏi han. Dung được biết trong lớp có 12 tên: Từ Công Xuân, Lê Sơn Cường, Đạt So, Đạt Nhậm, La Trí, Thập Văn Khuyên...đã không chế đe dọa học viên, phá lớp học. Nếu để bọn này, lớp học sẽ không có kết quả.

Ban chỉ đạo truy quét FULRO cho bắt 12 tên đó về huyện.

Sáng hôm sau, Cầm đang ở lớp bỗng truyền đơn tung đầy sân: “Cộng sản Kinh giết người Chàm”. Một lúc sau, nhắp nhô từ ngoài vào, đàn ông, đàn bà bế theo trẻ con, kéo nhau đến vây kín trường học, hò hét, chửi rủa. Họ gào lên:

- Cách mạng bắt 12 người đi thủ tiêu!

- Trả xác đây!

- Trả chồng, con chúng tôi về!

Số FULRO học viên còn lại lòng bất cán bộ. Cầm, Tiểu thoát ra khỏi trường học, chưa biết chạy đi đâu. Bỗng các anh nhìn thấy nhà bà Đựng, một người dân Chàm, là cơ sở Cách mạng lâu năm. Cầm, Tiểu chạy về nhà bà. Hai anh vừa lọt vào sân thì chúng ập đến. Bà Đựng đóng kín cổng.

Tiếng chửi rủa từ đám đông xả vào bà:

- Đồ bán rẻ dân tộc, theo đít Cộng sản Kinh!

- Mở cổng! Chúng ông phá nhà bây giờ!

Tiếng phá cổng âm ầm. Cổng gỗ tung ra. Dòng người tràn vào sân. Bà Đựng đóng cửa nhà. Hai anh lên gác nhìn xuống sân thấy người đứng kín. Chúng hò hét phá cửa.

Tiếng bà Đựng quát:

- Đây là nhà tôi, các người không được phá!

Tiếng người gào lên trong đám đông:

- Trả hai thằng cán bộ Kinh ra đây!

Tiếng bà vẫn đành, gọn:

- Họ là cán bộ của chánh quyền. Bọn bay không được phép hành hung như thế!

Rút khẩu súng trong bao ra, Tiểu nói với Cầm:

- Nguy hiểm quá rồi! Phải bắn, may ra họ mới rút, anh thấy thế nào?

Cầm lắc đầu:

- Không được! Bọn cầm đầu FULRO có ít, còn đồng bào bị kích động nhiều, dù có chết cũng không được bắn!

Trong khi đó, Dung chạy thoát khỏi sân trường, vượt qua con sông nhỏ, sang bờ bên kia.

Bọn FULRO ùa theo, vây kín, định giết Dung.

Nhận tin cấp báo, ba xe chở bộ đội từ huyện về lao vào sân trường. Bọn chúng bỏ Dung chạy về bao lấy xe, bộ đội không tẩu ra được.

Lại thêm năm xe bộ đội nữa đến giải được vòng vây. FULRO và dân chúng tụ ở sân.

Chiếc com-măng-ca chở ông Thái, Chủ tịch huyện An Phước đến. Ông tập hợp mọi người lại hỏi:

- Ai cầm đầu vụ nổi loạn này?

Bọn FULRO đã bàn bạc trước với nhau. Một tên tỏ ra yêng hùng, hung hăng bước lên, vỗ ngực:

- Tôi đây!

Đó là tên Bá Trung Thắng.

Ông Thái ra lệnh cho bộ đội bắt tên Thắng đưa lên xe.

Ông lại hỏi:

- Ai viết truyền đơn?

Bốn tên bước lên, vỗ ngực:

- Chúng tôi đây!

Ông Thái ra lệnh điệu bốn tên lên xe.

Thấy thái độ kiên quyết của ông Chủ tịch. Bọn chúng bắt đầu chùn, nhìn nhau, xao xác:

Trong đám đông có tiếng bàn tán xôn xao. Một tiếng nói nhỏ:

- Bọn bị bắt kia không bị chết cũng sẽ bị tù một gông.

Một tiếng khác:

- Cứ anh hùng rơm, cho chết!

Tiếng đàn bà nháo nhác:

- Thôi, chị em ta về đi!

Ông Thái hỏi một thầy Chang đang đứng trong đám đông:

- FULRO giết cán bộ, giết nhân dân, giết anh Sừ, người Chăm. FULRO tốt hay xấu? Cách mạng không giết, không bắt tù, cho học tập. Cách mạng đối xử như thế là tốt hay xấu. Xin thầy cho biết ý kiến?

Thầy Chang chưa trả lời ông Thái, ôn tồn hỏi lại:

- Có phải các ông giết 12 người bị bắt rồi không?

Ông Thái lắc đầu:

- Đây là bọn giết Sừ, bọn phá lớp học; chúng tôi đưa đi hỏi thêm, cho học tập riêng. Ai giết chúng? Bọn xấu nói dối, lừa gạt bà con. Không ai giết chúng cả. Chúng vẫn còn ở huyện kia.

Thầy Chang tươi tỉnh hẳn lên, quay ra nói với bà con:

- Những người theo FULRO giết người là đáng tội chết. Chính phủ Cách mạng đã không giết, cho học tập là tốt lắm rồi. Hiện nay, những người đó còn sống cả, đang ở huyện, bà con tụ tập ở đây làm gì nữa? Về đi thôi.

Mọi người lục tục kéo nhau về. Học viên vào lớp học tiếp.

Từ đó, họ bắt đầu khai báo. Hôm bế mạc, một số người mang lễ đến nhà bà Đựng, xin bà tha thứ. Họ lại đi gặp Dung. Họ cũng làm một lễ hoa quả mong cô bỏ qua việc làm hung hăng của họ.

*

* *

Từ Công Xuân về. Đại đội Chế Bồng Nga tan rã. Số còn lại hoang mang và bắt đầu bất đồng ý kiến. Huỳnh Ngọc Sảng chủ trương về ấp hoạt động bí mật trong dân chúng. Đồng Thẹo thì cho là phải ở trong rừng đánh phá, tập kích các thôn ấp. Hai tên không chịu nghe lời nhau. Thẹo tức, bỏ Sảng, lập P.C riêng do mình phụ trách.

Những ngày lang thang ăn đói, ở rét làm cho Trang gầy rạc hẳn đi. Nước da nâu trở thành đen xám. Đôi mắt trũng sâu, thâm quầng. Tất cả vẻ mỡ màng, mượt mà của cô nữ sinh ở tuổi dậy thì đã biến mất, chỉ còn lại vẻ khô cứng của những người già.

Một hôm thấy người mệt mỏi, cổ lờm lờm, buồn nôn, Trang hỏi Nhung. Cô giáo cho biết Trang đã có bầu. Cái tin đó làm Trang lo lắng vô cùng. Đang hoạt động bí mật thế này, có bầu là một cực hình. Hàng ngày phải trèo đèo, lội suối, băng rừng, mang bầu rồi, đi sao được? Khỏe mạnh đã đánh, ốm đau thì sao? Thôi cứ liều để mặc, phó thác cho số mệnh.

Trang cứ làm lụi sống qua ngày. Có lúc hết gạo, không có gì ăn. Rồi cô thèm của chua. Không có khế, có chanh, cô lặn lội đi tìm quả bứa, quả me. Nhưng rừng ở đây toàn rừng thông, lim. Những cơn sốt rét rừng làm cô càng lo sợ. Trang càng mất ăn mất ngủ.

Một đêm, Trang từ áp trở lại góc hang lạnh lẽo. Cô ngồi bên đống lửa, cời than, thổi cho cháy bùng lên. Ngồi một chút cho đỡ lạnh, Trang đến ổ của Nhung, định ngủ chung với cô giáo cho ấm. Vừa đến bên ổ, Trang hoa mắt. Hay mình nhìn nhầm. Không phải ai đang nằm với Nhung kia? Tầm chăn đắp lên cô, để lộ cái đầu hói, Trang chạy về ổ của mình gục xuống, ôm mặt khóc.

Sáng hôm sau, Trang ôm, mắt đỏ hoe, nằm liệt trên ổ. Nhung đến, ngồi xuống bên Trang. Cô học sinh tưởng sẽ đón chờ lời thanh minh của cô giáo. Nhưng không, Nhung cười chua chát:

- Việc gì em phải khóc, phải đau khổ? Cái thời kỳ vua Chăm chết các hoàng hậu và thứ phi phải chôn theo đã xa lắm rồi. Ngày trước cô dạy em hãy giữ gìn phẩm giá người con gái. Ngày nay cô khuyên em hãy sống như mọi người, mà mọi người này nay, tình yêu ngày nay như thế nào thì em đã biết.

Những ngày sau, Nhung tiếp tục thuyết phục Trang theo quan niệm của mình. La lùng thay, những lời nói của Nhung đã làm cho Trang chấp nhận, cho là có lý. Trang không ghen nữa. Cô biết Nhung có bầu trước cả cô. Từ đó Sáng chẳng cần giữ gìn gì. Những cuộc ái ân lộ liễu giữa Nhung và Sáng diễn ra trước mắt Trang. Những tiếng cười dâm dăng của họ nắc lên trong hang như com bữa. Nhung có bầu to, Sáng lại chạy theo các cô gái khác. Nhung về nhà thương Long Hưng ở Bắc Bình đẻ rồi gửi con, bỏ Sáng, đi theo Đồng Thọ.

Hôm giã từ, Nhung nhìn Sáng với đôi mắt giễu cợt, cười khanh khách, để tay lên miệng hôn một cái rất kêu, vầy vầy: “Gút bai! Gút bai!”. Nhung ưỡn ngực, ngoáy mũi bước đi. Mái tóc cắt ngắn cum cúp của Nhung dựng lên như lông nhím.

Đến ở với Đồng Thọ, Nhung muốn giễu cợt và trả thù Sáng. Nhung tin rằng Sáng sẽ tức tối, uất ức với Nhung vì Đồng Thọ là tên lính biệt kích vô học, độc ác và còn dâm dăng hơn cả Sáng.

Mô côi cha từ bé, mẹ đi lấy chồng, Đồng Thọ về ở với bà ngoại. Lớn lên, y không được học hành. Học lỏm chỉ biết viết một chữ ký loằng ngoằng, thiên thọ.

Đến tuổi quân dịch, Thọ đi theo Pháp, gác cầu Tháp Chăm. Hồi ấy, Thọ nhát lắm. Gác cầu, nhưng thấy Việt Minh qua, Thọ kệ, im như thóc. Thậm chí còn “gác” cho họ qua lại. Công việc gác cầu chán ngán và buồn tẻ. Pháp rút, Thọ chuồn luôn khỏi lính, về đi cày. Thọ khoái vác cày hơn là vác súng.

Theo đang sống yên bình trong áp thì quân Mỹ rầm rộ kéo đến. Phi trường Tháp Chăm đầy áp máy bay Mỹ. Người ta bảo làm cho Mỹ sung sướng, tự do lắm. Thọ xin vào làm trong phi trường. Vì không biết chữ, Thọ xin làm chân quét dọn. Công việc hàng ngày của Thọ là quét cầu tiêu, đốt giấy bẩn cho lính Mỹ. Nhiều lúc thấy nhục, nhưng Thọ lại nghĩ: chỉ rất ít người cùng làm trong phi trường biết công việc hèn hạ của Thọ, còn bà con, làng áp có ai biết đâu. Hết giờ làm, đánh bộ cánh sạch sẽ về, ai cũng trầm trồ khen là được.

Ít lâu sau, ông Xã trưởng Trương Cái khuyên Thọ đi lính biệt kích Mỹ. Thấy lính biệt kích được lương cao, Mỹ cung, oai vệ gấp mấy lính Cộng hòa, Thọ đi luôn.

Theo được xung vào đại đội biệt kích toàn người thiểu số: Chăm, Thượng, Nùng di cư... Có 2 sĩ quan Mỹ chỉ huy. Theo thấy bọn chúng toàn loại anh chị, đầu bò đầu bướu.

Ngày ngày, từ Nha Trang, Theo cùng toán biệt kích, được chở bằng máy bay trực thăng, đến các vùng rừng núi xung quanh bắn giết, cướp phá vô tội vạ. Sau mỗi trận tàn phá, chúng lại bắt được trâu, bò, bán lấy tiền nhậu nhẹt thỏa chí.

Chẳng bao lâu, cuộc sống của biệt kích đã làm cho Theo trở thành một gã say máu và say gái.

Chê người vợ cũ đã có hai con với mình quê mùa, gã bỏ, lấy cô Tháo, người giặt quần áo cho lính Mỹ trong phi trường, biết cách làm dáng và mơn trớn đàn ông.

Cô Tháo sinh được một con trai với Theo. Theo bỏ, lấy cô Bấu. Theo ăn ở với vợ ít, còn mè nheo lung tung. Trong bộ quần áo biệt kích, khẩu súng kề kề, Theo vênh vang, nhẵn nhỡ, xấu hổ trêu ghẹo và có dịp là hiếp tróc, chẳng ai dám làm gì.

Sau giải phóng, Theo đi theo Sáng. Theo tỏ ra hung hãn nên được Sáng phong là Trung tá chỉ huy quân sự. Nghe đồn Theo có phép tàng hình, nhiều phát thuật, nhiều người sợ hãi.

Theo tàn ác, giết người không gớm tay.

Trong vòng một tháng, Theo chỉ huy tay chân giết nhiều người. Hai người Kinh ở Hữu Đức đi đồn cây, bị Hán Nhẫn, Đàng Năng Tân bắn chết. Nại Thành Bì, Hán Nhẫn, Thập Thiết, Đàng Năng Tân... tập kích ấp Hữu Đức, bắn và giết hai người Kinh khác. Bá Trung Thắng, Từ Khăng bắt ông Hồng, người Chăm ở Chắt Thường đem chôn sống.

Theo chỉ huy đồng bọn đi Thành Tín bắt một người Kinh đang đào nhôm giao cho Tân và Sâu đem chôn sống.

Một hôm, Đồng Theo nói với Hán Nhẫn:

- Mà y về bắt thằng Thành lên đây để chúng tao hỏi tội. Nó là tay sai của bọn Cộng sản Kinh! Nó đang định dẫn bộ đội, công an lên diệt ta.

Chẳng cần suy nghĩ Thành là em con dì ruột mình, Hán Nhẫn dẫn một số tên về ấp Bình Chữ bắt luôn. Thành hỏi Nhẫn:

- Sao anh bắt em?

Nhẫn quát mắt:

- May là tay sai của Cộng sản Kinh, định giết chúng tao.

Nhẫn lôi Thành vào rừng trình Đồng Theo. Theo ra lệnh cho Nhẫn:

- Đem về cạnh áp giết, làm gương cho kẻ khác!

Nhẫn cùng đồng bọn điệu Thành về cạnh áp. Thành bị trói giật cánh khuỷu ném ở bờ ruộng. Thành van nài Nhẫn:

- Anh thương em, anh em với nhau mà sao anh nỡ giết em?

Nhẫn không hề động tâm, lắc đầu quày quạy. Hắn nhặt những viên gạch đập vào đầu Thành, bỏ xác trên ruộng rồi về rừng.

Cũng như Thạ, nhiều tên trở thành ác ôn, Hán Nhẫn đã giết bảy người, Đảng Năng Tân chôn sống bốn người.

Nhiều tên thấy chúng tàn ác quá, cũng chán nản, muốn trở về, nhưng không dám nói ra.

Một đêm, Thạ, Nhẫn, Thi, Mâu, Đái, Tân về áp Thành Tín dự một lễ cưới.

Bọn chúng ăn uống ngấu nghiến, nốc rượu nhiều quá, đĩa nào cũng say. Riêng Tân say quá, nói lung tung:

Đêm ấy, chúng ngủ ở rừng Thành Tín. Sáng hôm sau cả bọn chửi Tân:

- Mày phàm ăn quá! Không còn ra thể thống gì nữa.

Tân ức, im lặng.

Bọn chúng lấy ống bơ, nấu cà-phê, vừa uống, vừa hát nghêu ngao:

“Mờ trong bóng chiều

Một đoàn quân thấp thoáng...”

Bọn chúng đang hát, Đồng Thạ ra lệnh:

- Hành quân lên núi Chà Bang ngay!

Thạch Thi nói:

- Lên núi lấy gì mà ăn?

Nại Mâu uể oải:

- Chạy mãi, chán lắm! Toàn chỉ có bắn giết! Đếch thấy làm gì cả!

Đồng Thạ tức vì bọn kia dám phản đối, không tuân lệnh, gọi Hán Nhẫn và Đảng Năng Tân ra phía sau nói nhỏ:

- Hai thằng kia ăn phải bả tuyên truyền của Cộng sản rồi. Nó định về ấp, phản bội ta. Phải khử nó đi để làm gương cho bọn khác.

Nhẫn, Tân chẳng nói chẳng rằng, vơ súng quật liên. Thi, Mâu trúng đạn ngã vật bên ông cà-phê. Bắn xong, Nhẫn, Tân lại lúi lúi đi đào hố, chôn đồng bọn.

Nhìn cảnh chém giết lẫn nhau của FULRO, Trang càng chán nản. Trang muốn bỏ FULRO trốn về nhưng lại sợ.

Biết nỗi băn khoăn của Trang, Sáng chặn trước:

- Cô tưởng tội của cô nhỏ lắm đấy à? Chúng sẽ đưa cô đi tù, bắt lao động khổ sai, chết rục trong trại cải tạo. Cô đã đọc cuốn “Quần đảo ngục tù” chưa? Đây, Cộng sản Nga Xô cũng như Việt Nam kinh khủng lắm!

Trang càng sợ. Thôi cứ liều ở lại, trông vào số mệnh, trông vào sự phù hộ của Pô Yang.

Một buổi tối lạnh giá, Trang vượt qua vùng Suối Thông về hang, bụng đau dữ dội.

Cô lần đến ổ của mình, nằm ôm bụng quần quai. Một người vào ấp Gòn, tìm bà Ha Kin ra đỡ cho Trang.

Hang lạnh ngắt, gió lửa hun hút. Những giọt nước rơi từ trên nóc hang xuống, tí tách.

Thời gian nặng nề trôi đi trong đau đớn, cho đến nửa đêm thì Trang sinh được một đứa con trai.

Trang vô cùng cơ cực. Rét và đói hành hạ cô. Ngày ngày, tốp FULRO ở hang kiếm được cho Trang thứ gì, cô ăn thứ ấy. Có khi là gạo, có khi là củ mì, có khi phải lấy ruột cây gòn giã ra nấu cháo. Nhiều ngày phải nhịn đói. Con sốt rét lại kéo đến hành hạ Trang. Đói mệt làm cô kiệt sức, không có sữa cho con bú. Không có sữa bò, Trang nấu cháo cây gòn cho con. Cô nếm trước, không độc mới cho con ăn. Hai mẹ con sống lay lắt qua ngày.

Nửa tháng sau, Sáng mới từ ấp trở về.

Trang đưa con, Sáng nhìn đứa bé lạnh lùng như không phải con mình. Mặt lầm lẫm, y câu gắt:

- Tôi đang bận trăm công ngàn việc, không có thời giờ đâu mà bế trẻ con.

Trang uất lên, nước mắt giàn giụa.

Sáng rút trong gấu áo ra một mảnh giấy nhỏ, nói:

- Tôi đã họp với các đại biểu FULRO cả hai vùng Thượng và Chàm thành lập lực lượng quân sự cho “Mặt trận FULRO Champa”. Cô chép lại bản danh sách này.

Trang nén khóc, lừa con xuống ổ, cầm bút viết. Những dòng chữ nhập nhòa trước mắt cô.

Trang gắng gượng chép xong. Sáng nói như ra lệnh:

- Lực lượng quân sự đã thành lập xong, cần phải mở các đợt tấn công vào bọn Cộng sản. Chúng ta phải di chuyển sở chỉ huy khỏi nơi này ngay.

Trang sững sốt:

- Tôi mới đẻ, con thì còn yếu lắm, đi sao được?

Sáng nghiêm nét mặt:

- Sự nghiệp chung đòi hỏi mỗi người phải hy sinh mọi tình cảm riêng tư, kể cả tình mẹ con.

- Thế là thế nào? Tôi chưa hiểu?

- Phải bỏ nó lại đây!

Như sét đánh ngang tai, Trang ôm riết lấy con nức nở:

- Lay Pô Yang! Không, tôi không thể giết đứa con vô tội này. Thà tôi chết còn hơn!

- Chuẩn bị đi! Đứng dậy, đặt nó xuống đó, thế nào Pô Yang cũng thương tình có cách chăm sóc nó.

Trang ôm con khư khư không rời, gào thét, cầu cứu. Sáng nhìn xung quanh, vỗ vào khẩu súng trong túi dạ dầm.

Trang vẫn không thể tuân lệnh. Sáng không ép được cô, thở dài:

- Thôi được. Tôi sẽ gửi nó cho bà Ha Kin nuôi vậy! Nào, cô bế nó vào Ấp Gòn theo tôi!

Trang đành đem con gửi bà Ha Kin rồi theo Sáng đi nơi khác.

Phải xa đứa con đỏ hỏn, lòng Trang đau đớn vô ngần. Rồi nó sẽ ra sao? Liệu có sống được cho đến ngày gặp lại mình không?

27. BỐN CÔ GÁI – BỐN CUỘC ĐỜI

Từ hôm Trang ra đi, bà Tim suy nghĩ nhiều, sinh ốm. Con gái bà đã khôn lớn, sắp gả chồng, bao công lao bà nuôi dưỡng, thế mà đùng một cái, nó đi theo một tên lừa đảo, tàn ác. Bà khổ tâm hơn nữa là gia đình thành chia sẻ. Bác bà (ông Phú Lập) theo Việt Minh chống Tây; hai anh trai bà (ông Phú Mách, Phú Trục) theo kháng chiến chống Mỹ; các ông đều là liệt sĩ. Bà theo Cách

mạng từ thời chống Pháp đến nay vẫn là ủy viên Hội đồng nhân dân, cán sự phụ nữ xã. Còn con trai, con gái bà lại theo FULRO chống Cách mạng, chống cha mẹ.

Tưởng rằng con đã chết trong rừng, bà lập bàn thờ trong nhà. Một tấm ảnh, một cây nến, một bát hương, ngày ngày bà khăn vải cầu cúng cho con.

Bỗng một đêm, có tiếng gọi cửa. Nghe đúng tiếng con, bà vừa mở cửa, vừa run.

Trang bước vào, mặt hốc hác...mắt trũng sâu, da xanh bủng. Cô vạch váy áo, chỉ cho mẹ thấy những vết bầm trên tay, chân:

- Chúng nó tàn ác quá, con không thể ở được nữa, con trốn về. Tên Sáng biết con về, cho người đuổi theo bắt con. Con chạy, bị thương, thoát chết má ạ!

Bà vừa lau vết thương cho con, vừa xuýt xoa. Có nên báo cho chánh quyền biết Trang về hay không? Nó theo bọn phản động, chống lại chánh quyền, liệu có bị bắt đi không? Bà tin là chánh quyền khoan hồng nhưng vẫn lo lắng.

Bà thủ thỉ:

- Con non dại, cả tin, bị lừa dối. Mẹ cũng không ngờ con khổ đến thế. Đã về rồi, con nên khai báo với chánh quyền. Chánh quyền sẽ khoan hồng cho con thôi.

Liều chánh quyền có khoan hồng không? Nhớ lời đe dọa của Sáng nhưng Trang vẫn tin mẹ. Mẹ Trang đã từng làm việc cho Cách mạng, lại rất thương Trang. Trang thở mệt nhọc:

- Vâng! Mẹ đi báo cho Cách mạng biết. Con mệt lắm!

Nhận được tin Trang về đang đau ốm, ông Lê Thanh Bình điện ngay cho ông Trưởng ty Công an Chín Huỳnh. Ông Chín cử ngay chiến sĩ Lê Đức Trọng về đưa Trang đi bệnh viện Phan Rang.

Nghe nói chánh quyền đưa Trang đi bệnh viện, một thầy Chang đến nói với bà Tim.

- Từ xưa đến nay, chẳng có chánh quyền nào lại đi cứu vớt những người chống lại mình. Tôi thấy con Trang như bị ma ám, nói mê, nói sảng. Phải cầu Pô Yang, phải đưa nó vào Tháp cúng.

Mặc tiếng ra tiếng vào, Bà Tim vẫn cho con đi bệnh viện.

Một chiếc ô-tô đến nhà chờ Trang đến bệnh viện Phan Rang. Trọng theo giúp Trang lo liệu các thủ tục, giấy tờ và liên lạc với gia đình.

Xe đến viện, các thầy thuốc ân cần đón nhận Trang. Một cô y tá trẻ bằng tuổi Trang dìu vào giường nằm. Bác sĩ khám, băng vết thương, cho thuốc. Hôm sau, một người trạc 60 tuổi, tóc hoa râm, cao lớn, trông phúc hậu, vào thăm Trang. Trọng nói với cô:

- Bác Chín, Trưởng ty Công an đến thăm đó!

Trang nhìn bác Chín, nghi nghi, ngờ ngờ. Người chỉ huy công an này làm cho Trang chột liên tưởng đến Huỳnh Ngọc Sảng. Trang tự hỏi: Vì sao ông chăm lo, săn sóc Trang như thế? Có ý đồ gì không? Sảng cùng dân tộc, cùng quê hương, mà còn tàn ác thế thì một người khác dân tộc, khác quê hương sẽ đối xử với Trang như thế nào?

Tiếng nói trầm trầm, ôn tồn của bác Chín vọng vào tai cô:

- Cháu đỡ đau chút nào chưa?

- Dạ, đỡ một chút bác ạ!

- Cháu đừng lo lắng gì cả. Các bác, các cô chú ở đây coi cháu như con mà thôi. Cháu lắm đường, lạc lối, giờ cháu trở về. Ai cũng thương cháu. Má cháu khổ về cháu nhiều rồi. Giờ cháu cố ăn uống, bớt lo nghĩ cho chóng khỏe trở về với má!

Trang bỗng cảm thấy xót xa, thương má.

Bác Chín cho Trang hai hộp sữa rồi về.

Hôm sau, Trang phải tiêm Pê-ni-xi-lin. Mũi tiêm vừa rút ra, Trang thấy đầu óc quay cuồng, choáng váng rồi ngất lịm đi.

Khi tỉnh dậy, Trang run lên sợ hãi. Lúc này những lời nói của thầy Chang trở lại trong tâm trí Trang. Những câu chuyện Sảng kể về âm mưu của những người cầm quyền ở Mỹ, Pháp, Campuchia, Sài Gòn, Nhật, Đức, nhất là bọn phát xít Hít-le lại hiện lên. Chúng có hàng trăm cách giết người rất “địu ngọt”, “nhân đạo”. Một trong những cách đó là tiêm thuốc “bỏ” để kết liễu đời một người chúng cần thủ tiêu. Trang rơi vào tình trạng đó rồi.

Nhưng tại sao Trang chưa chết? Trang nhìn quanh. Căn phòng chỉ có mình Trang và hai thầy thuốc. Trang xòe tay, những vân tay vẫn hiện rõ. Tay cô vẫn nóng, co bóp được. Trí nhớ vẫn tốt. Cô y tá đã tiêm cho Trang, tâm sự:

- May quá, Trang chết, mình đi tù rồi đấy! Mình tiêm Pê-ni-ci-lin quên không thử phản ứng. Ai không chịu được thuốc này, tiêm vào là bị phản ứng, ngất hoặc chết. Mình sợ xuất quá, mình có lỗi với Trang. Mình đã phải làm kiểm điểm rồi.

Đôi mắt tròn của Trang mở to rồi từ từ khép lại. Nỗi nghi ngờ trong cô tan đi. Lòng cô dần thanh thản lại.

Bác Chín luôn đến thăm Trang.

Lần nào đến, bác cũng mang quà. Khi thì vài hộp sữa, khi chục cam, khi nải chuối. Bác vẫn ân cần hỏi han Trang như một người cha đối với con. Bác hỏi toàn chuyện tình cảm, gia đình, chẳng có ý khai thác, chẳng nói đến chuyện chánh trị, quân sự gì.

Những mặc cảm tan dần trong Trang.

Một buổi, thấy Trang nhìn mình với vẻ chăm chú, e ngại, Trọng biết cô sợ mình vì anh có bộ râu quai nón khá rậm. Trọng cười:

- Trang sợ tôi lắm phải không?

Nghe câu nói cười mở Trang mạnh dạn:

- Sao tôi lại sợ anh?

- Tôi là công an này! Tôi trông dữ tướng quá này!

Trang bật cười:

- Anh cạo râu đi thì hết dữ, lành khô luôn!

Hai người cùng cười.

Hôm Trang ra viện, Trọng vào đón và báo cho cô một tin mới. Anh chưa biết Trang sẽ đón nhận tin này như thế nào nên ngập ngừng nói:

- Tên Sáng đã bị bắt rồi.

Trọng chậm rãi kể cho Trang biết là do bị truy lùng ráo riết nên Sáng phải di chuyển về địa bàn đồng bằng đông đúc để khỏi chết đói và dễ lẫn trốn trong dân. Hắn phải cải trang, dùng giấy tờ giả mạo, luôn thay đổi địa điểm mà vẫn không lọt qua lưới bủa vây của nhân dân và các cơ quan chuyên môn.

Hôm vừa qua, một chiếc xe khách Sài Gòn – Phan Rang qua thị xã Phan Thiết. Đến trạm kiểm soát, xe dừng lại. Hai chiến sĩ công an Kỳ và Minh bước lên xe. Đến trước mặt một vị khách đầu hói, Kỳ hỏi:

- Xin ông cho xem giấy căn cước?

Vị khách mỉm cười:

- Vâng!

Kỳ ôn tồn:

- Chúng tôi có việc hỏi ông, xin ông vui lòng xuống xe.

Vị khách lắc đầu:

- Tôi là dân lành, tôi không có tội gì. Tôi không xuống!

Minh nói luôn:

- Ông không xuống bắt buộc chúng tôi phải có hành động kiên quyết.

Vị khách nổi khùng lên, vung tay:

- Các ông vi phạm quyền tự do đi lại của dân chúng, các ông vi phạm nhân quyền!

Vị khách đó, không ai khác là Huỳnh Ngọc Sảng.

Kể xong, Trọng hồi hộp chờ đợi phản ứng của Trang. Không ngờ, nét mặt Trang lúc đầu còn hoài nghi vì việc bắt được Sảng, chuyển dần sang tin tưởng sau mỗi chi tiết cụ thể, và cuối cùng thì rạng rỡ hẳn lên. Cô nhìn Trọng, giọng hoan hỉ:

- Bắt được thằng đó là giải thoát cho không biết bao nhiêu người bị hấn làm khổ nhục!

Rồi Trang vui vẻ bước lên xe, giục Trọng cho về nhà nhanh để còn gặp mẹ.

Số phận của tên cầm đầu quan trọng nhất của FULRO Chàm kết thúc như thế đó, trong cuộc đời chánh trị và cả trong niềm tin yêu của người gần gũi nhất.

*

* *

Trang ra viện được nửa tháng thì ông Chín về tận Chung Mỹ thăm cô.

Vừa trông thấy ông, Trang chạy ra, reo lên:

- Quà cháu đâu, bác ơi!

Câu nói ngây thơ, hồn nhiên của Trang bỗng làm ông xúc động. Tình cảm cha con làm ấm áp lòng người cha đã từng xa con lâu ngày trong suốt hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ông đưa cân đường, hộp sữa cho Trang:

- Cháu đã khỏe hẳn chưa?

- Cháu khỏe lắm, bác ạ!

- Từ hôm về đến giờ, cháu làm gì?

- Cháu giúp má cháu và chị Kiều. Cháu dệt vải, làm ruộng.

Ông nói rất chân tình:

- Cháu nên trở lại trường, học tiếp hết lớp 12 rồi thi vào đại học. Ngoài Bắc, nhiều kỹ sư, bác sĩ, phó tiến sĩ, tiến sĩ, là người dân tộc Tày, Thái, Mèo... Họ cùng các trí thức người Kinh xây dựng đất nước. Cháu cũng phải thế. Tương lai đất nước trông vào lớp trẻ như cháu.

Trang bần khoản rồi mạnh dạn:

- Cháu đã lớn, lại bỏ mấy năm rồi, giờ học với số lớp dưới mới lên, cháu ngượng lắm. Hơn nữa, má và chị cháu vất vả, cháu muốn đi làm, giúp đỡ gia đình bác ạ!

- Không học tiếc lắm. Nhưng tùy cháu. Nếu cháu muốn đi làm, bác sẽ giúp cháu. Cháu thích dạy học, làm y tá, hay bán hàng mậu dịch?

Trang mừng rỡ:

- Làm gì cũng được bác ạ!

Ông Chín đi gặp ông Trưởng phòng thương nghiệp huyện An Sơn

Ông Trưởng phòng nói thành thật:

- Đồng chí giới thiệu người khác, chúng tôi không dám từ chối. Nhưng trường hợp này thì khó nghĩ quá. Cô ta đi theo FULRO chống phá Cách mạng, giờ xin làm cán bộ Nhà nước, tôi sợ các nhân viên khác phản đối.

Ông Chín giải thích mãi, ông Trưởng phòng hứa:

- Đồng chí để chúng tôi bàn bạc thêm, chúng tôi sẽ cố gắng giải quyết.

*

* *

Trang ở nhà được ít lâu thì Phú Mỹ đến thăm. Nhìn thấy người yêu cũ, cô hồ thẹn, không dám nhìn thẳng vào mặt anh. Cô đã bỏ anh ra đi, đã làm lỡ, sa ngã. Bao chuyện đau lòng đã diễn ra. Anh sẽ nghĩ về cô ra sao đây, nhất là khi anh đã trở thành một cán bộ Phòng văn hóa – thông tin huyện An Sơn.

Như đoán biết điều suy nghĩ của Trang, Phú Mỹ nói trước:

- Anh ở huyện về. Hôm nay đến thăm em và nói với em câu chuyện. Anh đã suy nghĩ rồi, anh muốn em cưới anh...

Trang sững sốt chạy vụt vào giường, nằm úp mặt trên gối, òa lên khóc. Phú Mỹ chạy vào nhà, ngồi trên một chiếc ghế cạnh giường. Trang nói trong tiếng nức:

- Anh còn lấy em làm gì? Em là kẻ hư hỏng, bỏ đi rồi.

Phú Mỹ lắc đầu:

- Anh biết tất cả. Chỉ tại thằng Sáng khôn nạn. Gặp hắn, anh sẽ giết để trả mối thù này. Em nhẹ dạ, cả tin anh bỏ qua tất cả. Anh vẫn yêu em!

Trang không dám tin lời Phú Mỹ, không dám nhận lời.

Những ngày sau, cứ tối thứ bảy, từ cơ quan về, Mỹ lại đến thăm Trang.

Má Phú Mỹ khuyên con:

- Thiếu gì con gái mà con đi lấy con bé đã theo FULRO, đã bị tai tiếng như thế?

Mỹ nói với má:

- Nhưng cô ấy đã trở về, đã cải tạo thành người tốt.

- Đưa nào khi muốn lấy người khác cũng hứa thế này, thế nọ, rồi theo địch vẫn hoàn theo địch...Mẹ...

Bà ngừng lại vì không muốn nói rõ hơn điều đau xót chôn vùi trong cõi lòng bà hơn 20 năm nay.

Hồi ấy, ông Phú Minh là Trưởng chi Thông tin – chiêu hồi nguy quận An Phước, bà là nữ cán bộ Cách mạng. Một lần, muốn "bồi lem" người nữ cán bộ Cách mạng, tên Trưởng ty Thông tin – chiêu hồi Ninh Thuận thách ông Minh:

- Mày tán tỉnh thế nào lấy được con bé ấy, làm cho nó bỏ Cách mạng, không hoạt động nữa thì tao thăng cho mày một cấp.

Ông Minh tìm mọi cách mua chuộc bà. Ông xin hoạt động Cách mạng, làm cơ sở cho bà. Ông làm rất tích cực. Tưởng ông thật lòng theo Cách mạng, bà thương và lấy ông ta làm chồng. Bà đã mắc mưu. Khi đẻ Mỹ ra, ông tuyên bố không hề theo Cách mạng thật sự và bắt bà đầu thú. Bà bị mắc mưu, đau khổ nhưng không đầu hàng. Tuy sống với ông, nhưng bà vẫn bí mật hoạt động.

Từ đó bà không tin vào bất cứ sự hứa hẹn nào của những người đã làm cho địch. Bà cho Trang khó mà trở thành người tốt. Hơn nữa, con trai bà là trai tân, học tú tài, cán bộ thông tin – văn hóa, thiếu gì cô gái trẻ cưới anh làm chồng?

Nhưng Mỹ không nghe lời mẹ, quyết lấy Trang. Hai mẹ con cãi nhau. Cuối cùng, người mẹ đành chịu, chiều lòng con. Phú Mỹ lấy Trang. Hai người ăn ở với nhau rất hòa thuận. Gần một năm sau, họ sinh đứa con gái đầu lòng. Cháu bé Phú Nữ Ánh Thư ra đời, khỏe mạnh, kháu khinh, có đôi mắt tròn to, đen láy như mẹ.

Trang nhìn con nhũ thâm: “Bà mầy bị lừa, mẹ mầy bị lừa, nhưng mầy sẽ không còn chịu cái cảnh bị lừa gạt như thế nữa vì mầy sinh ra trong chế độ mới”.

*

* *

Bị đánh tan tác ở Ja Pôn, Từ Thị Nhung đi một bước phiêu lưu nữa trên đường tình cũng như trên đường chánh trị. Cô bỏ tên Đồng Thọ, người tình vũ phu để lên Lâm Đồng tìm P.C Trung ương. Lúc này Y Djao vẫn làm Thủ tướng. Y Djao giữ Nhung lại ở P.C.

Ở đây, Nhung gặp Y Ni Jun, người Ê Đê, Tham mưu trưởng trung đoàn, chân tay thân tín của Y Ghok Niê Kriêng

Y Ghok trước kia theo FULRO 2. FULRO về hợp tác, y làm “cán bộ phát triển sơn thôn” Đắc Lắc. FULRO 3 thành lập, y theo, được Kpă Kới phong hàm trung tá, làm Phụ tá cho tên Tổng trưởng An ninh Y Tuaih Niê. Y Tuaih bị bắt, Y Ghok được thay làm Tổng trưởng bộ này.

Y Djao lật Kpă Kới, hạ chức Y Ghok, đẩy xuống làm Trung đoàn phó. Y Ghok rất căm, ngấm ngầm tìm cách trả thù.

Y Djao ngày càng lún sâu vào tội ác. Sau khi loại trừ Kpă Kới, giết Y Đuê, Nikôlai, hắn lại cho người vào Đà Lạt gọi K’Năm (đang ở với nhóm về hàng ở đây) ra rừng. Hắn giết cả hai cha con K’Năm, cảnh cáo cái tội đầu hàng.

Quyền hành trong tay, Y Djao tha hồ trác táng. Hắn bắt một cô gái Ê Đê lấy hắn, sau khi thỏa mãn dục vọng, hắn sai lính thủ tiêu. Hắn cướp một cô gái người Lát – người yêu của một sĩ quan FULRO thuộc cấp. Chán chê, hắn lại đuổi cô gái đi. Hắn lấy cô gái thứ ba, người Ka Ho, rồi lại hành hạ cô ta.

Tính tàn bạo của Thủ tướng Y Djao làm cho bọn chỉ huy khác lo sợ vì một ngày nào đó, đến lượt chúng có thể bị Y Djao làm thịt. Hiểu thấu điều đó, Y Ghok khôn khéo kích động, lôi kéo bọn chỉ huy theo mình, ngấm ngầm chuẩn bị một cuộc đảo chánh lật Y Djao.

Sau một thời gian vận động, thấy đã chín muồi Y Ghok và Y Ni Jun thống nhất một kế hoạch lật đổ.

Cuối cùng, hai tên trung đoàn phó và tham mưu trưởng đã tìm được thời cơ, bí mật chỉ huy trung đoàn của mình, bất ngờ tấn công P.C Trung ương, bắt được Y Djao.

- Thằng thọt kia, mầy có nhớ đã giết bao người rồi không? Mày giết Kpă Kới và ba tướng FULRO. Mày phải chết!

Y Ghok chửi thỏa sức rồi đập chết Y Djao.

Một lần nữa, Trung ương FULRO lại thay Thủ tướng. Và lần nào cũng như lần nào, vẫn là sự tranh giành quyền lực ấy, vẫn là sự tàn bạo đẫm máu ấy của những trùm phi vốn không lạ gì nhau trong cái tổ chức hổ lốn gọi là P.C Trung ương FULRO ấy.

Y Ghok lên làm Thủ tướng và đưa ngay Y Ni Jun lên làm Tổng trưởng An ninh, trao cho nhiều quyền hành và rất tin cậy.

Gặp cô gái Chăm duyên dáng, có nghị lực, vị tân Tổng trưởng yêu và lấy luôn làm vợ. Nhưng cũng mê vị Tổng trưởng to, khỏe, mới có 36 tuổi, một trong những vị lãnh đạo trẻ của FULRO, nên hí hửng rẽ một bước ngoặt nữa trên con đường tình mà chính bản thân cô cũng không còn nhớ là đã có bao nhiêu bước ngoặt!

Để tạo cơ hội cho vợ tiền thân, Y Ni Jun xin Y Ghok cho Nhung làm đại diện người Chăm trong Trung ương FULRO, trực tiếp nắm Mặt trận FULRO Champa thay Huỳnh Ngọc Sảng. Y Ghok chấp nhận. Nhung được phong chức “Đặc ủy trưởng Mặt trận FULRO Champa”, mà không một chút xấu hổ vì cái vị trí lãnh tụ Chăm của mình lại do những người Thượng sắc phong.

Do trách nhiệm mới, Nhung trở về vùng Đon Dương ở P.C Mô-pia, chỉ huy FULRO Chăm và chịu sự chỉ huy trực tiếp của Quân khu 5 FULRO do trung tá Tuoc Prông Kacháp làm Tư lệnh trưởng.

Kacháp là người Chru, nguyên là Tham mưu trưởng Quân đoàn 4 FULRO, về đầu hàng cùng với K’Năm tại Đà Lạt, cùng bị Y Djao gọi ra rừng. K’Năm bị giết chết, Kacháp bị bỏ rơi, chưa biết làm gì thì Y Ghok đã lật Y Djao lên làm Thủ tướng. Kacháp tỏ ra thuận phục và được tân Thủ tướng cử làm Tư lệnh Quân khu 5 vừa được thành lập

Kacháp và Nhung vốn đã biết nhau từ xưa. Vợ Kacháp là Két, người Chăm, là con gái Lê Sơn Cường (Cường cùng quê hương Ninh Thuận và cùng chỉ huy FULRO Chăm với Nhung).

Ở chung một P.C, tình cảm giữa vị Tư lệnh Quân khu và bà Đặc ủy trưởng FULRO Champa nảy nở. Kacháp có học thức, tế nhị, khác xa Đồng Thọ đã đành mà đến quyền cao chức trọng như Y Ni Jun cũng kém phần hấp dẫn. Càng say mê Kacháp, Nhung càng cảm thấy Y Ni Jun chồng mình là thô thiển, vô học. Như con thiêu thân, cô lại nhắm mắt lao vào ngọn lửa tình yêu mới, có phần nguy hiểm hơn các lần trước vì Y Ni Jun là Tổng trưởng An ninh đa mưu và đầy quyền lực.

Chẳng bao lâu, Nhung có thai với Kacháp. Chị em trong P.C kháo nhau. Chuyện đó bay về Trung ương.

Y Ni Jun ghen lồng lộn, tìm cách trị kẻ dám cướp vợ mình. Và, một cái cớ vô cùng hợp lý đã đến. Ông Tổng trưởng vội trình Thủ tướng:

- Kacháp dám lừa cả Trung ương. Hắn nói Quân khu 5 cần mua một máy vô tuyến điện. Hắn thông đồng với hai tên Y Blóc và Y Tring xin xuất 1.600 đồng tiền quỹ, nói là nhờ Bá Thị Sông, Quảng Đại Đen, Hán Văn Ba liên hệ với bọn thương gia Chăm. Nhưng hàng năm trời nay, chẳng thấy máy đâu. Hôm vừa qua tôi hỏi, Kacháp nói là Y Blóc lừa, lấy hết tiền để cưới vợ. Tôi

đã cho điều tra và biết thằng Kacháp nói dối. Chúng thông đồng với nhau cuỗm số tiền đó thôi. Vậy xin anh cho trị tội.

Y Ghok nề Y Ni Jun nhưng tiếc Kacháp:

- Tất nhiên phải kỷ luật. Nhưng ta nên coi nói một chút!

Y Ni Jun nhận sự vụ lệnh của Thủ tướng, xuống Đơn Dương, cách chức Tư lệnh Quân khu 5 của Kacháp, đuổi về Tổng cục Quân huấn. Còn Y Ni Jun, Tổng trưởng An ninh kiêm luôn chức Tư lệnh Quân khu 5. Kacháp về trung ương, Y Ni Jun ở lại Đơn Dương.

Y Ni Jun kèm sát vợ. Nhớ Kacháp bao nhiêu thì càng muốn thoát khỏi sự ràng buộc của chồng bấy nhiêu, nhưng Nhung chưa tìm được phương kế.

Giữa lúc ấy, Châu Thị Cành được điều về chỗ Nhung. Cành trước kia là học sinh nữ công của Nhung ở Trung tâm văn hóa Chàm. Lâu ngày gặp lại nhau hai người rủ rỉ tâm sự. Thấy cô giáo đang buồn vì xa người yêu, Cành cời mở kể cho Nhung nghe nỗi buồn sâu kín trong lòng mình:

- Khi còn ở P.C Kê Vở, em là quân của Đại úy K'Brim, người Ê Đê. Em bị sốt nặng, K'Brim vào ấp xin gạo, nấu cháo cho em ăn. Anh còn sai lính giặt quần áo cho em. Khi hành quân, anh bắt lính đeo ba-lô cho em. Thế là em thương và lấy K'Brim. Em có bầu, rồi sinh một cháu gái. Nuôi con trong rừng thật là cực nhưng em bớt buồn.

Bỗng nhiên có lệnh của Trung tá K'Ty, Tư lệnh Quân khu 4, gọi chồng em về Quân khu. Em phải bỏ con theo chồng. Đến bản doanh, em chờ ở ngoài, K'Brim vào. Em thấp thỏm chờ đợi. Một giờ sau, K'Brim ra, kéo em tới một chỗ vắng, buồn bã nói: "K'Ty không cho chúng ta ở với nhau nữa". Em giật mình hỏi: "Vì sao?". Chồng em nói: "Họ bảo, không cho anh lấy người Chàm". Không ngờ đến thành kiến dân tộc nặng như vậy, nhưng biết tính hung ác của những người chỉ huy FULRO Thượng, em bảo K'Brim: "Nếu thế thì ta phải ly dị thôi, chứ thượng cấp đã ra lệnh, ta không thể làm trái được". Chồng em mím môi: "Nếu phải xa em, thà anh về đầu thú Cách mạng còn hơn". Mấy hôm sau, thấy chồng em còn quyến luyến không muốn xa em, ông K'Ty ra lệnh cho thuộc hạ bắt trói chồng em lại, đưa vào bản doanh, tra tấn và đánh chồng em đến chết. Sáng hôm sau, một tên gọi em đến nhận xác. Em theo hai tên khiêng xác chồng em lên đồi Ngo. Họ cho xác anh vào một cái rọ tre, vùi hờ xuống đất.

Nỗi thương chồng chưa nguôi thì hai tháng sau, con em lại chết. Em tưởng rằng không thể sống nổi. Em căm ghét những người Thượng, em xin về vùng Chàm, K'Ty cho em về đây. Em chán lắm rồi. Nói thật với cô, em chỉ muốn về nhà thôi.

Từ Thị Nhung không hề bị cảnh ngộ như vậy nên chỉ nghe câu chuyện của Cành với vẻ dửng dưng. Nhưng để Cành về ấp thì cô sẽ mất một người tin cậy. Cô lựa lời an ủi Cành để rủ Cành ở lại.

Cành ở với Nhung, vừa làm thư ký, vừa hầu hạ bà Đặc ủy trưởng.

Mấy tháng sau, Nhung sinh con gái. Cành trở thành người vú em, nuôi con và chăm sóc mẹ. Hàng ngày, Cành giặt tã lót, tắm rửa, cho con Nhung ăn.

Nhớ Kacháp nhưng sợ Y Ni Jun biết, Nhung nhờ Cành viết thư bí mật gửi về Tổng cục Quân huấn, báo tin con của Kacháp, “một hạt máu Chru Chàm quả cảm” ra đời.

Kacháp sai lính bí mật mang hai chiếc áo trẻ con, hai cân đường, ba hộp sữa cho Nhung.

Cứ như thế, vài tuần, Nhung lại sai Cành viết thư than thở với Kacháp. Sống bên chồng nhưng tâm hồn cô gửi hết cho người yêu. Trong một bức thư, Nhung nói sẽ tìm cách bỏ Y Ni Jun mang con về sống với Kacháp. Chẳng may thư lọt vào Y Ni Jun. Ông Tổng trưởng ghen lồng lộn, chĩa súng Côn vào mặt vợ quát:

- Con Chàm đi thỏa kia, tại sao mày đã có con với tao, mà mày còn lảng nhãng với thằng Chru khôn kiếp?

Nhung khôn ranh bào chữa:

- Con Cành nó tự viết, chứ tôi đâu có biết? Tôi đâu có còn thương gì anh ấy!

Y Ni Jun nén giận, cật súng vào bao, hăm hăm bước ra. Trước khi đi, hắn còn hăm dọa:

- Tao còn thấy mày thương nó, tao sẽ giết cả hai!

Chưa lúc nào Từ Thị Nhung thấy cảnh chồng con trối buộc như lúc này.

Mấy hôm sau, cô gọi Cành tới, dặn dò:

- Cô nhờ em hai việc, việc quan trọng. Thứ nhất, là cô đã quyết định dứt khoát gửi con về quê cho má cô nuôi hộ. Em hãy bí mật về ấp, liên lạc với gia đình hộ cô. Em hãy gặp má cô và chị Mỹ, nói cô sẽ gửi con về nhờ má và chị.

Lặng đi giây lát, Nhung bỗng ngược lên nhìn Cành, đôi mắt đầy vẻ hằn học, giọng đay nghiến:

- Cô không chịu được cảnh bị người ta coi thường như hiện nay nữa! Hoặc là vươn lên vượt khỏi người ta trên trường chánh trị, hoặc là đi tìm cuộc sống thoải mái ở nơi xa lạ, không còn con đường nào khác...Em biết không? Cô vẫn nghe đài Mã Lai. Anh Châu Văn Tần, thay mặt người FULRO ở hải ngoại, có đọc thư gửi đồng bào Chàm ta qua đài Mã Lai đó! Giọng anh tha thiết, nhiều đoạn như khóc. Nghe giọng anh trên đài, cô thấy nhớ những ngày sống với anh ở quê, những ngày gặp anh ở Căm-bốt. Cô cũng nghe anh em ta nói, ông Kossem đã về dạy trường tỉnh báo Mã Lai rồi. Cả Cha Mussây và Jay cũng sang Mã Lai nữa. Họ cùng anh Tần và những người Chàm ở bên ấy vẫn họp, vẫn vận động cho FULRO; cử người sang Pháp gặp nhóm FULRO của Ngụy Văn Nhuận, Quảng Đại Đủ; cử người về Việt Nam liên hệ với chúng ta!

Cơ hội để vươn lên hay đi tìm cuộc sống mới đều từ đó mà ra cả. Nhân tiện em về ấp, cô nhờ em việc hệ trọng thứ hai. Em hãy tìm cách gặp những người thân của anh Tần, hỏi xem thư anh gửi về nói gì. Em cố lấy địa chỉ của anh cho cô để cô liên lạc với anh và Cha Mussây. Cô biết anh đã có vợ Mã Lai nhưng anh quên thế nào được cô? Cô tự giải thoát được khỏi cảnh này, cô không quên em đâu!

Nhận lệnh bà Đặc ủy trưởng, Cánh vội vã lên đường, bí mật về các ấp Chàm. Quả nhiên, như Từ Thị Nhung dự đoán, sau khi gặp gỡ mấy người, Cánh được biết vùng Chàm đã lập nhiều nhóm đang tìm cách liên lạc với số chỉ huy FULRO hải ngoại để đưa người Chàm đi nước ngoài.

Cánh hiểu rằng công việc của mình đang làm là dọn dẹp cho Từ Thị Nhung tiếp tục đi theo con đường đã đi nhưng không bao giờ đến, đầy bước ngoặt bất ngờ và chuyện tình hung dữ.

*

* *

Sau lớp học cải tạo ở Hữu Đức, Huỳnh Ngọc Trăng được trở về quê. Trăng học ôn, tiếp tục thi vào đại học. Giữa lúc đó, Lê Thị Ý từ Sài Gòn ra trường Pô Klông (bây giờ gọi là “Trường bổ túc văn hóa dân tộc Chiêm”) nhắn Trăng đến gặp.

Từ Mỹ Nghiệp, Trăng vội vã đi ra. Ý lục túi lấy ba tấm phong bì Mỹ, vui vẻ:

- Cuối năm 1976, vừa được thả về Mỹ, anh Jay đã viết thư cho tôi. Tôi đã trả lời và liên hệ thư từ thường xuyên với anh. Anh cũng đã viết thư cho Trăng, Ba, Vờ, nhờ tôi chuyển tận tay cho các anh. Tôi sợ bọn công an theo dõi nên giữ kín, hôm nay mới mang ra cho các anh được.

Cầm thư của Jay, Trăng mừng rỡ. Thế là gần 3 năm xa cách, Trăng lại được nhìn nét chữ, đọc những dòng tình cảm nồng thắm của người anh nuôi thân thiết.

Đọc xong thư, Trăng đưa đôi mắt nhỏ, hum húp, tươi cười nhìn Ý:

- Anh Jay ăn ở tình nghĩa quá. Anh hỏi thăm số học sinh Chàm chúng tôi hiện nay ở đâu, sống ra sao; người nào có nghề nghiệp, làm việc ở đâu; người nào chưa có việc làm. Tôi phải viết thư trả lời anh ngay, để anh đỡ mong. Lâu ngày gặp nhau, chị ở đây chơi. Chị em hàn huyên với nhau và tôi viết thư gửi anh Jay, nhờ chị chuyển hộ. Tôi gửi qua bưu điện, không tiện.

Ý ở lại. Chiều hôm ấy, Trăng dẫn Ý đi thăm tháp Chàm và để dễ tâm sự.

Họ ngồi dưới bóng râm của vòm tháp cổ. Xung quanh vắng lặng. Chỉ có tiếng gió xào xạc trên lùm cây. Lê Thị Ý không khỏi có cái cảm giác mến phục của một người Kinh đối với một nền văn hóa lâu đời. Cô nói:

- Thảo nào anh Jay có tình cảm lớn với vùng Chàm các anh là phải! Trong những bức thư gửi cho tôi, thư nào anh cũng nhắc: “Nếu có dịp, em sẽ về thăm Phan Rang, nơi anh đã sống, nơi

ấy tuy nhỏ bé nhưng vui mà thân thiết biết chừng nào!”. Anh còn mơ ước: “Anh chỉ mong một ngày nào đó, có vợ có chồng, trở lại thăm một nơi mà anh yêu quý nhất trên đất nước này”.

Trăng quay sang người chị dâu tương lai, mỉm cười thăm dò:

- Anh ấy yêu chị tha thiết như thế đó. Thế còn chị, chị có thể gắn bó suốt đời với anh ấy, có thể chờ đợi và sang Mỹ với anh ấy không?

- Trăng hiểu, trong hoàn cảnh của tôi, yêu một người Mỹ làm công việc như anh Jay, sẽ đem tới hậu quả gì? Má tôi đã nhiều lần phản đối. Chẳng hiểu nghe ai nói, bà rửa tôi: “Yêu một thằng Mỹ, một tên gián điệp, để tan nát gia đình à? Còn tao, còn các em mày, chúng có thể bị ảnh hưởng vì mày”. Má tôi gọi tôi về Đà Nẵng để gả chồng. Nhưng tôi không nghe. Tôi không yêu người bà tìm cho tôi. Thú thật với Trăng, vì tôi đã yêu một người Mỹ có học, trí thức, lịch sự, có cách sống như Jay, tôi chán thanh niên Việt Nam lắm. Vừa qua, tôi bán xe sinh tố trước nhà. Lỗi lỗi tạm chi tiêu trong nhà. Nhưng tôi rất buồn phiền vì phải tiếp xúc với những người thiếu văn hóa. Đó là lúc mà tôi nghĩ đến Jay và cần đến anh hơn cả...

Ý còn giải bày tâm sự nhiều về mối tình cao cả của mình đối với chàng thanh niên chí nguyện Mỹ. Ý thề rằng: “Sẽ theo Jay đến tận cùng trời cuối đất, dù có phải chết dưới làn đạn kẻ thù...”.

Tối hôm ấy, Trăng viết thư trả lời tất cả câu hỏi của Jay. Trăng nhấn mạnh về đời sống khó khăn hiện nay, lòng mong muốn trốn ra nước ngoài “để đấu tranh lâu dài cho dân tộc Chăm” của các học sinh và nhờ Jay giúp đỡ.

Ý đã gửi thư đó cho Jay. Từ Mỹ, Jay gửi thuốc bổ, hàng hóa về cho Trăng và các học sinh Chăm khác, qua địa chỉ Ý. Từ đó, Ý trở thành nhịp cầu giữa Jay và các học sinh Chăm.

Để tránh sự theo dõi của công an, Ý không ra gặp, không gửi thư thẳng cho Trăng nữa, mà gửi qua Đạt Nghĩa, người cùng quê và là bạn của Trăng.

Cho đến cuối năm 1978, mối dây liên lạc giữa Jay và các học sinh Chăm đã bền chặt. Trăng, Ba, Vờ và một số học sinh chờ đón ngày gặp lại Jay. Một số học sinh đã muốn trốn ra nước ngoài liên lạc với Jay. Họ hy vọng vào đường dây của Ý.

Nhưng rồi thư của Ý gửi Trăng thưa dần. Cho đến một hôm, Đạt Nghĩa đưa cho Trăng một bức thư của Ý. Trăng thất vọng. Ý báo tin Jay đã bỏ cô. Mọi liên lạc với Jay thế là đi đứt.

Đạt Nghĩa không hiểu hỏi:

- Jay đang yêu Ý tha thiết như vậy sao lại bỏ cô ta nhỉ?

Trăng nhún vai, cười:

- Hồi còn ở Đà Lạt, tôi có hỏi anh Jay: “Liệu thầy có lấy chị Ý làm vợ không?”, anh chỉ nhìn tôi, mỉm cười hóm hỉnh và nói: “Chiếc bóng bên đường”. Lúc đó tôi chưa hiểu và bây giờ tôi mới hiểu.

- Thế về Mỹ rồi, anh ấy còn viết thư cho Ý làm gì?

- Có thể Ý là nhíp cầu tốt để anh bắt đến chúng tôi.

Đạt Nghĩa gật gù. Anh chợt nhớ đến những cuốn sách trinh thám đã đọc. Đối với các thám tử, đằng sau chuyện tình ái thường là chuyện tình báo. Mà đã là chuyện tình báo thì thông thường nó kết thúc bất ngờ, dữ dội, không như ý muốn của tình báo viên. Jay không thoát khỏi số phận chung của những nhân viên tình báo đế quốc khi bị lộ mặt đã biến đi trong bóng tối mênh mông, và quên lãng. Cái bất thường trong đời Jay, nếu có chẳng, là Jay gặp được một cô gái lãng mạn, si tình và ngu ngốc như Lê Thị Ý mà cuộc đời nếu kết liễu bằng một chén thuốc độc thì cũng không làm cho ai ngạc nhiên.

Từ giả Trăng, Đạt Nghĩa đi đến tìm Trúc.

*

* *

Thuận Thị Trúc đang cặm cụi chấm bài cho các em học sinh. Trên giường, hai đứa con đã ngủ say. Có tiếng gõ cổng, Trúc dừng bút, ra mở. Trong ánh trăng mờ mờ, cô nhận ra Đạt Nghĩa.

Hồi còn đi học, cô và Nghĩa là hai người bạn thân. Đạt Nghĩa yêu vụng nhớ thắm cô bạn duyên dáng này. Trúc yêu Đảng Năng Giáo. Nghĩa giữ kín mối tình, không dám nói ra. Trúc đi Căm-bốt rồi sang Pháp. Nghĩa ở nhà, tiếp tục đi học. Anh vẫn sống đơn độc.

Đảng Năng Giáo chết, Trúc đem con về quê. Tình yêu trong lòng Nghĩa lại bùng lên. Anh ngổ lỏi với Trúc. Cô từ chối, vì không muốn người bạn mình phải chịu nhiều mất mát như thế.

Để đáp lại tình yêu chân thật của Nghĩa, Trúc làm mối cô Mơ cho anh. Hai người ưng thuận. Cô Mơ đã cưới Nghĩa làm chồng. Từ đó, Trúc và Nghĩa coi nhau như bạn thân. Họ thường xuyên thăm nhau, hàn huyên mọi chuyện nhà, chuyện nước, chuyện quá khứ và tương lai.

Sau ngày giải phóng, ông Chín đã đến Hiếu Lễ thăm Trúc. Ông cho quà các cháu, an ủi và khuyên Trúc nên quên những đau thương mất mát cũ để vươn lên trong hoàn cảnh sống mới của quê hương giải phóng. Ông khuyên cô nên đi dạy học, vì cô có học vấn. Trúc nghe lời ông, trở thành một cô giáo. Cô rất yêu trẻ, say sưa với nghề. Trong mấy năm qua, năm nào cô cũng đạt danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi”, được báo Thuận Hải đăng bài ca ngợi...

Trúc đón Đạt Nghĩa vào nhà. Họ ngồi bên chiếc bàn con. Ngọn đèn dầu hắt ánh sáng nhạt lên khuôn mặt hai người.

Sau những câu thăm hỏi thân tình, họ lại sa vào những chuyện đang là thời sự trong vùng Chàm sau mấy năm giải phóng.

Nghĩa nói khê:

- Cha Mussây gửi thư cho những người trước đây làm việc ở Trung tâm văn hóa Chàm, có ý vận động họ đi Pháp đó! Nhiều cô cậu tỏ vẻ hí hửng lắm.

- Kê họ! Không ai hiểu Cha Mussây bằng tôi.

- Cha làm việc đó nhằm mục đích gì Trúc biết không?

- Còn mục đích gì nữa? Người Mỹ có Jay thì người Pháp có Mussây; Lê Thị Ý và tôi chỉ là hai chiếc cầu dẫn họ đến cái đích là những thủ lĩnh Chàm chống Cộng. Khi mà cái đích đã không đạt được thì họ đập đổ cầu. Chúng tôi không tan tác đã là may mắn lắm. Nhờ chế độ Cách mạng thôi. Những thanh niên Chàm giờ đây khó mà hiểu nổi điều đó nên hí hửng cũng không phải là chuyện lạ!

- Kẻ thù đã xảo quyệt đánh vào tâm lý của họ, ham muốn cuộc sống xa hoa ở nước ngoài.

- Thế mới là đại bịp chó anh. Có phải ai cũng dễ hưởng xa hoa ở nước ngoài đâu? Anh không biết sao, Ngụy Văn Nhuận ở Pháp đang buôn bán chợ trời để kiếm sống đó! Tôi cũng thế thôi. Anh Giáo chết là họ bắt tôi về nước liền, chẳng qua là một sự buôn bán chánh trị.

- Nhưng họ cứ đưa ra những con người cụ thể để tuyên truyền nên người ta cứ tin thì sao?

- Thì còn ví dụ nào cụ thể hơn tôi nữa? – Thuận Thị Trúc cười chua chát – Tôi đã sống ở nước ngoài không phải là thời gian ngắn ngủi gì. Gần thì Căm-bốt, xa thì La-van, Ba Lê, nơi đầm bầy thág, nơi vài ba năm. Tôi đã được cung phụng những tiện nghi hết sảy, từ bữa ăn hàng ngày, chiếc xe du lịch, đến ngôi biệt thự nghỉ mát ven biển. Nhưng nếu có ai bảo tôi đem một ngày yên tĩnh hiện nay đổi lấy cả một cuộc đời như vậy thì tôi từ chối liền. Cái phương tiện cuộc sống không làm ra lẽ sống phải không anh?

Cả hai cùng cười khi nhận ra Trúc nói một câu triết lý bất ngờ đối với một cô văn công cũ nhưng lại rất dễ hiểu ở một người đàn bà có văn hóa, đời nhiều chìm nổi...Đạt Nghĩa mơ màng:

- Hiểu được như Trúc thì phải qua cả một cuộc thử nghiệm...

- Chưa hẳn thế. Vì nhiều người đã qua thử nghiệm mà vẫn chưa hiểu ra. Anh và tôi đều biết họ cả đó. Có phải ai cũng được may mắn như tôi đâu.

Cả hai cùng im lặng. Cùng lứa tuổi, cùng quê hương, họ sức nhớ ra còn bao nhiêu người quen nữa...

Trong khi những kẻ cầm đầu FULRO Thượng cũng như Chàm – đều lần lượt bị lịch sử chôn vùi xuống một hồ chung, thì một lớp người khác đông đảo hơn, bị lừa phỉnh hay tự nguyện

theo chúng, vẫn tồn tại sau những ngày cách mạng. Họ hình thành nhiều số phận khác nhau, biến chuyển, đổi thay, lên xuống không chừng. Kẻ tiếp tục con đường tội lỗi vì đã dấn chân vào quá sâu như Từ Thị Nhung. Kẻ tuyệt vọng lơ lửng giữa dòng đời như Lê Thị Ý. Kẻ được cứu vớt đang chầm chậm trải qua những ngày phục hồi quần quai như Đảng Thị Trang. Và kẻ may mắn hơn, đi vào và ăn nhịp rất nhanh với cuộc sống mới như Thuận Thị Trúc.

Bởi vậy, họ vẫn là mối quan tâm lớn lao và lâu dài của xã hội.